

ĐẠI GIA GATSBY

F. SCOTT FITZGERALD

THE ALL TIME CLASSIC NOVEL



nhà nam



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



Francis Scott Key Fitzgerald

(1896-1940), nhà văn Mỹ lừng danh, được xem là một trong những tác giả văn học lớn nhất thế kỷ hai mươi, thành viên của "Thế hệ Lạc loài" (Lost Generation). Tác phẩm của Fitzgerald gợi nhớ về "Thời đại Jazz" (Jazz Age, từ do chính ông đặt ra) trong lịch sử Hoa Kỳ. Ông viết nhiều truyện ngắn và bốn tiểu thuyết, trong đó *Đại gia Gatsby* là kiệt tác kinh điển, được đưa vào giảng dạy ở trường phổ thông và đại học.

Đại gia Gatsby

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: *The Great Gatsby*

THE GREAT GATSBY by F. SCOTT FITZGERALD
Copyright: © 1925 by CHARLES SCRIBNER'S SONS

This edition arranged with HAROLD OBER ASSOCIATES, INC
through BIG APPLE TUTTLE-MORI AGENCY, LABUAN,
MALAYSIA.

Vietnamese edition copyright:
2008 Nha Nam Publishing & Communications JSC
All rights reserved.

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Cổ phần Văn hóa
và Truyền thông Nhã Nam, 2008.

Bản quyền tác phẩm được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản,
sao chép, phân phối dưới dạng in ấn hoặc chế bản điện tử,
đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho
phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và
làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng
hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền.
Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

F. SCOTT FITZGERALD

Đại gia Gatsby

TRỊNH LỮ dịch



NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



Digitized by the Internet Archive
in 2023 with funding from
Kahle/Austin Foundation

MỘT LẦN NỮA

TẶNG

ZELDA

CHƯƠNG I

Những năm thiếu thời và còn hay dễ bị người khác làm tổn thương, tôi được cha tôi khuyên mấy lời mà tôi vẫn tâm niệm cho đến tận bây giờ.

“Hễ định phê phán ai đó,” ông nói, “con hãy nhớ rằng chưa có ai trên đời này được như mình.”

Ông không nói gì thêm, nhưng cha con tôi vẫn luôn hiểu nhau theo một kiểu kiệm lời khác thường, nên tôi biết ý ông dặn là hơn thế nhiều. Kết quả là theo lời dặn ấy, tôi tập được tính không phê phán ai cái gì bao giờ, và cái tính ấy đã khiến nhiều người lạ thường thú vị tìm đến tôi, nhưng cũng khiến tôi thành nạn nhân của không ít những kẻ tẻ nhạt thâm căn cố đế. Cái tính này ở một người bình thường rất dễ bị những kẻ lạ đời phát hiện và bám theo, cho nên mới có chuyện khi còn ở đại học tôi đã bị mang tiếng oan là “chính khách”, bởi bọn người bạt mạng xa lạ cứ hay tìm đến tôi để thổ lộ nỗi lòng. Phần lớn những tâm sự thầm kín ấy nào tôi có gạ gẫm gì - thường tôi còn phải vờ ngủ, làm ra vẻ bận bịu hoặc hơi bức mình khi thấy những dấu hiệu chắc chắn của chúng lại đang lấp ló thập thò phía chân trời; bởi

những cuộc tâm sự của người trẻ tuổi, hoặc chí ít là lời lẽ diễn đạt của họ, thường đều bắt chước lối mỗ ở đâu đó, nghe một cái là biết ngay. Không phê phán là một cách mãi mãi nuôi hy vọng. Mà tôi sợ là sẽ không hết ý nếu bỏ sót một điều mà cha tôi đã từng bóng gió một cách hờn hĩnh, và tôi cũng đang hờn hĩnh nhắc lại đây, rằng cái ý thức về chuẩn mực nhân cách cơ bản không được ban phát đồng đều cho mọi người khi họ ra đời.

Nhưng sau khi đã huênh hoang như thế về tính bao dung của mình, tôi lại phải công nhận rằng nó cũng có giới hạn. Phép ứng xử có thể dựa trên nền móng là đá tảng hoặc đầm lầy, nhưng đến một độ nào đó thì tôi cũng chẳng cần biết cái nền móng ấy là gì nữa. Khi từ miền Đông trở về vào mùa thu năm ngoái, tôi đã có cảm giác mong muốn thế giới này phải vĩnh viễn mặc toàn đồng phục và trong một tư thế kiểu như đang đứng nghiêm về đạo đức; tôi không còn muốn những vùng vẫy nổi loạn cùng những hé lộ ưu tiên nào nữa vào lòng người. Chỉ có Gatsby, người mà tôi đã lấy tên để đặt cho cuốn sách này, là ngoại lệ trong mong muốn ấy của tôi - Gatsby, người đại diện cho tất cả những gì mà tôi thực lòng khinh miệt. Nếu nhân cách là một chuỗi nối liền những hành vi thành đạt, thì con người này có cái gì đó rất đáng thán phục, một sức nhạy cảm cao độ đối với những hứa hẹn của cuộc sống, như thể ông ta là

họ hàng với một trong những bộ máy tinh vi vẫn ghi nhận được các cuộc động đất cách xa hàng vạn dặm. Khả năng nhạy bén ấy chẳng liên quan gì đến kiểu mẫn cảm mềm yếu vẫn được tôn xưng là “tính sáng tạo” - nó là một năng khiếu hy vọng phi thường, một khả năng tỉnh thức lãng mạn mà tôi chưa hề thấy ở bất kỳ một ai khác, và chắc hẳn là sẽ không bao giờ bắt gặp lại nữa. Không - con người Gatsby cuối cùng hóa ra cũng được; nhưng những gì đã xâu xé Gatsby và đám bụi nhơ bẩn độc hại vẫn lơ lửng sau những giấc mơ của ông đã tạm thời làm tôi chẳng còn lòng dạ nào để ý đến những đau buồn vô ích và hoan lạc chốc lát của con người.

Gia đình tôi toàn những người danh giá khá giả đã ba đời ở cái thành phố miền Trung Tây này. Nhà họ Carraway gần như là một gia tộc, và chúng tôi có truyền thống coi mình là hậu duệ của các Công tước Buccleuch⁽¹⁾, nhưng trục hệ của tôi thì lại bắt đầu từ người anh trai của ông nội đã đến vùng này từ 1851, thuê người đi quân dịch thế mạng mình trong thời Nội Chiến, rồi mở doanh nghiệp buôn đồ kim khí mà cha tôi kế tục cho đến nay.

1. Một dòng họ quý tộc Scotland đã cai trị nước Anh, Scotland và Ireland từ 1663.

Tôi chưa bao giờ thấy ông bác bề trên ấy, nhưng mọi người đều bảo là tôi giống cụ - chắc chỉ vì cái bức chân dung vẽ cụ trông cứng nhắc vẫn treo trong văn phòng của cha tôi. Tôi tốt nghiệp đại học ở New Haven⁽¹⁾ năm 1915, đúng một phần tư thế kỷ sau cha tôi, và ít lâu sau thì tham gia cuộc di cư Teutonic muộn mằn vẫn được gọi là cuộc Đại Chiến. Tôi khoái cuộc phản công ấy đến nỗi đã về rồi mà vẫn bồn chồn không yên⁽²⁾. Và miền đất Trung Tây, lẽ ra phải là nơi ấm cúng ở giữa thiên hạ, lúc ấy bỗng trở nên bươm bả chênh vênh như bên rìa vũ trụ - và thế là tôi quyết định đi sang miền Đông⁽³⁾ học nghề buôn trái phiếu. Người quen của tôi ai cũng buôn bán trái phiếu cả, nên tôi nghĩ nghề này cũng có thể nuôi thêm một kẻ độc thân nữa như mình. Tất cả cô dì chú bác trong nhà xúm lại bàn thảo chuyện này,

1. Tức là Đại học Yale ở thành phố New Haven.

2. Fitzgerald viết truyện này khi chưa xảy ra Chiến tranh Thế giới thứ hai, nên ông chỉ gọi cuộc Chiến tranh Thế giới thứ nhất (1914-1918) là Đại Chiến. Cuộc chiến này chủ yếu do Đức khởi sự nhằm tìm kiếm lãnh thổ nên được nhắc đến ở đây như một cuộc di cư muộn mằn của người Teuton, tức là tổ tiên của người Đức. Mỹ tham chiến để giúp các đồng minh châu Âu (Pháp, Anh, Nga) phản công lại phe gây chiến do Đức cầm đầu, nên ở đây người kể chuyện mới bảo là khoái "cuộc phản công ấy".

3. Người Mỹ coi miền Đông là cái nôi của xã hội Mỹ hiện đại, là khu vực phát triển và văn minh nhất. Miền Trung Tây và miền Tây là những khu vực mở rộng và phát triển về sau này, thường bị coi là quê mùa hơn. Và thành phố New York được coi là trung tâm phát triển nhất, có tính cách hiện đại và cuốn hút nhất của miền Đông. Thời đầu thế kỷ 20, nói đi sang miền Đông có nghĩa là đến New York.

cứ như họ đang chọn trường dự bị đại học cho tôi, và cuối cùng bảo “Thì sao nào... thôi cũng được,” với những vẻ mặt ngần ngại rất nghiêm trọng. Cha đồng ý chi tiền cho tôi trong một năm, và sau nhiều trì hoãn với những lý do khác nhau, tôi đã đến miền Đông vào mùa xuân năm 1922, nghĩ là sẽ trụ hẳn lại ở đó.

Thực tế ra thì phải tìm chỗ ở ngay trong thành phố, nhưng lúc ấy trời còn đang ẩm áp, mà tôi thì vừa mới từ quê ra vẫn còn nhớ cảnh cỏ cây thân quen rộng rãi, nên khi có một anh chàng ở văn phòng bảo muốn thuê chung với tôi một cái nhà ở chỗ nào ngoài thành phố mà vẫn tiện đi làm hằng ngày được thì tôi thấy ưng ý ngay. Anh ta đã tìm được một chỗ - một căn nhà một tầng khung gỗ vách bìa cứng dầu dãi nắng mưa với giá 80 đô la một tháng, nhưng đến phút chót thì công ty lại bắt anh chàng phải chuyển đến Washington nên tôi dọn đến đó một mình. Với giá ấy, tôi còn có thêm một con chó - ít nhất thì cũng được vài ngày rồi nó mới bỏ đi mất - với một cái ô tô cũ hiệu Dodge và một bà người Phần Lan chuyên dọn giường, nấu bữa sáng và lắm lắm những điều thông thái bằng tiếng mẹ đẻ của mình trong khi lúi húi bên cái bếp lò điện.

Tôi đã thấy bơ vơ mất vài ngày, cho đến lúc có người chặn tôi trên đường một buổi sáng mà hỏi với vẻ ngơ ngác, “Thưa ông muốn đến làng West Egg thì

đi lối nào?” Hóa ra ông ta còn là dân mới đến sau cả tôi.

Tôi chỉ đường cho ông ấy. Và sau đó không còn thấy lạc lối nữa. Tôi đã là một hướng dẫn viên, một người chỉ đường, một cư dân bản địa thật rồi. Ông ta đã tình cờ đem lại cho tôi cái cảm giác tự do trong khu vực lối xóm ấy của mình.

Và thế là trong cảnh cây cối đang đua nhau trở lá sum suê dưới nắng, hết như những thứ mọc ra vùn vụt trong mấy bộ phim quay nhanh, tôi lại tin rằng cuộc sống đang sắp khởi sự lại từ đầu với mùa hè này - một niềm tin quen thuộc.

Trước hết là phải đọc rất nhiều, và cũng phải tranh thủ hít thở cho thật đã làn không khí trẻ trung đầy sinh lực ở nơi này. Tôi mua hàng chục tập sách về ngân hàng, tín dụng và chứng khoán đầu tư. Chúng đứng xếp hàng trên giá, bìa đỏ chữ mạ vàng, tinh khôi như tiền đúc mới ra lò, hứa hẹn sẽ khai mở những bí mật sáng ngời mà chỉ các thần tài cổ Midas, Morgan và Maecenas mới biết được⁽¹⁾. Và tôi còn nhất định sẽ đọc nhiều loại sách khác nữa. Hồi ở đại học tôi cũng đã là một tay văn chương kha khá - có năm còn viết cả một loạt xã luận rất nghiêm túc và

1 Midas là ông vua trong huyền thoại có tài chạm vào cái gì cũng biến chung thành vàng, Maecenas là một chính khách La Mã cổ đại cực kỳ giàu có và hào phóng bảo trợ văn học nghệ thuật; J.P. Morgan là tỉ phú Mỹ làm giàu trong những năm 1920 (cùng thời với câu chuyện này).

có chính kiến rõ ràng cho tờ Yale News - và giờ thì tôi đang sắp khôi phục lại tất cả những thứ ấy và sẽ lại thành “một người toàn diện”, loại chuyên gia hiếm hoi nhất. Nói thế không phải chỉ để tự trào đầu - suy cho đến cùng, đời sẽ sướng mất hơn nhiều nếu ta chỉ nhìn nó qua một ô cửa sổ duy nhất.

Cũng chỉ tình cờ mà tôi lại chọn thuê nhà ở một trong những cộng đồng lạ lùng nhất Bắc Mỹ. Nó ở trên cái hòn đảo hẹp nhộn nhạo nằm dài ra theo hướng chính Đông bên ngoài thành phố New York, nơi có nhiều cảnh lạ thiên nhiên, trong đó có hai địa hình khác thường⁽¹⁾. Cách thành phố hai mươi dặm, có hai quả trứng khổng lồ hình dáng hệt như nhau, cách nhau có một quãng nước thôi mà vẫn gọi là một cái vịnh cho ra dáng lịch sự, nằm nhô ra eo biển Long Island, vùng nước mặn đã được thuần hóa nhất Tây bán cầu vẫn được gọi là cái ao cá vĩ đại. Không phải là hình ôvan hoàn hảo - cũng như quả trứng trong câu chuyện về Columbus, cái đầu tiếp đất của chúng hơi bị dẹt một chút⁽²⁾ - nhưng bề

1. Cả hòn đảo này có tên gọi là Long Island.

2. Xuất hiện lần đầu tiên trong cuốn *Lịch sử Tân thế giới* của Girolamo Benzoni xuất bản tại Venice năm 1565, chuyện này kể rằng Christopher Columbus (nhà hàng hải vĩ đại vẫn được coi là đã tìm ra châu Mỹ) đó các nhà quý tộc và học giả Tây Ban Nha ai biết cách để một quả trứng đứng thẳng trên bàn không cần có phương tiện gì thêm thì ông sẽ mất tiền cho người đó. Sau khi mọi người đã chịu, Columbus gõ nhẹ cho đầu quả trứng bẹp lại một tí và đặt nó đứng thẳng trên chân đế ấy.

ngoài giống nhau của chúng chắc lúc nào cũng khiến cho đám hải âu bay lượn phía trên phải ngơ ngác. Còn ở dưới đất thì ngoài hình dạng và kích thước ra chúng lại có vẻ hoàn toàn khác biệt nhau trong tất cả mọi chi tiết, thể mới lạ.

Tôi sống bên West Egg⁽¹⁾, ừ thì cứ gọi là bên kém thời thượng hơn đi, mặc dù nói thế thật không thể nào diễn tả hết được sự khác biệt lạ lùng và không ít mờ ám giữa hai bên. Nhà tôi ở ngay chỗ đầu nhọn của quả trứng, cách mép nước có năm mươi thước, kẹp giữa hai khu điền sản khổng lồ có giá cho thuê đến mười hai hoặc mười lăm ngàn một mùa. Khu bên phải là cả một công trình vĩ đại về mọi phương diện - thực sự rập khuôn theo một tòa thị chính nào đó ở vùng Normandy, có tháp cao ở một bên, ván vách mới tinh đã có tường vi leo lún phún, rồi một cái bể bơi cẩm thạch, với hơn bốn mươi mẫu Anh vườn và sân cỏ. Đó là khu nhà của Gatsby. Hoặc phải nói là, vì tôi không quen biết ông Gatsby, đó là cơ ngơi của một bậc nam nhi quân tử mang cái tính danh ấy. Nhà tôi ở thì xấu xí, nhưng vì nó nhỏ thôi nên người ta không thấy, và thế là tôi vừa được ngắm cảnh biển và một phần vườn cỏ của hàng xóm, vừa được an ủi rằng mình ở ngay cạnh các đại gia triệu phú - mà chi phí tổng cộng chỉ có tám chục đô la một tháng.

1. Nghĩa là quả trứng phía Tây.

Bờ vịnh bên kia lấp lánh những tòa lâu đài trắng của East Egg⁽¹⁾ thời thượng chạy dài theo mép nước, và câu chuyện của mùa hè năm ấy thực sự bắt đầu từ cái buổi chiều tôi lái xe sang đó để ăn tối với vợ chồng Tom Buchanan. Daisy là em họ xa của tôi, còn Tom thì tôi biết từ hồi đại học. Đạo vừa hết chiến tranh tôi đã có dịp ở với họ hai ngày ở Chicago.

Chồng cô em tôi là người có nhiều thành tích thể thao, từng là một tay bóng bầu dục mạnh nhất ở New Haven - có thể nói là vào cỡ quốc gia, một trong số ít những người thành đạt tuyệt đỉnh ở tuổi hai mươi một và mọi thứ sau đó đều chỉ là vang bóng của đỉnh điểm ấy. Gia đình Tom giàu khủng khiếp - ngay thời đại học anh đã bị tai tiếng vì thói vung tiền qua cửa sổ - còn bây giờ, từ Chicago bỏ sang ở miền Đông này, cách sống của anh vẫn cứ khiến cho người ta phát khiếp; ví dụ, anh mua hẳn cả một đàn ngựa non từ Lake Forest mang đến đây chỉ để chơi polo. Thật khó tin một người cùng trang lứa với tôi mà lại có thể giàu đến mức ấy.

Tại sao họ dọn đến miền Đông này thì tôi không biết. Hai vợ chồng đã sống ở Pháp một năm mà chẳng có lý do gì cụ thể, sau đó cứ lang bạt không ngừng, mà chỉ đến những nơi toàn dân chơi polo và đều giàu có cả với nhau. Lần dọn nhà này là cuối

1. Nghĩa là quả trứng phía Đông.

cùng đây, Daisy nói thế qua điện thoại, nhưng tôi chẳng tin - trong bụng Daisy nghĩ gì thì tôi mù tịt, nhưng tôi có linh cảm rằng Tom sẽ cứ lang bạt mãi, tìm kiếm với đôi chút nôn nả u sầu cái cảm giác xoay lốc điên cuồng của một trận bóng bầu dục nào đó không bao giờ còn gặp lại.

Thế là, một chiều lồng gió ấm áp, tôi lái xe sang East Egg thăm hai người bạn cũ mà thật ra là chẳng biết gì về họ mấy. Nhà họ ở còn cầu kỳ hơn tôi tưởng, một tòa nhà lớn màu trắng và đỏ xây theo phong cách địa chủ miền Nam vẫn hay thấy ở tiểu bang Georgia, nhìn ngay ra vịnh. Sân cỏ chạy dài suốt một phần tư dặm từ bãi biển vào đến tận cổng trước, nhấp nhô qua những bệ đồng hồ mặt trời, những tường gạch và vườn cây rực rỡ - cuối cùng khi vào đến tòa nhà thì trông như cỏ đang theo đà ủa hết cả lên tường thành những giàn dây leo lấp lánh. Mặt tiền nhà có trở một dãy cửa sổ kiểu Pháp chạy sát xuống tận sàn, lúc này đang phản chiếu hoàng hôn vàng óng và mở hết cánh đón gió chiều ấm áp, và Tom Buchanan đang giạng chân đứng trên thềm nhà trong bộ đồ cưới ngựa.

Anh đã thay đổi so với những năm còn ở New Haven. Giờ anh đã thành một gã đàn ông ba mươi tuổi vạm vỡ, tóc màu rơm với cái miệng có phần khắc nghiệt và một dáng vẻ khinh bạc. Hai con mắt ngạo mạn sáng rực choán hết cả khuôn mặt, khiến

anh lúc nào cũng có vẻ hung hăng sẵn về phía trước. Ngay cả bộ quần áo kỵ sĩ kiểu cách điệu đà cũng không thể che giấu cái sức lực cường tráng của tấm thân ấy - đôi chân có vẻ như sẽ phá bung đôi ủng bóng loáng nếu không có nút buộc thật chắc ở nấc trên cùng, và mỗi khi đôi vai kia cử động, ta có thể thấy từng tảng cơ bắp lớn cuộn cuộn dưới làn vải của chiếc áo khoác mỏng. Đó là một cơ thể có sức mạnh ghê gớm - một tấm thân tàn bạo.

Giọng nói của Tom, một giọng nam cao khàn khàn bần bật, càng làm tăng thêm cái vẻ bặm trợn vẫn toát ra ở anh. Giọng nói ấy còn đượm vẻ khinh khi kẻ cả như thể anh là bố người ta, kể cả với những người anh thích - mà từ hồi ở New Haven đã có nhiều người ghét cái tính bặt mạng của anh rồi.

“Này, chớ có nghĩ ý kiến của tôi về những chuyện này là đúng chỉ vì tôi khỏe hơn và đàn ông hơn các cậu đấy nhé,” lúc nào anh cũng có vẻ như đang nói thế. Chúng tôi đã ở cùng một hội sinh viên năm cuối với nhau, và dù hai đứa chưa bao giờ thân thiết, tôi vẫn có ấn tượng rằng anh chấp nhận tôi và muốn tôi thích anh cùng cái kiểu dửng dưng kênh kiệu của riêng anh.

Chúng tôi chuyện trò vài phút ngay chỗ thêm nhà đầy nắng.

“Tôi có được chỗ này cũng đẹp,” anh nói, mắt lấp loáng nhìn quanh với vẻ bồn chồn.

Xoay tôi lại bằng một cánh tay, anh đưa bàn tay to bè khoát dọc theo đường chân trời phía trước, qua một khu vườn chìm kiểu Ý, một nửa mẫu đất trồng toàn hoa hồng nhung thơm đến cay cả mũi, và một chiếc thuyền máy mũi bằng đang bập bênh theo thủy triều ngoài bờ biển.

“Trước đây đều là của Demaine, cái lão đầu hỏa ấy.” Anh xoay tôi trở lại, lịch thiệp và đột ngột. “Ta vào trong đi.”

Chúng tôi đi qua dãy hành lang cao vào một gian sáng sữa màu hồng, kết nối một cách mỏng mảnh với tòa nhà bằng những ô cửa sổ kiểu Pháp ở cả hai đầu. Các cửa sổ đều hé mở, trắng muốt nổi bật trên nền màu cổ tươi bên ngoài có vẻ như đang mọc lan một chút cả vào trong nhà. Một cơn gió ulla qua gian phòng, thổi màn cửa bay vào ở đầu này và bay ra ở đầu kia như những lá cờ nhạt màu, cuốn chúng lên phía trần nhà trông như lớp kem trắng của chiếc bánh cưới, rồi lướt qua tấm thảm màu rượu vang đỏ, tạo một thoáng bóng gợn trên đó như gió làm gợn sóng trên mặt biển.

Thứ duy nhất đứng yên một chỗ trong phòng là cái xô pha rộng thênh thang trên có hai đàn bà trẻ trông bập bênh như đang ở trên một cái khinh khí cầu vẫn còn bị buộc chưa được thả cho bay. Cả hai đều mặc đồ trắng, và váy áo họ phấp phới lật phật như thể họ mới bị thổi dạt về đó sau khi vừa bay ừ

một vòng quanh nhà. Chắc là tôi đã đứng lặng một lúc nghe tiếng màn cửa bay phấp phật và tiếng cọt kẹt rền rĩ của bức tranh treo trên tường. Sau đó có một tiếng rầm khi Tom Buchanan đóng cửa sổ phía sau và luồng gió bị chặn lại trong phòng xui dần đi, rồi màn cửa cùng thảm và hai người đàn bà trẻ tuổi đều từ từ hạ xuống sàn nhà.

Tôi không quen người trẻ tuổi hơn. Cô ta nằm thẳng đặng ở một đầu xô pha, hoàn toàn bất động, cảm hơi ngửa lên như đang giữ thăng bằng cho cái gì đó đứng ở trên và cứ đang chực đổ. Ví thử có thoáng thấy tôi rồi thì cô cũng chẳng tỏ vẻ gì - quả tình là tôi đã gần như giật mình lắm bắm một lời xin lỗi vì đã đường đột vào quấy rầy cô như vậy.

Còn người kia, Daisy cô em họ tôi, thì đang định đứng dậy - nó hơi ngả người ra đằng trước với vẻ cố ý - rồi thì phá lên cười, tiếng cười ngớ ngẩn nhẹ nhàng đáng yêu, và tôi cũng cười theo rồi bước vào trong phòng.

“Em đang sướng đến l...liệt cả người.”

Nó lại cười, cứ như vừa nói được câu gì dí dỏm lắm, và nắm lấy tay tôi một lúc, nhìn lên mặt tôi, cam đoan rằng không có ai trên đời mà nó mong gặp như tôi. Nó vẫn có cái lối ấy. Nó thì thâm dặn tôi rằng họ của cô gái đang nằm giữ thăng bằng kia là Baker. (Tôi từng nghe người ta nói Daisy thì thâm chỉ cốt để người nghe phải ngả sát vào mình; một lời chỉ trích

không liên can gì đến trường hợp này của tôi mà cũng chẳng làm cho cử chỉ ấy kém phần dễ thương.)

Không biết tại sao, đôi môi cô Baker bỗng run run, cô gạt đầu với tôi, gần như không thấy được, sau đó lại vội vàng ngửa đầu ra như cũ - cái mà cô đang giữ thẳng bằng rõ ràng đã nghiêng ngả một tí khiến cho cô có vẻ sợ hãi. Một lời xin lỗi nữa lại mấp máy trên môi tôi. Hầu như bất kỳ một biểu hiện hoàn toàn tự chủ nào cũng khiến tôi phải kinh ngạc kính cẩn.

Tôi quay lại với cô em họ. Nó bắt đầu hỏi han với cái giọng trầm lời cuốn đầy cảm xúc. Giọng nói ấy bắt người ta phải đồng tai lên đồng tai xuống, như thể mỗi một câu nói là một dòng nhạc không bao giờ lặp lại. Gương mặt nó buồn và đáng yêu với những thứ sáng ngời trên đó, đôi mắt sáng ngời và cái miệng thăm thiết sáng ngời, nhưng giọng nó còn có một vẻ phẫn khích mà đàn ông nào đã để ý đến nó là khó mà quên được: một vẻ khôn cưỡng ngân nga như hát, một lời thì thầm “Nghe em bảo này”, một sự đoan chắc là từ nãy đến giờ nó đã nói toàn chuyện vui vẻ hấp dẫn và sẽ vẫn có toàn những chuyện vui vẻ hấp dẫn nữa trong những giây phút tiếp theo.

Tôi kể cho nó biết trên đường đến miền Đông này tôi đã dừng lại một ngày ở Chicago ra sao và hàng chục người đã gửi lời thân ái hỏi thăm nó như thế nào.

“Họ nhớ em thật à?” nó kêu lên, giọng say sưa.

“Cả thành phố hoang vu hắt đi. Tất cả ô tô đều sơn đen vành bánh sau bên trái như một vòng hoa tang, và có tiếng than khóc không dứt suốt đêm dọc theo bờ biển Bắc.”

“Thế mới gọi là tuyệt vời! Mình trở về đi, Tom. Ngay ngày mai!” Rồi nó nói tiếp, hoàn toàn không ăn nhập gì cả. “Nhất định anh phải thấy con bé mới được.”

“Anh thích gặp cháu lắm.”

“Nó đang ngủ. Con bé ba tuổi rồi. Anh chưa thấy nó bao giờ, đúng không?”

“Đúng thế.”

“Thế thì nhất định anh phải gặp cháu. Nó...”

Tom Buchanan, vẫn bồn chồn quanh quẩn trong phòng từ nãy, bỗng đứng lại và đặt tay lên vai tôi.

“Cậu đang làm gì, Nick?”

“Tôi làm giao dịch chứng khoán.”

“Với ai thế?”

Tôi bảo anh.

“Chưa nghe tên bao giờ,” anh nói với giọng giễu cợt.

Câu nói ấy làm tôi khó chịu.

“Rồi anh sẽ nghe,” tôi vặc lại. “Nhất định thế nếu anh cứ ở miền Đông này.”

“Ồ, tôi sẽ ở miền Đông này, cậu khỏi phải lo,”

anh nói, liếc sang Daisy rồi lại sang tôi như đang ngóng chờ một điều gì đó nữa. “Có họa là ngu và bị trời bắt tội thì tôi mới đi chỗ khác.”

Đến đó thì cô Baker nói, “Tuyệt đối đúng!” đột ngột đến nỗi tôi giật cả mình - đó là lời đầu tiên của cô kể từ khi tôi vào phòng. Mà rõ ràng là cô cũng ngạc nhiên chẳng kém gì tôi, vì cô ngáp dài một cái và đứng dậy bằng một loạt động tác nhanh nhẹn khéo léo.

“Em tê cứng hết cả người,” cô phàn nàn, “nằm trên cái xô pha kia không biết là từ lúc nào nữa.”

“Đừng có nhìn chị như thế,” Daisy chỉnh lại, “chị đã cố giục em đi New York suốt cả chiều đấy.”

“Em xin kiếu, cảm ơn,” cô Baker nói khi bốn suất cốc tai vừa được mang ra mời từ trong quầy bếp. “Em đang tuyệt đối kiên nhẫn để luyện tập.”

Chủ nhà nhìn cô với vẻ không tin.

“Thế à!” Tom nốc cạn cốc rượu như thể nó chỉ có một giọt dưới đáy cốc. “Anh không thể hiểu em thì làm được việc gì.”

Tôi nhìn cô Baker, tự hỏi không biết cô vừa làm được việc gì. Tôi thích nhìn cô. Một cô gái mảnh mai ngực nhỏ, vóc dáng ngay ngắn, lại còn được cô cường điệu thêm với kiểu uốn ngực như của thiếu sinh quân. Đôi mắt xám nheo nheo vì nằng nhìn lại tôi, một vẻ đáp lễ tò mò toát ra trên gương mặt tai cái bất mãn dễ thương. Tôi bỗng nhận ra là đã từng

thấy cô hoặc một bức ảnh của cô ở đâu đó trước đây rồi.

“Ông ở bên West Egg,” cô khinh khỉnh nói.
“Tôi có biết mấy người bên đó.”

“Tôi không quen một ai...”

“Nhất định ông phải biết Gatsby.”

“Gatsby?” Daisy hỏi. “Gatsby nào?”

Chưa kịp trả lời rằng ông ta là hàng xóm thì đã có lời mời ra ăn tối; thọc một cánh tay rắn chắc khoác chặt lấy tay tôi như ra lệnh, Tom Buchanan điệu tôi ra khỏi phòng cứ như anh đang dời một quân cờ từ ô này sang ô khác.

Mảnh mai, uể oải, tay đặt nhẹ trên hông, hai người đàn bà dẫn chúng tôi ra ngoài hiên nhà toàn màu hồng hướng về phía hoàng hôn. Bốn ngọn nến đang cháy chập chờn trên bàn trong gió lúc ấy đã dịu hẳn.

“Việc gì phải *nên*?” Daisy phản đối, mặt cau có. Nó dùng ngón tay dập tắt hết mấy cây nến. “Hai tuần nữa là đến ngày dài nhất trong năm.” Nó nhìn chúng tôi với vẻ rạng rỡ. “Có phải mọi người đều mong đến ngày dài nhất trong năm xong rồi lại để lỡ nó, đúng không? Em lúc nào cũng rình đến ngày dài nhất trong năm rồi lại lỡ mất.”

“Mình phải có kế hoạch gì chứ,” cô Baker ngáp, ngồi vào bàn cứ như đang nằm vào giường.

“Phải rồi,” Daisy nói. “Mình định thế nào

nào?” Nó ngơ ngác quay sang tôi: “Mọi người định thế nào?”

Tôi chưa kịp đáp thì nó đã dán mắt vào ngón tay út với vẻ kinh hoàng.

“Xem này!” nó phàn nàn; “Em làm đau nó rồi.”

Tất cả chúng tôi đều nhìn - đốt ngón ấy thâm tím thật.

“Tại anh đấy, Tom,” Daisy nói giọng trách móc. “Em biết là anh không định thế, nhưng đúng là anh làm nó đau rồi. Cũng chỉ vì tôi lấy phải một đại nhân dững mãnh to xác vụng về, một kiểu...”

“Anh ghét cái từ to xác vụng về,” Tom cau kỉnh ngất lời, “nói đùa thôi cũng ghét.”

“To xác vụng về,” Daisy vẫn khẳng khẳng.

Nhiều khi nó với cô Baker cùng nói một lúc, kín đáo bốn cột chẳng biết đầu cua tai nheo thế nào nhưng không bao giờ liến thoắng, mà chỉ tỉnh bơ như áo váy trắng toát của họ, như ánh mắt vô nhân xưng không có tí ước muốn gì của họ. Họ ở đây, họ chấp nhận Tom và tôi, chỉ cố vui vẻ lễ độ để giải khuây hoặc được giải khuây. Họ biết rằng chẳng mấy chốc bữa ăn sẽ xong và sau đó một lát thì cả buổi tối ấy cũng sẽ qua đi và bị quên lãng một cách thờ ơ. Khác hẳn với ở miền Tây, nơi buổi tối diễn ra hồi hả hết phần này đến phần khác với cảm giác thất vọng liên tiếp hoặc chỉ đơn thuần là một nỗi chán ghét bồn chồn đối với chính khoảnh khắc ấy.

“Em làm anh thấy mình không văn minh tí nào, Daisy,” tôi thú nhận khi sang đến cốc vang đỏ thứ hai ám mùi nút chai nhưng khá ấn tượng. “Em không thể nói chuyện mùa màng hay gì à?”

Tôi không hề có ý gì đặc biệt khi nói thế, nhưng lại gây ra một phản ứng bất ngờ.

“Văn minh đang tan rã,” Tom hung hăng lên tiếng. “Tôi đã thành một kẻ bi quan khủng khiếp về mọi chuyện đây. Cậu đã đọc cuốn ‘Sự hưng khởi của các Đế chế Da màu’ của cái anh chàng Goddard này chưa?”

“Chưa, sao thế,” tôi đáp, khá ngạc nhiên vì giọng điệu của anh.

“À, vì đó là một cuốn sách hay, mọi người ai cũng phải đọc. Ý tưởng của nó là nếu chúng ta không cẩn thận thì giống người da trắng sẽ bị... sẽ bị áp đảo hoàn toàn. Tất cả chuyện này là khoa học; đã được chứng minh hẳn hoi.”

“Tom đang ngày càng sâu sắc,” Daisy nói, với vẻ buồn rầu nông nổi. “Anh ấy đọc những sách thâm thúy có những chữ rất dài. Cái chữ gì mà mình...”

“Thì đúng những sách này hoàn toàn là khoa học,” Tom ngắt lời, liếc nhìn vợ với vẻ sốt ruột. “Thằng cha này đã nghiên cứu tường tận mọi thứ. Tất cả chỉ là chuyện chúng ta, nòi giống thống trị, phải biết canh chừng, không thì mọi thứ sẽ rơi vào tay các nòi giống khác hết.”

“Mình phải đánh gục chúng mới được,” Daisy thăm thì, giận dữ nháy mắt với vàng ác lặn đỏ rực.

“Anh chị phải sống ở California mới đúng...” cô Baker lên tiếng, nhưng Tom lập tức xoay hẳn người lại trên ghế để ngắt lời:

“Cái ý ở đây là chúng ta đều là nòi Nordic⁽¹⁾. Tôi này, cậu này, cô này, và...” Sau một thoáng lưỡng lự, anh hơi gật đầu với Daisy ra điều nó cũng được kể vào đây, và lần này thì nó nháy mắt với tôi. “...Và chúng ta đã làm ra tất cả mọi thứ để có được nền văn minh - đây, khoa học, nghệ thuật và tất cả những thứ ấy. Các cậu có thấy không?”

Có cái gì đó bệnh hoạn trong vẻ mãi mê của anh, như thể tâm trạng tự mãn, nay còn thỏa thuê hơn cả trước đây, đã không còn đủ với anh nữa. Gần như ngay sau đó thì có tiếng điện thoại reo trong nhà, và khi người quản gia vừa rời khỏi hàng hiên, Daisy lợi dụng lúc câu chuyện bị ngắt quãng để ngả ngay sang tôi.

“Em sẽ kể cho anh một bí mật gia đình,” nó khấp khởi thì thào. “Về cái mũi của lão quản gia. Anh có muốn nghe chuyện cái mũi của lão quản gia không nào?”

“Thì tối nay anh đến cũng chỉ vì chuyện ấy.”

¹ Nordic: chỉ nòi giống Đức phương Bắc cao lớn da trắng tóc sáng so dài. Đức Quốc xã coi giống người này là siêu đẳng.

“Thế này này, không phải lúc nào lão cũng làm quản gia đâu; trước đây lão làm nghề đánh bóng đồ bạc cho một nhà ở New York chuyên chu cấp các bộ đồ ăn bằng bạc cho hai trăm thực khách. Lão phải đánh bóng chúng từ sáng cho đến đêm, và cuối cùng thì mũi lão bắt đầu bị ảnh hưởng...”

“Càng ngày càng tệ,” cô Baker đề theo.

“Đúng thế. Càng ngày càng tệ, và rốt cuộc là lão phải bỏ cái nghề ấy.”

Trong giây lát, những tia nắng cuối cùng đậu xuống gương mặt rõ ràng của Daisy với vẻ âu yếm lãng mạn; giọng nói của nó buộc tôi phải nín thở ngả người về phía trước để lắng nghe - thế rồi cái vẻ rõ ràng ấy mờ đi, mỗi tia sáng kia đang rời bỏ nó, dùng dằng luyến tiếc như lũ trẻ đang chơi vui ngoài phố bị gọi về nhà lúc chiều tà.

Người quản gia trở lại và nói nhỏ gì đó vào tai Tom, khiến anh chau mày, xô ghế đứng dậy đi vào nhà không nói một lời nào. Như thể sự vắng mặt của anh đã thúc giục cái gì đó bên trong nó, Daisy lại ngả về phía trước, giọng nó hồ hởi và thánh thót.

“Em rất thích có anh ăn cùng, Nick ạ. Anh làm em nhớ đến... một bông hồng, một bông hồng thuần khiết. Có đúng thế không nào?” Nó quay sang cô Baker để tìm đồng minh, “Một bông hồng thuần khiết ấy?”

Thật là sai. Tôi chẳng có gì giống hoa hồng,

thậm chí hao hao thôi cũng không. Thì nó cũng chỉ đang tùy hứng thế thôi, vậy mà thật là nồng nhiệt cảm động, như thể nó đang cố trao cho người nghe cả nỗi lòng, gói kín ở một trong những lời hào hển đầy phấn khích kia. Thế rồi thành linh nó ném khăn ăn lên bàn rồi xin lỗi đi vào trong nhà.

Cô Baker và tôi liếc nhìn nhau một cái, cố tình không có hàm ý gì. Tôi vừa định nói thì cô vội ngồi thẳng người lên và “Suýt!” một tiếng với vẻ cảnh báo. Có thể nghe thấy những tiếng nặng nhẹ cố ghìm nén văng ra từ phòng bên, và cô Baker rướn hẳn người lên để cố nghe cho được, không hề xấu hổ. Tiếng người văng vẳng ấy nghe lúc được lúc không, lắng đi rồi lại rộ lên, rồi cuối cùng ngưng hẳn lại.

“Ông Gatsby mà cô nói đến ấy là hàng xóm của tôi...” tôi lên tiếng.

“Đừng nói. Tôi muốn nghe xem có chuyện gì.”

“Đang có chuyện gì à?” tôi hỏi một cách ngây thơ.

“Nghĩa là ông không biết gì ư?” cô Baker nói, thực sự ngạc nhiên. “Tôi tưởng là ai cũng biết cả rồi.”

“Tôi thì không.”

“Sao lại thế được nhỉ...” cô lưỡng lự, “Tom có một người đàn bà ở New York.”

“Có một người đàn bà?” tôi nhắc lại, không tỏ thái độ gì.

Cô Baker gật đầu.

“Lẽ ra bà ấy nên biết điều đừng gọi đến đây vào giờ ăn tối. Ông có nghĩ thế không?”

Tôi chưa kịp hiểu hết ý cô ta thì đã nghe tiếng váy áo sột soạt, tiếng ủng da cọt két, và Tom với Daisy đã trở lại bàn ăn.

“Đúng là không được!” Daisy kêu lên với vẻ băng nhắng căng thẳng.

Nó ngồi xuống, liếc nhìn thăm dò từ cô Baker sang đến tôi, rồi nói tiếp, “Em vừa ra ngoài xem một tí, ở ngoài đó rất lãng mạn anh ạ. Có một con chim trên sân cỏ mà em nghĩ chắc phải là một con họa mi đã đến đây từ trên tàu Cunard hoặc White Star Line. Nó cứ hót suốt...” Daisy nói như hát: “Lãng mạn thật, có đúng không, Tom?”

“Rất lãng mạn,” Tom nói, rồi quay sang tôi với vẻ khổ sở, “Nếu ăn xong mà còn sáng, tôi muốn đưa cậu xuống chỗ chuồng ngựa.”

Chuông điện thoại lại réo lên trong nhà, giật hết cả mình, và khi Daisy cương quyết lắc đầu với Tom thì chuyện chuồng ngựa, mà thực ra là tất cả mọi chuyện, bỗng tan thành mây khói. Trong những mảnh vụn của năm phút đồng hồ còn lại bên bàn ăn, tôi nhớ mấy cây nến lại được thắp lên, chẳng biết để làm gì, và nhớ là mình vẫn muốn nhìn thẳng được vào mọi người mà lại không gặp phải luồng mắt nào của ai. Tôi không thể đoán được những ý nghĩ của Daisy và Tom, nhưng ngờ là ngay cả cô Baker, người

có vẻ vẫn giữ được một chút hoài nghi dạn dĩ, cũng không thể hoàn toàn tảng lờ cái tiếng kêu kim loại khẩn thiết của vị khách thứ năm kia. Có thể sẽ có người thấy tò mò khắp khởi trong tình huống này - còn theo bản năng của mình thì tôi chỉ muốn gọi ngay cho cảnh sát.

Những con ngựa, khởi phải nói, không còn được nhắc đến nữa. Tom và cô Baker, cách nhau vài bước trong tranh tối tranh sáng, chậm rãi bước vào phòng thư viện, cứ như sắp dự đêm mặc niệm bên cạnh một thi hài hoàn toàn có thật, trong khi đó, cô ra vẻ háo hức và nghễnh ngãng, tôi theo chân Daisy đi một vòng qua dãy hiên nhà nối tiếp nhau ra đến chỗ thềm có mái che ở cửa trước. Trong bóng tối mịt mù ở đó, chúng tôi ngồi xuống cạnh nhau trên chiếc ghế đôi bằng mây.

Daisy đặt hai bàn tay lên mặt như muốn sờ nắn cái hình khối đáng yêu ấy, rồi nó dần dần đưa mắt nhìn vào bóng tối mướt như nhung. Tôi biết nó đang bị ám ảnh bởi nhiều xúc động quay cuồng, nên chỉ hỏi vài câu về đứa con gái nhỏ mà tôi cho là sẽ trấn tĩnh được nó.

“Anh em mình không hiểu nhau lắm, Nick,” đột nhiên nó lên tiếng. “Là họ hàng với nhau thật, mà anh có đến dự đám cưới em đâu.”

“Anh còn ở ngoài mặt trận chưa về.”

“Ừ nhí, có thể thật.” Nó ngập ngừng. “Ồi chao,

em đang chán lắm, Nick, và gần như chẳng còn tin vào cái gì nữa.”

Rõ ràng là nó có lý do. Tôi đợi, nhưng nó không nói gì thêm, và một lúc sau tôi trở lại chuyện đưa con gái nó, khá rụt rè.

“Anh nghĩ nó đã biết nói, và... ăn, đủ chuyện rồi, nhỉ.”

“Ồ vâng.” Nó lơ đãng nhìn tôi. “Em bảo này, Nick; để em kể anh nghe em đã nói gì khi nó ra đời nhé. Anh có thích nghe không?”

“Rất thích.”

“Nó sẽ giúp anh hiểu được cảm giác của em đối với... các thứ. Thế này nhé, nó mới chưa đầy một giờ tuổi mà Tom thì có trời biết là đang ở đâu. Em tỉnh dậy khi tan thuốc mê với một cảm giác hoàn toàn bị bỏ rơi, và hỏi ngay hộ lý xem nó là trai hay gái. Cô ta bảo nó là con gái, thế là em quay mặt đi và khóc. ‘Được rồi,’ em nói, ‘Mình mừng vì nó là con gái. Và mình hy vọng là nó sẽ ngu ngốc - cứ như vậy là tốt nhất đối với một đứa con gái trên đời này, một con ngốc xinh đẹp.’

“Anh thấy em nghĩ mọi thứ kinh khủng như thế nào chưa,” nó nói tiếp một cách tự tin. “Ai cũng nghĩ như vậy - những người tân tiến nhất. Còn em thì *biết* là như thế. Em đã đi khắp, thấy khắp và làm đủ mọi chuyện.” Mắt nó lấp lánh nhìn quanh với một vẻ thách thức thù địch gần như của Tom, rồi nó phá

lên cười với vẻ khinh miệt đầy phẫn khích. “Lọc lối - Chúa ơi, em lọc lối mất rồi!”

Ngay khi nó ngừng lời, thôi không ép tôi phải chú ý và tin nó nữa, tôi cảm thấy ngay được bản chất giả tạo của những gì nó vừa nói. Điều đó làm tôi lúng túng, như thể toàn bộ buổi tối ấy đã chỉ là một thứ thủ đoạn nhằm gây được chút tình cảm thêm nếm của tôi. Tôi đợi, và quả nhiên, chỉ một lát sau nó đã nhìn tôi với một nụ cười tuyệt đối vờ vịt trên bộ mặt đáng yêu, cứ như đang khẳng định rằng nó đúng là thành viên của một hội kín khá danh giá mà cả nó với Tom đều tham gia.

Trong nhà, gian phòng màu đỏ đang rực rỡ ánh đèn. Tom và cô Baker mỗi người ngồi ở một đầu chiếc xô pha dài, cô đang đọc tờ *Bưu điện Chiều thứ Bảy* cho anh nghe, giọng đọc rì rầm đều đặn hòa thành một điệu mượt mà. Ánh sáng đèn rực lên trên đôi ủng của anh và mờ mờ trên mái tóc vàng như lá thu của cô, liếm loáng một đường lên mặt giấy khi cô giở trang báo với một thoáng rung rung của những múi cơ thon thả trên cánh tay cô.

Khi chúng tôi bước vào, cô giở một bàn tay lên ra hiệu cho chúng tôi im lặng một lát.

“Còn nữa,” cô nói, ném tờ báo lên bàn, “xin xem tiếp trong số tới của chúng tôi.”

Cơ thể cô thức tỉnh với một động tác rung đùi bồn chồn, rồi cô đứng dậy.

“Muời giờ,” cô nói, như đang xem giờ trên trần nhà. “Đến giờ bé gái ngoan này đi ngủ rồi.”

“Jordan sẽ có trận đấu sáng ngày mai,” Daisy giải thích, “ở Westchester.”

“Ô... vậy cô là Jordan Baker.”

Giờ thì tôi biết tại sao gương mặt cô lại quen thuộc như thế - cái vẻ khinh khỉnh dễ chịu ấy tôi đã thấy trong nhiều bức ảnh trên báo chụp các sinh hoạt thể thao ở Asheville, Hot Spring và Palm Beach. Tôi cũng đã nghe chuyện gì đó về cô, một câu chuyện khó chịu đáng chê trách, nhưng là chuyện gì thì tôi cũng quên lâu rồi.

“Chúc mọi người ngủ ngon,” cô nhẹ nhàng nói. “Nhớ đánh thức tôi lúc tám giờ đây nhé.”

“Nếu cậu chịu dậy.”

“Tôi sẽ dậy. Ông Carraway ngủ ngon nhé. Mong sớm gặp lại ông.”

“Tất nhiên là thế rồi,” Daisy khẳng định. “Quả thật, tôi đang có ý định mối lái tơ hồng đây. Hãy sang bên này thường xuyên đi, Nick, rồi em sẽ, gọi là... ô... gán ghép hai người với nhau. Các người biết đấy... bất ngờ nhốt các người vào tủ quần áo rồi đẩy các người ra biển trên một cái thuyền, tất cả những trò kiểu như thế...”

“Chúc ngủ ngon,” cô Baker nói với xuống từ

cầu thang. “Tôi không nghe thấy một lời nào đâu nhé.”

Một lúc sau, Tom nói, “Con bé ngoan đấy. Lẽ ra họ không nên để nó đi lang thang như thế mới phải.”

“Họ là ai mới được chứ?” Daisy lạnh lùng hỏi.

“Gia đình nó ấy.”

“Gia đình nó chỉ là một bà cô sắp một nghìn tuổi rồi. Vả lại Nick sẽ để mắt đến nó mà, đúng không anh Nick? Con bé sẽ ở đây rất nhiều kỳ cuối tuần trong dịp hè này. Em nghĩ không khí gia đình sẽ có ảnh hưởng rất tốt đến nó.”

Daisy và Tom im lặng nhìn nhau một lúc.

“Cô ấy người New York à?” tôi vội hỏi.

“Người Louisville. Thời con gái trắng tinh của bọn em trôi qua cùng nhau ở đó. Cái thời trắng tinh đẹp đẽ của bọn em...”

“Em đã huyền thuyên tâm sự với Nick ngoài hiên nhà có phải không?” Tom hỏi bất thành lời.

“Em đã thế chưa nhỉ?” Daisy nhìn sang tôi. “Em không nhớ nổi nữa, nhưng em nghĩ bọn em đã nói chuyện về nòi giống Nordic. Phải rồi, chắc chắn là thế. Kiểu như cái chuyện ấy nó đã lén chui vào đầu bọn em lúc nào không biết và thế là chưa gì thì nó đã...”

“Dừng tin một lời nào của cô ấy cả, Nick,” anh khuyên tôi.

Tôi nói bằng quơ rằng mình đã chẳng nghe thấy gì, rồi mấy phút sau thì đứng dậy ra về. Họ ra cửa với tôi, đứng bên nhau trong một ô sáng hình vuông hồ hởi. Khi tôi mở máy thì Daisy gọi như ra lệnh, “Đợi đã! Em quên chưa hỏi anh một việc, quan trọng đấy. Bọn em nghe anh đã đính hôn với một cô ở miền Tây.”

“Đúng thế,” Tom nhẹ nhàng hòa theo. “Chúng tôi có nghe cậu đã đính hôn.”

“Vu cáo đấy. Tôi nghèo quá mà.”

“Nhưng bọn này có nghe thật,” Daisy khẳng định, nó lại nở bung ra như hoa khiến tôi ngạc nhiên. “Mà nghe những ba người nói cơ, nên nhất định là thật rồi.”

Tất nhiên là tôi biết họ đang nhắc đến chuyện gì, nhưng tôi có đính hôn đâu, thậm chí lập lờ cũng không. Sự thật là cái lời đồn đại đã phát tán thành thông báo kết hôn ấy là một trong những lý do khiến tôi bỏ sang miền Đông. Không thể thôi đi lại với một người bạn cũ chỉ vì một lời đồn đại, nhưng mặt khác, tôi không định sẽ để mình bị đồn đại đến mức phải đi đến hôn nhân.

Thái độ quan tâm của họ cũng làm tôi hơi cảm động và khiến họ bớt xa xôi giàu có - tuy nhiên, tôi thấy hoang mang và hơi kinh tởm khi lái xe đi. Có vẻ như với tôi thì điều mà Daisy phải làm là bế con chạy thẳng khỏi ngôi nhà đó ngay - nhưng rõ ràng là nó

không hề có ý định ấy trong đầu. Còn với Tom, việc anh “có một người đàn bà ở New York” thực sự không làm tôi ngạc nhiên bằng việc anh đã phải buồn bực vì một cuốn sách. Có cái gì đó đang khiến anh phải gặm nhấm, mà chỉ ở mép ngoài, những ý tưởng cũ rích, như thể tấm thân vị kỷ cường tráng của anh đã không còn dung dưỡng nổi con tim độc tài quyết đoán của anh nữa.

Tiết hè đã thấy đậm trên những mái hàng quán và sân trước những xưởng chứa xe ven đường, nơi những cột bơm xăng màu đỏ mới tinh đứng giữa những vũng sáng đèn ngoài trời, và khi về đến nhà ở West Egg tôi cho xe vào chỗ đậu có mái rồi ra ngồi một lúc trên chiếc xe lô xén cỏ vẫn bỏ mặc ngoài sân. Gió đã bay đi hết, chỉ còn đêm vắng vặc, với tiếng chim đập cánh trên cây và tiếng ếch nhái miên man vang dội như một dàn đại phong cầm căng tràn sinh khí thổi lên từ lòng đất. Bóng đen của một con mèo đang đi uốn lượn qua ánh trăng, và khi quay đầu nhìn theo nó, tôi thấy không phải chỉ có mình mình - cách chừng mười lăm thước vừa có một người từ trong bóng của ngôi nhà hàng xóm bước ra và đang đứng đó, hai tay đút túi quần, nhìn bầu trời đầy sao như rắc bạc. Một vẻ gì đó trong những cử động nhàn nhã và thể đứng tự tại trên sân cỏ của người ấy khiến tôi cho rằng đó chính là Ông Gatsby, ra đây để xem đâu là cái phần của mình trên cõi trời địa phương này của chúng tôi.

Tôi định gọi ông. Cô Baker đã nhắc đến ông trong bữa tối, thế cũng đủ lý do để mào đầu. Nhưng tôi không gọi, bởi bỗng nhiên ông có một cử chỉ rất riêng tư cho thấy ông đang muốn được một mình - ông đưa thẳng cả hai cánh tay ra trước về phía mặt biển tối sẫm với một dáng điệu lạ lùng, và dù là từ xa như vậy, tôi vẫn dám thề là ông đang run rẩy. Bất giác tôi đưa mắt về phía biển - và không thể phân biệt được gì ngoài một điểm sáng duy nhất màu xanh lá cây, nhỏ xíu và rất xa, có thể là tận cuối bến thuyền. Khi tôi quay lại nhìn Gatsby một lần nữa thì ông đã biến mất, và lại chỉ còn mình tôi trong đêm tối xôn xao.

CHƯƠNG II

Vào quăng giữa West Egg và New York, đường ô tô bỗng nép sát vào với đường tàu hỏa và cứ chạy như thế khoảng một phần tư dặm, như muốn né tránh một vùng đất trống trải ảm đạm. Đây là một chung lũng bụi - một nông trại huyền hoặc nơi bụi đất mọc lên như lúa mì thành gò thành đống và thành những khu vườn kỳ dị; nơi bụi đất có hình nhà cửa và ống khói và những cuộn khói bốc lên và cuối cùng, với nỗ lực phi phạm, thành cả hình người mờ mờ dịch chuyển và như đang tan rã trong bầu không khí sần sần như bột rắc. Thỉnh thoảng một đoàn toa tàu xám xịt bò trên đường ray chẳng ai nhìn thấy, dừng lại với một tiếng ken két son gai ốc, và lập tức một đám người xám ngoét những bụi xúm xít chạy ra. Với những nhát xéng đầy họ khua lên một đám mây dày đặc, và ta không thể nhìn thấy những công việc mù mịt của họ ở đó nữa.

Nhưng bên trên dải đất xám và những đám bụi phéch phác không ngừng lớn vồn ở đó, ta vẫn thấy được, sau một lúc định thần, cặp mắt của bác

sĩ T. J. Eckleburg. Hai con mắt của bác sĩ T. J. Eckleburg màu lam và khổng lồ - đồng tử cao hàng thước. Chúng chẳng ở trên một bộ mặt nào, mà nhìn ra từ sau một cặp kính mệnh môn vàng ệnh cũng chẳng dựa trên một cái mũi nào. Hiển nhiên là một gã bác sĩ mắt điên khùng đã dựng chúng ở đó hòng làm béo bở cho nghề nghiệp của gã ở quận Queens, và rồi có thể chính gã lại rơi vào tình trạng mù lòa vĩnh viễn hoặc đã quên bằng mắt chúng khi dọn đi nơi khác. Nhưng hai con mắt gã, đã mờ đục đi ít nhiều sau nhiều ngày mưa nắng không được sơn vẽ gì lại, vẫn cứ tiếp tục đăm chiêu trên cái bãi thái u ám ấy.

Một bên sườn của vùng thung lũng bụi ấy có con sông nhỏ bắn thủy, và khi đoạn cầu kéo được nâng lên cho xà lan đi qua quãng sông ấy, hành khách trên tàu hỏa phải dừng đợi có thể ngồi nhìn cảnh trí buồn thảm ở đó đến hàng nửa tiếng đồng hồ. Mà cứ đến chỗ ấy thế nào tàu cũng phải dừng ít nhất là một phút, và chính vì vậy mà tôi gặp bà nhân tình của Tom Buchanan lần đầu tiên.

Việc anh có nhân tình thì chỗ quen biết nào người ta cũng đã biết hết cả. Họ còn cảm thấy bức mình vì chuyện anh hay đem bà này đến những quán ăn quen thuộc, bỏ mặc bà ngồi ở bàn rồi đi la cà tán chuyện tào lao hết người này đến người kia. Tôi cũng tò mò muốn thấy bà xem thế nào, nhưng bảo là

muốn gặp thì không - nhưng mà tôi đã gặp. Chiều hôm ấy tôi đi New York cùng chuyến tàu với Tom và khi tàu dừng lại cạnh những đồng bụi ấy thì anh bỗng đứng lên túm chặt lấy khuỷu tay tôi, nhất định bắt tôi xuống.

“Bọn mình xuống đây nào,” anh khẳng khẳng. “Tôi muốn cậu gặp cô nàng của tôi một cái.”

Tôi nghĩ anh đã nốc khá nhiều rượu trong bữa trưa, và cái ý khẳng khẳng phải có tôi đi cùng kia đã thành ra gần như hùng hùng hổ hổ. Làm như tôi chẳng có việc gì khác hay hơn thế vào chiều Chủ nhật.

Tôi theo chân anh đi qua một dãy hàng rào hỏa xa thấp quét vôi trắng, rồi chúng tôi đi bộ trở lại độ trăm mét dọc theo con đường dưới cái nhìn trần trụi của bác sĩ Eckleburg. Nhà cửa duy nhất ở đó là một dãy nhỏ xây gạch màu vàng ngay rìa vùng đất hoang, một kiểu phố chính của cả vùng đất ấy, mà hoàn toàn đơn độc. Nó gồm có ba cửa hàng, một cái còn chưa có ai thuê, cái nữa là một quán ăn mở hàng cả đêm có lối vào đầy bụi; và cái thứ ba là một xưởng ô tô có biển đề: *Sửa chữa*. GEORGE B. WILSON. *Mua bán xe*. Tôi theo Tom vào bên trong cái xưởng ấy.

Bên trong nghèo nàn và tro bụi; chỉ thấy độc một chiếc Ford cũ nát phủ đầy bụi nằm chúi ở một góc tối tăm. Tôi đang nghĩ bụng có lẽ cái xưởng tắm

tối này chỉ là bức bình phong che giấu những căn hộ cầu kỳ và lãng mạn ở tầng trên thì thấy chính ông chủ xưởng xuất hiện ở cửa phòng giấy, đang chùi tay vào một mảnh giẻ. Một đàn ông tóc vàng, vô hồn, nhợt nhạt và phảng phất đẹp trai. Nhìn thấy chúng tôi, đôi mắt màu lam nhạt của ông bóng ánh lên một vẻ hy vọng mướt mát.

“Xin chào ông bạn già Wilson,” Tom lên tiếng, vui vẻ vỗ vai ông. “Làm ăn thế nào?”

“Không có gì phải phàn nàn,” Wilson đáp, giọng lưỡng lự. “Bao giờ thì ông bán cho tôi cái xe đấy?”

“Tuần tới; tôi đang cho người làm nó rồi.”

“Làm cũng chậm đấy, nhỉ?”

“Không, không chậm đâu,” Tom lạnh lùng. “Mà nếu ông nghĩ thế thì có lẽ để tôi bán nó cho người khác vậy.”

“Tôi có ý ấy đâu,” Wilson vội vàng phân trần. “Tôi chỉ muốn nói là...”

Giọng ông ta nhỏ dần và Tom sốt ruột nhìn quanh xưởng. Sau đó tôi nghe tiếng chân trên cầu thang, và trong giây lát một hình bóng đàn bà dày dặn hiện ra che khuất cả ánh đèn ở cửa phòng giấy. Trông bà trạc ba lăm ba sáu, đã bắt đầu hơi nặng nề, nhưng cũng như một số đàn bà khác, bà biết cách núng nính những chỗ da thịt dư thừa của mình với vẻ đầy nhục cảm. Gương mặt bà, bên trên bộ áo váy

màu lam sẫm có chấm bằng hàng kép Trung Quốc, không có một nét hoặc vẽ gì gọi là đẹp, nhưng cả người thì lại toát ra một vẻ sinh động nhận thấy ngay lập tức, cứ như những dây thần kinh trên cái cơ thể đó lúc nào cũng đang lấp lóe âm ỉ. Bà chậm rãi mỉm cười, rồi bước qua chồng như bước qua một bóng ma, bắt tay Tom, dào dạt nhìn thẳng vào mắt anh. Rồi bà liếm môi, nói với chồng bằng một giọng khàn khàn nhẹ nhàng mà không hề quay sang phía ông ta:

“Sao ông không lấy mấy cái ghế ra đây cho ai ngồi với chứ.”

“Ồ có ngay đây,” Wilson vội vàng đi về phía văn phòng, lẫn ngay vào với màu xi măng của những mảng tường. Một thứ bụi như tro trắng phủ kín bộ quần áo sẫm màu và mái tóc nhạt của ông cũng như mọi thứ xung quanh - chỉ trừ bà vợ, lúc ấy đã sấn đến gần Tom.

“Anh muốn gặp em,” Tom nói. “Đi ngay chuyển tàu tới nhé.”

“Được rồi.”

“Anh sẽ đón em chỗ quầy báo ở tầng dưới.”

Bà gật đầu và lùi ra xa đúng lúc George Wilson từ văn phòng đi ra, mang theo hai cái ghế.

Chúng tôi đợi bà ở cuối đường, chỗ khuất nẻo. Chỉ vài ngày nữa là đến mùng Bốn tháng Bảy, và một chàng nhóc hốc hác người Ý đang cài những hạt pháo

tín hiệu thành hàng dọc trên mặt đường ray tàu hỏa⁽¹⁾.

“Chỗ này tởm thật, nhỉ,” Tom nói, chau mày về phía cặp mắt của bác sĩ Eckleburg.

“Kinh khủng.”

“Cô ấy chuẩn là phải.”

“Ông chồng không phản đối ư?”

“Wilson ư? Lão tưởng vợ đi thăm cô em ở New York thôi. Lão ấy thộn đến mức chẳng biết là mình đang sống nữa kia.”

Vậy là Tom Buchanan với bà bồ của anh và tôi cùng đi New York - mà cũng không hẳn là đi cùng, vì bà Wilson vẫn kín đáo ngồi ở một toa khác. Tom cũng nhân nhượng đến mức ấy thôi để khỏi trêu gan đám dân bên East Egg có thể cũng ở trên tàu.

Bà Wilson đã thay váy áo sang một bộ bằng hàng mu xơ lin hoa nâu, thấy chật căng quăng hông khá nở lúc Tom đỡ bà xuống tàu ở New York. Bà mua một số *Town Tattle* và một tờ tạp chí điện ảnh ở chỗ quầy báo, rồi mua một ít kem thoa mặt và một lọ nước hoa nhỏ ở hiệu thuốc dưới nhà ga⁽²⁾. Lên tầng

1. Mòng Bốn tháng Bảy là ngày Quốc khánh Mỹ. Hạt pháo tín hiệu (railroad torpedo) là một thứ kíp nổ hình vuông bẹt mỗi bề chừng năm phân tây, có hai lá chì hai bên để bẻ xuống gài chặt nó vào mặt đường ray. Khi bánh xe chẹt phải sẽ phát ra tiếng nổ át được tiếng máy tàu để báo hiệu cho lái tàu phải dừng lại ngay lập tức. Nó được sáng chế và sử dụng từ 1874, nhưng giờ thì không dùng nữa. Một đứa trẻ mà đi cài những hạt pháo tín hiệu nhân dịp sắp đến quốc khánh thì chắc chỉ là một trò chơi ngớ ngẩn và nguy hiểm.

2. Town Tattle có nghĩa là “Chuyện ngồi lê đôi mách trong thành phố” - một tờ báo lá cải thời đó ở New York.

trên, chỗ đợi xe có vẻ nghiêm trang vì những âm thanh vang động ở quãng ấy, bà cho qua cả bốn chiếc tắc xi rồi mới vẫy một chiếc mới màu tím hồng có ghế bọc nệm xám, và trong chiếc xe ấy chúng tôi lướt từ trong đám đông nhà ga ra ngoài trời nắng lung linh. Nhưng ngay lập tức bà quay ngoắt lại khỏi cửa sổ xe và nhào người lên gõ gõ vào vách kính trước mặt.

“Em muốn mua con chó kia kìa,” bà cuống quýt nói. “Em muốn nuôi một con ở căn hộ. Thích lắm - một con chó ấy.”

Chúng tôi bảo xe lùi lại chỗ một ông già xám xịt trông giống John D. Rockefeller một cách vô lý. Trong cái giành treo ở cổ lão lúc nhúc có đến một tá chó con mới đẻ được ít hôm chẳng biết là giống chó gì.

“Chó gì thế hả?” bà Wilson nôn nả hỏi khi ông lão đến bên cạnh cửa sổ xe.

“Đủ loại cả. Quý cô muốn loại nào?”

“Tôi thích loại chó cảnh sát ấy; chắc là ông không có mất rồi?”

Ông kia nhìn chòng chọc xuống cái giành với vẻ nghi ngờ, thọc tay lôi lên một con cú giấy giụa vì bị túm chặt lấy gáy.

“Con ấy không phải chó cảnh sát,” Tom nói.

“Đúng thế, không hẳn là chó cảnh sát,” ông già nói, giọng chán nản. “Nó gần với loài Airedale hơn.” Lão vuốt ve bộ lông nâu dày mượt trên lưng con chó.

“Nhìn mà xem. Lông ra lông nhé. Nuôi con này thì ông bà chẳng bao giờ phải lo nó bị cảm lạnh.”

“Trông xinh đấy,” bà Wilson hồ hởi nói. “Bao nhiêu nào?”

“Con này ư?” Ông kia nhìn con chó với vẻ ngưỡng mộ. “Con này thì xin ông bà trả cho mười đô la.”

Con chó Airedale - chắc nó cũng có nòi Airedale ở chỗ nào đó thật, mặc dù mấy bàn chân thì lại trắng phớt chẳng ra giống chó ấy tí nào - được chuyền tay và bà Wilson ôm ngay nó vào lòng, vồ vập vuốt ve bộ lông không sợ gì mưa nắng thất thường của nó.

“Trai hay là gái ấy nhỉ?” bà té nhị hỏi.

“Con này ấy hả? Nó là trai đấy.”

“Chó cái thì có,” Tom vặc lại. “Tiền của mi đây. Đi mà mua lấy mười con chó khác.”

Chúng tôi chạy sang đến Đại lộ 5, cảnh trí trong buổi chiều hè Chủ nhật ấy thật ấm áp và êm dịu, gần như thôn dã, đến nỗi nếu có một bày cừ trắng chạy ra từ góc phố thì tôi cũng sẽ chẳng lấy thế làm lạ.

“Gượm đã,” tôi nói, “tôi phải chia tay anh chị ở đây thôi.”

“Không, làm gì có chuyện ấy,” Tom vội ngắt lời. “Em Myrtle đây sẽ giận nếu cậu không lên chơi đấy. Có đúng không em?”

“Thôi nào,” bà bồ của anh hòa theo. “Tôi sẽ phân cho cô em Catherine của tôi đến nữa. Ai đã biết cô em tôi đều bảo là nó rất đẹp đấy.”

“Vâng, tôi cũng muốn lắm, nhưng...”

Chúng tôi đi tiếp, chạy lại qua Đại lộ Park về phía các địa hạt ở mạn Tây. Đến Phố 158 thì xe dừng lại ở một trong những lô nhà căn hộ giống nhau trông như những miếng cắt của một cái bánh dài màu trắng. Ném một cái nhìn ra xung quanh như một bậc vương giả vừa về đến nhà mình, bà Wilson vợ lấy con chó và mấy thứ đồ vừa mua, rồi ngạo nghễ đi vào.

“Em sẽ gọi vợ chồng McKee,” bà tuyên bố khi chúng tôi đứng trong thang máy đang lên. “Và tất nhiên là sẽ gọi cả cô em nữa mà.”

Căn hộ ở tầng thượng - một phòng khách nhỏ, một phòng ăn nhỏ, một buồng ngủ nhỏ và một nhà tắm. Phòng khách thì ngồn ngộn cả một bộ đồ bọc gấm thêu hoàn toàn quá khổ và phải kê ra đến tận cửa, thành thử hễ cứ đứng lên đi quanh quẩn là lúc nào cũng vấp phải những cảnh các bà các cô ngồi du trong các khu vườn của lâu đài Versailles. Bức tranh treo tường duy nhất thì lại là một cái ảnh chụp phóng to, trông như một con gà mái đang ngồi ấp trên một hòn đá mờ mờ. Nhưng nhìn từ xa thì con gà ấy lại thành ra một cái mũ trùm đầu và một cái mặt bà già béo ị đang vừa cười vừa nhìn xuống gian

phòng. Nhiều số *Town Tattle* cũ nằm lăn lóc trên bàn cùng với một cuốn *Simon Called Peter*⁽¹⁾, với một vài tờ tạp chí lá cải toàn chuyện bê bối của giới tài tử Broadway. Bà Wilson quan tâm trước hết đến con chó. Một anh loong toong chuyên điều khiển thang máy đã phải theo lệnh đi mua về một cái hộp đầy rơm và một ít sữa, lại tự ý mua thêm cả một hộp thức ăn cho chó dạng bích quy to - một cái bánh ấy đã rữa cả ra trong đĩa sữa suốt cả buổi chiều. Trong lúc ấy, Tom lấy ra một chai whiskey từ trong một cái tủ có khóa.

Cả đời tôi chỉ say rượu có hai lần, và lần thứ hai là buổi chiều hôm ấy; thành ra mọi chuyện xảy ra cứ mờ mờ ảo ảo hết cả, mặc dù nắng đã vui vẻ tràn ngập căn hộ cho đến tận tám giờ tối. Vừa ngồi trên lòng Tom, bà Wilson vừa gọi phôn cho nhiều người; thế rồi không có thuốc lá, nên tôi phải xuống chỗ hiệu thuốc góc phố mua một ít. Lúc về thì không thấy hai người ngồi ở đó nữa, thế là tôi rón rén ngồi im trong phòng khách, đọc một chương của cuốn *Simon Called Peter* - cái của ấy hẳn phải hoặc là rất tởm, hoặc là vì rượu đã bóp méo mọi thứ, bởi vì tôi đọc mà chẳng hiểu nó nói gì.

Đúng lúc Tom và Myrtle ló mặt ra (sau chén

1. *Simon gọi Peter* - một cuốn tiểu thuyết đồi bại vớ vẩn thời ấy mà tác giả Fitzgerald rất ghét.

rượu đầu tiên là bà Wilson và tôi đã gọi nhau bằng tên thân mật rồi), mọi người bắt đầu lục tục tới.

Cô em Catherine là một gái thon thả trải đời khoảng ba mươi tuổi, mớ tóc đỏ lờm chớm cứng nhắc, da dẻ thoa phấn trắng như sữa. Lông mày cô bị nhổ sạch đi rồi vẽ lại cho có nét táo bạo hơn, nhưng lông thật vẫn nỗ lực mọc lại theo nét tự nhiên cũ khiến cho mặt cô trông cứ nhòe nhòe nhoẹt nhoẹt. Khi cô dịch chuyển, vô số vòng vèo bằng góm đeo trên hai cánh tay cứ lanh canh lách cách không ngừng. Cô bước vào với vẻ vội vàng rất chủ nhân ông, rồi nhìn các đồ đạc xung quanh cứ như chúng đều là của mình, đến nỗi tôi đã tưởng là cô cũng sống ở đó luôn. Nhưng khi hỏi thì cô phá lên cười không e dè gì cả, lớn tiếng nhại lại câu hỏi của tôi, rồi bảo rằng cô sống với một cô bạn tại một khách sạn.

Ông McKee là một người da dẻ nhợt nhạt trông như đàn bà sống ở căn hộ tầng dưới. Ông vừa mới cạo mặt xong, vẫn thấy một vết bọt xà phòng trắng vương trên gò má, và ông có lối chào hét sức kính cẩn với mọi người trong phòng. Ông cho tôi biết là ông cũng “chơi trò nghệ thuật”, và sau này tôi mới biết ông là một nhiếp ảnh gia, tác giả của bức ảnh phóng to mờ mịt chụp thân mẫu của bà Wilson vẫn lơ lửng trên tường như một vong hồn sắp hiện hình. Vợ ông thì the thé, uể oải, to khỏe và đáng ghét. Bà ta hãnh diện bảo tôi rằng ông chồng đã

chụp ảnh bà một trăm hai mươi bảy lần kể từ ngày họ cưới nhau.

Bà Wilson đã thay đồ lúc nào không hay, bây giờ đang vận một bộ váy áo buổi chiều rất cầu kỳ bằng hàng chiffon màu kem lúc nào cũng sột soạt khi bà đi lại quanh phòng. Với bộ đồ ấy, tính cách bà cũng đổi khác. Về sinh động căng tràn rất đặc biệt lúc còn ở trong xưởng ô tô nay đã biến thành vẻ cao ngạo cố tình. Điều cười của bà, cử chỉ của bà, lời lẽ thẳng thừng của bà càng lúc càng lộ vẻ giả tạo phũ phàng, và khi bà bành trướng ra thì gian phòng thành nhỏ lại xung quanh bà, cho đến lúc hình như chỉ còn có mình bà đang xoay tròn trên một cái đế kéo kẹt âm ỉ trong bầu không khí đầy khói thuốc.

“Này cưng,” bà nói như quát lên the thé với cô em, “hầu hết bọn này lúc nào cũng lừa gạt mình cả. Chúng chỉ nghĩ đến tiền thôi. Tuần trước chị gọi một con mẹ đến xem hai bàn chân cho mình, mà khi nó đưa hóa đơn chị cứ tưởng như nó vừa mổ ruột thừa cho chị không bằng.”

“Tên con mẹ ấy là gì thế?” bà McKee hỏi.

“Eberhardt. Mụ chuyên đến tận nhà chăm sóc chân căng ấy mà.”

“Tôi thích bộ váy của cậu,” bà McKee nói. “Tôi nghĩ nó đáng ngưỡng mộ.”

Bà Wilson bác bỏ lời khen ấy bằng một cái nhướn mày đầy vẻ khinh khi.

“Một thứ cũ rích dở hơi ấy mà,” bà nói. “Chỉ lúc nào muốn ra sao thì ra thì tôi mới mặc đến thôi.”

“Nhưng cậu mặc nó rất tuyệt đấy chứ, cậu hiểu tôi nói gì không?” bà McKee không chịu bỏ cuộc. “Chỉ cần Chester bắt được cái dáng này của cậu thôi thì thể nào anh ấy cũng sẽ ra được cái gì đó, nhất định thế.”

Tất cả chúng tôi đều im lặng nhìn bà Wilson, bà vừa gạt một lọn tóc ra khỏi mắt và đang nhìn lại chúng tôi với một nụ cười rạng rỡ. Ông McKee chăm chú quan sát bà, đầu nghiêng về một phía, rồi từ từ đưa một bàn tay ra trước rồi lại ra sau ở phía trước mặt mình.

“Có lẽ phải thay đổi ánh sáng,” ông nói sau một lúc im lặng. “Tôi muốn có hình khối lên rõ nét hơn. Và tôi sẽ cố bắt được tất cả chỗ tóc phía sau kia nữa.”

“Em không nghĩ là phải đổi ánh sáng đâu,” bà McKee kêu lên. “Em nghĩ là...”

Chồng bà kêu “Suyt!” một tiếng, tất cả chúng tôi lại nhìn về phía người mẫu, và đúng lúc ấy Tom Buchanan ngáp một tiếng rõ to rồi đứng dậy.

“Hai cô cậu McKee kiếm cái gì mà uống đi,” anh nói. “Lấy thêm nước đá với nước khoáng đi, Myrtle, không thì mọi người ngủ cả bây giờ đây.”

“Em đã dọn thẳng rãnh ấy về vụ nước đá rồi,” Myrtle nhún mào với vẻ tuyệt vọng vì sự trì trệ của đàn người ăn kẻ làm. “Cái bọn này! Lúc nào cũng

phải đuổi theo chúng thì mới xong.”

Bà nhìn tôi và phá lên cười chả có duyên có gì cả. Sau đó bà nhào đến chỗ con chó, say sưa hôn hít nó, rồi đi ù vào bếp, làm như hàng tá đầu bếp đang chờ lệnh bà ở trong đó.

“Tôi đã làm được mấy thứ hay về Long Island,” ông McKee khẳng định.

Tom nhìn ông ta, mặt lạnh tanh.

“Có hai cái chúng tôi đã đóng khung ở dưới nhà.”

“Hai cái gì?” Tom hỏi.

“Hai bức nghiên cứu. Một cái tôi gọi là *Mỏm Montauk - Hải âu*, còn cái kia thì gọi là *Mỏm Montauk - Biển*.”

Cô em Catherine đến ngồi bên cạnh tôi trên xô pha.

“Anh cũng sống dưới Long Island à?” cô hỏi tôi.

“Tôi ở West Egg.”

“Ồ thế à! Tôi có xuống đó dự tiệc khoảng một tháng trước đây. Ở nhà một người tên là Gatsby. Anh biết ông ấy không?”

“Tôi sống ngay cạnh nhà ông ta.”

“Vậy à, họ bảo ông ấy là cháu hoặc anh em thúc bá gì đấy với Hoàng đế Wilhelm⁽¹⁾. Tiền bạc của ông ấy ở đó mà ra cả.”

1. Kaiser Wilhelm: ở đây có thể là Hoàng đế Wilhelm Đế Nhì của Đức (1859-1941), thoái vị năm 1918.

“Thật thế à?”

Cô gật đầu.

“Tôi hãi ông ấy lắm. Sợ chẳng muốn dây dưa gì.”

Mẫu tin đáng suy nghĩ ấy về người hàng xóm của tôi bị ngắt quãng vì bà McKee bỗng chỉ tay về phía Catherine.

“Chester, em nghĩ anh có thể làm được gì đó với *cô ta* đây này,” bà lên tiếng, nhưng ông McKee chỉ gật đầu với điệu bộ chán nản, rồi lại quay sang với Tom.

“Tôi vẫn muốn sáng tác thêm về Long Island, nếu có chỗ nào để thâm nhập được. Chỉ cần họ giúp lúc đầu thôi.”

“Hỏi Myrtle ấy,” Tom nói, nở ra một tràng cười ngắn ăm 1 khi bà Wilson mang một cái khay vào phòng. “Cô ấy sẽ cho ông một cái thư giới thiệu, có đúng không nào, Myrtle?”

“Cái gì cơ?” bà Wilson giật mình hỏi.

“Em sẽ cho McKee một cái thư giới thiệu đến chồng em, để cậu ấy có thể chụp mấy bức nghiên cứu ông ta.” Tom mấp má môi một tí rồi nói: “*George B. Wilson bên Trạm bơm xăng, đại loại thế.*”

Catherine ngả người thì thầm sát vào tai tôi:

“Cả anh lẫn ả đều không chịu nổi người mà họ cưới.”

“Thật à?”

“Thật *không chịu nổi* họ.” Cô nhìn Myrtle rồi lại nhìn Tom. “Là tôi nói thế này này, sao cứ phải tiếp tục sống với nhau nếu đã không chịu nổi nhau chứ? Tôi mà là họ thì tôi đã ly dị và cưới nhau luôn đi cho rồi.”

“Bà ấy cũng không thích Wilson à?”

Hoàn toàn bất ngờ, Myrtle đã nghe thấy câu hỏi này của tôi và đáp lại bằng một câu trả lời dữ tợn và tục tĩu.

“Thấy chưa,” Catherine đắc thắng reo lên. Rồi cô lại hạ giọng. “Thực ra là cô vợ anh ấy đã làm họ không lấy được nhau. Cô ta là người Cơ Đốc giáo, họ không chấp nhận ly hôn.”

Daisy có phải là người Cơ Đốc giáo đâu. Tôi hơi choáng vì cái câu vu vạ tinh vi ấy.

“Khi lấy được nhau rồi,” Catherine tiếp tục, “họ sẽ sang miền Tây sống cho đến lúc mọi chuyện qua đi.”

“Sang châu Âu thì sẽ kín đáo hơn.”

“Ô, anh thích châu Âu à?” cô ngạc nhiên kêu lên. “Tôi vừa mới ở Monte Carlo về.”

“Vậy à.”

“Vừa năm ngoái thôi. Tôi đến đó với một con bé nữa.”

“Ở có lâu không?”

“Không lâu, bọn tôi chỉ đến Monte Carlo rồi lại về. Đi qua Marseilles. Lúc đi chúng tôi có hơn một nghìn hai trăm đô la, mà chỉ tiền phòng thôi là hai

ngày đã hết nhẫn. Khổ sở mãi mới về được đến nhà, phải nói thật với anh thế. Lạy Chúa, tôi ghét cái thành phố ấy thế cơ chứ!”

Trời chiều muộn nở bừng lên một lúc trong ô cửa sổ giống như mặt ong Địa Trung Hải màu lam - rồi cái giọng the thé của bà McKee lại lôi tôi trở lại gian phòng.

“Tôi cũng suýt nữa thì phạm sai lầm,” bà ta đắc thắng tuyên bố. “Tí nữa thì tôi đã lấy một gã Do Thái bé bỏng đeo đuổi tôi nhiều năm trời. Tôi biết gã dưới tầm tôi. Ai cũng bảo, ‘Này Lucille, anh chàng ấy dưới tầm cậu rất nhiều!’ Nhưng nếu không gặp Chester thì chắc là gã đã vợ được tôi rồi.”

“Ừ, nhưng tôi nói cho cậu nghe,” Myrtle Wilson nói, đầu gật gù, “ít nhất là cậu đã không lấy gã ấy.”

“Thì tôi biết thế.”

“Đây, còn tôi thì lại lấy,” Myrtle nói, giọng lấp lửng. “Đó là cái khác giữa trường hợp của tôi với cậu.”

“Tại sao thế hả chị?” Catherine hỏi. “Có ai bắt chị đâu.”

Myrtle ngẫm nghĩ một lúc rồi nói, “Tôi cưới vì cứ tưởng đây là một đấng nam nhi quân tử. Cứ ngỡ người ấy cũng phải biết thế nào là tông với giống, nào ngờ lại là một kẻ có liềm giày cho tôi cũng không đáng.”

“Chị cũng đã có thời mê mẩn anh ấy còn gì,” Catherine nói.

“Mê mẩn anh ấy!” Myrtle gào lên như oan ức lắm. “Ai bảo tôi mê mẩn lão ấy nào? Tôi mê lão chẳng hơn gì mê cái anh chàng kia đâu.”

Bà bất thành linh chỉ vào tôi, và mọi người đều nhìn cả sang tôi, đầy vẻ lên án. Tôi cố làm ra vẻ mình chẳng có dính dáng gì đến quá khứ của bà.

“Tôi chỉ *mê muội* là đã lấy lão ấy thôi. Và biết ngay là mình đã phạm sai lầm. Lão mượn bộ cánh của ai đó để diện làm chú rể, chẳng nói gì với tôi cả, rồi một hôm người ấy đến đòi lúc lão đi vắng. ‘Ô, bộ đó là của ông à?’ tôi mới hỏi. ‘Đến tận bây giờ tôi mới nghe nói thế đấy’. Nhưng tôi vẫn phải trả nó cho ông ta, rồi sau đó nằm khóc thảm thiết suốt cả buổi chiều.”

“Đúng là chị ấy phải bỏ ông ta mà đi thôi,” Catherine quay sang nói với tôi. “Hai người đã ở trên cái xưởng ô tô ấy mười một năm rồi. Tom là người tình đầu tiên của chị ấy đấy.”

Cái chai whiskey - chai thứ hai - đang được mọi người tranh nhau uống lúc bấy giờ, chỉ trừ có Catherine, bảo rằng cô ta “không uống gì cũng đã vui lắm rồi”. Tom gọi người lao công coi nhà lên sai đi mua những cái bánh kẹp trứ danh hoàn toàn có thể ăn thay bữa tối được. Tôi muốn chuồn ra ngoài tản bộ về phía Đông đến Công viên Trung tâm trong

ráng chiều êm dịu, nhưng hễ cứ định đứng lên đi là lại vướng vào một trận tranh cãi man dại nào đó và lại bị buộc chặt xuống ghế như có dây trời. Vậy mà, từ trên cao này, dãy cửa sổ vàng vọt kia của chúng tôi chắc cũng đang dự phần phô diễn những bí ẩn nhân sinh cho ai đó đang lơ đãng nhìn lên từ dưới những đường phố đang tối dần kia, và chính tôi cũng là người ấy, đang ngẩng nhìn và tự hỏi mình đang thấy những gì. Tôi đang vừa ở trong vừa ở ngoài, vừa bị mê hoặc vừa thấy kinh tởm bởi cái đa dạng khôn kiệt của cuộc đời.

Myrtle kéo ghế lại gần tôi, và đột nhiên hơi thở ấm nóng của bà phả đầy sang tôi trong câu chuyện về lần gặp đầu tiên của bà với Tom.

“Thì là ở hai cái ghế nhỏ đối diện nhau lúc nào cũng là ghế cuối cùng còn trống ở trên tàu ấy. Tôi thì lên New York thăm cô em và ở lại đó một đêm. Anh ấy thì diện đủ lệ bộ với một đôi giày da bóng, và tôi không thể rời mắt khỏi anh ấy được, nhưng mỗi lần anh ấy nhìn thì tôi lại phải vờ như đang xem cái quảng cáo phía trên đầu anh ấy. Khi xuống tàu và vào đến trong ga thì anh ấy sấn đến ngay cạnh, ngực sơ mi trắng áp sát cả vào cánh tay tôi, thế là tôi bảo anh ấy tôi sẽ phái gọi cảnh sát, nhưng anh ấy biết là tôi chỉ phét thế thôi. Tôi phấn khích đến nỗi lúc theo anh ấy lên tắc xi rồi mà vẫn tưởng mình đang lên tàu điện ngầm. Tôi chỉ nghĩ được độc một điều, nghĩ đi

nghĩ lại mãi, là ‘Đời được là mấy; đời được là mấy.’ ”

Bà quay sang phía bà McKee, và gian phòng bỗng tràn ngập tiếng cười giả tạo của bà.

“Bạn thân mến à,” bà hét âm lên, “mình sẽ cho cậu bộ váy này ngay khi mình xong việc với nó. Mai mình sẽ kiếm bộ khác. Mình sẽ liệt kê hết những thứ phải mua. Máy xoa bóp với máy uốn tóc, rồi một cái cổ dề cho con chó, với một cái gạt tàn xinh xinh, loại mà mình phải bấm lò xo ấy, và một vòng hoa có thắt nơ lụa đen để đặt lên mộ mẹ đến cuối hè mới hỏng. Mình phải viết ra hết thì mới không quên những thứ mình phải làm.”

Lúc ấy là chín giờ - thế mà gần như ngay sau đó tôi nhìn đồng hồ thì đã thấy mười giờ. Ông McKee đang ngủ trên ghế, hai bàn tay nắm chặt đặt lên bụng, giống ảnh chụp một con người hành động. Tôi lấy khăn tay lau vết bột xà phòng cạo râu đọng khô trên má ông đã làm tôi bút rút suốt cả buổi chiều.

Con cún thì đang chồm hồm ngồi trên bàn ngáy dài nhìn qua làn khói thuốc, thỉnh thoảng lại khê rên ư ử. Mọi người biến rồi lại hiện, định đi đâu đó rồi lại lạc nhau, tìm nhau, rồi thấy nhau chỉ cách mấy bàn chân. Có một lúc vào quãng nửa đêm Tom Buchanan và bà Wilson đứng giáp mặt nhau, tranh cãi kịch liệt xem bà Wilson có được quyền nhắc đến tên Daisy hay không.

“Daisy! Daisy! Daisy!” bà Wilson gào lên. “Tôi sẽ gọi nó bất kỳ lúc nào tôi muốn! Daisy! Dai...”

Bằng một động tác ngắn thành thạo, Tom Buchanan tát vỡ mũi bà.

Sau đó là những tấm khăn đầy máu tươi dưới sàn nhà tắm, những giọng đàn bà la lối om sòm, và trên tất cả những hỗn độn ấy là một tiếng kêu đau đớn đứt quãng kéo dài. Ông McKee tỉnh giấc và ngỡ ngác đi về phía cửa ra vào. Được nửa đường thì ông quay lại và ngây sững trước quang cảnh trong phòng - vợ ông và Catherine đang vừa la lối vừa an ủi, tay cầm đồ cứu thương, vấp hết chỗ này chỗ kia giữa những đồ đạc chật cứng, còn nhân vật tuyệt vọng trên xô pha thì vẫn đang chảy máu ròng ròng, mà vẫn cố mở một số tạp chí *Town Tattle* đập lên mấy cảnh thêu lâu đài Versailles của thảm bọc đệm. Rồi ông McKee quay người bước tiếp ra cửa. Vớ lấy mũ của mình trên cái móc đèn trùm, tôi theo chân ông luôn.

“Hôm nào đến ăn trưa nhá,” ông nói lúc chúng tôi đứng trong thang máy đang kéo kẹt đi xuống.

“Đến đâu?”

“Đâu chẳng được.”

“Đừng có động vào cái cần ấy,” người điều khiển thang máy vặc một câu.

“Xin lỗi cậu,” ông McKee nói với giọng kẻ cả, “tôi không biết là mình động phải nó.”

“Được rồi,” tôi nhận lời, “xin sẵn lòng.”

... Tôi đang đứng cạnh giường ông còn ông thì đang ngồi giữa đống chăn nệm, chỉ mặc đồ lót, tay cầm một tập ảnh to tướng.

“Người đẹp và Mãnh thú... Cô quận... Con ngựa già chở rau quả... Cầu Brooklyn...”

Rồi thì tôi nằm nửa thức nửa ngủ nơi tầng dưới lạnh lẽo của nhà ga Pennsylvania, chăm chăm vào tờ *Tribune* số ra buổi sáng, chờ chuyến tàu bốn giờ.

CHƯƠNG III

Âm nhạc từ nhà người hàng xóm của tôi vọng sang suốt những đêm hè. Trong những khu vườn xanh lơ của ông, nam thanh nữ tú dập dìu kẻ đến người đi như thiêu thân giữa những lời thì thầm và rượu sâm banh cùng những vì sao. Khi thủy triều dâng lên buổi cuối ngày, tôi ngắm khách khứa của ông nhảy xuống nước từ trên tháp dựng trên bè, hoặc tắm nắng trên cát nóng ngoài bãi biển của ông trong lúc hai chiếc xuồng máy của ông rẽ sóng ngoài Vịnh, kéo những người lướt ván băng qua những ngọn sóng. Vào cuối tuần thì chiếc Rolls-Royce của ông trở thành xe buýt đưa đón khách từ thành phố đến suốt từ chín giờ sáng mãi đến quá nửa đêm, còn chiếc xe hòm của ông thì lẳng xẵng như một con bọ vàng vội vã ra ga đón mọi chuyến tàu. Và cứ thứ Hai thì tám gia nhân, trong đó có cả người làm vườn huy động thêm, đều phải vất vả cả ngày với đủ loại chổi, cào, khăn, bàn chải, búa, kéo xén cây, sang sửa lại những hư hại của đêm hôm trước.

Thứ Sáu nào cũng có năm thùng cam và chanh được chở đến từ một cửa hàng hoa quả ở New York - và đến thứ Hai thì chúng thành một núi vỏ chất

ngoài cửa sau để lại được chở đi. Có một cái máy trong bếp có thể vắt được hai trăm quả cam trong nửa giờ nếu cái nút nhỏ nhỏ của nó được một tay bếp nào đó bấm vào hai trăm lần.

Ít nhất nửa tháng một lần, một tốp người phục vụ lại đến với hàng vài trăm mét vải bố và đủ số đèn màu để biến khu vườn mênh mông của Gatsby thành một cái cây Giáng sinh. Trên những bàn thức ăn tự chọn lấp lánh các món khai vị đẹp mắt, nhiều món thịt muối bỏ lò được bày chen chúc với những đĩa rau trộn trang trí sắc sỡ và các loại bánh thịt lợn thịt gà nướng như được phù phép thành vàng ròng sẫm màu. Trong đại sảnh thì người ta dựng một quầy rượu có tay vịn bằng đồng vàng hần hoi, chất đầy các loại rượu gin rượu mùi, với những loại rượu thơm đã bị lãng quên từ lâu đến nỗi hầu hết các nữ khách của ông, do còn quá trẻ, đều không thể phân biệt được loại gì với loại gì.

Bảy giờ thì ban nhạc tới, không phải mỏng quẹt dăm ba thứ, mà là một dàn đầy chật đủ loại nào ô boa nào trôm bôn nào xắc xô nào đàn vi ô-n nào coóc nê nào sáo kim rồi trống nhỏ trống to, không thiếu thứ gì. Khách khứa bơi lội ngoài bãi biển lúc bảy giờ đã vào nhà cả rồi và đang đóng bộ trang điểm trên gác; xe hơi từ New York sang đổ thành năm hàng ngoài lối vào, và lúc ấy mọi sảnh nhà phòng khách hành lang đều đã rực lên lòe loẹt đủ màu, rồi tóc tai

ai cũng bừng lên theo đủ kiểu mới lạ, khăn áo lụa là còn quá cả trong truyện cổ tích. Quây rượu tấp nập hết cỡ, các loại cốc tai được mời chào trên khay bập bênh khắp khu vườn bên ngoài, cho đến lúc không khí náo động hẳn lên với tiếng tán chuyện và tiếng cười, những lời giới thiệu hững hờ và bóng gió băng quơ mà người ta quên ngay tại chỗ, rồi những cuộc gặp gỡ xằng xái giữa những người đàn bà không hề biết tên nhau.

Đèn đóm sáng hơn lên khi mặt đất lạnh dần khỏi mặt trời, và bây giờ thì dàn nhạc bắt đầu chơi loại nhạc vàng chuyên phục vụ các bữa tiệc đứng, còn tiếng người thì đang hòa nhau the thé lên một nốt cao hơn nữa. Tiếng cười mỗi lúc một dễ dàng hơn, tràn ra xả láng, chỉ cần một lời vui vẻ là bật lên rồi. Các nhóm khách thay đổi mau lẹ hơn, phình ra với những người mới đến, xúm xít đấy rồi lại tản ra ngay đấy; và đã bắt đầu có những kẻ lang thang, những cô gái tự tin luôn lách chỗ này chỗ kia giữa những đám người nặng nề và yên vị hơn, nhoáng cái đã trở thành tâm điểm vui nhộn sắc sảo của nhóm này rồi lại đắc thắng lượn qua nhóm khác giữa những gương mặt, giọng nói và màu sắc nhấp nhô như sóng biển dưới ánh đèn thay đổi không ngừng.

Bỗng một trong những nhân vật di gan ấy, óng ánh trong bộ cánh màu hổ phách, vớ lấy một ly cốc tai trên không trung, nốc cạn một hơi để lấy can

đảm, rồi hai tay đưa đẩy như trong vũ điệu Frisco, một mình ra múa trên cái bục trải vải bố. Một thoáng im lặng; trường đàn nhạc thay đổi tiết tấu cho ăn nhập với cô ta, rồi lại ầm ĩ lên như vỡ chợ khi mọi người kháo phứa lên rằng cô chính là vũ công phụ đóng thế của ngôi sao vừa nổi Gilda Gray trong các tiết mục trình diễn gái nhảy đẹp nhất nước Mỹ lúc bấy giờ gọi là Follies. Cuộc vui bắt đầu.

Tôi tin rằng trong đêm đầu tiên sang nhà Gatsby, tôi là một trong số rất ít khách có được mời hẳn hoi. Mọi người không ai được mời - họ cứ đến thôi. Họ cứ lên xe và được chở sang Long Island, rồi không biết làm sao lại đậu lại ở cửa nhà Gatsby. Đã đến rồi thì họ sẽ được ai đó quen biết Gatsby giới thiệu, và sau đó thì họ cứ việc cư xử như khi vào các công viên giải trí. Lắm khi họ đến rồi đi mà không hề gặp mặt Gatsby, cứ việc dự cuộc vui, coi vô tư hể hả chính là tấm vé nội bộ tự nhiên của họ.

Tôi thì được mời hẳn hoi. Một anh tài xế vận đồng phục màu trứng sáo đã bước qua sân cỏ nhà tôi sáng sớm hôm thứ Bảy ấy với một tấm thiệp trịnh trọng đến ngạc nhiên của ông chủ: Gatsby sẽ rất lấy làm vinh dự nếu tôi có thể dự “cuộc vui nho nhỏ” của ông ta tối hôm đó, tấm thiệp viết. Ông ta đã thấy tôi nhiều lần, cũng đã định sang thăm tôi từ lâu, nhưng vẫn chưa thực hiện được do nhiều hoàn cảnh đặc biệt - ký tên Jay Gatsby, với nét bút rất oai vệ.

Diện bộ đồ trắng pha len, tôi sang bên sân cỏ nhà ông lúc sau bảy giờ một chút, rồi lang thang e dè giữa đám người dập dìu không quen biết, cho dù chỗ này chỗ kia cũng nhận ra một bộ mặt đã từng thấy trên tàu hỏa đi làm hằng ngày. Ngay lập tức tôi thấy lạ vì nhìn đâu cũng thấy những người Anh còn trẻ tuổi, tất cả đều ăn vận lịch sự, người nào cũng có vẻ hơi đói, và ai cũng đang chuyện trò với những người Mỹ to khỏe sang trọng bằng giọng trầm trầm khẩn khoản. Tôi chắc bọn họ đều đang cố bán chác cái gì đó: cổ phiếu hoặc bảo hiểm hoặc xe hơi. Chắc họ phải đang sốt ruột với ý nghĩ rằng tiền bạc dễ dàng đang ở khắp quanh đây, chỉ cần vài lời nói cho đúng điệu là sẽ thành của họ.

Sang đến nơi là tôi thử đi tìm ông chủ tiệc ngay, nhưng cả hai ba người mà tôi hỏi xem có biết ông ta ở đâu không đều chăm chăm kinh ngạc nhìn tôi và nhất định chối là không biết ông ta ở đâu hết, đến nỗi tôi phát chán và đành tìm đường ra chỗ bàn cốc tai, nơi duy nhất trong vườn để một kẻ lẻ loi có thể lảng tránh mà không có vẻ lủi thủi rách việc.

Đang định say đến bí tử để khỏi phải lúng túng khó chịu nữa thì tôi thấy Jordan Baker từ trong nhà đi ra đứng ở đầu bậc thềm hoa cương, hơi ngả người ra sau và nhìn xuống vườn với vẻ tò mò khinh miệt.

Có được đón tiếp hay không đi nữa, tôi vẫn thấy cần phải cập kê với ai đó chứ không thì sắp phải

trơ trẽn làm thân với đám người qua lại này đến nơi.

“Xin chào!” tôi gào lên, tiến về phía cô ta. Giọng tôi có vẻ oang oang quá mức qua khắp cả khu vườn.

“Tôi đã nghĩ có thể ông sẽ ở đây,” cô lơ đãng đáp lại lúc tôi bước lên đến nơi. “Tôi vẫn nhớ là ông sống ngay bên cạnh...”

Cô nắm lấy tay tôi với vẻ thủ tục, như một lời hứa sẽ để ý ngay đến tôi, rồi ngoảnh xuống phía hai cô gái cùng mặc bộ váy vàng giống hệt nhau như kiểu chị em sinh đôi vừa mới dừng lại ở dưới thềm.

“Xin chào!” hai cô cùng reo lên một lúc. “Rất buồn là chị đã không thắng.”

Ấy là cái giải đấu gôn. Cô Baker đã thua trận chung kết tuần trước đó.

“Chị không biết chúng em là ai đâu,” một cô váy vàng nói, “nhưng chúng em đã gặp chị ở đây khoảng một tháng trước rồi.”

“Các cô đã nhuộm lại tóc rồi nhỉ,” Jordan nói, và tôi giật mình, nhưng chị em váy vàng đã vô tư rời khỏi đó, khiến cho lời nhận xét của cô nghe như nói với vàng trắng mới mọc trông như một bữa tối vừa được bày ra từ trong giỏ đồ ăn. Với cánh tay thon thả vàng óng của Jordan khoác tựa lên tay tôi, chúng tôi bước xuống thềm và thông thả loanh quanh trong vườn. Một khay cốc tai lượn đến chỗ chúng tôi trong ráng chiều chạng vạng, và chúng tôi ngồi xuống một

bàn với hai cô váy vàng ban nãy và ba người đàn ông, người nào cũng tự giới thiệu mình là ông Mumble⁽¹⁾.

“Cô có thường đến dự những cuộc vui này không?” Jordan hỏi cô gái ngồi cạnh.

“Bữa gần đây nhất là lần em gặp chị đây,” cô kia đáp, giọng tự tin tỉnh táo. Rồi cô ta quay sang hỏi bạn, “Lucille này, cậu cũng thế, nhỉ?”

Lucille cũng thế thật.

“Em thích đến đây,” Lucille nói. “Có thể nào em cũng bắt cần, nên lúc nào em cũng thấy vui. Lần trước ở đây em bị rách toạc cả váy áo vì cái ghế, và ông ấy hỏi tên với địa chỉ của em - chưa đầy một tuần sau em nhận được bưu kiện của cửa hàng Croirier’s trong đó có một bộ váy mặc buổi tối mới tinh.”

“Cô giữ nó chứ?” Jordan hỏi.

“Nhất định rồi. Em đã định mặc nó tối nay, nhưng ngực lại hơi quá rộng, phải chữa cái đã. Nó màu xanh lửa, đính hạt cườm màu tím lục. Hai trăm sáu mươi lăm đô la.”

“Kể cũng hay, có người lại làm một chuyện như vậy,” cô kia hăng hái nói. “Ông ấy chẳng muốn bị rắc rối gì với ai.”

“Ai không muốn cơ?” tôi hỏi.

“Gatsby. Có người bảo em là...”

1 Mumble nghĩa là nói lảm bảm lảm bảm chẳng biết là nói gì. Ba ông này chắc đã ngà ngà cả rồi.

Hai cô gái và Jordan ghé sát vào nhau với vẻ bí mật.

“Có người bảo em họ nghĩ ông ấy đã từng giết người.”

Tất cả chúng tôi đều bỗng hồi hộp hẳn lên. Ba ông Mumble ngả hẳn ra trước háo hức lắng nghe.

“Em cho là không đến nỗi ấy,” Lucille tỏ vẻ nghi ngờ; “Có thể ông ấy là gián điệp Đức hồi chiến tranh thì đúng hơn.”

Một ông Mumble gật đầu khẳng định.

“Tôi nghe chuyện ấy từ một người biết tường tận về ông ta, cùng lớn lên ở Đức với ông ta,” ông này nói như đinh đóng cột.

“Ồ không,” cô gái đầu tiên nói, “không thể thế được, vì hồi chiến tranh ông ấy ở trong quân đội Mỹ mà.” Khi thấy chúng tôi có vẻ tin lời cô nói, cô gái hăng hái chúi ra phía trước. “Lúc nào mình cứ nhìn ông ấy mà xem, lúc ông ấy tưởng là không có ai nhìn ấy. Em cuộc là ông ấy đã giết người.”

Cô gái nheo mắt lại và rùng mình. Lucille cũng rùng mình. Tất cả chúng tôi đều quay ra nhìn khắp xung quanh xem có thấy Gatsby ở đâu không. Thảo nào mà vẫn có lời đồn lảng mạn về ông rằng ngay cả những kẻ đã chán chường buồn thì thảo gì mấy nữa về cõi thế gian này cũng vẫn phải thì thảo về ông ta.

Lúc bảy giờ bữa tối thứ nhất - sau nửa đêm sẽ còn có một bữa nữa - đang được dọn ra, và Jordan

mời tôi sang ngồi ăn với hội bạn riêng của cô tại một bàn khác ở phía vườn bên kia. Có ba cặp vợ chồng và một người đi cùng với Jordan đến đây, một sinh viên hể mở mồm là bóng gió dữ dần, rõ ràng đang tưởng là trước sau gì rồi Jordan cũng sẽ nhượng bộ thân mật với mình không nhiều thì ít. Không ăn nói nhộn nhạo, nhóm này vẫn giữ vẻ làm bộ và tự cho mình có bốn phận đại diện cho tầng lớp quý tộc của khu East Egg đang hạ mình sang chơi với dân West Egg, rất cảnh giác không để mình sa đà vào tâm trạng vui vẻ lố cuồng.

“Mình đi thôi,” Jordan thì thầm sau nửa tiếng đồng hồ vô bổ và gượng gạo, “thế này quá kiểu cách đối với tôi.”

Chúng tôi đứng lên, và cô phân trần là chúng tôi phải đi tìm chủ nhà: Tôi chưa gặp ông ấy bao giờ, cô nói, thấy cũng áy náy. Cậu sinh viên gật gật đầu với vẻ cay đắng u sầu.

Quầy rượu, nơi chúng tôi đến đầu tiên, đông nghẹt người, nhưng Gatsby không có ở đó. Không thấy ông trên thềm nhà, cũng không thấy ông ngoài hàng hiên. Chúng tôi mở hủ họa một cánh cửa trông có vẻ quan trọng và bước vào một thư phòng kiểu gô tích có trần cao, tường ốp toàn gỗ sồi Anh chạm trổ, có vẻ là nguyên cả bộ được mang về từ một phế tích nào đó ở hải ngoại.

Một người đàn ông trung niên to béo đeo cặp

kính hình mắt cú to tướng đang ngồi có vẻ say bên một cái bàn lớn, nhìn chằm chằm lên các giá sách với vẻ không thể nào tập trung được vào đâu. Khi chúng tôi bước vào, ông ta xoay người lại với vẻ phần khích và săm soi Jordan từ đầu đến chân.

“Các vị nghĩ sao?” ông hỏi như ra lệnh.

“Về cái gì cơ?”

Ông hươ tay về phía giá sách.

“Về cái đó. Mà thực ra các vị không cần phải kiểm tra đâu. Tôi đã kiểm tra rồi. Thật cả đấy.”

“Mấy cuốn sách á?”

Ông ta gật đầu.

“Thật một trăm phần trăm - có trang có chữ hẳn hoi. Tôi đã tưởng chúng chỉ là bìa cứng đẹp mắt. Nhưng đúng trăm phần trăm là sách thật. Trang triếc hẳn hoi... Đây này! Để tôi cho các vị xem.”

Mặc nhiên cho rằng chúng tôi vẫn nghi ngờ, ông chạy ù đến tủ sách rồi trở lại với Tập Một của bộ *Các bài giảng của Stoddard*.

“Thấy chưa nào!” ông đắc thắng reo lên. “Một ấn phẩm chính hiệu nhá. Thế mà tôi cứ tưởng là không phải. Thằng cha này dàn cảnh có kém gì Belasco⁽¹⁾. Tuyệt vời đấy. Kỹ lưỡng đến thế là cùng! Thật đến thế là cùng! Lại còn biết lúc nào thì phải

1. David Belasco (1853-1931) là nhà viết kịch và đạo diễn sân khấu nổi danh ở New York lúc bấy giờ.

dừng lại nữa chứ - đã rọc trang nào đâu. Nhưng quý vị muốn gì chứ? Định mong gì nữa chứ?”

Ông giật cuốn sách khỏi tay tôi và vội vàng để lại chỗ cũ, lẩm nhẩm rằng nếu dỡ đi một viên gạch là cả thư viện này sẽ đổ sụp.

“Ai dẫn các vị đến đây?” ông hỏi. “Hay là các vị tự đến? Tôi thì có người dẫn đến. Hầu hết mọi người đều vậy.”

Jordan chăm chú, tươi tỉnh nhìn ông ta nhưng không đáp lại lời nào.

“Tôi đến theo một người tên là Roosevelt,” ông nói tiếp. “Bà Claud Roosevelt. Các vị có biết bà ấy không? Tôi gặp bà ấy ở đâu đó đêm hôm qua. Tôi đã say khoảng một tuần nay rồi, nghĩ bụng nếu có cái thư viện nào mà ngồi thì chắc sẽ tỉnh lại được.”

“Thế đã tỉnh chưa?”

“Cũng hơi hơi, chắc thế. Chưa biết được. Mới ở đây được một tiếng. À mà tôi đã nói với quý vị về mớ sách kia chưa nhỉ? Là sách thật đấy. Chúng...”

“Ông nói rồi.”

Chúng tôi nghiêm trang bắt tay ông ta rồi lại quay ra ngoài.

Giờ thì đang có khiêu vũ trên những chỗ có trải vải bố ở ngoài vườn; ông già đẩy gái trẻ giật lùi theo những đường vòng vô duyên lặp lại mãi, những cặp cao sang uốn éo ôm nhau theo một và chỉ quanh quẩn trong những chỗ khuất - và rất nhiều các cô gái

độc thân múa nhảy một mình hoặc đôi lúc còn chơi đàn banjo hoặc đánh trống đờ cho dàn nhạc. Đến nửa đêm thì không khí càng thêm hưng phấn. Một danh ca giọng nam cao hát bằng tiếng Ý, một giọng nữ trung trầm tai tiếng hát nhạc jazz, và giữa các tiết mục thì người ta làm đủ mọi trò quái dị khắp trong vườn, trong lúc những trận cười vô duyên cứ âm ỉ bay lên vòm trời mùa hạ. Một cặp diễn song sinh, hóa ra lại là hai cô váy vàng, diễn một màn hóa trang của trẻ con, và rượu sâm banh được mang ra cho khách uống bằng những cái cốc thủy tinh to hơn cả bát rửa tay. Trăng đã lên cao hơn, và bập bênh ngoài Vịnh là những vẩy bạc lấp lánh thành một hình tam giác hơi run rẩy theo những nốt đàn banjo giòn tan như đang rơi thành từng giọt nhỏ xíu xuống sân cỏ.

Tôi vẫn ở bên Jordan Baker. Chúng tôi ngồi cùng bàn với một người đàn ông trạc tuổi tôi và một cô gái nhỏ quậy phá hơi tí là cười âm lên không thể ghìm lại được. Bây giờ thì tôi cũng thấy vui rồi. Tôi đã uống hai bát rượu sâm banh, và cảnh tượng trước mắt tôi biến thành một cái gì đó rất có ý nghĩa, rất cơ bản và sâu sắc.

Lúc cuộc vui lắng đi một tí, người đàn ông cùng bàn nhìn tôi và mỉm cười.

“Trông ông rất quen,” ông ta nói, giọng lễ phép. “Ông có ở Sư đoàn 3 trong chiến tranh không nhỉ?”

“Ô, sao ông biết nhỉ! Tôi ở Tiểu đoàn 9 súng máy.”

“Còn tôi thì ở Tiểu đoàn 7 bộ binh cho đến tháng Sáu một chín mười tám. Thấy ông là tôi biết đã gặp ở đâu đó rồi.”

Chúng tôi chuyện trò một lúc về mấy ngôi làng nhỏ xám xịt ướt nhoét ở Pháp. Rõ ràng là ông ta sống ở quanh đây, vì ông bảo vừa mới mua một cái tàu thủy cánh ngầm và đang muốn chạy thử nó sáng hôm sau.

“Muốn đi cùng không, ông bạn? Chỉ chạy dọc gần bờ Vịnh thôi mà.”

“Mấy giờ?”

“Giờ nào tiện cho ông nhất thì đi.”

Tôi đang chực mở mồm hỏi tên ông thì Jordan ngoảnh lại và mỉm cười.

“Giờ thì vui vẻ rồi chứ?” cô hỏi.

“Khá hơn nhiều.” Rồi tôi lại quay sang người mới quen. “Tôi thấy cuộc vui này cũng khác thường. Tôi chưa hề thấy chủ nhà. Tôi sống ở ngay kia...” tôi phẩy tay băng quơ về một phía, “và cái ông Gatsby này thì sai lái xe đem thiệp mời sang.”

Ông ta nhìn tôi một thoáng như không hiểu tôi vừa nói gì, rồi đột ngột ngột bảo, “Tôi là Gatsby đây.”

“Cái gì cơ!” tôi kêu lên. “Ôi, xin ông thứ lỗi.”

“Tôi tưởng là ông biết rồi, ông bạn ạ. Tôi e là mình làm chủ nhà không được thạo lắm.”

Ông mỉm cười với vẻ rất thông hiểu - và còn hơn thế nữa. Đó là một trong những nụ cười hiếm hoi có cái phẩm chất khiến ta thấy yên lòng mãi mãi, có lẽ cả đời chỉ gặp được bốn năm lần. Nó chỉ hướng ra toàn bộ thế giới bên ngoài một khoảnh khắc thôi - hoặc chỉ có vẻ là như vậy - rồi tập trung hết vào ta với một mối cảm tình không thể cưỡng lại được. Nó hiểu ta vừa đến mức như ta muốn người khác hiểu mình, tin ta đúng như ta vẫn muốn tin ở mình, và khiến ta tin chắc rằng nó có đúng cái ấn tượng tốt nhất về ta mà ta vẫn hy vọng gây được ở đời. Chính xác đến đấy thôi là nó biến mất - và tôi lại đang nhìn một gã bặm trợn trẻ tuổi lịch lãm, đã quá tuổi băm một hai năm, có lối nói cầu kỳ chỉ một tí nữa thôi là thành ra ngớ ngẩn. Đã có lúc trước khi người này tự giới thiệu mình, tôi ấn tượng rất rõ rằng ông ta đang lựa lời rất cẩn thận.

Gần như đúng lúc Gatsby cho biết ông ta là ai, một gia nhân vội vàng ra báo tin ông có điện thoại gọi từ Chicago. Ông cáo lỗi để đi, hơi cúi đầu chào cả hai chúng tôi.

“Nếu có cần gì thì cứ bảo nhé, ông bạn ạ, bất cứ thứ gì,” ông dặn tôi. “Xin lỗi. Tôi sẽ trở lại sau.”

Ông ta đi khỏi là tôi lập tức quay sang với Jordan, nóng lòng muốn cho cô biết sự ngạc nhiên của tôi. Tôi cứ tưởng ông Gatsby phải là một người phốp pháp hoa mỹ ở tuổi trung niên.

“Ông ta là ai vậy?” tôi hỏi. “Cô có biết không?”

“Thì ông ta là một người mang tên Gatsby.”

“Tôi muốn hỏi là ông ta ở đâu ra? Và ông ta làm gì?”

“Đến lượt anh cũng bắt đầu tò mò hả!” cô đáp với một nụ cười uể oải. “Thì... đã có lần ông ấy bảo tôi là từng học ở Oxford.”

Một lai lịch mờ nhạt bắt đầu hiện ra như cái nền sau lưng ông, nhưng câu nói tiếp theo của Jordan lại khiến nó lụi đi.

“Nhưng mà tôi không tin.”

“Tại sao thế?”

“Tôi không biết,” cô khẳng khẳng, “nhưng tôi không nghĩ là ông ta đã đến đó.”

Giọng điệu cô có cái gì đó khiến tôi nhớ đến câu “Tôi nghĩ ông ta đã giết người” của cô gái kia, và càng làm tôi thấy tò mò hơn. Tôi sẽ không ngờ vực gì nếu bảo rằng Gatsby xuất thân từ những vùng đầm lầy Louisiana hoặc từ khu Đông Hạ của thành phố New York. Chuyện đó còn có thể hiểu được. Nhưng với đám trai trẻ thì không ai bỗng dưng dạt đến từ đâu từ đâu không ai biết ấy mà lại có thể mua cả một tòa lâu đài ở ngay vịnh Long Island này được - tôi cũng chỉ biết đến thế, từ những kinh nghiệm tỉnh lẻ nghèo nàn của mình.

“Dù sao, ông ta cũng mở những cuộc vui to tát.” Jordan nói, đổi chủ đề với vẻ một dân thành thị

hay chán ghét những chuyện cụ thể. “Mà tôi thì thích những cuộc vui lớn. Chúng thật kín đáo. Ở các cuộc vui nhỏ thì làm sao mà riêng tư được.”

Có tiếng trống cái rộ lên, và giọng nói của trưởng ban nhạc đột ngột vút lên trên cái nền ồn ào náo nhiệt của khu vườn.

“Thưa tất cả quý vị,” ông ta nói lớn. “Theo yêu cầu của ông Gatsby, chúng tôi sẽ trình bày hầu quý vị tác phẩm mới đây nhất của ông Vladimir Tostoff, tác phẩm gây nhiều chú ý tại Khán phòng Carnegie hồi tháng Năm vừa rồi. Nếu đọc báo, quý vị cũng biết rằng nó đã gây chấn động lớn.” Ông ta mỉm cười với vẻ độ lượng dễ dãi, rồi nói thêm, “Chấn động thật ấy chứ!” Đến đó thì mọi người cười ầm cả lên.

“Nhạc phẩm này gọi là,” ông hào hứng nói nốt, “*Lịch sử Thế giới bằng nhạc Jazz* của Vladimir Tostoff.”

Bản nhạc của ông Tostoff ra sao tôi đâu có biết, vì đúng lúc nó bắt đầu thì tôi nhìn thấy Gatsby đang một mình đứng trên bậc thềm đá hoa cương, nhìn hết nhóm khách này sang nhóm khách kia với vẻ hài lòng. Da mặt rám nắng của ông căng nhẵn hấp dẫn và mái tóc ngắn trông như ngày nào cũng được xén tỉa cẩn thận. Tôi không thể thấy có vẻ gì thâm hiểm ở ông. Không biết có phải vì không uống nên ông mới có phong thái khác hẳn khách khứa của mình, mà tôi thấy hình như không khí hưng phấn thân mật càng tăng thì ông lại càng có vẻ đúng mực hơn. Khi

bản *Lịch sử Thế giới bằng nhạc Jazz* kết thúc, các cô đã đang ngả đầu lên vai các chàng với vẻ hời hợt nũng nịu, các cô đang lượn người nghịch ngợm ngả vào vòng tay các chàng, thậm chí ngã vào cả các đám đông, biết rằng thế nào cũng có người đỡ - nhưng không có ai ngả vào Gatsby, không mái tóc ngắn kiểu Pháp đang mốt nào chạm đến vai Gatsby, và chẳng có tốp tam tứ ca nào chụm đầu hát với nhau mà lại thấy có đầu Gatsby.

“Xin ông bà thứ lỗi.”

Người quản gia của Gatsby bỗng đứng ngay cạnh chúng tôi.

“Quý cô Baker phải không ạ?” anh ta hỏi. “Xin quý cô thứ lỗi, ông Gatsby muốn được hầu chuyện riêng quý cô.”

“Với tôi?” Jordan ngạc nhiên.

“Vâng, thưa quý cô.”

Cô từ từ đứng lên, kinh ngạc nhưn mảy về phía tôi rồi theo người quản gia vào nhà. Tôi để ý thấy cô mặc bộ váy buổi tối, như tất cả váy áo khác của cô, cứ như mặc đồ thể thao - những chuyển động của cô có một vẻ tự tin nhanh nhẹn như thể cô vừa mới học được cách đi trên sân gôn vào những buổi sáng trong trời mát lạnh.

Tôi còn lại một mình và đã sắp hai giờ sáng. Đã có lúc tôi nghe thấy những âm thanh mập mờ khó hiểu vọng ra từ gian phòng dài nhiều cửa sổ nhô ra

ngay trên sân. Tránh mặt cậu sinh viên của Jordan, người đang tham gia một cuộc đối thoại có nội dung phụ khoa với hai cô gái nhảy và đang rất muốn tôi nhập cuộc, tôi đi vào trong nhà.

Gian phòng lớn đầy người. Một trong hai cô váy vàng đang chơi dương cầm, đứng cạnh là một thiếu phụ cao lớn tóc đỏ đến từ một dàn hợp xướng nổi tiếng, đang hát. Cô này đã uống nhiều sâm banh, và trong lúc hát bài ấy cô đã quyết định một cách ngớ ngẩn là mọi thứ đều phải buồn, rất buồn - cô không chỉ đang hát, mà còn đang khóc nữa. Cứ đến một khoảng lặng trong bài là cô lấp kín nó bằng những hỗn hển thút thít sụt sịt, sau đó lại tiếp tục ca từ với một giọng nữ cao run rẩy. Nước mắt chảy xuống hai má cô - nhưng không được tự do thoải mái, vì khi dính vào cặp lông mi đánh chải rất sẫm của cô thì chúng đổi thành màu mực, và tiếp tục chậm rãi chảy xuống thành những dòng nhỏ loăn ngoăn đen sì. Có ai đó nói đùa là cô đang hát theo những nốt ấy trên mặt mình, thế là cô vung cả hai cánh tay lên cao rồi ngã người xuống một cái ghế, chìm vào giấc ngủ sâu nồng nặc mùi rượu.

“Bà ấy đã đánh lộn với cái ông tự nhận là chồng bà ấy,” một cô ngay cạnh khuỷu tay tôi giải thích.

Tôi nhìn quanh. Hầu hết các bà còn lại ở đó cũng đang cãi lộn với các ông được biết đều là chồng của các bà. Thậm chí cả hội bạn của Jordan, bộ bốn

đến từ East Egg, cũng đang tan tác vì cái vấ. Một ông đang nói năng với vẻ sần sủ quá trớn với một cô diễn viên trẻ tuổi, và vợ ông ta, sau khi đã cố cười nhạo cái tình huống ấy với vẻ cao ngạo bất cần, đã hoàn toàn mất tự chủ và phải dùng đến chiến thuật tấn công ven sườn - cứ một lúc bà lại thỉnh linh xuất hiện bên cạnh chồng như một viên kim cương giận dữ, và rít lên, “Ông đã hứa rồi nhá!” vào tận tai ông ta.

Không phải chỉ có đàn ông quen giang hồ mới ngại về nhà. Gian sảnh bây giờ chỉ còn có hai ông vẫn tỉnh táo một cách khổ sở và các bà vợ đang phần nộ đến cao độ của họ. Hai bà vợ đang bày tỏ cảm tình với nhau, hơi lên giọng một tí.

“Cứ lúc nào thấy mình đang vui là lão ấy lại muốn về.”

“Cả đời tôi chưa bao giờ nghe cái gì ích kỷ đến thế.”

“Bọn tôi bao giờ cũng là người về đầu tiên.”

“Bọn tôi cũng thế.”

“Này, đêm nay mình gần như là cuối cùng đây,” một ông chồng rụt rè nói. “Dàn nhạc họ về từ nửa giờ trước đây rồi.”

Mặc dù cả hai bà vợ đều đồng ý rằng hành vi xấu xa ấy là không thể tin được, cuộc tranh cãi vẫn kết thúc bằng một trận giằng co chớp nhoáng, và cả hai bà đều bị nhấc bổng lên vào bóng đêm, tha hồ cho giãy giụa.

Lúc tôi chờ lấy mũ ngoài sảnh thì thấy cánh cửa thư viện mở và Jordan Baker cùng Gatsby bước ra. Ông ta đang nói nốt mấy lời với cô, nhưng vẻ khẩn thiết của ông lập tức bị bỏ ngay lại thành một điệu bộ khách sáo khi nhiều người bước đến chỗ ông để chào tạm biệt.

Hội bạn của Jordan đang sốt ruột gọi cô từ ngoài hiên, nhưng cô vẫn nán lại một lúc để bắt tay.

“Tôi vừa nghe một chuyện hết sức lạ lùng,” cô thầm thì. “Bọn tôi ở trong đó bao lâu thế?”

“Sao cơ, khoảng một tiếng.”

“Thật là... đúng là kỳ lạ,” cô nhắc lại vẻ mơ hồ. “Nhưng tôi đã thề sẽ không kể với ai, thế mà giờ lại đang gọi tò mò của ông thế này.” Cô duyên dáng ngáp dài vào mặt tôi. “Làm ơn đến gặp tôi nhé... Danh bạ điện thoại... Đăng ký tên bà Sigourney Howard... Là dì tôi...” Cô vừa nói vừa vội vã ra ngoài - bàn tay rám nâu của cô vẫy chào rần rỏi khi cô biến vào với hội bạn của mình ở ngoài cửa.

Hơi xấu hổ vì mới lần đầu mà đã ở lại muộn thế, tôi nhập vào những người khách cuối cùng đang xúm xít quanh Gatsby. Tôi muốn phân trần rằng tôi đã cố tìm ông từ lúc mới đến và cáo lỗi vì đã không nhận ra ông ở trong vườn.

“Thôi mà,” ông hồ hởi. “Đừng có nghĩ đến chuyện ấy một lần nào nữa, ông bạn.” Câu nói ấy cũng chẳng thân mật gì hơn cái bàn tay vỗ nhẹ

ra chiều khích lệ lên vai tôi. “Và đừng quên chúng ta sẽ cùng đi ca nô cánh ngà với nhau sáng mai, chín giờ nhé.”

Rồi lại tay quần gia, đứng sau vai ông:

“Philadelphia đang đợi ông trên điện thoại, thưa ông.”

“Được rồi, một phút nữa thôi. Bảo họ là tôi sẽ ra ngay... Chúc ngủ ngon.”

“Chúc ông ngủ ngon.”

“Chào nhé.” Ông mỉm cười - và đột nhiên cái sự ở lại với những khách khứa ra về sau cùng của tôi bỗng có một ý nghĩa quan trọng dễ chịu, như thể ông ta đã muốn tôi như thế ngay từ đầu. “Ngủ ngon nhé, ông bạn... Ngủ ngon nhé.”

Nhưng khi bước xuống thềm tôi mới thấy là đêm ấy vẫn chưa kết thúc. Cách của nhà chường mười lăm mười sáu thước, hàng chục cái đèn pha ô tô đang chiếu sáng một cảnh tượng náo loạn kỳ dị. Dưới con hào sâu bên vệ đường, suôn bèn phải chống ngược lên, một bánh xe bị văng đi đầu mất, là chiếc xe hơi hai cửa mới tinh vừa rời khỏi sân nhà Gatsby chưa tới hai phút trước. Bức tường đột ngột nhô ra kia là nguyên nhân làm văng mất cái bánh xe, lúc bảy giờ đang khiến cho hàng nửa tá tài xế xúm xít đứng nhìn. Mà vì họ đều để xe đỗ chắn hết đường, nên từ nãy những xe mắc kẹt phía sau đã giận dữ bóp còi inh ỏi, khiến cho cảnh náo loạn càng thêm dữ dội.

Một ông khoác áo choàng dài từ cái xe đổ chui ra và đang đứng ngay giữa đường, ngõ ngàng vui vẻ nhìn từ cái xe sang cái bánh xe rồi sang đám người đứng xem.

“Thấy chưa!” ông ta phân trần. “Nó xuống hồ rồi.”

Chuyện ấy là vô cùng lạ lùng đối với ông, còn tôi thì nhận ra ngay cái bất thường của sự ngạc nhiên ấy, rồi mới đến chính ông ta - chính là người đã ở trong thư viện của Gatsby lúc trước.

“Sao lại thế được?”

Ông nhún vai.

“Tôi không biết tí gì về máy móc,” ông quả quyết.

“Nhưng mà thế nào mới được chứ? Ông đâm vào tường à?”

“Đừng có hỏi tôi,” ông Mát Cú nói, phủi tay mọi chuyện. “Tôi chả biết gì mấy về lái xe - hầu như không biết gì. Nó xuống hồ, tôi chỉ biết có thể thôi.”

“Này, nếu lái chưa thạo thì đừng có cố lái ban đêm.”

“Nhưng tôi có cố gì đâu,” ông phản nộ, “tôi không hề cố tí nào.”

Đám người đứng xem bỗng im lặng hãi hùng.

“Ông định tự sát hả?”

“Ông may lắm rồi, chỉ chết có cái bánh xe thôi

nhé! Lái đã kém mà lại còn không chịu cố gắng nữa chứ!”

“Các ông không hiểu,” tội phạm lại phân trần. “Tôi có lái đâu. Có một người nữa trong xe mà.”

Cơn choáng do câu nói ấy gây ra bật lên thành một tiếng “Aaaaa....!” kéo dài trong lúc cánh cửa của chiếc xe hai cửa từ từ mở ra. Đám đông - bấy giờ thì đúng là một đám đông - đồng loạt lùi lại một bước, và khi cửa xe đã mở hết ra thì tất cả bỗng im phăng phắc rất ghê rợn. Sau đó, rất từ từ, một hình người tái nhợt từ trong cái xe đổ chập choạng bước ra, lộ dần từng bộ phận, dò dẫm từng bước trên mặt đất trong đôi giày khiêu vũ to tướng.

Lóa mắt vì những luồng đèn pha và ngơ ngác bởi tiếng còi xe rền rĩ không ngừng, bóng ma ấy loạng choạng mất một lúc rồi mới nhận ra ông mặc áo choàng dài.

“Có chuyện gì thế?” gã hỏi với giọng bình thản. “Mình hết xăng à?”

“Nhìn kia kìa!”

Hàng chục ngón tay chỉ cả về phía cái bánh xe bị văng ra - gã chăm chú nhìn nó một lúc, rồi ngẩng nhìn lên trời như đang ngờ rằng nó rơi từ trên ấy xuống.

“Nó văng ra đấy,” có ai đó giải thích.

Gã gật đầu.

“Lúc đầu mình đâu có biết là xe đã dừng.”

Im lặng một lúc. Rồi, hít một hơi dài và uốn người thẳng lên, gã nói với giọng quả quyết:

“Có ai biết trạm xăng nào ở đâu không?”

Ít nhất là hơn chục người, có người còn tỉnh táo hơn gã, xúm vào bảo gã rằng cái bánh xe với cái xe không còn liên kết gì với nhau nữa.

“Thì lùi lại,” gã nói sau khi nghe một lúc. “Cài số lùi.”

“Nhưng bánh xe long ra rồi!”

Gã lưỡng lự.

“Cứ thử đi, mất gì đâu,” gã nói.

Tiếng còi xe rền rĩ như mèo gào đã lên đến cao trào và tôi trở gót đi tắt qua bãi cỏ để về nhà. Tôi có ngoảnh lại nhìn một lần. Vầng trăng tròn mỏng dính chiếu sáng vằng vặc trên tòa nhà của Gatsby, khiến cho đêm vẫn đẹp như trước, trong khi tiếng cười và âm thanh của khu vườn vẫn còn bùng sáng của ông đã lui dần vào im lặng. Lúc bấy giờ, một trống rỗng bất thần bỗng như đang ào ra từ các cửa sổ và cửa ra vào cao rộng kia, phủ một vẻ vô cùng lẻ loi cô độc lên hình bóng của chủ nhà đang đứng trên thềm, một bàn tay đưa lên với điệu bộ tiễn biệt khách sáo.

Đọc lại những gì đã viết, tôi thấy mình làm cho bạn đọc tưởng rằng tôi chỉ quan tâm đến những sự kiện trong ba cái đêm cách nhau hàng nhiều tuần lễ ấy.

Nhưng không phải thế, chúng chỉ là những sự kiện bình thường của một mùa hè bận rộn, và về sau thì không kể, chứ lúc ấy chắc chắn là tôi còn quan tâm đến công việc riêng của mình hơn rất nhiều.

Hầu hết thời gian tôi bận việc. Mới sáng sớm ra mặt trời đã hắt bóng tôi về phía Tây khi tôi hối hả đi xuống khu Hạ New York để tới sở làm là công ty Probity Trust, những mảnh trời hẹp giữa hai dãy cao ốc trắng xóa trước mặt. Tôi biết cả đến tên cúng cơm của từng người trong đám loong toong và đồng nghiệp bán trái phiếu trẻ tuổi, buổi trưa thì cùng ăn xúc xích lợn với khoai tây nghiền và uống cà phê với họ trong những tiệm đông đúc tối mờ. Thậm chí tôi còn có cả một cuộc tình nho nhỏ với một cô gái sống bên Jersey City và làm ở phòng kế toán, nhưng ông anh cô ta đã bắt đầu ném về phía tôi những cái nhìn hằn học cho nên khi cô đi nghỉ hè hồi tháng Bảy thì tôi cũng để mặc cho êm ả bay luôn.

Tôi thường ăn tối ở Câu lạc bộ Yale - không hiểu sao đó lại là sự kiện u ám nhất trong ngày của tôi - rồi sau đó thì lên gác vào thư viện đọc về đầu tư và bảo hiểm độ một tiếng đồng hồ. Nói chung lúc nào cũng có mấy kẻ hay làm loạn ở xung quanh, nhưng chúng không bao giờ vào thư viện, nên vào đó làm việc là tốt nhất. Sau đó, nếu trời đêm êm ả, tôi sẽ thông thả đi bộ xuống Đại lộ Madison, qua khách sạn Murray Hill, sang Phố 33 và đến nhà ga Pennsylvania.

Tôi đã bắt đầu thích New York, cái cảm giác gấp gáp mạo hiểm của nó vào ban đêm, và thỏa thuê không biết chán trước cảnh tượng “ngựa xe như nước áo quần như nêm” ngay trước mắt. Tôi thích đi ngược Đại lộ Năm, đưa mắt chăm những người đàn bà có vẻ lãng mạn trong đám đông và tưởng tượng rằng chỉ ít phút nữa thôi tôi sẽ bước vào cuộc đời họ mà chẳng ai biết đến hoặc chê trách. Đôi khi, tôi mừng tượng mình theo chân họ về nhà ở những góc phố kín đáo, và họ quay lại mỉm cười với tôi trước khi chìm khuất vào bóng tối ấm áp phía sau một cánh cửa. Trong cái tranh tối tranh sáng như có bùa mê của đô thành trắng lệt, đôi khi tôi bị nổi cô đơn ám ảnh, và cảm thấy nổi cô đơn ấy cả nơi người khác - những thầy ký nghèo còn trẻ tuổi đang vật vờ trước cửa kính các nhà hàng, chờ đến giờ vào tiệm ăn bữa tối lẻ loi một mình - những thầy ký trẻ trong ráng chiều, đang lãng phí những giây phút bồi hồi nhất của ban đêm và cuộc đời.

Rồi lúc tám giờ, khi các làn đường sẫm tối của mấy phố từ Phố 40 trở đi đã kín đặc những tắc xi chạy dàn hàng năm về phía khu vực các nhà hát, tôi lại thấy hụt hẫng trong lòng. Những bóng người ngã vào nhau trong tắc xi lúc tắc đường, những giọng hát, rồi tiếng cười vang lên từ những câu đùa không nghe thấy, những đốm lửa thuốc lá vẽ nên những cử chỉ mơ hồ bên trong xe. Tưởng tượng rằng cả mình

nữa cũng đang hồi hả tìm đến cuộc vui trong những gần gũi phấn khích hết như thế, tôi thầm chúc cho họ được toại nguyện.

Một thời gian tôi không thấy Jordan Baker đâu, thế rồi đến giữa hè thì tôi gặp lại cô. Lúc đầu tôi thấy hãnh diện được cặp kè với cô, vì Jordan là một nhà vô địch đánh gôn mà ai cũng biết tiếng. Sau thì không phải chỉ có thế. Chưa hẳn là yêu, nhưng tôi đã có một tình cảm tò mò êm dịu. Về mặt chán chường kênh kiệu mà cô trưng ra với thiên hạ có che đậy một cái gì đó - hầu hết những vẻ làm bộ của người đời cuối cùng đều che đậy một cái gì đó, mặc dù có thể lúc đầu chúng không như vậy - và một hôm tôi đã biết đó là cái gì. Khi cùng đến dự một cuộc vui gia đình trên mạn Warwick, Jordan bỏ cái xe đi mượn ở ngoài mưa mà quên không đóng mui, nhưng rồi lại chối - và thế là đột nhiên tôi nhớ ra câu chuyện về cô mà tôi mãi không thể nhớ ra được hôm ở nhà Daisy. Tại giải đấu lớn đầu tiên của cô đã xảy ra một chuyện cãi vã suýt nữa thì bị đưa lên mặt báo - người ta đồn rằng cô lén chuyển trái bóng gôn của cô ra khỏi vị trí bất lợi ở vòng đấu bán kết. Chuyện ấy suýt biến thành một vụ bê bối, nhưng rồi lại tắt lịm đi. Người nhật bóng rút lại ý kiến ấy của mình, và nhân chứng duy nhất nữa thì công nhận anh ta có thể đã nhầm. Trong tâm trí tôi, tên cô gắn liền với vụ việc đó.

Jordan Baker bẩm sinh vốn hay né tránh những

người đàn ông thông minh sắc sảo, và giờ thì tôi hiểu rằng đó là vì cô cảm thấy an toàn hơn khi ở cùng tâm với những người không bao giờ dám nghĩ đến bất kỳ một hành vi lệch lạc nào của ai. Cô vốn gian dối hết thuốc chữa. Cô không thể chịu nổi khi bị ở vào thế bất lợi, và với tâm lý ấy, tôi cho rằng cô đã bắt đầu gian dối từ khi còn rất trẻ thì mới có thể cứ trung cái điệu cười xác xược mát mẻ ấy ra với thiên hạ mà vẫn thỏa mãn được những nhu cầu của tấm thân rắn chắc nhanh nhẹn của mình.

Chuyện ấy chẳng làm tôi nghĩ khác gì về cô. Tính gian dối ở một người đàn bà là cái mà ta đừng bao giờ trách cứ sâu xa - tôi chỉ thấy tiêng tiếc thế thôi, rồi tôi quên. Cũng hôm đi dự cuộc vui gia đình ấy chúng tôi đã có một trao đổi lạ lùng về chuyện lái xe. Bắt đầu là vì Jordan cho xe chạy qua sát mấy người thợ quá đến nỗi cái cản xóc vướng đứt cả một khuy áo choàng của một người.

“Cô lái kinh quá,” tôi cự nự. “Phải cẩn thận hơn đi, không thì đừng lái nữa.”

“Tôi cẩn thận mà.”

“Đâu có.”

“Ồ, thì người khác cẩn thận,” cô nói cứ như không.

“Thế thì có liên quan gì chứ?”

“Họ sẽ tránh đường cho tôi,” cô khẳng khẳng.

“Phải cả hai bên thì mới có tai nạn.”

“Thế nhờ cô gặp người cũng bất cần như cô thì sao nào.”

“Hy vọng là sẽ không bao giờ,” cô đáp. “Em ghét người bất cần. Cho nên em mới thích anh.”

Đôi mắt xám đen nắng của cô vẫn chăm chú nhìn thẳng ra phía trước, nhưng cô vừa cố tình gọi anh xung em với tôi, và trong giây lát tôi đã nghĩ là mình yêu mất rồi. Nhưng vốn chậm nghĩ và trong người đầy những nội quy vẫn ghì nén những thềm muốn của mình, tôi biết trước hết là phải tự mình dứt khoát với mớ bòng bong ở quê nhà cái đã. Tuần nào tôi cũng vẫn viết một lá thư kết thúc bằng câu “Yêu em,” mặc dù tất cả ý nghĩ của tôi về cô gái ấy chỉ là không hiểu sao lúc chơi quần vợt, môi trên của cô ta lại xuất hiện một vết mồ hôi lấm chấm như ria mép. Dù sao, đã có tồn tại một thỏa thuận mơ hồ cần phải được kín đáo chấm dứt, rồi thì tôi mới được tự do.

Ai cũng nghĩ hẳn mình phải có ít nhất một đức hạnh cơ bản, và của tôi là thế này: tôi là một trong vài người trung thực đã từng có mặt ở đời này.

CHƯƠNG IV

Sáng Chủ nhật khi chuông nhà thờ đổ hồi trong những ngôi làng dọc bờ biển, cả thế giới tài tử giai nhân lại tụ hội ở nhà Gatsby và lấp lánh mê tơi trên vườn cỏ của ông.

“Ông ta là một tay buôn lậu,” đám kiều nữ kháo nhau trong lúc lượn lơ giữa những bàn rượu cốc tai và các luống hoa của ông. “Trước đây ông ấy đã giết một người phát hiện ra mình là cháu của Von Hindenburg⁽¹⁾ và là anh em thúc bá với quý sứ. Với cho tôi một bông hồng nào cung, và rót cho tôi một giọt nữa thôi vào cái ly pha lê ở kia kìa.”

Một bận tôi đã ghi vào chỗ trống trên bảng lịch giờ tàu tên những người đã đến nhà Gatsby trong vụ hè ấy. Giờ thì nó đã cũ, mép gấp đã sòn rách, đề là “Lịch này bắt đầu áp dụng từ ngày 5 tháng Bảy, 1922”. Nhưng tôi vẫn có thể đọc được những cái tên xam xám, và chúng gợi lại ấn tượng còn rõ nét hơn

1. Paul Von Hindenburg (1847-1934): nhân vật quân sự cao cấp của Đức trong Chiến tranh Thế giới thứ nhất và là tổng thống thứ hai của nước Cộng hòa Weimar (1925-1934).

so với ký ức chung chung của tôi về những con người đã thụ hưởng lòng hiếu khách của Gatsby mà chỉ tế nhị đáp lại ông bằng cách chẳng biết tí gì về ông cả.

Xem nào, khách đến từ East Egg thì có vợ chồng Chester Becker, vợ chồng Leech, một ông tên là Bunsen mà tôi có quen hồi ở Yale, và bác sĩ Webster Civet, người chết đuối hè năm ngoái trên mạn tiểu bang Maine. Rồi thì vợ chồng Hornbeam, vợ chồng Willie Voltaire, và cả một gia tộc họ Blackbuck lúc nào cũng díu lại với nhau ở một góc và ghéch mũi lên như bầy dê mỗi khi có ai đi qua gần chỗ họ. Rồi vợ chồng Ismay, vợ chồng Chrystie (đúng ra là Hubert Auerbach và bà vợ ông Chrystie), và Edgar Beaver mà người ta đồn là có mái tóc bóng dung bạc trắng ra như bông chỉ trong một buổi chiều, hoàn toàn chả biết tại làm sao.

Clarence Endive cũng là dân East Egg, tôi nhớ thế. Ông ta đến mỗi một lần, mặc quần lửng trắng bó chên dưới gối kiểu của dân New York gốc Hà Lan, và rồi ẩu đả với một gã vô lại tên là Etty ở trong vườn. Ở xa nữa trên Long Island thì có vợ chồng Cheadle, vợ chồng O.R.P. Schraeder, vợ chồng Stonewall Jackson Abram quê ở Georgia, vợ chồng Fishguard và vợ chồng Ripley Snell. Snell ở đây về thì chỉ ba ngày sau là phải vào trại cải huấn, say lã say lốc ở lối cổng vào nhà đến nỗi bị xe của bà Ulysses Sweet cán lên cả bàn tay phải. Vợ chồng Dancy cũng

có đến, rồi ông S. B. Whitebait đã ngoại lục tuần, rồi Maurice A. Flink, vợ chồng Hammerhead, và Beluga, nhà nhập khẩu thuốc lá, với bảy gái của ông ta.

Đến từ West Egg thì có vợ chồng Pole và vợ chồng Mulready, có Cecil Roebuck, Cecil Schoen, có Gulick là thượng nghị sĩ tiểu bang, Newton Orchid là chủ hãng phim Par Excellence, có Eckhaust, Clyde Cohen, Don S. Schwartz (con trai) và Arthur McCarty, tất cả đều có dính dáng đến phim ảnh, không kiểu này thì kiểu khác. Rồi thì vợ chồng Catlip, vợ chồng Bemberg, và G. Earl Muldoon, anh em với tay Muldoon sau này đã bóp cổ vợ cho đến chết. Da Fontano chuyên cổ động kinh doanh cũng đến, rồi Ed Legros, James B. Ferret có biệt danh “Rượu Rổm”, vợ chồng De Jong và Ernest Lilly - họ đến để đánh bạc, và khi Ferret tha thẩn ngoài vườn thì có nghĩa là ông ta đã nhả túi và hôm sau cổ phiếu của hãng Associated Traction thế nào cũng dao động có lãi.

Một ông tên là Klipspringer ở đó thường xuyên và lâu dài đến nỗi được mệnh danh là “khách trọ” - tôi nghi không biết ông ta có chỗ ở nào khác không. Khách thuộc giới sân khấu thì có Gus Waize, Horace O'Donavan, Lester Myer, George Duckweed và Francis Bull. Cũng ở New York sang còn có vợ chồng Chrome, vợ chồng Backhysson, vợ chồng Dennicker, Russell Betty, vợ chồng Corrigan, vợ chồng Kelleher,

vợ chồng Dewar, vợ chồng Scully, S. W. Belcher, vợ chồng Smirke, vợ chồng trẻ nhà Quinn mà nay đã ly dị, và Henry L. Palmetto, người đã tự vẫn bằng cách nhảy xuống trước mũi một đoàn tàu điện ngầm ở quảng trường Thời đại.

Benny McClenahan lần nào cũng đến với bốn cô gái. Không phải lần nào cũng đúng bốn cô ấy, nhưng giống nhau đến nỗi ai cũng đinh ninh vẫn chỉ là họ. Tôi đã quên tên mấy cô này - Jaqueline, hình như thế, hoặc là Consuela, Gloria, Judy hay June gì đó, còn họ thì toàn những tên hoa tên thánh nghe rất du dương, hoặc là những cái họ nghiêm trang của toàn các nhà tư bản lớn ở Mỹ mà nếu gặng hỏi thì mấy cô đều sẽ thú nhận mình là chị em thúc bá thế nào đó.

Ngoài tất cả những người ấy ra tôi vẫn còn nhớ cả Faustina O'Brien có đến ít nhất là một lần, rồi các cô gái nhà Baedeker và anh chàng Brewer trẻ tuổi bị ăn đạn bay mất cả mũi trong chiến tranh, ông Albrucksburger và cô Haag là vợ chưa cưới của ông ta, Ardita Fitzpeters, ông P. Jewett từng một thời là chủ tịch hội cựu chiến binh Mỹ, cô Claudia Hip và một ông vẫn bị coi là tài xế của cô ta, rồi thì một ông hoàng gì đó mà chúng tôi vẫn gọi là Quận Công, có cái tên gì mà nếu tôi đã biết thì nay cũng quên mất rồi.

Tất cả những người này đều đã đến nhà Gatsby trong vụ hè ấy.

Đúng chín giờ một buổi sáng cuối tháng Bảy, chiếc xe lỏng lẫ của Gatsby lừng lững chạy lên đoạn đường khắp khểnh đến cửa nhà tôi và nổ ra một tràng giai điệu từ bộ còi ba nốt nhạc. Đó là lần đầu tiên ông đến thăm tôi, mặc dù tôi đã sang dự hai cuộc vui của ông, đã lên chiếc tàu thủy cánh ngầm của ông, và theo lời mời khẩn khoản của ông, đã thường xuyên sử dụng bãi tắm của ông nữa.

“Xin chào ông bạn. Ông sẽ dùng bữa trưa với tôi hôm nay và tôi nghĩ mình nên đi cùng xe với nhau.”

Ông đang ngồi vắt vẻo lên tróc bảng điều khiển của chiếc xe với dáng điệu khỏe khoắn đặc biệt Mỹ mà tôi cho là chỉ những ai hồi nhỏ không phải ngồi lì hoặc mang vác nặng nhọc mới có được. Hơn nữa, dáng điệu ấy còn có cái vẻ duyên dáng vô hình của các môn thể thao mạo hiểm đặc biệt của chúng ta. Nó liên tục bộc lộ dưới dạng những cử chỉ nôn nả, cho dù ông vẫn giữ một phong thái rất chững chạc. Không lúc nào ông hoàn toàn yên vị; chân không gõ gõ ở đâu đó thì tay lại sốt ruột mở ra nắm vào.

Ông thấy tôi đang thán phục nhìn cái xe.

“Đẹp đấy chứ, ông bạn!” Ông nhảy ra khỏi xe để tôi nhìn rõ hơn. “Ông đã thấy nó lần nào chưa nhỉ?”

Tất nhiên là rồi. Ai mà chả thấy nó rồi. Một màu kem già, sáng loáng mạ kền, thân dài khùng khiếp, đặc thẳng, với những chỗ lõm ra lõm vào của các loại hộc đựng mũ, đựng đồ ăn, đựng dụng cụ, và trên mũi là một mê cung các tấm kính chắn gió phản chiếu đến hàng chục mặt trời. Ngồi sau những lớp kính ấy như trong một vườn ươm cây bọc da, chúng tôi lên đường vào thành phố.

Tôi tiếp kiến ông chắc phải đến sáu lần trong tháng qua, cũng đã chán vì thấy ông ít chuyện. Cho nên cái ấn tượng ban đầu về một con người bí hiểm đã nhạt dần và ông chỉ còn là sở hữu chủ của cái lữ quán cầu kỳ ngay cạnh nhà.

Thế rồi đến cái chuyến đi phiền toái ấy. Chưa đến West Egg thì Gatsby bắt đầu bỏ dở những câu nói lịch sự và bối rối vỗ lên gối quần cùng màu bánh trứng với cái áo tây ông đang mặc.

“Này ông bạn,” ông bất ngờ hỏi, “ông nghĩ thế nào về tôi chứ?”

Hơi bị ngạc, tôi bắt đầu lảng tránh với những câu trả lời chung chung thích hợp với câu hỏi ấy.

“Tôi hơi được rồi,” ông ngắt lời, “tôi sẽ kể chút ít về đời mình cho ông nghe đây. Tôi không muốn ông nghĩ sai về tôi qua tất cả những chuyện ông đã nghe được ấy.”

Vậy là ông có biết những lời buộc tội quái gở vẫn là món gia vị của những câu chuyện thiên hạ

thường nói với nhau ngay ở nhà mình.

“Tôi sẽ cho ông biết sự thật có trời chứng giám.” Bàn tay phải của ông bỗng như đang ra lệnh cho quỷ thần phải chú ý. “Gia đình tôi rất giàu, ở miền Trung Tây - nay thì chẳng còn ai. Tôi lớn lên ở Mỹ nhưng học ở Oxford, vì tất cả các cụ nhà tôi đều học ở đó từ lâu năm rồi. Đó là truyền thống gia đình.”

Ông liếc xéo tôi một cái - và tôi biết ngay tại sao Jordan Baker lại bảo là ông nói dối. Máy từ “học ở Oxford” của ông rất vội vàng, như bị ông nuốt vội, hoặc bị nghẹn, kiểu như chúng vẫn làm ông lúng túng từ xưa rồi. Với mối nghi ngờ ấy, toàn bộ lời tuyên bố của ông rơi rụng tan tành, và tôi nghĩ liệu có phải là chẳng có gì thâm hiểm ở ông không, suy cho cùng.

“Vùng nào ở Trung Tây thế?” tôi thờ ơ hỏi.

“San Francisco.”

“Thế à.”

“Gia đình tôi không còn ai nên tôi được thừa hưởng rất nhiều tiền.”

Giọng ông nghiêm trang, như thể ký ức về sự tuyệt diệt bất thần của cả một dòng họ ấy vẫn còn đang ám ảnh ông. Trong một thoáng, tôi đã nghĩ không biết có phải ông đang đùa cợt tôi không, nhưng khi nhìn sang ông thì tôi tin là không phải thế.

“Sau đó tôi sống như một ông hoàng Ấn Độ ở mọi kinh thành của châu Âu - Paris, Venice, Rome - sưu tầm châu báu, chủ yếu là hồng ngọc, đi săn thú lớn, vẽ vời tí chút, những thứ chỉ để thích chí mình, và cố quên đi một chuyện rất buồn đã xảy đến với mình không lâu trước đây.”

Phải cố lắm tôi mới không phá lên cười. Bản thân những lời ấy được nói lên một cách sáo mòn đến nỗi chúng chỉ có thể gợi được hình ảnh một “con rối” quần khăn kiểu ông hoàng Ấn Độ, mùng cửa nhồi rơi lá tả qua những lỗ những khe, đang chạy theo một con hổ trong công viên Boulogne ở Paris.

“Thế rồi thì chiến tranh, ông bạn ạ. Thật là một niềm an ủi lớn và tôi đã gắng sức để chết, nhưng hình như tôi phải chịu một cuộc đời có phép lạ. Khi chiến tranh bắt đầu tôi nhận một nhiệm vụ với cấp bậc thiếu úy. Tại khu rừng Argonne tôi dẫn hai đơn vị súng máy tiến xa đến nỗi bị tách biệt cả ở hai phía tới nửa dặm, mà bộ binh thì không thể tiến lên được. Chúng tôi ở đó hai ngày hai đêm, một trăm ba mươi người với mười sáu cỗ súng Lewis. Cuối cùng khi bộ binh lên đến nơi, họ tìm thấy cờ hiệu của ba sư đoàn Đức trong những đồng xác chết. Tôi được phong thiếu tá, và tất cả các chính phủ Đồng minh đều tặng tôi huân chương - thậm chí cả Montenegro, nước Montenegro bé nhỏ ở tận dưới biển Adriatic nữa!”

Nước Montenegro bé nhỏ! Ông đã nâng mấy từ

đó lên và gật đầu với chúng - với một nụ cười. Đó là nụ cười cảm thông với lịch sử nhọc nhằn của Montenegro và bày tỏ cảm tình với những cuộc đấu tranh dũng cảm của nhân dân Montenegro. Nó hàm ơn đầy đủ toàn bộ chuỗi sự kiện quốc gia đã dẫn đến sự tưởng thưởng mà ông nhận được từ con tim nhỏ bé nồng ấm của Montenegro. Giờ thì tâm trạng hoài nghi của tôi đã bị trí tò mò hấp dẫn nhận chìm, giống như khi ta đang giở lướt qua hàng chục tờ tạp chí.

Ông thò tay vào túi quần, rồi thì một mẫu kim loại có móc một dải ruy băng rơi vào lòng bàn tay tôi.

“Đó là cái của Montenegro.”

Trước sự kinh ngạc của tôi, nó có vẻ rất thật. Chạy vòng phía trên là dòng chữ “Orderi de Danilo”, và phía dưới là “Montenegro, Nicolas Rex⁽¹⁾”.

“Lật mặt kia đi.”

“Thiếu tá Jay Gatsby,” tôi đọc, “Vì Lòng Dũng Cảm Phi Thường.”

“Đây là một thứ nữa mà tôi luôn mang theo bên mình. Một lưu niệm của những ngày ở Oxford. Ảnh chụp ở Sân Ba Ngôi - người phía bên trái tôi bây giờ đã thành Tử tước Doncaster.”

1. Dòng trên là “Huân chương Danilo”, dòng dưới là “Vua Nicolas”, vị vua duy nhất của Montenegro từ khi vương quốc này được độc lập từ 1878 đến 1918. Sau đó, Montenegro trở thành một phần của Nam Tư. Sau khi Nam Tư tan rã, Montenegro lại trở thành một nước độc lập kể từ 2006.

Đó là một bức ảnh chụp năm sáu thanh niên mặc đồ thể thao đứng dưới một cổng vòm qua đó có thể thấy nhiều đỉnh tháp nhọn ở phía xa. Có Gatsby ở đó, trông chỉ hơi trẻ hơn một chút - với một cây gậy cricket trong tay.

Vậy là thật cả rồi. Tôi thấy những tấm da hổ như đang bốc lửa trong lầu đài của ông bên bờ Kênh Lớn ở Venice; tôi thấy ông đang mở một cái rương đầy hồng ngọc để nhúng dịu nỗi đau con tim tan nát trong ánh đỏ sáng ngời sâu thẳm của chúng.

“Hôm nay tôi sắp cậy đến ông một việc lớn,” ông nói, dứt túi những đồ lưu niệm của mình với vẻ hài lòng, “nên tôi nghĩ ông nhất định phải biết đôi chút về tôi. Tôi không muốn ông nghĩ tôi chỉ là đồ vô danh tiểu tốt. Ông thấy đấy, tôi thường thấy mình ở giữa đám người dung bởi vì tôi cứ phiêu lãng mãi, cố quên nỗi buồn đã xảy đến với mình.” Ông do dự một lúc. “Ông sẽ được nghe về nó chiều nay.”

“Trong bữa trưa ư?”

“Không, chiều nay. Tôi tình cờ biết là ông sẽ mời cô Baker đi dùng trà.”

“Ông định nói là ông yêu cô Baker?”

“Không đâu ông bạn, không phải thế. Nhưng cô Baker đã tử tế nhận lời nói chuyện với ông về việc này.”

Không biết cái “việc này” ấy là việc gì, nhưng tôi thấy khó chịu nhiều hơn là thích thú. Tôi không

mời Jordan uống trà để bàn chuyện của ông Jay Gatsby. Tôi tin chắc là cái việc ông muốn cậy tôi ấy sẽ rất kỳ quái, và trong giây lát tôi thấy tiếc là mình đã trót đặt chân lên vạt vườn cỏ đông đúc ấy của ông.

Gatsby không nói một lời nào nữa. Ông trở lại về đúng mực của mình khi chúng tôi vào gần đến thành phố. Chúng tôi đi qua cảng Roosevelt thấp thoáng những con tàu lớn có lẫn chỉ mực nước trông như dải thắt lưng màu đỏ, phóng qua một khu phố điêu tàn đường lát đá cuội hai bên toàn những tiệm rượu tối mò mà vẫn có khách, đã có từ những năm vàng son đầu thế kỷ nay đã tàn phai. Sau đó là thung lũng bụi trải dài khắp hai bên, và tôi thoáng thấy bà Wilson đang hì hụi bên cây xăng với vẻ sinh động mệt nhọc khi chúng tôi đi qua đó.

Với những thanh giảm tốc xòe ra như cánh chúng tôi phóng như bay qua đến nửa khu vực Astoria - chỉ mới thế thôi, vì đang lượn ngoằn ngoèo giữa rừng cột chống của đường tàu điện phía trên thì chúng tôi nghe mấy tiếng “cắc-cắc-bùm!” của động cơ mô tô tăng tốc, và một viên cảnh sát đã áp sát ngay cạnh.

“Không sao đâu ông bạn,” Gatsby nói với tôi. Chúng tôi đi chậm lại. Ông lấy trong ví ra một tấm thiệp trắng hươu lên trước mắt người kia.

“Được rồi thưa ông,” viên cảnh sát chịu ngay, hơi ngả mũ chào. “Lần sau thì biết rồi, thưa ông Gatsby. Xin ông thứ lỗi!”

“Cái gì thế?” tôi hỏi. “Ảnh Oxford à?”

“Chả là có lần tôi giúp ông cảnh sát trưởng chút việc, thế là năm nào ông ấy cũng gửi thiệp mừng Giáng sinh.”

Trên cây cầu lớn, nắng xuyên xuống qua giàn cầu lấp loáng không ngừng trên dòng xe chạy, với cảnh thành phố dâng dần lên bên kia cầu như những khối chồng chất trắng phau và những miếng đường, đều được xây bằng một ước vọng từ đồng tiền vốn tự nó chẳng thom thối gì. Thành phố nhìn từ trên cầu Queensboro lúc nào cũng là cái thành phố mới thấy lần đầu, với lời hứa hẹn hoang dại đầu tiên của nó về mọi bí mật và cái đẹp của thế giới.

Một người chết đi ngược chiều với chúng tôi trong chiếc xe linh cữu chất đầy hoa, theo sau là hai cỗ xe kéo rèm kín mít, rồi tiếp đến nhiều xe khác đổ ụ ám hơn chỗ bạn bè. Những người bạn ấy nhìn sang chúng tôi với cặp mắt nảo nùng và môi trên ngấn cùn của dân Đông Nam Âu, và tôi thấy vui vì quang cảnh chiếc xe hoành tráng của Gatsby đã trở thành một phần trong ngày nghỉ ụ sầu này của họ. Khi vượt qua đảo Blackwell, có một chiếc limousine do một anh tài da trắng cầm lái đi qua, trong xe có ba người da đen ăn mặc đúng mốt, hai đực rựa và một gái. Tôi bật cười thành tiếng khi họ lộn mắt nhìn về phía chúng tôi với vẻ ganh tị cố ra điều ngạo mạn.

‘Chuyện gì cũng có thể xảy ra một khi ta đã

vượt qua cây cầu này,” tôi nghĩ; “bất kể là chuyện gì...”

Ngay cả Gatsby cũng có thể dở chứng, chẳng có gì phải đặc biệt ngạc nhiên.

Chiều gấm rú. Tôi gặp Gatsby để ăn trưa trong một tầng hầm nhiều quạt gió ở Phố 42. Hấp háy cho quen dần vì vừa từ ngoài phố sáng trưng bước vào, tôi lơ mơ nhận ra ông ở tiền sảnh, đang nói chuyện với một ông khác.

“Ông Carraway, đây là ông Wolfsheim bạn tôi.”

Một người Do Thái nhỏ bé mũi tẹt ngẩng cái đầu kék sù với hai lỗ mũi rậm rì những lông lên nhìn tôi. Một lúc sau tôi mới thấy cặp mắt nhỏ tí của ông ta trong bóng tối lơ mơ.

“... Thế là tôi nhìn gã một cái,” ông Wolfsheim nói trong lúc vò vập bắt tay tôi, “rồi ông biết tôi đã làm gì không?”

“Gì ạ?” tôi lễ phép hỏi.

Nhưng rõ ràng là ông ta không nói với tôi, vì ông ta buông tay tôi ra và ngoảnh cái mũi biểu cảm của mình sang Gatsby.

“Tôi đưa tiền cho Katspaugh và tôi bảo, ‘Được rồi, Katspaugh, đừng trả nó đồng nào cả chừng nào nó chưa im mồm.’ Nó im mồm luôn, ở ngay đó.”

Gatsby nắm lấy cánh tay hai chúng tôi đẩy về

phía tiệm ăn, còn ông Wolfsheim thì nuốt chửng ngay một câu đang nói dở chừng rồi lập tức ngớ ngẩn như người mộng du.

“Whiskey xô đa đá chứ ạ?” người trưởng bồi bàn hỏi.

“Cái quán này được đấy,” ông Wolfsheim nói, mắt ngược nhìn các thánh nữ Thanh giáo dòng Presbyterian vẽ trên trần nhà. “Nhưng tôi thích cái ở bên kia đường hơn.”

“Được, cho whiskey ấy đi,” Gatsby đồng ý, sau đó quay sang ông Wolfsheim, “Bên ấy nóng chết được.”

“Nóng và chật - đúng thế,” ông Wolfsheim nói, “nhưng đây kỷ niệm.”

“Là quán nào thế ạ?” tôi hỏi.

“Quán cũ Metropole.”

“Quán cũ Metropole,” ông Wolfsheim trầm ngâm, vẻ u sầu. “Đây những gương mặt đã chết và đã đi rồi. Đây những người bạn giờ đây đã vĩnh viễn đi rồi. Còn sống thì tôi còn không thể quên được cái đêm bọn nó bắn chết Rosy Rosenthal ở đó. Bọn bọn tôi có sáu người, và suốt cả buổi tối Rosy ăn nhiều mà uống cũng tợn. Lúc sắp sáng thì thằng bồi bàn đến chỗ ông ấy với vẻ mặt là lạ và bảo có người muốn nói gì với ông ấy ở bên ngoài. ‘Được rồi,’ Rosy nói thế rồi bắt đầu đứng dậy, còn tôi thì kéo ông ấy xuống ghế.

“ ‘Cứ để tụi khốn ấy vào đây nếu chúng muốn

gặp cậu, Rosy, còn thì chớ có ra khỏi gian phòng này, tôi xin cậu đấy.’

“Lúc ấy đã bốn giờ sáng, nếu kéo màn lên thì bọn tôi đã có thể thấy trời sáng rồi.”

“Thế ông ấy có ra không?” tôi ngây thơ hỏi.

“Có chứ còn gì nữa.” Ông Wolfsheim phẫn nộ hất mũi sang phía tôi. “Đến cửa ông ấy còn quay lại nói, ‘Đừng để bồi dọn cà phê của tôi đi nhé!’ Sau đó ông ấy ra ngoài hè phố, và chúng nó bắn ba phát vào cái bụng no căng của ông ấy rồi phóng đi mất.”

“Bốn tên trong bọn ấy bị lên ghê điện,” tôi nói, nhớ lại vụ ấy.

“Năm, kể cả Becker.” Hai lỗ mũi ông quay sang tôi với vẻ quan tâm. “Tôi nghĩ chắc ông đang tìm manh mối làm ăn.”

Hai câu nói liên tiếp một cách lạ lùng ấy khiến tôi giật mình. Gatsby đỡ lời tôi:

“Ô không,” ông kêu lên, “không phải người này.”

“Không phải à?” ông Wolfsheim có vẻ thất vọng.

“Đây chỉ là một người bạn. Tôi đã nói là mình sẽ bàn chuyện ấy lúc khác rồi cơ mà.”

“Xin ông thứ lỗi,” ông Wolfsheim nói, “tôi nhầm người rồi.”

Món thịt nước xốt thái hạt lựu được mang ra, và ông Wolfsheim, lãng quên bầu không khí tình cảm hơn của quán cũ Metropole, bắt đầu ăn với vẻ

tinht tế dữ dần. Trong khi đó, mắt ông đảo rất từ từ khắp xung quanh phòng - kết thúc vòng quay bằng việc soi mới đám khách ngồi ngay sau lưng ông. Tôi nghĩ nếu không có mặt tôi thì thế nào ông cũng phải nhìn xuống cả gầm bàn.

“Nghe này ông bạn,” Gatsby nghiêng sang tôi, “tôi sợ đã làm ông hơi giận sáng nay lúc ở trên xe.”

Lại là cái điệu cười mỉm ấy, nhưng lần này thì tôi cưỡng lại được.

“Tôi không thích những chuyện kín,” tôi đáp, “cũng chẳng hiểu tại sao ông không thẳng thắn nói luôn với tôi điều ông muốn. Sao lại nhất định phải nhờ đến cô Baker?”

“Ồ, chẳng có gì khuất tất đâu,” ông cam đoan. “Cô Baker là một nhà thể thao lớn, ông biết rồi, cô ấy không bao giờ làm một việc gì không đúng đắn.”

Đột nhiên ông nhìn đồng hồ đeo tay, đứng phắt lên, rồi vội vàng ra khỏi phòng, để mặc ông Wolfsheim với tôi ở lại bàn.

“Ông ấy phải gọi điện thoại,” ông Wolfsheim nói, đưa mắt nhìn theo Gatsby. “Một anh chàng rất hay, đúng không nào? Vừa đẹp mã vừa thực là quân tử.”

“Vâng.”

“Dân Oggsford⁽¹⁾ đấy.”

1. Wolfsheim nói sai tên của trường đại học nổi tiếng Oxford.

“Ồ!”

“Ông ấy học Đại học Oggsford ở bên Anh. Ông biết Đại học Oggsford chứ?”

“Cũng có nghe nói.”

“Một trong những đại học nổi tiếng nhất thế giới.”

“Ông quen Gatsby lâu rồi chứ?” tôi hỏi.

“Nhiều năm rồi,” ông đáp với vẻ mãn nguyện. “Tôi vinh hạnh được biết ông ấy từ ngay sau chiến tranh. Nhưng chỉ nói chuyện với ông ấy một tiếng đồng hồ là tôi biết mình đã tìm được một người dòng dõi cao sang rồi. Tôi tự nhủ, ‘Đây mới là loại người mình muốn mời về nhà giới thiệu với mẹ và em gái mình.’ ” Ông dừng một lúc. “Tôi thấy ông đang nhìn cái khuy cài cổ tay áo của tôi.”

Có phải thế đâu, nhưng bây giờ thì tôi nhìn thật. Chúng làm bằng những mẫu ngà voi trông quen quen một cách quái lạ.

“Những tiêu bản đẹp nhất của răng hàm người đây,” ông thông báo.

“Thế à!” tôi nhìn chúng kỹ hơn. “Ý tưởng rất thú vị đây.”

“Ồ.” Ông gấp hai cổ tay sơ mi lên giấu vào tay áo khoác. “Ồ, Gatsby rất thận trọng về chuyện đàn bà. Không bao giờ dám nhìn cả đến vợ bạn nữa cơ.”

Khi đối tượng của lòng tin bản năng ấy quay lại

bàn và ngồi xuống thì ông Wolfsheim uống cạn tách cà phê của mình đánh ực một cái rồi đứng ngay lên.

“Bữa trưa ngon tuyệt,” ông nói, “nhưng tôi phải chia tay nhị vị trai trẻ bây giờ thôi kéo lại quá lạm tâm thịnh tình của các vị.”

“Đừng vội thế, Meyer,” Gatsby nói, chẳng tha thiết gì. Ông Wolfsheim giơ cả hai tay lên như làm phước.

“Quý vị rất tử tế, nhưng tôi là người của thể hệ khác rồi,” ông trình trọng tuyên bố. “Quý vị cứ ngồi bàn chuyện thể thao của quý vị, chuyện các kiều nữ của quý vị, chuyện...” Ông điền một danh từ tưởng tượng vào câu nói của mình với một cái xua tay. “Còn tôi, tôi đã năm chục tuổi đầu rồi, tôi sẽ không quấy rầy quý vị nữa.”

Cái mũi thảm thương của ông rung rung khi ông bắt tay và quay gót bước đi. Tôi tự hỏi không biết mình có nói gì xúc phạm đến ông không.

“Nhiều lúc ông ấy rất đa cảm,” Gatsby phân trần. “Hôm nay là một ngày như vậy. Một nhân vật của đất New York đấy - dân Broadway chính hiệu.”

“Ông ấy là ai thế, diễn viên à?”

“Không.”

“Nha sĩ à?”

“Meyer Wolfsheim á? Không, ông ấy là một tay cờ bạc.” Gatsby lưỡng lự một tí rồi nói tiếp, giọng únh bơ, “Ông ấy là người đã dàn xếp tỉ số giải vô

địch bóng chày toàn quốc Mỹ năm 1919.”

“Dàn xếp tỉ số giải vô địch bóng chày toàn quốc?” tôi lặp lại.

Ý nghĩ ấy khiến tôi chóng cả mặt. Tất nhiên, tôi nhớ là giải vô địch năm 1919 bị cái vụ ấy, nhưng nếu có nghĩ đến thì tôi cũng chỉ nghĩ là nó xảy ra thế thôi, là kết cục của một chuỗi sự kiện không thể tránh khỏi nào đó. Chưa bao giờ tôi dám nghĩ rằng một người mà lại có thể lừa được lòng tin của cả năm mươi triệu người - chỉ với ý chí như nhất của một tên trộm phá két.

“Mà sao ông ta lại làm được chuyện ấy?” tôi hỏi sau một phút im lặng.

“Thấy có cơ hội thì ông ấy làm thôi.”

“Sao lại không phải ngồi tù?”

“Họ không bắt được ông ta, ông bạn ạ. Người thông minh mà.”

Tôi cương quyết trả tiền bữa ăn. Khi bồi bàn mang trả tiền thừa, tôi bỗng nhìn thấy Tom Buchanan đang ở đầu phòng bên kia.

“Đi với tôi tí nhé,” tôi nói, “tôi phải chào một người.”

Vừa nhìn thấy là Tom đứng phắt dậy rào năm sáu bước về phía chúng tôi.

“Lâu nay cậu ở đâu thế hả?” anh sốt sắng hỏi.

“Daisy rất cáu vì cậu không đến chơi đấy.”

“Đây là ông Gatsby, ông Buchanan.”

Hai người qua quýt bắt tay nhau, và trên mặt Gatsby bỗng lộ vẻ lúng túng căng thẳng lạ lùng.

“Thế nào, dạo này ra sao?” Tom hỏi tôi. “Có chuyện gì mà đến ăn mãi tận đây thế?”

“Tôi vừa dùng bữa trưa với ông Gatsby.”

Tôi quay lại phía Gatsby, nhưng ông đã không còn ở đó nữa.

Một ngày tháng Mười năm một nghìn chín trăm mười bảy...

(Jordan Baker nói, chiều hôm đó, ngồi rất ngay ngắn trên một cái ghế lưng thẳng trong khu vườn uống trà của khách sạn Plaza.)

... em đang đi dọc phố từ chỗ này đến chỗ nọ, lúc đi trên hè đường, lúc giẫm lên các vườn cỏ. Em thích bước lên cỏ hơn vì đang đi đôi giày làm ở Anh có những núm cao su tròn dưới đế đi cứ bám sâu xuống mặt đất mềm. Em cũng mặc cái váy vải len ca rô mới cứ có gió thổi là lại phồng lên một tí, và mỗi lần như vậy những lá cờ xanh trắng đỏ treo trước cửa các ngôi nhà lại duỗi thẳng hết ra và kêu lên *phần phật - phần phật - phần phật*, như chặc lưỡi chê trách.

Lá cờ to nhất và vườn cỏ rộng nhất là của nhà Daisy Fay. Chị ấy mới mười tám, hơn em hai tuổi, cho đến lúc bấy giờ vẫn là cô gái được ưa chuộng nhất ở Louisville. Chị ấy mặc đồ trắng, có một chiếc

xe hai cửa mở mui màu trắng, và điện thoại trong nhà chị cứ reo suốt ngày vì đám sĩ quan trẻ tuổi ở doanh trại Taylor ai cũng muốn đặc ân được một mình với chị buổi tối hôm ấy. “Chỉ xin cô một tiếng thôi!”

Buổi sáng hôm đó lúc em đến trước cửa nhà chị ấy thì cái xe trắng đang đậu bên lề đường, chị ấy đang ngồi trong xe với một viên trung úy em chưa từng thấy mặt bao giờ. Họ mãi mê nhau đến nỗi lúc em chỉ còn cách độ dăm ba bước thì chị ấy mới thấy.

“Xin chào Jordan,” chị ấy bỗng lên tiếng gọi. “Đến đây đã nào.”

Em thấy vinh hạnh được chị ấy muốn nói chuyện với mình, vì trong số các chị lớn tuổi hơn, chị ấy là người em mến mộ nhất. Chị ấy hỏi em có định đến Chũ Thập Đỏ làm băng cứu thương hôm ấy không. Em bảo có. Ôi, thế thì em sẽ bảo với họ là chị không thể đến được nhé? Viên sĩ quan nhìn Daisy trong lúc chị ấy nói, một cái nhìn mà cô gái trẻ nào cũng có lúc muốn được nhìn như thế, và vì nó có vẻ lãng mạn đối với em nên em vẫn nhớ như in sự kiện ấy cho đến tận bây giờ. Tên ông ta là Jay Gatsby, và em không thấy lại ông ấy suốt hơn bốn năm sau đó, thậm chí khi đã gặp ông ấy ở Long Island rồi mà em cũng không nhận ra là chính ông ta.

Đó là năm một chín mười bảy. Sang năm sau thì em cũng có vài chàng theo đuổi, và bắt đầu tham

gia thi đấu, thành ra không gặp chị Daisy thường xuyên lắm nữa. Chị ấy đi với đám hơi lớn tuổi hơn mình, là nói mỗi khi chị ấy có bạn ấy. Người ta đồn đại về chị ấy ghê lắm - rằng có mùa đông nọ bà mẹ phát hiện ra chị ấy đang khăn gói để lên New York tiễn biệt một anh lính sắp phải ra hải ngoại. Chị ấy bị ngăn không đi được, và nhiều tuần sau đó chị ấy không nói năng gì với gia đình cả. Sau đó chị ấy không chơi với lính nữa, chỉ chơi với vài anh chàng âm ạch và cận thị trong thị trấn, mấy anh chàng không thể đủ tiêu chuẩn đi lính ấy.

Mùa thu năm sau thì chị ấy lại vui, vui như chưa buồn bao giờ. Sau ngày đình chiến thì chị ấy lại ra mặt với xã hội, sang tháng Hai thì người ta bảo chị ấy đã đính hôn với một ông người New Orleans. Nhưng tháng Sáu thì chị ấy cưới Tom Buchanan người Chicago, đám cưới rùm beng lộng lẫy chưa từng thấy ở Louisville. Chú rể đến cùng với một trăm người trên bốn toa tàu dành riêng, thuê toàn bộ một tầng của khách sạn Muhlbach, và hôm trước lễ cưới thì tặng cô dâu một chuỗi ngọc trai trị giá ba trăm năm mươi ngàn đô la.

Em làm phù dâu. Em vào phòng chị ấy nửa tiếng trước bữa tiệc cưới thì thấy chị ấy đang nằm trên giường trong bộ váy hoa, đáng yêu như đêm tháng Sáu, và say khướt cò bộ. Một tay chị ấy cầm chai Sauterne, tay kia cầm một lá thư.

“Umm... mừng chị đi nào,” chị ấy lấp bắp. “Chưa uống rượu bao giờ, nhưng chao ôi uống mới sướng làm sao.”

“Có chuyện gì thế chị Daisy?”

Em sợ quá, nói thật thê; em chưa thấy một cô gái như thế bao giờ.

“Đây này, em thân umm... mến ời.” Chị ấy mò mẫm trong cái sọt rác đã mang theo lên giường và lôi ra chuỗi ngọc trai. “Mang nó xuống nhà, trả cho người nào là chủ nó ấy. Bảo với cả bọn là Daisy đổi ý rồi. Nói đi nào: Daisy đổi ý rồi!”

Chị ấy bắt đầu khóc - khóc mãi. Em chạy ù ra và thấy một hàu gái của mẹ chị ấy, thế là chúng em khóa cửa phòng lại và cho chị ấy tắm nước lạnh. Chị ấy không chịu buông lá thư, mà cầm theo vào bồn tắm, vo tròn lại thành một trái bóng ướt nhoét, và khi thấy nó đã vụn ra như tuyết rồi mới chịu để em vun vào cái đĩa đựng xà phòng.

Nhưng chị ấy không nói một lời nào nữa. Bọn em cho chị ấy ngửi amoniac, chườm nước đá lên trán, móc váy áo lên người chị ấy, và nửa tiếng sau, khi bọn em bước ra khỏi phòng, chuỗi ngọc trai đã ở quanh cổ chị ấy và sự việc kia chấm dứt. Hôm sau vào lúc năm giờ chị ấy cưới Tom Buchanan với không mấy xúc động, rồi lên đường du ngoạn Biển Nam trong ba tháng liền.

Em gặp họ ở Santa Barbara khi họ trở về, và em

nghĩ chưa bao giờ em thấy một cô gái si mê chồng đến thế. Chỉ cần anh ấy ra khỏi phòng một phút thôi là chị ấy đã ngơ ngác nhìn quanh và nói, “Tom đi đâu rồi?” và sẽ cứ mang vẻ ngơ ngác thất thần ấy cho đến lúc thấy anh đẩy cửa bước vào. Chị ấy thường ngồi trên cát để anh gối đầu lên lòng hàng giờ liền, lấy ngón tay xoa lên hai mí mắt anh, nhìn anh với một vẻ vui mừng sâu thẳm. Thật cảm động khi thấy họ ở bên nhau - nó khiến ta mê mẩn và chỉ dám lén cười thật nhẹ. Đó là tháng Tám. Một tuần sau khi em rời khỏi Santa Barbara, Tom đâm phải một chiếc xe thùng trên đường Ventura vào ban đêm, bị văng mất một bánh xe trước. Cô gái đi cùng với anh ta cũng được báo chí nhắc đến, vì cô ta bị gãy một cánh tay - cô ta làm bồi phòng trong khách sạn Santa Barbara.

Tháng Tư năm sau Daisy sinh con gái, và họ sang Pháp sống một năm. Em gặp họ ở Cannes một mùa xuân, sau đó ở Deauville, và rồi họ trở lại Chicago để ổn định cuộc sống. Daisy rất được mến mộ ở Chicago, anh biết rồi. Họ giao du với một đám người không bao giờ yên vị, tất cả đều trẻ tuổi, giàu có và bạt tử, nhưng chị ấy vẫn giữ được một tăm tiếng hoàn hảo. Có thể vì chị ấy không uống rượu. Không uống là một lợi thế giữa đám tục tử thùng bất chi thành. Ta có thể giữ mồm giữ miệng, và hơn nữa có thể căn thời gian những cái bắt thường nho nhỏ

của mình sao cho không ai thấy và để ý gì được. Có lẽ Daisy chưa bao giờ sa đà vào chuyện bồ bịch - nhưng giọng nói của chị ấy vẫn có một cái gì đó...

Thế rồi, khoảng sáu tuần trước đây, lần đầu tiên sau nhiều năm trời, chị ấy mới lại nghe thấy cái tên Gatsby. Đó là lúc em hỏi anh - anh có nhớ không? - là anh có biết Gatsby bên West Egg không ấy. Sau khi anh về rồi, chị ấy vào phòng đánh thức em dậy và nói, “Gatsby nào thế?”, và khi em mô tả ông ta xong - vẫn nửa thức nửa ngủ - chị ấy nói bằng giọng hết sức lạ lùng rằng nhất định đó là người mà chị ấy đã từng biết ngày xưa. Cho đến lúc ấy em mới chấp nối được ông Gatsby này với viên sĩ quan ngồi trong chiếc xe trắng của chị ấy.

Khi Jordan Baker kể xong tất cả những chuyện ấy thì chúng tôi đã rời khách sạn Plaza được nửa giờ và đang chạy xuyên qua Công viên Trung tâm trên một chiếc xe đôi mở mui. Mặt trời đã lặn xuống sau những chung cư cao tầng của các minh tinh màn bạc ở mấy dãy phố số năm mươi phía Tây, và giọng hát trong trẻo của bọn trẻ gái đang tụ họp trên cỏ như bày dế bống vút lên trong ráng chiều oi bức:

“Ta là ông hoàng Ả Rập.

Tình em thuộc về ta.

Đêm đến khi em đã ngủ
Ta sẽ lén vào lều với em của ta...”

“Một trùng hợp lạ lùng,” tôi nói.

“Hoàn toàn không phải là trùng hợp.”

“Tại sao thế?”

“Gatsby mua tòa nhà ấy vì Daisy ở ngay bờ vịnh bên kia.”

Vậy là không phải ông ta chỉ tơ tưởng đến các vì sao trong cái đêm tháng Sáu ấy. Đối với tôi, ông bỗng sống động như vừa được thoát thai khỏi chốn thâm cung hào nhoáng vô bổ của mình.

“Ông ấy muốn biết,” Jordan nói tiếp, “liệu anh có thể mời Daisy đến nhà một buổi chiều rồi cho phép ông ấy sang thăm không.”

Sự khiêm nhường của lời nhờ cậy ấy làm tôi bị chấn động. Ông đã chờ đợi năm năm trời và mua cả một khu nhà lớn làm chỗ ban phát ánh sao cho lũ bướm đêm vô tình - chỉ để có thể “sang thăm” vườn một người lạ vào một chiều nào đó.

“Anh có cần phải biết tất cả những chuyện này chỉ để ông ấy nhờ một việc nhỏ nhặt đến thế không?”

“Ông ấy sợ, ông ấy đã chờ đợi lâu quá rồi. Ông ấy nghĩ có thể anh sẽ phật ý. Anh thấy đấy, trông thế thôi chứ ông ấy vẫn chỉ là một người bướng bỉnh tầm thường.”

Tôi vẫn thấy áy náy.

“Thế sao ông áy không nhờ em thu xếp cuộc gặp?”

“Ông áy muốn Daisy thấy khu nhà của mình,” Jordan giải thích. “Mà nhà anh thì ở ngay bên cạnh.”

“À!”

“Em nghĩ ông áy đã có ý mong một đêm nào đấy Daisy sẽ tình cờ đến dự một cuộc vui của mình. Nhưng chị áy chẳng bao giờ đến. Thế là ông áy bắt đầu băng quơ hỏi quanh xem có ai biết chị áy không, và bắt gặp em là người đầu tiên. Chính cái đêm ông áy cho gọi em lúc đang khiêu vũ áy, giá mà anh nghe được ông áy rào đón mãi với em như thế nào. Tất nhiên, em lập tức gợi ý một bữa ăn trưa ở New York - và em tưởng ông áy sẽ phát điên:

“ ‘Tôi không muốn làm điều gì bất thường!’ ông áy cứ nói mãi thế. ‘Tôi muốn thấy cô áy ngay cạnh nhà.’

“Khi em bảo anh là một người bạn đặc biệt của Tom, ông áy bắt đầu bỏ luôn toàn bộ ý định đó. Ông áy không biết nhiều lắm về Tom, mặc dù bảo là vẫn đọc một tờ báo Chicago nhiều năm rồi chỉ để xem nhớ có nhìn thấy cái tên Daisy bao giờ không.”

Bấy giờ trời đã tối, và khi xe chạy chui qua một cây cầu nhỏ, tôi quàng tay lên bờ vai óng ả của Jordan, kéo cô về phía mình và ngỏ lời mời bữa tối. Đột nhiên tôi không còn nghĩ đến Daisy và Gatsby

nữa, mà chỉ còn nghĩ đến con người tinh tươm, rắn chắc, hiếm hoi này, một người luôn hoài nghi tất cả, người vừa nhanh nhẩu ngả vừa gọn vào vòng tay tôi. Trong tai tôi bỗng dội lên hồi hộp đến chóng mặt một câu nói: “Trên đời này chỉ có kẻ theo đuổi, người bị theo đuổi, kẻ bận rộn và người mệt mỏi.”

“Daisy cũng phải có được cái gì đó trong cuộc sống của mình anh ạ,” Jordan thăm thì.

“Cô ấy có muốn gặp Gatsby không?”

“Chị ấy phải không biết gì cơ. Gatsby không muốn chị ấy biết. Anh chỉ việc mời chị ấy đến dùng trà thôi.”

Chúng tôi đi qua một rặng cây tối sẫm, rồi đến mặt tiền của phố 59, cả một khối sáng êm dịu chiếu hắt xuống công viên. Không như Gatsby và Tom Buchanan, tôi chẳng có cô nàng nào khiến mình phải tơ tưởng, chẳng thấy một dung nhan nào bỗng bèngh dọc theo những mái hiên tối và biển hiệu chói chang kia, và thế là tôi kéo cô gái ngay cạnh mình, xiết dần vòng ôm. Cái miệng nhợt nhạt khinh khỉnh của Jordan nở một nụ cười, thế là tôi lại kéo sát vào nữa, lần này thì mặt sát mặt.

CHƯƠNG V

Đêm đó khi về đến West Egg tôi phát hoảng trong giây lát tưởng là nhà mình đang cháy. Hai giờ sáng mà cả một góc bán đảo đang sáng rực lên, hư hư ảo ảo trên các bụi cây, còn dây điện bên đường thì thành những tia lấp lánh mỏng dính chạy dài. Đến chỗ ngoặt tôi mới thấy đó là nhà Gatsby, bật đèn sáng trưng từ tháp mái xuống hầm nhà.

Lúc đầu tôi tưởng lại đang có một cuộc vui nữa, một cuộc tụ họp điên loạn đã biến thành một trò “ú-tim-trốn-tìm” hoặc một đêm hoan lạc kiểu “cá mồi xếp hộp” tràn ngập toàn bộ góc ngách của ngôi nhà. Nhưng mà tịnh không có một tiếng động nào. Chỉ có gió reo trong cây, thổi vào dây điện và khiến đèn lấp lóe như thể ngôi nhà đang nháy mắt với bóng tối. Khi chiếc tắc xi đưa tôi về đã ậm ạch quay đi, tôi thấy Gatsby bước qua sân cỏ về phía mình.

“Bên nhà ông trông như Hội chợ Thế giới,” tôi nói.

“Thế à?” Ông lơ đãng quay lại nhìn. “Tôi vừa

mới nhìn qua một sổ phòng. Này ông bạn, mình đi Coney Island⁽¹⁾ đi. Đi xe tôi.”

“Muộn quá rồi.”

“Thế thì mình bơi tí nhé? Cả vụ hè tôi chưa dùng cái bể bơi lần nào.”

“Tôi phải đi ngủ thôi.”

“Thì thôi vậy.”

Ông đợi, nhìn tôi với vẻ nôn nả kiềm chế.

“Tôi đã nói chuyện với cô Baker,” tôi nói sau một lúc im lặng. “Mai tôi sẽ gọi cho Daisy và mời cô ấy đến đây uống trà.”

“Ô, thế là được rồi,” ông hồ hững. “Tôi không muốn gây phiền hà cho ông tí nào.”

“Hôm nào thì tiện cho ông?”

“Hôm nào tiện cho ông ấy chứ?” ông vội chỉnh lại ngay. “Tôi không muốn gây phiền hà cho ông tí nào mà.”

“Vậy ngày kia có được không?”

Ông ngẫm nghĩ một lúc. Sau đó rụt rè nói, “Tôi còn muốn cho cắt cỏ cái đã.”

Cả hai chúng tôi đều nhìn cỏ - có một lần ranh rõ ràng giữa vườn có lối chõm bên nhà tôi với thảm có mướt mà sẫm màu hơn bên nhà ông. Tôi nghĩ chắc ông đang nói đến cỏ nhà tôi.

1. Coney Island là công viên giải trí nổi tiếng của thành phố New York thời kỳ đầu thế kỷ 20.

“Với lại còn một việc nhỏ nữa,” ông ngập ngừng.

“Ông có muốn hoãn lại ít ngày không?” tôi hỏi.

“Ô, không phải về chuyện đó. Ít nhất thì...” ông loay hoay tìm cách mào đầu. “Sao nhỉ, tôi nghĩ - thôi nào, nghe này ông bạn, ông không kiếm được nhiều tiền, đúng không?”

“Không nhiều lắm.”

Nghe thấy thế ông có vẻ yên tâm và nói tiếp với giọng tự tin hơn:

“Thì tôi cũng nghĩ vậy nếu ông thứ lỗi cho - ông biết không, tôi có theo đuổi một công việc nhỏ nữa, kiểu như làm thêm ấy mà, ông biết đấy. Và tôi nghĩ rằng nếu ông không kiếm được nhiều lắm - mà ông đang bán cổ phiếu, phải không ông bạn?”

“Đang cố gắng.”

“Thế thì chắc ông sẽ thấy thích việc này. Sẽ không tốn nhiều thời giờ mà lại có thể nhặt được khá tiền. Mà tình cờ nó cũng thuộc loại việc hơi kín đáo một chút.”

Giờ thì tôi nhận ra rằng nếu như trong những hoàn cảnh khác thì cuộc nói chuyện ấy có thể đã đưa đến một trong những náo loạn của đời tôi. Nhưng vì lời mời ấy rõ ràng chỉ là để trả công thẳng thừng cho cái việc mà ông ta đang nhờ, nên tôi buộc lòng phải từ chối ngay lập tức.

“Tôi cũng đầy việc phải làm rồi,” tôi nói. “Rất

cám ơn nhã ý của ông, nhưng tôi không thể nhận thêm được việc gì nữa.”

“Ông không phải làm bất kỳ việc gì với Wolfsheim đâu.” Hiển nhiên là ông tưởng tôi đang ngại phải dính đến những “manh mối” đã được nhắc đến trong bữa trưa nọ, nhưng tôi cam đoan là không phải như thế. Ông đợi thêm chút nữa, hy vọng tôi sẽ bắt chuyện, nhưng tôi mãi nghĩ quá chẳng còn bụng dạ nào nữa nên ông đành miễn cưỡng ra về.

Buổi tối ấy đã khiến tôi nhẹ đầu và hạnh phúc; tôi nghĩ mình đã ngủ một giấc rất say ngay sau lúc bước vào nhà. Thành thử tôi cũng chẳng biết Gatsby có đi Coney Island hay không, ông đã “nhìn qua các phòng” bao nhiêu tiếng nữa trong lúc tòa nhà vẫn sáng trưng vô duyên như thế. Sáng hôm sau tôi gọi cho Daisy từ văn phòng và mời nó đến uống trà.

“Đừng rủ Tom đấy nhé,” tôi dặn.

“Gì cơ?”

“Đừng đi cùng với Tom.”

“Tom là ai cơ?” nó hỏi, giọng ngây thơ.

Đến ngày hẹn thì trời mưa như trút. Lúc mười một giờ, một người mặc áo mưa kéo theo một cái máy xén có gõ cửa nhà tôi và nói rằng ông Gatsby cử anh ta sang xén cỏ bên này. Tôi lại nhớ ra là đã quên không bảo bà Phần Lan đến giúp, thế là phải lái xe vào làng tìm bà ta giữa các ngõ nhỏ quét vôi trắng ướt sũng và mưa vài cái tách, mấy quả chanh và ít hoa cắm lọ.

Chỗ hoa ấy là thừa, vì lúc hai giờ thì cả một vườn ươm được mang từ nhà Gatsby sang, với vô số bình lọ để cắm. Một tiếng sau, cửa trước khê khàng mở ra và Gatsby vội vã bước vào trong bộ com lê vải len màu trắng, sơ mi tơ bóng ánh bạc, cà vạt màu vàng ròng. Ông ta tái nhợt, mắt thâm quầng vì thiếu ngủ.

“Mọi thứ ổn cả chứ?” ông hỏi ngay.

“Cỏ trông đẹp rồi, nếu là ông hỏi chuyện ấy.”

“Cỏ nào?” giọng ông trống không. “Ô, cỏ ngoài sân.” Ông nhìn ra ngoài cửa sổ, nhưng trông mặt ông thì biết là ông chẳng thấy cái gì hết.

“Trông rất tốt rồi,” ông nói lơ lơ. “Có tờ báo nói là mưa sẽ tạnh vào lúc bốn giờ, hình như là tờ *Nhật báo*. Ông đã có đủ thứ để... để pha trà chưa?”

Tôi dẫn ông vào bếp. Ông nhìn bà Phần Lan có vẻ hơi dè bủ. Cả hai chúng tôi đều sẫm soi kỹ mười hai cái bánh chanh yên mua ở hàng bánh ngọt về.

“Có được không?” tôi hỏi.

“Tất nhiên rồi, tất nhiên rồi! Bánh được đấy!” rồi ông nói thêm một cách rỗng tuếch, “ông bạn ạ.”

Đến ba ruỗi thì mưa dịu lại thành một đám mù ẩm ướt, thảng hoặc mới thấy những giọt nhỏ lửng lơ như sương đọng. Gatsby giở cuốn *Kinh tế học* của Clay với cặp mắt vô hồn, giật mình mỗi khi bà Phần Lan giẫm thành thịch trong bếp, và thỉnh thoảng lại lén nhìn ra dãy cửa sổ mờ mịt như thể bên ngoài đang

có hàng loạt những diễn biến vô hình nhưng đáng sợ. Cuối cùng ông đứng lên và thông báo với tôi bằng một giọng ngập ngừng rằng ông sẽ về nhà thôi.

“Sao thế?”

“Không ai đến uống trà hết. Quá muộn rồi!” Ông nhìn đồng hồ như đang rất vội phải đi đâu đó. “Tôi không thể đợi cả ngày được.”

“Đừng ngạc nhiên; chỉ còn hai phút nữa là đến bốn giờ.”

Ông khó sở ngồi xuống, như bị tôi ấn vào ghế, và ngay lúc ấy thì có tiếng ô tô chạy vào lối nhà tôi. Cả hai chúng tôi đều bật dậy, và tôi đi ngay ra sân, chính mình cũng thấy hơi rợn hết cả người.

Dưới hàng tứ đỉnh hương trụi lá đang tong tong rỏ nước, một cỗ xe mui trần lớn đang vào đến cổng nhà. Nó đỗ lại. Daisy, gương mặt nghiêng nghiêng dưới chiếc mũ ba góc màu tím hồng, nhìn tôi với một nụ cười mê mẩn sáng bừng.

“Người thân mến nhất của em ơi, thế đây đúng thật trăm phần trăm là nơi anh ở đấy à?”

Giọng nó ngây ngất lan tỏa vào màn mưa như những gợn sóng của một thứ nước thần hoang dại. Tai tôi bị cái âm thanh ấy cuốn đi, lên xuống mất một lúc rồi mới nghe ra nó nói gì. Một lọn tóc ướt vắt ngang trên má nó như vệt bút lông màu lam, và bàn tay nó đầm những giọt nước long lanh khi tôi đỡ nó xuống xe.

“Anh phải lòng em đấy à,” nó hạ giọng vào tận tai tôi, “chứ sao anh lại bảo em đến một mình?”

“Đó là bí mật của Lâu đài Rách Mướp. Bảo tài xế của em nó đi chơi đầu độ một tiếng, thật xa vào.”

“Ferdie, một tiếng nữa quay lại nhé.” Sau đó là giọng trầm thì nghiêm trọng: “Tên nó là Ferdie.”

“Xăng có làm mũi nó bị sao không?”

“Chắc là không,” nó ngây thơ đáp. “Tại sao cơ?”

Chúng tôi vào nhà. Tôi sững người khi thấy phòng khách trống không.

“Ồ kìa, buồn cười thật,” tôi kêu lên.

“Buồn cười gì cơ?”

Daisy ngoảnh lại vì có tiếng gõ cửa nhẹ rất lịch sự. Tôi ra mở cửa. Gatsby, nhợt nhạt như người chết, hai tay thọc túi áo ngoài như hai quả tạ, đang đứng trên một vũng nước, gay gắt nhìn vào tận mắt tôi với vẻ bi thảm.

Vẫn thọc tay trong túi áo khoác, ông bước qua tôi vào trong nhà, xoay người như con rối bị giật dây, rồi biến mất vào phòng khách. Trông chẳng ngộ nghĩnh chút nào. Tôi kéo cánh cửa lại cho mưa đang nặng hạt khỏi hắt vào nhà, biết là tim mình đang đập thình thịch.

Im lặng như tờ trong nửa phút. Rồi tôi nghe thấy từ trong phòng khách như có tiếng thì thầm ghen ngào lẫn với tiếng cười nửa chừng, rồi đến giọng Daisy nghe rõ là vờ vịt:

“Nhất định là em mừng khủng khiếp được gặp lại anh đây.”

Rồi lại im; kéo dài đến phát sợ. Không có việc gì ở cửa nữa, tôi đành phải quay vào.

Gatsby, hai tay vẫn đút túi, đang đứng dựa bệ lò sưởi, dáng điệu cố làm ra vẻ hoàn toàn thoải mái, thậm chí chán chường. Ông ngả đầu ra sau đến nỗi tựa cả vào mặt chiếc đồng hồ không chạy kiểu người ta vẫn hay bày trên bệ lò sưởi, và từ vị trí ấy, đôi mắt đau khổ của ông đắm đắm xuống Daisy đang ngồi ghé trên một chiếc ghế cứng quèo với vẻ sợ hãi mà vẫn duyên dáng.

“Chúng tôi đã gặp nhau trước đây,” Gatsby lấp bắp. Ông liếc vội sang tôi, môi hé mở định cười nhưng lại thôi. May sao, chiếc đồng hồ chọn đúng lúc ấy để nghiêng đi như sắp đổ đến nơi vì bị đầu ông tựa vào, và Gatsby vội quay lại, tay run rẩy đỡ lấy nó đặt lại vào chỗ cũ. Rồi ông ngồi xuống, điệu bộ cứng nhắc, khuỷu tay tựa lên thành ghế xô pha, bàn tay đỡ cằm.

“Xin lỗi vì cái đồng hồ,” ông nói.

Tôi thấy mặt mình bùng bùng như bị bỏng nắng nhiệt đới và không tìm được một câu nào trong hàng ngàn câu thông thường vẫn có trong đầu để nói vào lúc ấy.

“Đồng hồ cũ ấy mà,” tôi nói như một thằng ngu xuẩn, tưởng mọi người đều sợ nó sẽ rơi vỡ tan tành xuống sàn nhà.

“Bọn em đã không gặp nhau nhiều năm nay,” Daisy nói, chỉ thản nhiên được đến thế là cùng.

“Đến tháng Mười một tới là được năm năm.”

Câu nói tấp lự của Gatsby khiến chúng tôi lại lúng túng thêm ít nhất là một phút nữa. Tôi đành phải viện cớ cần người giúp pha trà, nhưng lúc cả hai người vừa đứng lên để theo tôi vào bếp thì cái bà Phần Lan quái ác kia đã lại tò tò bung hết cả ra trên một cái khay.

Cũng nhờ ríu rít một lúc với những cốc chén bánh trái ấy mà mọi người mới cảm thấy bình tĩnh để chịu một chút. Gatsby lui vào một chỗ tối trong lúc Daisy và tôi chuyện trò với nhau, chăm chú nhìn chúng tôi hết người này sang người kia với cặp mắt căng thẳng khổ sở. Tuy nhiên, bữa trà này đâu có phải chỉ để mọi người bình tĩnh, cho nên vừa gặp cơ hội là tôi vội vàng cáo lỗi đứng lên.

“Ông đi đâu thế?” Gatsby hốt hoảng.

“Tôi sẽ quay lại.”

“Tôi có chuyện này cần nói với ông cái đã.”

Ông hốt hải theo chân tôi vào bếp, đóng cửa lại, rồi thì thầm, “Ôi, Lạy Chúa!” với một vẻ khốn khổ.

“Có chuyện gì thế?”

“Đây là một sai lầm kinh khủng,” ông nói, lắc đầu liên tục, “sai lầm kinh khủng, kinh khủng.”

“Ông chỉ đang lúng túng thôi, có gì đâu,” rồi may mà tôi đế thêm, “Daisy cũng lúng túng mà.”

“Cô ấy lúng túng ư?” ông nhắc lại với vẻ không tin.

“Chẳng kém gì ông.”

“Đừng nói to thế.”

“Ông đang xử sự như một đứa trẻ,” tôi sốt ruột buột miệng. “Không những thế, ông còn bất lịch sự nữa. Daisy đang ngồi một mình trong kia kia.”

Ông giơ tay lên ngăn tôi lại, nhìn tôi với vẻ trách móc mà tôi không thể quên được, rồi thận trọng mở cửa trở lại phòng bên kia.

Tôi đi ra ngoài bằng cửa sau - đúng như Gatsby đã làm khi hồi hộp đi vòng quanh nhà nửa tiếng trước - rồi chạy đến đứng dưới gốc một cái cây to đầy mấu đen sì có vòm lá lớn rậm rạp làm thành cái mái che mưa. Trời lại mưa như trút, và cái vườn cỏ lồi lõm nhà tôi, đã được người làm vườn của Gatsby xén kỹ, trông loang lổ đầy những vũng bùn nhỏ đục ngầu và những vạt cỏ sưng nước như thời tiền sử. Từ dưới gốc cây ấy chẳng nhìn thấy gì khác ngoài tòa nhà mệnh mông của Gatsby, nên tôi đã ngắm nó, như triết gia Kant ngắm ngọn tháp nhà thờ của ông ta, hàng nửa giờ liền. Một nhà nấu bia xây nó mười năm về trước, khi mới có trào lưu rập lại các phong cách kiến trúc của từng thời kỳ, và có chuyện rằng ông ta đã đề nghị trả hết năm năm thuế thổ trạch cho tất cả hàng xóm trong vùng nếu họ chịu lợp lại những túp nhà nhỏ của mình bằng rơm rạ. Có lẽ vì không được

như vậy nên ông ta đã chán dự định an cư lập nghiệp ở đây, rồi lập tức rơi vào sa sút. Lũ con ông bán tòa nhà khi vòng hoa tang lễ ông vẫn còn treo ngoài cửa. Người Mỹ, trong khi có lúc sẵn lòng làm nông nô, vẫn luôn khẳng khái không chịu nhận là dân quê.

Nửa giờ sau, trời lại hửng nắng, và chiếc ô tô của nhà hàng thực phẩm vòng vào đến cổng nhà Gatsby, chở đồ tươi sống đến cho bữa tối của đám gia nhân - tôi chắc ông sẽ chẳng đựng đến miếng nào. Một hầu gái bắt đầu mở các cửa sổ tầng trên nhà ông, lộ ra một tí ở mỗi cửa, đến cái xây nhô hẳn ra ngoài ở gian giữa thì cô ta đứng vịn bao lon, trầm ngâm nhổ nước bọt xuống vườn. Đã đến lúc phải vào nhà. Khi còn đang mưa thì hình như vẫn nghe thấy cả tiếng hai người lúc trầm lúc bổng theo tâm trạng. Nhưng nay khi trời im ắng thì hình như trong nhà cũng im ắng theo.

Tôi vào nhà - sau khi đã gây ra đủ mọi thứ tiếng động trong bếp, chỉ còn thiếu đẩy đồ cái bếp lò - nhưng vẫn không chắc họ có nghe thấy gì chưa. Hai người đang ngồi ở hai đầu xô pha, nhìn nhau như vừa mới hoặc sắp hỏi nhau cái gì đó, và chẳng còn thấy lúng túng một tí nào nữa. Daisy thì mặt mũi nhòe nhoẹt nước mắt, khi tôi vào nó mới bật dậy và bắt đầu lấy khăn tay lau lau trước gương. Nhưng sự thay đổi ở Gatsby mới thực là kinh ngạc. Ông rạng rỡ hẳn lên; không có một lời hoặc một cử chỉ hân

hoan nào, thế mà một vẻ sung sướng mới mẻ cứ tỏa ra từ ông tràn ngập cả gian phòng nhỏ.

“Ô, xin chào ông bạn,” ông nói như thể không gặp tôi đã nhiều năm rồi. Lúc ấy tôi đã tưởng là ông sẽ còn bắt tay tôi nữa.

“Tạnh mưa rồi.”

“Thế à?” Khi đã vỡ lẽ là tôi vừa nói gì, rồi nhận ra những tia nắng đang lấp lánh trong phòng, ông mỉm cười như một nhà dự báo thời tiết, một người say mê bảo trợ nắng trời, và nhắc lại cái tin ấy với Daisy. “Em nghĩ sao nào? Tạnh mưa rồi.”

“Em mừng lắm, Jay.” Giọng nó thật đẹp, ngẹn ngào nhưng nhớ đón đau, mà vẫn nói hết được niềm vui bất ngờ của nó.

“Tôi muốn ông với Daisy sang bên nhà tôi,” ông nói, “tôi muốn đưa cô ấy đi xem một vòng.”

“Có thật là ông muốn tôi đi cùng không?”

“Nhất định thế mà, ông bạn.”

Daisy lên gác rửa mặt - tôi chợt nghĩ đến mấy cái khăn mặt của mình mà ngượng hết cả người, quá muộn rồi - trong lúc Gatsby và tôi đợi ngoài sân cỏ.

“Nhà tôi trông được đấy chứ, nhỉ?” ông hỏi. “Nhìn cả cái mặt tiền đang bắt nắng, hay chưa kìa.”

Tôi công nhận là tuyệt đẹp.

“Đúng thế.” Ông đưa mắt nhìn khắp tòa nhà, từng cái cửa vòm, từng ngọn tháp vuông. “Mất ba năm tôi mới kiếm đủ tiền để mua đấy.”

“Tôi tưởng ông có tiền thừa kế.”

“Tôi có, ông bạn ạ,” ông nói ngay như máy, “nhưng bị mất hầu hết trong cái cuộc đại loạn ấy - đại loạn chiến tranh ấy.”

Tôi nghĩ ông cũng chẳng biết mình đang nói gì, vì khi tôi hỏi công việc làm ăn của ông là gì thì ông lại đáp, “Đó là việc của tôi,” xong rồi mới nhận ra đấy không phải là câu trả lời thích đáng.

“Ô, tôi đã từng làm nhiều thứ lắm,” ông nói chừa. “Tôi đã từng buôn thuốc rồi sau lại sang dầu hỏa. Nhưng giờ thì thôi cả hai việc đó rồi.” Ông nhìn tôi với vẻ chú ý hơn. “Có phải ông muốn nói là ông đã nghĩ kỹ về lời đề nghị tối qua của tôi không?”

Tôi chưa kịp trả lời thì Daisy đã ở trong nhà bước ra, hai hàng khuy đồng trên bộ váy của nó lấp lánh trong nắng.

“Cái chỗ to tướng ở *kia* ư?” Daisy vừa chỉ tay vừa kêu ầm lên.

“Em có thích không?”

“Em thích, nhưng em không hiểu sao anh có thể sống một mình ở đó được.”

“Lúc nào anh cũng có đầy những người thú vị trong nhà, cả ngày lẫn đêm. Những người làm những thứ rất hay. Những người nổi tiếng.”

Chúng tôi không đi tắt dọc theo bờ Vịnh mà xuống hẻm dưới đường để vào bằng lối cổng lớn. Với những lời thì thào mê hồn, Daisy thán phục hết góc

này đến góc kia của tòa nhà làm theo kiểu vua chúa đang in hình trên nền trời, thán phục những khu vườn, mùi hương cay cay của hoa thủy tiên, mùi thơm tê tê của hoa sơn trà, hoa mận đang nở rộ và cái mùi như có ánh vàng phai của những bụi hoa kim ngân vẫn gọi là hoa “hôn-em-ngoài-cổng”. Thật lạ khi bước lên những bậc thềm hoa cương mà không thấy bóng váy áo sặc sỡ nào ra vào, không nghe thấy âm thanh nào ngoài tiếng chim hót trên cây.

Vào đến trong nhà, khi chúng tôi lững thững qua những phòng hòa nhạc kiểu hoàng hậu Marie Antoinette và những phòng khách sang trọng thời Trung hưng, tôi có cảm giác vẫn có các vị khách đang nấp kín sau những bàn ghế kia, đã được lệnh phải nhin thở im lặng cho đến lúc chúng tôi đi qua. Khi Gatsby khép lại cánh cửa của “Thư viện Đại học Merton”, tôi sẵn sàng thề rằng có nghe thấy tiếng ông Mát Cú cười rộ lên rất ma quái.

Chúng tôi lên gác, qua những phòng ngủ rạp theo kiểu ngày xưa óng ả trong nhung lụa màu hồng màu tía và tươi mát với những bông hoa mới hái, qua những phòng áo, phòng chơi bi a, phòng tắm với những bồn tắm xây chìm - đột nhập vào cả một phòng ngủ và thấy một ông mặc bộ đồ ở nhà đầu tóc rối bù đang làm những động tác luyện tập hỗ trợ gan ở dưới sàn. Đó là ông Klipspringer, người “khách trọ”. Tôi đã thấy ông đi lang thang hau háu ngoài bờ

biển sáng hôm đó. Cuối cùng chúng tôi đến chỗ ở riêng biệt của Gatsby, phòng ngủ, phòng tắm, rồi đến phòng làm việc theo kiểu Adam thì chúng tôi ngồi lại uống một ly rượu Chartreuse gì đó mà ông ta lấy ra từ một cái tủ chìm ở trên tường.

Ông nhìn Daisy suốt, không rời mắt một lần nào, và tôi nghĩ ông đang đánh giá lại mọi thứ trong nhà theo mức độ thờ ơ hay chú ý bộc lộ trên hai con mắt thật đáng yêu kia của nó. Nhiều lúc ông còn ngơ ngác nhìn quanh những tài sản của chính mình, như thể với sự hiện diện kỳ diệu bằng xương bằng thịt của Daisy, tất cả chúng đã không còn là thật nữa. Có lúc ông suýt vấp ngã ở một bậc cầu thang.

Phòng ngủ của ông là gian phòng giản dị nhất trong nhà - chỉ trừ một bộ đồ trang điểm bằng vàng khối nguyên chất mài mờ bày trên mặt bàn gương. Daisy cầm cái lược lên với vẻ sung sướng, rồi lúc nó chải đầu thì Gatsby ngồi xuống, đưa tay lên che mắt và bắt đầu cười.

“Thật lạ lùng hết sức, ông bạn ạ,” ông mê mẩn nói. “Tôi không thể... khi tôi định...”

Rõ ràng ông đã trải qua hai trạng thái và đang bước vào trạng thái thứ ba. Sau khi đã lúng túng và vui mừng vô cớ, ông đang hoàn toàn kinh ngạc trước sự có mặt của Daisy. Lâu nay ông chỉ nghĩ đến chuyện này, đã mơ thấy nó cho đến tận cùng, đã cắn răng chờ đợi, phải nói thế, với một mức độ căng

thẳng không thể tưởng tượng nổi. Giờ đây, khi chuyện ấy đã thành hiện thực, ông đang tắc nghẹn như một chiếc đồng hồ lên dây cót quá tay.

Tĩnh lại sau một phút, ông mở cho chúng tôi xem hai cái tủ kệch sù kiểu cách đặc biệt chứa đầy những com lê áo choàng cà vạt và sơ mi của ông, xếp thành từng chồng như chất gạch, mỗi chồng một tá.

“Tôi có một người bên Anh chuyên mua quần áo cho tôi. Cứ đầu mùa, xuân rồi đến thu, ông ta lại gửi sang một sưu tập đủ bộ.”

Ông lấy ra một chồng sơ mi và bắt đầu ném từng cái một xuống trước mặt chúng tôi, những chiếc sơ mi bằng đũi nguyên chất, bằng lụa dày, bằng vải len mịn, bị xô mất nếp gấp khi rơi xuống chất đóng lộn xộn nhiều màu trên mặt bàn. Chúng tôi còn đang thán phục thì ông đã lại mang thêm ra và cái đồng mềm mại phong phú ấy cứ cao lên mãi - sơ mi kẻ sọc, in hoa và ca rô đủ màu san hô, xanh táo, tím hồng, da cam nhạt, cái nào cũng thêu chữ lông màu lam Ấn Độ. Đột nhiên, thốt lên một tiếng nghẹn ngào, Daisy gục đầu vào đồng áo ấy và bắt đầu khóc như mưa như gió.

“Áo đẹp như thế chứ,” nó thỏn thức, giọng ngán ngát giữa những nếp vải dày. “Em thấy buồn vì chưa từng thấy những cái sơ mi đẹp như thế - đẹp như thế bao giờ.”

Xem nhà xong chúng tôi định ra xem sân vườn và bể bơi, rồi cái tàu thủy cánh ngầm và những luống hoa đang nở giữa hè - nhưng nhìn qua cửa sổ thì thấy trời lại mưa, nên chúng tôi đứng cạnh nhau ở đó nhìn mặt biển gợn sóng ngoài Vịnh.

“Nếu trời không mù thì mình có thể nhìn thấy nhà em ở bên kia vịnh,” Gatsby nói. “Lúc nào em cũng có một đốm sáng xanh, thấp suốt đêm ở chỗ cuối bến thuyền.”

Daisy đột ngột khoác lấy tay ông, nhưng hình như Gatsby vẫn mãi mê với điều ông vừa nói. Có thể ông vừa chợt nhận ra rằng ý nghĩa lớn lao của cái đốm sáng ấy giờ đây đã vĩnh viễn tan biến. So về quãng xa đã chia cách ông với Daisy thì cái đốm sáng ấy có vẻ rất gần với con bé, gần như chạm vào nó. Trông như một đốm sao ở ngay cạnh mặt trăng. Còn bây giờ thì lại chỉ là một đốm sáng xanh ở một bến thuyền. Những thứ vẫn mê hoặc ông thế là đã bị bóp đi mất một.

Tôi bắt đầu đi quanh gian phòng, nhìn ngó nhiều thứ linh tinh trong bóng tối lơ mờ. Tôi để ý đến một bức ảnh lớn chụp một ông có tuổi mặc đồ du thuyền treo trên chỗ bàn viết.

“Đây là ai?”

“Đấy hả? Đây là ông Dan Cody, ông bạn ạ.”

Cái tên nghe hơi quen quen.

“Ông ấy chết rồi. Từng là bạn thân nhất của tôi nhiều năm về trước.”

Có một cái ảnh nhỏ chụp Gatsby để trên bàn, cũng mặc đồ du thuyền, đang ngẩng đầu với vẻ thách thức - có vẻ chỉ độ mười tám đôi mươi.

“Mê chưa kìa,” Daisy kêu lên. “Chải đầu bông! Anh chưa bao giờ bảo em là anh để đầu bông - hay là có du thuyền.”

“Xem này,” Gatsby vội nói. “Đây có nhiều mẫu tin anh cắt từ trên báo lẫn - toàn về em đấy.”

Hai người đứng cạnh nhau xem. Tôi đang định hỏi ông cho xem hồng ngọc thì điện thoại reo, và Gatsby nhấc máy.

“Rồi... Này, bây giờ không nói chuyện được... Không thể nói được ông bạn ạ... Tôi nói là một thị trấn *nhỏ*... Nó phải hiểu thị trấn nhỏ là thế nào chứ... Ồ kìa, nếu nó nghĩ Detroit là thị trấn nhỏ thì thành này vô dụng rồi...”

Ông bỏ máy.

“Đến đây nhanh lên nào!” Daisy gọi từ bên cửa sổ.

Mưa vẫn rơi, nhưng màn trời tối đã hé mở ra ở phía Tây, và có một đám mây hồng óng ánh như vàng rờn cuộn lên trên mặt biển.

“Nhìn kìa,” Daisy sẽ nói, rồi một lát sau mới tiếp lời, “Em chỉ thích có một đám mây hồng kia để đặt anh vào rồi đẩy chạy vòng quanh.”

Lúc ấy tôi đã định đi, nhưng cả hai không chịu; có lẽ có tôi ở đó họ lại càng thấy thỏa hơn khi ở bên nhau.

“Anh biết phải làm gì rồi,” Gatsby nói, “mình sẽ bảo Klipspringer chơi dương cầm.”

Ông ra ngoài gọi “Ewing!” và mấy phút sau thì trở lại với một anh chàng lúng ta lúng túng, vẻ hơi mệt mỏi đeo cặp kính gọng đồi mồi có mái tóc vàng thưa thớt. Bấy giờ anh ta đã ăn mặc chỉnh tề với chiếc “sơ mi thể thao” để hở cổ, giày chạy, quần vải bố màu nhũ nhờ không biết gọi là màu gì.

“Bọn tôi có làm mất buổi tập của anh không?” Daisy lịch sự hỏi.

“Tôi đang ngủ,” ông Klipspringer kêu lên trong cơn lúng túng. “Nghĩa là ban nãy tôi ngủ. Rồi tôi đã dậy...”

“Klipspringer chơi dương cầm,” Gatsby ngắt lời. “Có phải không hả ông bạn Ewing?”

“Tôi chơi không giỏi. Tôi không... tôi có biết chơi thật đâu. Có tập tành gì đâu...”

“Mình xuống nhà đi,” Gatsby lại ngắt lời. Ông bật một cái công tắc. Dây cửa sổ xám xám biến mất khi ngôi nhà sáng rực lên.

Trong phòng nhạc Gatsby chỉ bật một cái đèn ở cạnh cây dương cầm. Ông châm điếu thuốc lá của Daisy bằng một que diêm run rẩy, rồi ngồi xuống với nó trên một cái xô pha ở đầu phòng bên kia, nơi chỉ

có chút ánh sáng hắt lên từ sàn nhà bóng loáng do phản chiếu đèn từ ngoài hành lang.

Khi Klipspringer chơi xong bản *Tổ ấm Tình yêu*, anh ta quay hẳn lại trên ghế và khố sở nhìn quanh tìm Gatsby trong bóng tối.

“Tôi có tập tành gì đâu, các vị thấy đấy. Tôi đã bảo là không biết chơi mà. Không tập tành gì...”

“Đừng nói nhiều nữa ông bạn,” Gatsby ra lệnh. “Chơi đi!”

“Hết sáng rồi chiều tối

Thế ta cũng vui rồi

Có phải vậy không nào...”

Có tiếng gió to bên ngoài và tiếng sấm rền văng vẳng ngoài Vịnh. Mọi thứ ở West Egg đều đã lên đèn; những đoàn tàu điện lao qua màn mưa chờ người đi làm từ New York về nhà. Một ngày của đời người đang bước vào một thời khắc thay đổi sâu xa khác, và không gian như tràn ngập hứng khởi.

“Nhất định là thế rồi còn có gì chắc hơn

Người giàu sẽ giàu hơn và người nghèo sẽ... đẻ con.

Còn trong khi đó,

Giữa những lúc ấy...”

Khi ra chỗ hai người chào tạm biệt, tôi thấy cái vẻ kinh ngạc ngẩn ngơ đã lại ở trên mặt Gatsby, như thể ông bỗng thoáng thấy nghi ngờ không biết niềm

hạnh phúc hiện tại của mình là thật hay giả. Gần năm năm trời còn gì! Chắc hẳn có những lúc ngay trong chiều hôm đó Daisy đã không đúng như ông vẫn mơ tưởng - không phải nó có lỗi gì, mà chỉ là vì ảo mộng của ông sinh động khủng khiếp quá. Nó vượt quá cả Daisy, vượt quá mọi thứ. Ông đã quăng mình vào nó với một say đắm đầy sáng tạo, lúc nào cũng trang hoàng thêm thắt, chẳng bỏ sót dù chỉ một vẩy lông chim sắc sỡ tình cờ vương trên lối ông đi. Thật là không có lửa nào đủ nóng, cũng chẳng tươi mới nào đủ nồng so với những ám ảnh chứa chất trong lòng một kẻ nam nhi.

Thấy tôi nhìn, ông có chỉnh đốn lại bản thân một chút, rõ ràng là thế. Ông nắm lấy tay Daisy, và khi con bé thì thầm cái gì đó vào tai ông, ông quay sang nó với vẻ dạt dào tình cảm. Tôi nghĩ giọng nói trầm bổng nồng nàn của con bé là cái đã khiến ông ngây ngất nhất, bởi vì không thể mơ được một cái gì hơn thế - cái giọng ấy là một bài ca bất tử.

Họ đã quên tôi, nhưng Daisy vẫn ngược mắt đưa tay ra; còn Gatsby thì lúc ấy hoàn toàn không biết đến tôi nữa. Tôi nhìn họ một lần nữa và họ nhìn lại với vẻ xa xôi như đã lạc hẳn vào một sinh quyển căng thẳng nào đó. Rồi tôi ra khỏi phòng và bước xuống những bậc thềm hoa cương vào trong mưa, để mặc họ ở lại đó với nhau.

CHƯƠNG VI

Vào khoảng thời gian ấy, một phóng viên trẻ đầy tham vọng ở New York đến gõ cửa nhà Gatsby một sáng nọ và hỏi ông có gì để nói không.

“Có gì để nói về cái gì chứ?” Gatsby lịch sự hỏi.

“Thì... bất cứ gì mà ông muốn nói.”

Mất đến năm phút rồi mới vỡ lẽ là anh chàng này có nghe mọi người trong văn phòng nhắc đến tên Gatsby trong một câu chuyện mà anh ta không muốn tiết lộ hoặc chưa hiểu hết thể nào đó. Hôm ấy là ngày nghỉ của anh ta và với một sáng kiến đáng khen anh ta đã vội vàng đến tận nơi “xem thể nào”.

Việc chỉ tình cờ thể thôi, nhưng dự cảm của anh phóng viên ấy là đúng. Tai tiếng của Gatsby, phát tán bởi hàng trăm người vẫn sang chơi nhà ông và do đó trở thành những nguồn tin chính thức về quá khứ của ông, đã ngày càng tăng lên trong suốt vụ hè ấy, đến mức chỉ còn chưa xuất hiện trên mặt báo. Những huyền thoại lúc bấy giờ như vụ có một “đường ống ngầm sang Canada⁽¹⁾” cũng dính đến tên

1 Âm chỉ một lời đồn đại rằng bon buôn rượu lậu đã làm cả một đường ống ngầm giữa Mỹ và Canada để chuyên chở rượu.

ông, và còn có một chuyện dai dẳng nữa là ông hoàn toàn không sống trong nhà, mà ở trên một chiếc tàu thủy trông giống một cái nhà, bí mật lên xuống dọc bờ biển Long Island. Rất khó giải thích tại sao những bí mật ấy lại làm cho nhân vật James Gatz người Bắc Dakota này thích thú.

James Gatz - đó mới là tên thực, hoặc ít ra là tên chính thức của ông. Ông đã đổi tên khi mười bảy tuổi, vào một thời điểm đặc biệt đánh dấu bước khởi nghiệp của mình - khi ông thấy chiếc du thuyền của Dan Cody thả neo tại một vùng nước lặng đầy bất trắc trên hồ Superior. Chính là James Gatz đang lang thang dọc bờ hồ chiều hôm đó trong chiếc áo thun rách màu xanh lá cây và cái quần vải bạt, nhưng lại là Jay Gatsby chèo chiếc xuồng đi mượn ra chiếc du thuyền Tuolomee để báo với Cody rằng nửa giờ nữa ông ta sẽ gặp gió lớn có thể lật đắm thuyền.

Có lẽ ông nghĩ ra cái tên này từ trước đó lâu rồi. Bố mẹ ông chỉ là nông dân nghèo cả đời chẳng đi đâu - trong tưởng tượng ông chưa bao giờ thực sự hoàn toàn công nhận họ là bố mẹ mình. Sự thực là Jay Gatsby ở West Egg, Long Island, đã nẩy nòi từ những xác tín lý tưởng về chính bản thân mình. Ông là con trai Đức Chúa Trời - một câu nói mà nếu có nghĩa thì nó nghĩa đúng như vậy - cho nên ông bắt buộc phải chăm lo đến công việc của Đức Chúa Cha, phụng sự một cái đẹp thể tục lớn lao và hào nhoáng.

Cho nên ông đã phát minh ra một Jay Gatsby theo đúng ý của một thằng bé mười bảy tuổi, và đã trung thành với ý tưởng ấy cho đến tận cùng.

Hơn một năm trời ông ngược xuôi dọc bờ Nam hồ Superior, đánh dấm bắt sò, thả câu chăng lưới cá hồi, làm đủ mọi việc khác để có miếng ăn chỗ ở. Thân thể sạm nắng và rắn chắc dần lên của ông sống tự nhiên với những công việc vừa nhọc nhằn vừa nhàn tản của những ngày gian khổ ấy. Ông sớm biết mùi đàn bà, và vì họ làm hư ông nên ông khinh miệt họ, ông ghét gái non tân vì họ không biết gì, ghét những loại khác vì cái thói cứ hay bán loạn lên vì những chuyện mà trong tâm trạng hướng nội mãnh liệt của mình ông cho là rất thường tình.

Nhưng trong lòng ông luôn quay cuồng một cuộc nổi loạn thường trực. Những ý tưởng lạ lùng kỳ quái nhất ám ảnh ông hằng đêm trên giường. Một vũ trụ hào nhoáng không tả xiết quay cuồng hiện ra trong óc ông trong khi chiếc đồng hồ vẫn tích tắc chạy trên giá rửa mặt và ánh trăng sừng sững chiếu sáng đồng quần áo nhàu nát của ông dưới sàn nhà. Đêm nào ông cũng thêm thắt các kiểu cho những mơ tưởng ấy của mình cho tới lúc một cảnh sinh động nào đó khép lại trong vòng tay vô thức của giấc ngủ. Những giấc mơ ấy đã là lối thoát cho trí tưởng tượng của ông trong một thời gian dài; chúng khiến ông dễ chịu khi nhắc nhở ông rằng hiện thực này là

không thật, và hứa với ông rằng nền tảng của thế giới này vẫn còn tựa vững trên đôi cánh thần tiên.

Vài tháng trước đó, dự cảm bản năng về một tương lai huy hoàng đã xui khiến ông tìm đến trường Đại học Thánh Olaf của giáo phái Luther ở miền Nam bang Minnesota. Ông ở lại đó hai tuần, thất vọng vì sự dửng dưng tàn nhẫn của nó trước những hồi trống số phận của mình, trước bản thân số phận, và khinh ghét công việc lao công vệ sinh mà ông làm để kiếm sống ở đó. Sau đó ông lại trôi dạt về hồ Superior, và vẫn đang tìm kiếm việc gì đó để làm vào cái ngày chiếc du thuyền của Dan Cody thả neo xuống chỗ nước nông gần bờ.

Ngày ấy Cody đã năm mươi tuổi, một sản phẩm của những mỏ bạc Nevada, những mỏ vàng ở vùng sông Yukon, và của tất cả những cuộc mạo hiểm tìm kim loại kể từ 1875. Trở thành cự phú với hàng nhiều triệu đô la nhờ những giao dịch đồng đỏ ở Montana, Cody trở nên sung mãn về thể xác nhưng gần như quặt quẹo mềm yếu về tinh thần, và vô số đàn bà, khi nghe hơi chuyện ấy, đã nhào đến bóp nặn tiền ông ta. Những mảnh khước bóp nặn chẳng lấy gì làm thơm tho mà nhờ thế Ella Kaye, một nữ ký giả đã sắm vai *Madame de Maintenon*⁽¹⁾

1. Madame de Maintenon: một thị nữ sau này thành vợ kín của Vua Louise XIV, bị cho là rất khôn ngoan lợi dụng được những mềm yếu của nhà vua để mưu lợi cho mình.

với ông rồi đẩy ông ra biển trên một chiếc du thuyền, đã là chủ đề quen thuộc của các loại báo lá cải ngoa ngôn hồi 1902. Ông lang thang qua các bờ biển quá đổi hiếu khách trong năm năm rồi mới xuất hiện thành số phận của James Gatz tại vịnh Bé Gái.

Với cậu thanh niên Gatz, lúc tựa mái chèo để ngược nhìn hàng lan can trên boong, chiếc du thuyền ấy là đại diện của tất cả cái đẹp và vinh hiển trên thế giới. Tôi đoán là cậu đã mỉm cười với Cody - có lẽ cậu đã biết rằng mọi người thích cậu lúc cậu mỉm cười. Thế nào mà Cody chẳng hỏi cậu mấy câu (trong đó có một câu đã làm bật ra cái tên mới toanh kia), rồi thấy rằng cậu nhanh trí và giàu hoài bão đến mức ngông cuồng. Vài ngày sau ông đưa cậu đến Duluth, mua cho cậu một cái áo khoác màu lam, nửa tá quần vải bố trắng, với một cái mũ lưỡi trai kiểu du thuyền. Và khi con thuyền Tuolomee rời nước Mỹ để đi Tây Ấn và Bờ biển Barbary, Gatsby cũng đi luôn với nó.

Cậu được muốn làm một chân gần như thân cận - trong thời gian ở với Cody cậu lần lượt làm bếp trưởng, thuyền phó, thuyền trưởng, thư ký, thậm chí làm cá quán chế của chủ mình, vì Dan Cody lúc tỉnh biết là Dan Cody lúc say có thể lung tung liều lĩnh đến mức nào, và đã đề phòng những bất trắc ấy bằng cách đặt ngày càng nhiều lòng tin vào Gatsby. Cứ như thế trong năm năm, trong lúc chiếc du thuyền

đi ba vòng quanh châu Âu. Và đã có thể cứ như thế mãi, nếu một đêm nọ Ella Kaye không lên thuyền ở Boston và một tuần sau thì Dan Cody chết trong ghế lạnh.

Tôi nhớ bức ảnh chân dung ông trong phòng ngủ của Gatsby, một người xám xịt cầu kỳ có bộ mặt rắn trổng không - một dân khai phá trác trụy, người từng một thời du nhập sang miền Đông nước Mỹ thói bạo lực man rợ của các nhà thổ và tiệm rượu miền đất mới. Cũng gián tiếp nhờ Cody mà Gatsby uống rượu ít đến thế. Đôi lúc giữa buổi tiệc vui đàn bà thường xoa rượu sâm banh lên tóc ông; để giữ mình, ông đã tạo được thói quen phớt lờ bia rượu.

Ông cũng được thừa hưởng tiền của Cody - một di sản hai mươi lăm ngàn đô la. Nhưng không nhận được đồng nào. Ông không bao giờ hiểu nổi cái thủ thuật luật pháp đã được dùng để hại ông, nhưng toàn bộ chỗ còn lại của nhiều triệu đô la kia đã nguyên vẹn lọt vào tay Ella Kaye. Ông chỉ giữ lại được vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống đặc biệt thích hợp với mình; cái đường viền mờ mờ của Jay Gatsby đã tròn đầy thành hẳn một con người.

Mãi về sau này ông mới kể cho tôi tất cả những chuyện ấy, nhưng tôi đã vừa viết hết ra đây vì muốn đánh tan luôn những đồn đại quá quái lúc đầu về

dòng giống của ông, vốn chẳng đúng một mảy may nào cả. Hơn nữa, ông kể cho tôi nghe những chuyện ấy vào một thời điểm tồi rồi, khi tôi đã đến độ vừa tin hết mà cũng vừa chẳng tin gì về ông nữa. Cho nên tôi lợi dụng lúc tạm ngừng này, khi Gatsby còn đang nghỉ lấy hơi, có thể nói thế, để dẹp đi toàn bộ những quan niệm sai lệch ấy.

Mà đó cũng là một quãng ngừng trong mối liên hệ của tôi với cuộc tình vụng trộm của Gatsby. Nhiều tuần lễ liền tôi không thấy ông, cũng không nghe tiếng ông trên điện thoại - hầu hết thời gian tôi ở bên New York, đi quanh quẩn với Jordan và cố lấy lòng bà dì già nua của cô - nhưng cuối cùng tôi đã sang nhà ông vào một chiều Chủ nhật. Vừa ở đó chưa được hai phút thì có người dẫn Tom Buchanan đến uống rượu. Tôi giật mình, cũng phải thôi, nhưng cái đáng ngạc nhiên hơn là chuyện này đã không xảy ra từ trước.

Một hội ba người đều cưỡi ngựa đến - Tom, một ông tên Sloane và một bà xinh đẹp mặc đồ kỵ sĩ màu nâu đã từng đến chơi đây rồi.

“Tôi rất mừng được gặp các vị,” Gatsby nói, đứng trên thềm nhà. “Rất mừng được quý vị ghé chơi.”

Cứ làm như muốn bọn họ đến chơi thật!

“Ngồi luôn đi. Hút thuốc lá hay xì gà nào.” Ông đi nhanh quanh phòng, tay rung chuông. “Tôi

sẽ có thứ uống mừng các vị, xin đợi cho một phút.”

Ông bị tác động sâu sắc bởi sự có mặt của Tom ở đó. Nhưng không thể thì ông cũng cứ lúng túng cho đến lúc đã đãi họ được món gì, lơ mờ biết rằng họ đến cũng chỉ cốt có thế. Ông Sloane không muốn gì hết. Nước chanh nhé? Không, cảm ơn. Uống chút sâm banh nhé? Thôi cảm ơn không cần gì đâu... Xin lỗi...

“Các vị cưới ngựa thích chứ?”

“Quanh đây đường sá rất tốt.”

“Chắc vì có ô tô...”

“Phải rồi.”

Không thể nhịn được, Gatsby quay sang Tom, người đã chấp nhận mình được giới thiệu như chưa có quen biết gì.

“Nhất định chúng ta đã gặp nhau ở đâu đó rồi, thưa ông Buchanan.”

“Ô vâng,” Tom nói, cho có vẻ phải phép, nhưng rõ ràng chưa nhớ ra. “Có thể thật. Tôi rất nhớ.”

“Khoảng hai tuần trước.”

“Đúng rồi. Ông cùng với cậu Nick đây.”

“Tôi có biết vợ ông,” Gatsby tiếp tục, gần như gây sự.

“Thật vậy à?”

“Cậu ở gần đây hả Nick?”

“Ngay bên cạnh.”

“Thật vậy à?”

Ông Sloane không góp chuyện, ngả người trên ghế với vẻ ngạo mạn; bà kia cũng không nói gì - nhưng khi đã uống hết hai cốc whiskey xô đa đá thì bỗng nhiên trở nên thân thiện.

“Ông Gatsby này, tất cả chúng tôi sẽ đến dự buổi dạ tiệc sắp tới của ông nhé,” bà nói đón. “Được không?”

“Nhất định rồi; tôi sẽ rất mừng được đón các vị.”

“Rất tốt,” ông Sloane nói, không hề có vẻ cảm ơn. “A... chắc phải về thôi.”

“Các vị đừng vội thế,” Gatsby nài nỉ. Ông đã bình tĩnh trở lại và muốn gặp Tom lâu hơn. “Hay là... sao các vị không ở lại dùng bữa tối? Thế nào cũng có mấy vị khác nữa từ New York ghé sang chơi đây.”

“Ông hãy đến ăn tối với *tôi*,” bà kia nói rất nhiệt tình. “Cả hai ông.”

Nghĩa là cả tôi. Ông Sloane đứng lên.

“Đi nào,” ông ta nói, nhưng chỉ là với bà kia.

“Tôi nói thật mà,” bà khẳng khẳng. “Tôi rất mong hai ông tới. Rộng chỗ lắm mà.”

Gatsby nhìn tôi dò hỏi. Ông muốn nhận lời, và ông không thấy rằng ông Sloane không hề muốn thế.

“Tôi thì không được rồi,” tôi nói.

“Thế ư, thì ông vậy,” bà nài nỉ, chăm chú vào Gatsby.

Ông Sloane nói thầm cái gì đó vào tai bà.

“Mình đi ngay bây giờ mà, muộn thế nào được,” bà nói.

“Tôi không có ngựa,” Gatsby nói. “Tôi vẫn cuối hồi còn ở quân đội, nhưng chưa bao giờ mua ngựa. Tôi sẽ theo chân các vị bằng ô tô vậy. Cho tôi một phút nhé.”

Mọi người đều đi ra cửa, đến thềm ngoài thì Sloane với bà kia tách riêng ra một bên và bắt đầu đôi co rất hăng chuyện gì đó.

“Chết thật, tay này định đi thật mất thôi,” Tom nói. “Hắn không biết là bà ấy chỉ mời roi thôi à?”

“Bà ấy nói rất mong ông ấy mà.”

“Bà ấy mở tiệc lớn mà tay này thì không biết mặt nào ở đó cả.” Anh nhăn mặt. “Không hiểu hắn gặp Daisy ở chỗ quái quỷ nào chứ. Nói có Chúa, có thể đầu óc tôi cổ lỗ thật, nhưng bây giờ đàn bà họ lăng quăng quá không chịu nổi. Họ gặp gỡ đủ loại ba lăng nhăng.”

Đột nhiên ông Sloane với bà kia bước xuống thềm và lên ngựa luôn.

“Đi nào,” ông Sloane bảo Tom, “muộn rồi. Phải đi thôi.” Rồi ông quay sang tôi: “Bảo ông ta là chúng tôi không đợi đâu, được chứ?”

Tom bắt tay tôi, còn hai người kia với tôi thì chỉ gật đầu với nhau lấy lệ, rồi họ thúc ngựa chạy xuống lối ra đường, mất dạng dưới những vòm lá thàng

Tám rậm rạp đúng vào lúc Gatsby từ trong nhà bước ra đến cửa, tay cầm mũ và áo choàng.

Rõ ràng là Tom khó chịu vì Daisy hay đi chơi một mình, nên đến thứ Bảy tuần sau đó anh đi với nó đến dự tiệc nhà Gatsby. Có lẽ sự có mặt của anh đã khiến cho đêm đó có một không khí ngọt ngào khó chịu rất lạ - nó khác hẳn với những buổi dạ tiệc của Gatsby trong mùa hè ấy. Thì vẫn những con người ấy, hoặc cũng là một loại như thế, vẫn sâm banh như suối, vẫn lòe loẹt lấm màu, vẫn náo loạn đủ kiểu, nhưng tôi cảm thấy khó chịu trong không gian, một gợn gợn bức bối bao trùm chưa thấy có bao giờ. Nhưng có thể cũng chỉ vì tôi đã quen với nơi này, đã mặc nhiên coi West Egg là một cõi biệt lập với những tiêu chuẩn riêng, những nhân vật lớn lao riêng của nó, không gì hơn được nữa bởi nó không hề biết là liệu nó có kém ai, và bây giờ thì tôi đang phải nhìn lại nó theo con mắt của Daisy. Bao giờ mà chẳng thấy buồn khi nhìn lại những gì mình đã quá quen thuộc bằng một con mắt khác.

Họ đến lúc chạng vạng tối, và khi chúng tôi dạo bước giữa hàng trăm con người đang sùng sục lấp lánh, giọng nói của Daisy đã lại đang giở trò thì thầm mơn trớn.

“Em thích những thứ này thế không biết,” nó thì thầm thì. “Nếu anh muốn hôn em bất kỳ lúc nào đêm nay, Nick ạ, anh cứ bảo em rồi em sẽ thu xếp

cho anh nhé. Chỉ cần nhắc đến tên em. Hoặc đưa em một cái thiệp xanh. Em sẽ phân phát thiệp xanh...”

“Nhìn quanh mà xem,” Gatsby nói.

“Tôi đang nhìn đây. Tôi đang thấy một điều kỳ diệu...”

“Các vị sẽ thấy mặt nhiều người mà các vị mới chỉ nghe tiếng.”

Tom ngạo mạn đưa mắt nhanh qua đám đông.

“Chúng tôi không đi đâu đấy,” anh nói, “nói thật, tôi vừa nghĩ có lẽ mình không biết một ai ở đây.”

“Có lẽ ông biết quý bà ở kia,” Gatsby chỉ một người đàn bà lộng lẫy như tinh vân hoa lan đang ngồi rất sang trọng dưới gốc một cây mận trắng. Tom và Daisy ngậy người, với vẻ ngổ ngàng đặc biệt khi nhận ra một mình tinh màn bạc vốn chỉ được nghe danh mà chưa bao giờ được giáp mặt.

“Bà ấy dễ thương quá,” Daisy nói.

“Người đang cúi xuống bên cạnh là đạo diễn của bà ấy đấy.”

Gatsby đưa hai người đi giới thiệu với từng nhóm một:

“Bà Buchanan... và ông Buchanan...” Sau một giây lưỡng lự, ông nói thêm: “cầu thủ polo.”

“Ồ không,” Tom vội phản đối, “không phải đâu.”

Nhưng rõ ràng mấy từ ấy làm Gatsby khoái trá,

vì ông vẫn tiếp tục giới thiệu Tom là “cầu thủ polo” suốt đêm hôm ấy.

“Tôi chưa thấy nhiều người nổi tiếng như thế này bao giờ,” Daisy kêu lên. “Tôi thích ông kia - tên ông ta là gì thế? Ông có cái mũi xanh lơ kia kìa.”

Gatsby nói tên ông ta, thêm rằng đó là một nhà sản xuất phim nhỏ thôi.

“Vâng, nhưng mà tôi vẫn thích ông ấy như thường.”

“Tôi thà đừng làm cầu thủ polo còn thích hơn,” Tom vui vẻ nói, “tôi thích được nhìn tất cả những người danh tiếng này - mà không ai biết đến mình.”

Daisy và Gatsby khiêu vũ. Tôi nhớ là đã ngạc nhiên thấy ông đi điệu fox trot rất duyên dáng và bài bản - trước đây tôi chưa thấy ông khiêu vũ bao giờ. Sau đó hai người thả bộ sang bên nhà tôi và ngồi chơi ở thềm nhà nửa giờ liền, trong lúc đó, theo đề nghị của Daisy, tôi đứng ở ngoài vườn để canh chừng cho họ. “Nhớ ra có hỏa hoạn hay nước lụt,” nó bảo thế, “hoặc ông trời giở trò gì đó khác.”

Tom lại xuất hiện khi chúng tôi ngồi vào bàn ăn với nhau. “Các vị có cho phép tôi ăn với mấy người ở đằng kia không?” anh nói. “Có anh chàng sắp tiết lộ mấy chuyện vui lắm.”

“Xin cứ việc,” Daisy hồ hởi đáp, “mà nếu anh thích ghi lại số điện nào thì có cái bút chì vàng của em đây này.” ... Sau đó một lúc nó nhìn quanh rồi bảo tôi

con bé ấy “thường lắm nhưng mà xinh”, và tôi biết rằng ngoài nửa tiếng đồng hồ được một mình với Gatsby ra nó chẳng thấy vui gì ở bữa tiệc hôm đó nữa.

Bàn chúng tôi ngồi đặc biệt chênh choáng. Đó là lỗi tại tôi - Gatsby phải vào nhà nghe điện thoại, còn tôi thì vừa mới hai tuần trước đã gặp gỡ vui vẻ với mấy người này rồi. Nhưng những cái tôi thích ở họ từ lần trước nay lại thành khó ngủi.

“Cô thấy trong người thế nào, cô Baedeker?”

Cô gái bị hỏi cứ định gục đầu vào vai tôi mà chưa được. Nghe hỏi thế, cô ta ngồi thẳng lại và mở mắt ra.

“Cái gì cơ?”

Một bà lưng lửng cử chỉ lơ đãng, đang cố nài Daisy chơi gôn với mình ở câu lạc bộ địa phương ngày hôm sau, lên tiếng bênh cô Baedeker:

“Ô, cô ấy ổn rồi mà. Mỗi lần uống hết năm sáu ly cốc tai là cô ấy lại hay kêu la như thế. Tôi bảo cô ấy phải thôi đừng uống nữa.”

“Thì tôi có uống đâu nào,” nạn nhân khẳng định, chẳng biết mình đang nói gì.

“Chúng tôi nghe tiếng cô gào lên, nên tôi mới bảo ông đốc tờ Civet đây: Ông đốc ơi, có người cần đến ông đây này.”

“Cô ấy biết ơn lắm, tôi chắc thế,” một người bạn khác nói, giọng tỉnh bơ, “nhưng ông đã làm ướt hết váy áo của cô ấy lúc ấn đầu cô ấy xuống bể bơi.”

“Cái tôi ghét nhất là bị ấn đầu xuống bể bơi,” cô Baedeker lúng búng. “Có lần người ta suýt làm tôi chết đuối bên New Jersey.”

“Vậy thì cô đừng động đến rượu nữa,” đốc tờ Civet cự lại.

“Ông đừng đụng đến rượu thì có!” cô Baedeker hung hăng gào lên. “Tay ông run kia kìa. Ông đừng có hòng mỗ cho tôi nhá!”

Cứ như thế. Gần như điều cuối cùng tôi còn nhớ là đứng với Daisy ngắm ông đạo diễn phim với bà minh tinh của ông ta. Họ vẫn ở dưới góc màn trắng, sát mặt vào nhau, chỉ còn cách có một vệt ánh trắng nhợt nhạt ở giữa. Tôi bỗng nghĩ chắc ông ta đã từ từ ngã về phía bà suốt cả buổi tối cho đến giờ mới sắp lại được như thế, và thậm chí lúc đó, khi tôi đang nhìn, ông ta mới cúi thêm được một ly nữa để hôn lên má bà.

“Em thích bà ấy,” Daisy nói. “Em thấy bà ấy dễ thương.”

Nhưng mọi thứ khác đều làm nó phật ý - mà không thể nói gì được, vì nó có làm gì đâu, chỉ cảm thấy thế thôi. Nó thấy kinh hãi West Egg, cái chốn chưa từng thấy đã nảy nòi từ thế giới đào kép của Broadway tại một làng chài lưới Long Island - kinh hãi bởi cái sinh lực sống sít đang lồng lộn dưới những hoa mỹ xưa cũ, bởi cái số phận ngang trái đã lừa các cư dân của nó vào một lối tắt quanh quẩn chẳng biết

đến đâu. Nó thấy một cái gì đó thật đáng sợ trong chính cái giản đơn mà nó không thể hiểu nổi.

Tôi ngồi ngoài bậc thềm với vợ chồng Tom trong lúc họ chờ xe. Phía đằng trước chỗ ấy tối om, chỉ có một luồng sáng chừng hơn một mét vuông hắt ra từ khuôn cửa trước rọi vào bóng tối mềm mại của buổi rạng ngày. Đôi khi một bóng người đi in hình lên màn cửa sổ của phòng thay đồ trên gác, rồi đến một bóng người nữa, những bóng người nối tiếp nhau vô tận, những son những phấn trong một tấm kính vô hình.

“Nhưng tay Gatsby này là ai mới được chú?” Tom đột nhiên hỏi. “Một đầu gấu buôn lậu à?”

“Anh nghe ở đâu thế?” tôi hỏi.

“Chẳng nghe gì cả. Tôi tưởng tượng vậy thôi. Rất nhiều bọn mới giàu này chỉ là trùm buôn lậu, cậu biết mà.”

“Gatsby thì không,” tôi nói ngay.

Tom im lặng một lúc. Sỏi rải đường lạo xạo dưới chân anh.

“Tay này chắc cũng vất vả lắm mới có được cơ ngơi thế này.”

Một làn gió nhẹ lay động lớp tuyết xám xám trên cổ áo lông thú của Daisy.

“Ít nhất họ cũng thú vị hơn những người mà bọn mình biết,” nó nói, hơi gượng gạo.

“Trông mình không có vẻ thích đến thế.”

“Ô, có chứ.”

Tom cười và quay sang tôi.

“Cậu có thấy mặt Daisy lúc con bé kia bảo cô ấy cho đi xì nước lạnh không?”

Daisy bắt đầu thì thầm hát theo tiếng nhạc với một giọng khàn khàn đầy tiết tấu, khiến cho lời hát nào cũng phát lộ một ý nghĩa chưa từng có và cũng không bao giờ có lại nữa. Khi giai điệu lên cao, giọng nó vỡ ra thật ngọt ngào, rồi bám theo thành một giọng nữ trung đi bè dưới, và mỗi một biến âm đều sóng sánh ra không trung một chút phép lạ âm áp tình người của nó.

“Rất nhiều người đến mà có được mời đâu,” nó đột ngột nói. “Con bé ấy cũng không được mời. Họ cứ thế đến, mà ông ấy thì lịch sự chẳng nói gì.”

“Tôi rất muốn biết anh ta là ai và làm gì,” Tom khẳng khẳng. “Nhất định tôi phải biết bằng được.”

“Để em nói mình nghe luôn nhé,” Daisy đáp. “Ông ấy có mấy hiệu thuốc, rất nhiều hiệu thuốc thì đúng hơn. Ông ấy tự gây dựng nên cả.”

Chiếc limousine đến muồn lăn bánh vào đến nơi.

“Nick, anh ngủ ngon nhé,” Daisy nói.

Nó rời mắt khỏi tôi và hướng lên bậc thềm sáng trên cùng, nơi điệu van buồn xinh xắn của năm ấy, có nhan đề *Ba giờ sáng* đang vọng ra qua lối vào để ngỏ cửa. Rốt cuộc thì, chính cái không khí lãng đãng

của cuộc vui nhà Gatsby lại chứa đựng những khả dĩ lãng mạn hoàn toàn thiếu vắng trong thế giới của nó. Có cái gì ở trên ấy, trong bài ca ấy, có vẻ như đang mời gọi nó trở lại ngôi nhà? Chuyện gì có thể diễn ra trong giờ phút mờ ảo không thể đo đếm được lúc bấy giờ? Có thể một người khách nào đó sẽ tới hoàn toàn bất ngờ, một người vô cùng hiếm hoi và khiến ta phải ngây ngất, một bậc nữ lưu đích thực rạng ngời mà chỉ cần một thoáng nhìn tươi mới, một giây phút giáp mặt nhiệm màu với Gatsby là có thể xóa sạch hết năm năm trời như nhất đăm say của ông.

Đêm ấy tôi ở lại muộn. Gatsby bảo tôi đợi cho đến lúc ông rảnh, và tôi đã nán ná ngoài vườn cho đến khi đám người đi bơi không lần nào là không có ấy từ ngoài bãi biển tối om chạy lên, rét cóng và reo hò ầm ĩ, rồi đến tận lúc đèn đóm trong các phòng khách trên gác cũng đã tắt hết cả. Cuối cùng thì ông cũng từ trên thềm bước xuống, làn da mặt rám nắng căng thẳng bất thường, hai con mắt sáng rực mà mệt mỏi.

“Cô ấy không thích,” ông nói ngay.

“Tất nhiên là cô ấy thích chứ.”

“Cô ấy không thích,” ông khẳng khẳng. “Cô ấy không vui.”

Ông im lặng, còn tôi thì đoán mò nỗi buồn không nói được ra của ông.

“Tôi thấy xa xôi với nàng,” ông nói. “Khó làm cho nàng hiểu được.”

“Ông định nói lúc khiêu vũ ư?”

“Khiêu vũ nào?” Ông búng ngón tay cho qua tất cả những khiêu vũ của mình đêm ấy. “Nhảy nhót không quan trọng, ông bạn ạ.”

Ông chỉ muốn Daisy bước đến Tom mà nói, “Tôi chưa bao giờ yêu anh.” Sau khi đã xóa sạch hết bốn năm trời với câu nói ấy thì họ mới có thể quyết định những biện pháp thực tế cần làm tiếp theo. Một là sau khi Daisy đã tự do, họ sẽ trở lại Louisville và cưới nhau ở ngay nhà nó - đúng như đã có thể như vậy năm năm về trước.

“Mà cô ấy không hiểu,” ông nói. “Trước đây cô ấy vẫn hiểu. Chúng tôi đã ngồi hàng nhiều giờ liền...”

Ông bỗng thôi nói và bắt đầu đi đi lại lại giữa đám vỏ cam táo, những thức ăn rơi vãi và hoa hoét bị giẫm nát dưới sàn nhà.

“Nếu là tôi thì tôi sẽ không đòi hỏi cô ấy nhiều quá,” tôi lựa lời. “Mình không thể lặp lại quá khứ.”

“Không thể lặp lại quá khứ?” ông kêu lên, không tin ở tai mình. “Sao cơ, tất nhiên là được chứ!”

Ông nhìn quanh với vẻ man dại, như thể quá khứ đang lừng lững ngay trong bóng tối nhà mình, mà lại không với tới được.

“Tôi sẽ làm mọi thứ trở lại như xưa,” ông nói, quả quyết gật đầu. “Rồi cô ấy sẽ thấy.”

Ông nói rất nhiều về quá khứ, và tôi dần hiểu ra rằng ông muốn tìm lại một cái gì đó, có thể là nhớ lại chính con người mình, cái con người đã đem lòng yêu Daisy ngày ấy. Đời ông đã hoang mang lộn xộn từ bấy đến giờ, nhưng nếu có thể quay lại một nơi bắt đầu nào đó, dù chỉ một lần thôi, rồi dần dần nhớ lại, có lẽ ông sẽ tìm ra đó là cái gì...

... Một đêm thu năm năm về trước, họ sánh bước trên đường đầy lá rụng, rồi họ tới một nơi quang quẻ không cây cối và hè đường thì trắng xóa ánh trăng. Họ dừng chân ở đó và quay lại nhìn nhau. Đó là một đêm mát lạnh chất chứa những bồi hồi bí ẩn mỗi năm chỉ có độ hai lần vào lúc chuyển mùa. Ánh đèn im ắng trong những ngôi nhà đang hát thầm vào bóng đêm và những vì sao thì đang lao xao cuống quýt. Trong khóe mắt, Gatsby thấy những phiến đá hai bên hè đường đã thực sự chụm thành cái thang bắc lên một nơi bí mật phía trên những ngọn cây - nếu một mình thì ông đã có thể trèo lên đó, và khi đến nơi ông sẽ được ngậm bầu vú cuộc đời, bú thỏa thích từng ngậm lớn dòng sữa vô song kỳ diệu.

Tim ông đập nhanh mãi lên khi gương mặt trắng ngần của Daisy rướn lên sát mặt ông. Ông biết rằng khi ông hôn cô gái này, và gắn kết những viên

tưởng không tả xiết của mình với hơi thở rồi sẽ lụi tàn của nàng như một hôn phối miên viễn, tâm trí ông sẽ không bao giờ vui vẻ vô tư như tâm trí Đức Chúa Cha được nữa. Cho nên ông nán lại thêm một khoảnh khắc để nhận được cái âm hưởng đồng điệu gửi tới mình từ một vì sao. Rồi ông hôn cô. Khi môi ông chạm tới, cô vội vàng nở hết như một đóa hoa dành riêng cho ông, và cuộc đầu thai thần thánh đã hoàn tất⁽¹⁾.

Qua tất cả những gì ông nói, thậm chí cả tâm trạng ủy mị cải lương kinh khủng của ông, tôi bỗng nhớ đến một điều gì đó. Một vận điệu khó nắm bắt, một mảnh vụn của những lời đã mất mà tôi đã nghe được ở đâu đó từ lâu. Có lúc từ ngữ đã cố chấp lại với nhau thành cả một câu và tôi đã mở miệng như một người câm, nặng nhọc như cả một cuộc vật lộn trên môi chứ không phải chỉ là vài cái bật hơi run rẩy. Nhưng chẳng ra được lời nào, và cái điều mà tôi suy nghĩ nhớ ra được ấy đã thành vô ngôn thất truyền mãi mãi.

1 Để hiểu được đoạn này, ta hãy nhớ lại rằng Gatsby trẻ tuổi tự coi mình là con Đức Chúa Trời. Ông coi việc yêu và cưới Daisy là từ bỏ cương vị Đức Chúa Con vô hình để hóa thân thành con người trần thế dặng phụng sự công việc của Đức Chúa Cha ở cõi người. Kitô Giáo gọi sự ra đời của Jesus là "incarnation", ở đây chúng tôi dịch là "cuộc đầu thai thần thánh".

CHƯƠNG VII

Đúng lúc thiên hạ tò mò nhất về Gatsby thì đèn đóm nhà ông bỗng tối đen vào một đêm thứ Bảy - rồi cũng mờ ám như lúc nó bắt đầu, sự nghiệp chủ xị kiểu Trimalchio⁽¹⁾ của ông chấm dứt. Dần dần mãi tôi mới biết là những chiếc xe chạy đến nhà ông tưởng sẽ được vui vẻ như xưa đều đã chỉ dừng lại ở cửa một phút thôi rồi lại buồn bã lẫn bánh đi luôn. Không biết ông có ốm đau gì không, tôi sang nhà hỏi thăm - một gã quản gia lạ hoắc có bộ mặt đều cẳng nheo mắt nghi ngại nhìn tôi ngay ở cửa.

“Ông Gatsby ốm à?”

“Không.” Sau một lúc gã để thêm một tiếng “thưa ông”, ề ề và khó chịu.

“Đã lâu không thấy ông ấy, tôi cũng hơi lo. Bảo ông ấy có ông Carraway đến thăm.”

“Tên gì cơ?” gã thô bạo hỏi.

“Carraway.”

1. Trimalchio: một nô lệ được giải phóng rồi trở nên một nhân vật có quyền lực giàu có trong cuốn tiểu thuyết *Satyricon* của *Petronius*. Trong *Satyricon* có hẳn một chương mô tả bữa tiệc linh đình lòe loẹt hết sức do Trimalchio làm chủ xị với những món ăn kỳ quái nhất.

“Carraway. Được rồi, tôi sẽ bảo.”

Rồi gã đóng sầm cửa lại ngay.

Bà Phần Lan của tôi mách là Gatsby đã đuổi tất cả người ăn kẻ làm ở nhà ông từ một tuần trước và thay thế bằng nửa tá mới. Những người mới này không còn vào làng West Egg để được đám thương nhân ở đó lót tay nữa, mà chỉ đặt mua những hàng vừa phải qua điện thoại. Thằng bé đưa rau quả thực phẩm thì mách là nhà bếp bên ấy bây giờ trông như chuồng lợn. Còn dư luận chung của cả làng thì cho là đám người mới này hoàn toàn không phải gia nhân.

Hôm sau Gatsby gọi điện thoại cho tôi.

“Sắp dọn nhà à?” tôi hỏi.

“Không đâu ông bạn.”

“Tôi nghe ông đã thải hết người làm.”

“Tôi cần người không buồn chuyện. Daisy thường đến đây vào buổi chiều.”

Vậy là toàn bộ cái quán trọ khổng lồ ấy đã đổ sụp như một cái nhà xếp bằng quân bài chỉ vì một cái nhìn chê trách của nàng.

“Họ là mấy người mà Wolfsheim vẫn muốn giúp đỡ. Toàn anh chị em trong nhà với nhau. Trước đây họ có quản lý một cái khách sạn nhỏ.”

“Tôi hiểu rồi.”

Ông ta gọi là vì Daisy nhờ hỏi xem tôi có đến ăn trưa ở nhà nó ngày mai được không? Sẽ có cả cô

Baker. Nửa tiếng sau thì Daisy đích thân gọi cho tôi, có vẻ yên tâm khi thấy tôi nhận lời. Sắp có chuyện gì đây. Tôi không thể tin là mọi người chọn dịp này để gây chuyện - nhất là cái chuyện rợn người mà Gatsby đã muốn xảy ra hôm ở trong vườn ấy.

Ngày hôm sau trời nóng như trong nồi hấp, có thể là ngày cuối cùng nhưng chắc chắn là ngày nóng nhất của mùa hè năm ấy. Khi tàu điện chạy từ hầm ngầm ra nắng, chỉ tiếng còi nóng rực của nhà máy làm bánh gần đó mới đủ sức phá tan bầu không khí buổi trưa hầm hập im lìm. Ghế nhồi rơm trên tàu tưởng như sắp bắt lửa đến nơi. Người đàn bà cạnh tôi mồ hôi đầm đìa, lúc đầu còn giữ kẽ khi mới thăm ướm vạt áo cánh trắng, rồi sau đến lúc tờ báo của bà cũng hoen ướm chỗ tay cầm thì không nhịn được nữa, đành đầu hàng cái nóng với một tiếng kêu náo nuột, đánh rơi cả cái ví da xuống sàn tàu.

“Chết mất thôi!” bà hồn hển.

Tôi uể oải cúi nhặt cái ví lên đưa lại cho bà, chỉ nhón cầm một góc ví và đưa thẳng cánh tay ra để tỏ ý không thềm muốn gì nó cả, nhưng mọi người xung quanh, kể cả bà này, vẫn ngò vục tôi như thường.

“Nóng ghê!” người soát vé nói với những bộ mặt quen thuộc. “Thời tiết gì thế không biết!... Nóng!... Nóng!... Nóng!... Ông không nóng à? Bà có nóng không? Ông có...?”

Cái vé tháng được đưa lại cho tôi với cả một vệt

ướt sẫm từ tay ông ta. Nóng đến thế này thì có ai còn thiết hôn cặp môi mọng của ai, mái đầu ai đang làm thấm ướt cả túi áo ngực bộ áo ngủ của mình!

... Một luồng gió nhẹ thổi qua lối vào nhà Buchanan, mang theo cả tiếng chuông điện thoại đến chỗ Gatsby và tôi đang đứng chờ ngoài cửa.

“Bà bảo con vác xác ông nhà lên cho bà ấy ạ!” giọng gã quản gia gào vào ống nói. “Xin bà thứ lỗi, con không vác được đâu - trưa nay nóng lắm ạ!”

Thực ra là gã muốn nói, “Vâng... Vâng... Để con xem thế nào ạ.”

Gã đặt máy xuống và ra chỗ chúng tôi, mặt mũi lấm chấm mồ hôi, đỡ lấy hai cái mũ rơm cứng của chúng tôi.

“Bà chủ đợi hai ông trong phòng khách!” gã nói to, chỉ lối vào một cách không cần thiết. Trong cái nóng nực này, cử chỉ thừa nào cũng đều là có tội với sức khỏe cả.

Gian phòng, được che chắn kỹ với nhiều hiên vải bên ngoài, vừa râm vừa mát. Daisy và Jordan nằm trên một cái xô pha to tướng, giống hai bức tượng bằng bạc đang tự chặn áo váy trắng tinh của mình cho khỏi bị quạt vù vù thổi tung lên.

“Bọn em không động cựa được nữa,” cả hai đồng thanh nói.

Những ngón tay của Jordan, da nâu phủ phấn trắng, nằm im trong tay tôi một lúc.

“Thế còn ông Thomas Buchanan, nhà lực sĩ?” tôi hỏi.

Ngay lúc ấy tôi nghe thấy tiếng anh, khàn khàn, cáu bẳn, che đậy, ở chỗ máy điện thoại ngoài sảnh.

Gatsby đứng giữa tấm thảm màu huyết dụ, mê mẩn đưa mắt nhìn khắp xung quanh. Daisy ngắm ông và cười, tiếng cười ngọt ngào phấn khích; một làn phấn nhỏ xíu vẫn bay lên từ bộ ngực nó.

“Theo đồn đại thì đó là cô ả của Tom đang ở trên điện thoại,” Jordan nói nhỏ.

Chúng tôi im lặng. Giọng nói ngoài sảnh cao hần lên với vẻ khó chịu: “Được thôi, tôi sẽ không bán cái xe ấy cho ông nữa, có thể thôi... Tôi không nợ ông chuyện gì hết... còn cái kiểu ông làm phiền tôi chuyện ấy đúng lúc ăn trưa như thế này thì tôi không thể chịu được đâu!”

“Đang hạ ống nói xuống đây,” Daisy nói, giọng mai mỉa.

“Không phải đâu,” tôi cam đoan. “Thỏa thuận thật đấy. Anh tình cờ biết được mà.”

Tom mở tung cửa, tấm thân to lớn đứng chắn ở đó một lúc, rồi vội vàng bước vào phòng.

“Ông Gatsby!” Anh chìa bàn tay to bè ra với vẻ khó chịu được che đậy rất kỹ. “Rất vui được gặp ông, thưa ông... Chào Nick...”

“Làm đồ uống lạnh cho bọn em đi,” Daisy kêu lên.

Khi Tom đã ra khỏi phòng, nó đứng lên bước đến chỗ Gatsby và kéo mặt ông xuống hôn ngay lên miệng.

“Anh biết là em yêu anh mà,” Daisy thăm thì.

“Hai người quên có tôi là tiểu thư ở đây nhá,” Jordan nói.

Daisy nghi ngờ nhìn quanh.

“Thì em cũng hôn Nick đi.”

“Dơ đáng chưa kìa!”

“Đây đêch cần!” Daisy kêu to, rồi bắt đầu nện chân lóc cóc lên thêm lò sưởi gạch. Rồi nó nhớ đến cái nóng và ngồi xuống xô pha với vẻ hối lỗi. Đúng lúc ấy, một vú em trong bộ cánh mới giặt là nghiêm chỉnh dẫn một đứa bé gái vào phòng.

“Của quý phúc đức ơi,” Daisy nói nựng, giơ cả hai tay ra. “Đến với mẹ yêu của con nào.”

Đứa bé được chị vú thả ra, chạy ù qua gian phòng và ngượng ngịu rúc vào váy mẹ.

“Của quý phúc đức đây! Mẹ có làm dây phấn lên tóc vàng của con không đấy? Thằng người lên nào, nói ‘Chào’ đi nào.”

Gatsby và tôi lần lượt cúi xuống nắm lấy bàn tay rụt rè nhỏ xíu. Sau đó Gatsby cứ ngạc nhiên nhìn mãi đứa bé. Có lẽ trước đây ông chưa bao giờ tin là có nó ở trên đời.

“Con đã mặc đẹp để ăn trưa đấy,” đứa bé nói, quay ngay sang Daisy.

“Là vì mẹ con muốn khoe con mà.” Daisy dụi mặt vào cái nếp nhăn duy nhất của cái cổ nhỏ trắng muốt. “Con mơ con ước đây. Giấc mơ xinh của mẹ đây.”

“Vâng,” đứa bé bình thản công nhận. “Cô Jordan cũng mặc váy trắng kìa.”

“Con có thích các bạn của mẹ không nào?” Daisy xoay nó một vòng để nó đối diện với Gatsby. “Con có thấy họ xinh không?”

“Bố đâu rồi?”

“Nó không giống bố nó,” Daisy phân trần. “Nó giống tôi. Nó có cái tóc với cái mặt của tôi này.”

Daisy lại ngồi xuống xô pha. Chị vú bước lên một bước và giơ tay ra.

“Pammy, lại đây nào.”

“Tạm biệt cưng nhé!”

Với một cái liếc nhìn miễn cưỡng, đứa trẻ bị kỷ luật chặt chẽ ấy nắm lấy tay vú em và bị kéo ra khỏi phòng đúng lúc Tom quay lại, mang theo bốn cốc rượu gin pha lạnh cạnh nước đá.

Gatsby nhận cốc rượu của mình.

“Trông mát thật,” ông nói, rõ ràng đang căng thẳng.

Chúng tôi háo hức uống từng ngụm dài.

“Tôi có đọc ở đâu đó là mặt trời đang nóng dần lên mỗi năm,” Tom nói, giọng hờn hậu. “Có vẻ chẳng mấy chốc trái đất sẽ rơi vào mặt trời - mà gươm đã

nào, ngược lại cơ, mặt trời đang nguội dần đi mỗi năm.”

“Ra ngoài đi,” anh rủ Gatsby, “tôi muốn ông đi xem chỗ này một tí.”

Tôi cũng theo chân họ ra ngoài hàng hiên. Trên mặt Vịnh xanh lá cây, lặng ngắt trong cái nóng hầm hập, một cánh buồm nhỏ đang chậm chạp bò ra biển khơi mát mẻ hơn. Gatsby dõi theo nó một lúc; ông giơ tay chỉ sang bờ vịnh bên kia.

“Tôi ở ngay đối diện ông.”

“Đúng thế.”

Chúng tôi đưa mắt qua những luống hoa hồng, vườn cỏ nóng nực và những rong rêu dạt lên dọc bờ vịnh như phế thải của những ngày hè nóng nực nhất trong năm. Đôi cánh trắng của chiếc thuyền buồm từ từ in hình lên chân trời xanh mát. Xa nữa là đại dương hình vỏ sò và những hòn đảo nhỏ yên bình trừ phú.

“Chơi thuyền thế mới thích,” Tom gật đầu nói. “Giá mà được ở ngoài đó với anh ta độ một tiếng đồng hồ.”

Chúng tôi ăn bữa trưa trong phòng ăn, cũng được che tối đi cho khỏi nóng, nuốt chẹn cảm giác vui vẻ gượng gạo bằng bia lạnh.

“Chúng mình sẽ làm gì chiều nay nào?” Daisy kêu lên, “rồi còn ngày mai, với ba mươi năm tiếp theo nữa?”

“Đừng bệnh hoạn thế,” Jordan nói. “Cuộc đời

sẽ mới tỉnh trở lại khi trời khô lạnh mùa thu tới.”

“Nhưng nóng quá,” Daisy vẫn không chịu, gần như sắp khóc, “mà cái gì cũng lộn xộn hết cả. Cả bọn vào thành phố đi!”

Giọng nó vùng vẫy qua làn khí nóng, nhào nặn, đóng khuôn cái phi lý của nóng bức thành hình thù này nọ.

“Tôi đã nghe chuyện chữa chuồng ngựa thành nhà để xe,” Tom đang nói với Gatsby, “nhưng mà tôi là người đầu tiên từng chữa nhà để xe thành chuồng ngựa.”

“Ai muốn đi phố nào?” Daisy vẫn chèo kéo. Mắt Gatsby trôi về phía nó. “A...” nó kêu lên, “trông ông hay thật.”

Mắt họ gặp nhau, và họ cùng nhìn nhau không chớp, không còn biết đến ai xung quanh nữa. Daisy phải cố lắm mới rời được mắt nhìn xuống mặt bàn.

“Trông ông lúc nào cũng hay,” nó nhắc lại.

Vậy là Daisy đã để lộ tình yêu của nó, và Tom Buchanan đã nhìn thấy. Anh kinh ngạc đến sững người. Miệng anh hơi há ra, và anh nhìn Gatsby, rồi nhìn lại Daisy như thể vừa mới nhận ra ai đó mà anh có quen đã lâu rồi.

“Ông giống cái quảng cáo về một người,” nó ngây thơ nói tiếp. “Ông có biết cái quảng cáo có một người đàn ông...”

“Thôi được rồi,” Tom vội vàng chen ngang, “tôi

hoàn toàn sẵn lòng vào thành phố. Nào, đi phố tất cả nào.”

Anh đứng lên, mắt vẫn lấp loáng nhìn hết Gatsby lại đến vợ. Không ai động đậy.

“Đi nào!” Anh bắt đầu hơi nổi cáu. “Có chuyện gì vậy hả? Nếu định đi phố thì đi thôi chứ.”

Bàn tay anh, run bắn vì đang phải cố bình tĩnh, đưa nốt chỗ bia còn lại trong cốc lên môi. Giọng nói của Daisy khiến chúng tôi đứng cả dậy bước ra lối đi trải sỏi bên ngoài.

“Cứ thế mà đi à?” nó phản đối. “Như thế này à? Không cho ai hút một điếu thuốc đã ư?”

“Ai cũng hút suốt trong lúc ăn rồi.”

“Ôi, mình vui lên chứ,” nó van vỉ chồng. “Nóng nực thế này còn khó tính làm gì.”

Tom không đáp.

“Thôi mặc kệ mình vậy,” nó nói. “Jordan, lại đây nào.”

Họ lên gác sửa soạn trong lúc ba đàn ông chúng tôi đứng đó gãi sỏi nóng dưới chân. Vành trăng bạc đã lửng lơ ở phía Tây. Gatsby bắt đầu nói, đã định thôi thì Tom quay mặt lại ngóng.

“Ông đã có chuồng ngựa ở đây chưa?” Gatsby hỏi, giọng khó nhọc.

“Cách đây khoảng một phần tư dặm phía dưới đường.”

“Ồ.”

Một lúc im lặng.

“Không hiểu sao lại thích vào thành phố làm gì,” Tom lên tiếng, giọng dữ tợn. “Đàn bà là hay có những ý định vớ vẩn trong đầu...”

“Mình có mang cái gì đi uống không đây?” Daisy gọi từ trên cửa sổ xuống.

“Để anh lấy một ít whiskey,” Tom đáp. Anh đi vào nhà.

Gatsby quay sang tôi, người cứng đơ:

“Tôi không nói năng gì được ở cái nhà này, ông bạn ạ.”

“Giọng cô ấy lộ liễu quá,” tôi nhận xét. “Nó đầy những...” tôi lưỡng lự.

“Giọng cô ấy đầy những tiền,” ông nói luôn.

Đúng như vậy. Trước đây tôi chưa bao giờ hiểu thế. Nó đầy những tiền - đó là cái bùa mê vô tận vẫn trầm bổng ở bên trong giọng nói ấy, cái thánh thót của nó, cái ngân nga như công chiêng của nó... Mãi tít trên tháp ngà là nàng công chúa, là tiểu thư cành vàng lá ngọc...

Tom từ trong nhà bước ra, bọc một chai phân tử lít trong cái khăn bông, theo sau là Daisy và Jordan, đều đội mũ vải ánh kim bó thít lấy đầu, áo khoác mỏng vắt trên tay.

“Ta đi cả bằng xe của tôi nhé?” Gatsby gợi ý. Ông sờ mặt ghế bọc da xanh lá cây xem nóng đến đâu. “Nhẽ ra tôi phải đậu xe trong bóng râm.”

“Sang số bình thường à?” Tom hỏi.

“Vâng.”

“Thế thì ông đi cái xe hai cửa của tôi, để tôi lái xe ông vào phố.”

Gatsby thấy lời đề nghị ấy thật đáng ghét.

“Chắc không còn nhiều xăng,” ông phản đối.

“Còn nhiều,” Tom hăng hái nói. Anh nhìn đồng hồ xăng. “Mà nếu hết thì tôi sẽ ghé một cửa hàng thuốc. Thời buổi này cứ vào hàng thuốc là mua gì cũng có hết.”

Sau lời nhận xét tưởng chừng như vô hại ấy là một lúc im lặng. Daisy chau mày nhìn Tom, và gương mặt Gatsby thoáng một vẻ gì không thể định nghĩa được, vừa hoàn toàn xa lạ mà lại cũng hơi quen quen, như thể tôi đã nghe người ta mô tả nó bằng lời rồi.

“Đi nào Daisy,” Tom nói, đẩy nó về phía cái xe của Gatsby. “Tôi sẽ đưa mình đi bằng cái xe gánh xiếc này.”

Anh mở cửa xe, nhưng Daisy tránh ra khỏi vòng tay của anh.

“Mình đi với Nick và Jordan. Bọn em sẽ theo sau bằng cái xe kia.”

Nó đến gần Gatsby, chạm tay vào áo ngoài của ông. Jordan với Tom và tôi cùng ngồi vào ghế trước xe của Gatsby, Tom thử sang số mấy lần cho quen máy lạ, rồi chúng tôi phóng đi vào cái nóng hầm hập,

bỏ họ lại sau không nhìn thấy nữa.

“Cậu thấy chưa?” Tom hỏi.

“Thấy gì?”

Anh nhìn tôi soi mói, dần nhận ra là cả Jordan lẫn tôi chắc phải biết từ lâu rồi.

“Các cậu tưởng tôi ngu đần, hả?” anh nói.

“Cũng có thể, nhưng tôi còn có... gần như là một bộ thị giác thứ hai, đôi khi thế, nó mách bảo cho tôi phải làm gì. Có thể các cậu không tin, nhưng khoa học...”

Anh lại im. Hoàn cảnh trước mắt đã choán hết tâm trí anh, kéo anh lùi lại khỏi bờ vực lý thuyết.

“Tôi đã làm một cuộc điều tra nhỏ về thằng cha này,” anh nói tiếp. “Tôi đã có thể đi sâu hơn nếu biết là...”

“Anh định nói là đã đi nhờ đồng cốt á?” Jordan khôi hài.

“Cái gì?” Chẳng hiểu thế nào, anh nhìn chằm chằm trong lúc hai chúng tôi cười ồm lên. “Đồng cốt?”

“Để hỏi về Gatsby ấy.”

“Hỏi về Gatsby! Không, không phải thế. Tôi bảo là tôi vẫn đang tiến hành một cuộc điều tra nhỏ về quá khứ của hắn.”

“Và anh phát hiện ông ta là một dân Oxford,” Jordan đỡ lời.

“Dân Oxford quái gì!” Tom không tin. “Cái

thằng trông như ma! Còn mặc cả com lê hồng kia kia.”

“Dù sao thì ông ấy cũng vẫn là một dân Oxford.”

“Oxford ở New Mexico thì có,” Tom vặc lại với giọng khinh miệt, “đại loại thế.”

“Anh Tom này, nếu anh kênh kiệu thế thì mời ông ấy đến ăn trưa làm gì?” Jordan nói, giọng hơi khó chịu.

“Daisy mời đấy chứ; cô ấy biết hẳn trước ngày bọn tôi cưới nhau - có trời biết là ở đâu!”

Chúng tôi đều đang dễ phát bần vì bia uống vào nay đã hết tác dụng, và vì đều biết thế nên cả bọn cùng im lặng một lúc lâu. Sau đó khi cặp mắt phếch phác của bác sĩ T. J. Eckleburg hiện ra ở cuối đường, tôi nhớ đến lời dặn của Gatsby về vụ xăng.

“Mình vẫn còn đủ để vào đến thành phố,” Tom nói.

“Nhưng có xưởng xe ở ngay đây kia,” Jordan phản đối. “Em không muốn nằm đường giữa trời nóng như lò thế này đâu.”

Tom sốt ruột đạp cả phanh chân kéo cả phanh tay cùng một lúc, và chúng tôi trượt đi một quãng rồi đột ngột đổ lại ngay dưới biển hiệu của Wilson, bụi bốc mù mịt. Một lúc sau ông chủ mới từ trong nhà bước ra, nhìn cái xe với đôi mắt vô cảm.

“Cho xăng đi nào!” Tom thô bạo quát. “Ông

tưởng chúng tôi đổ ở đây làm gì hả - ngắm phong cảnh chắc?”

“Tôi ồm,” Wilson nói, vẫn đứng nguyên tại chỗ. “Một cả ngày nay rồi.”

“Làm sao thế?”

“Nhược hết cả người.”

“Vậy để tôi tự làm nhé?” Tom nói. “Nghe trên điện thoại thì ông vẫn khỏe mà.”

Wilson nặng nhọc rời khỏi bóng râm dưới hiên nhà, vừa thở dốc vừa vặn mở nắp bình xăng. Mặt lão xanh lè dưới nắng.

“Tôi không định quấy rầy bữa trưa của ông,” lão nói. “Nhưng tôi cần tiền quá, mà không biết ông định thế nào với cái xe cũ ấy của ông.”

“Có thích cái xe này không nào?” Tom hỏi. “Tôi vừa mua tuần trước đấy.”

“Cái màu vàng này đẹp đấy,” Wilson vừa nói vừa kéo cần bơm xăng.

“Thích mua không?”

“Hay đấy nhỉ,” Wilson mỉm cười nhợt nhạt. “Nhưng nói thế thôi, mua cái xe kia thì tôi còn kiếm được ít tiền.”

“Sao bỗng dưng lại cần tiền làm gì thế?”

“Ở đây lâu quá rồi. Tôi muốn đi chỗ khác. Vợ chồng tôi muốn sang miền Tây.”

“Vợ ông muốn đi à,” Tom giật mình kêu lên.

“Bà ấy nói chuyện này có đến mười năm nay

rồi.” Lão tựa vào cột xăng nghỉ một lúc, lấy tay che mắt. “Giờ thì muốn hay không bà ấy cũng sẽ đi. Tôi sẽ cho bà ấy đi.”

Chiếc xe hai cửa phóng vèo qua chỗ chúng tôi trong đám bụi tung tóe, thấy có một bàn tay vẫy vẫy.

“Hết bao nhiêu đây?” Tom khó chịu hỏi.

“Hai ngày vừa rồi tôi vừa mới nhận ra một chuyện vớ vẩn,” Wilson nói. “Đó là lý do tại sao tôi muốn đi. Đó là tại sao tôi lại làm phiền ông về cái xe.”

“Hết bao nhiêu đây?”

“Một đô la hai mươi xu.”

Cái nóng xối xả triền miên đang bắt đầu làm tôi mù mịt và tôi khó chịu mất một lúc rồi mới nhận ra rằng cho đến lúc ấy Wilson vẫn chưa nghĩ ngờ gì Tom. Lão đã phát hiện Myrtle có một cuộc sống riêng nào đó ở một thế giới khác, và cơn choáng ấy đã khiến lão phát ốm thực sự. Tôi nhìn lão, rồi nhìn Tom, người cũng vừa có một phát hiện tương tự mới chưa đầy một tiếng đồng hồ - và tôi chợt thấy rằng không có cái khác biệt nào giữa con người với con người, kể cả về trí thông minh hay nòi giống, có thể sâu sắc như sự khác biệt giữa người khỏe và kẻ ốm. Wilson ốm đến nỗi trông lão như kẻ có tội, nặng đến mức không tha thứ được - như thể lão vừa làm một cô gái tội nghiệp nào đó mang bầu.

“Tôi sẽ để cho ông cái xe ấy,” Tom nói. “Chiều

mai tôi sẽ cho người mang đến cho ông.”

Cái địa điểm ấy vẫn có một vẻ bất ổn mơ hồ, ngay cả giữa thanh thiên bạch nhật, và tôi bắt giắc quay đầu lại như sắp có nguy hiểm ở đằng sau. Lơ lửng trên những đống tro bụi vẫn chỉ thấy có đôi mắt canh chừng khổng lồ của bác sĩ T. J. Eckleburg, nhưng ngay sau đó tôi nhận thấy còn có những con mắt khác, chỉ cách chưa đầy hai chục bước chân, đang theo dõi chúng tôi với vẻ đặc biệt căng thẳng.

Ở một trong những khuôn cửa sổ trên gác xưởng xe, rèm đang hé sang một bên, và Myrtle Wilson đang lén nhìn xuống cái xe. Bà ta mãi mê đến mức không biết là mình đã bị lộ, và gương mặt bà hiện lên hết vẻ này đến vẻ khác như bức ảnh đang trong quá trình in trắng. Cái vẻ mặt ấy trông quen quen mà vẫn gọi tò mò - tôi vẫn thường thấy nó trên các gương mặt đàn bà, nhưng ở Myrtle Wilson thì hình như nó còn có vẻ vô bổ và vô lý nữa, cho đến lúc tôi nhận ra rằng cặp mắt bà, trợn trừng trong cơn ghen tuông cuồng nộ, lại đang không nhìn Tom mà là nhìn Jordan Baker, người mà bà chắc phải là vợ anh.

Không có cái lộn xộn nào như cái lộn xộn của một đầu óc đơn giản. Khi chúng tôi phóng xe đi, Tom cảm thấy từng cơn hoảng loạn đang như roi quất vào

mình. Mới một tiếng trước anh còn yên trí rằng vợ anh và nhân tình anh đều vẫn thuộc về mình và hoàn toàn bất khả xâm phạm, nhưng giờ thì họ đã đang tuột khỏi tay anh mỗi lúc một nhanh. Bản năng khiến anh cứ thế nhấn ga để vừa đuổi kịp Daisy vừa rời bỏ Wilson càng nhanh càng tốt, và chúng tôi phóng về phía Astoria với tốc độ tám mươi cây số giờ, cho tới lúc, giữa những cột chống và giàn cầu như mạng nhện bên dưới đường tàu điện trên cao, chúng tôi nhìn thấy cái xe hai cửa đang thành thoi chạy phía trước.

“Bọn phim ảnh lớn ở quanh mấy phố năm mươi này hay thật,” Jordan nói. “Em yêu New York vào những chiều mùa hè khi mọi người đi nghỉ cả. Có cái gì đó rất nhục cảm - chín muồi, kiểu như mọi thứ trái cấm đang sắp rụng vào tay mình hết.”

Hai tiếng “nhục cảm” có tác động làm Tom thêm sốt ruột, nhưng anh chưa kịp nghĩ ra câu gì để vặc lại thì chiếc xe hai cửa đã dừng lại, và Daisy ra hiệu cho chúng tôi đổ lên bên cạnh.

“Mình đi đâu đây?” nó kêu lên.

“Xem phim nhé?”

“Nóng chết,” nó phàn nàn. “Mọi người bên ấy đi đi. Bọn em sẽ lái xe vòng vòng rồi gặp lại mọi người sau.” Rồi nó cố tỏ ra nhí nhảnh: “Hẹn gặp lại ở một góc phố nhé. Cứ thấy đàn ông nào hút hai điếu thuốc lá một lúc thì chính là em đấy.”

“Đây không phải chỗ tranh cãi,” Tom sốt ruột nói khi một chiếc xe tải phía sau đang bóp còi giục chúng tôi inh ỏi. “Chạy theo tôi đến phía Nam Công viên Trung tâm, chỗ trước cửa Plaza ấy.”

Nhiều lần anh quay lại nhìn chiếc xe kia, nếu họ bị chậm vì xe cộ đông thì anh cũng đi chậm lại cho đến khi nhìn thấy họ. Tôi nghĩ anh sợ họ có thể sẽ bất chợt rẽ ngoặt vào một phố ngang và ra khỏi cuộc đời anh mãi mãi.

Nhưng họ không làm thế. Và tất cả chúng tôi đều đi đến một quyết định khá khó hiểu là thuê một liên phòng trong khách sạn Plaza.

Nội dung cuộc tranh cãi kéo dài và hỗn loạn đi đến chỗ lừa chúng tôi vào buồng khách của cái liên phòng ấy thì tôi không còn nhớ được nữa, nhưng tôi vẫn nhớ như in là trong suốt những lúc ấy đồ lót của tôi cứ như rần bò ướt át quanh hai cẳng chân còn mồ hôi thì róc rách từng giọt xuống man mát dọc sống lưng. Lúc đầu thì Daisy đề xướng là chúng tôi thuê năm cái phòng tắm rồi tắm nước lạnh, sau đó sẽ tìm cái gì đó cụ thể hơn, ví dụ như “một chỗ để uống rượu ngọt pha bạc hà”. Ai cũng nhắc đi nhắc lại đó là một “ý tưởng điên rồ” - ai cũng nhao nhao cùng một lúc vào mặt tay nhân viên cứ ngỡ ngác ra đó, mà người nào cũng nghĩ, hoặc vờ nghĩ rằng mình như thế là khôi hài lắm...

Gian phòng khách rộng và ngọt ngào, và mặc

dù đã bốn giờ chiều, cửa sổ mở ra rồi vẫn chỉ có độc một tí gió thốc khí nóng từ các bụi cây bên công viên vào nhà. Daisy đến trước gương chải đầu, đứng quay lưng lại phía chúng tôi.

“Liên phòng này oách nhỉ,” Jordan thán phục thăm thì, và cả bọn cười ầm lên.

“Mở cửa sổ nữa đi,” Daisy ra lệnh, vẫn không quay lại.

“Làm gì có nữa mà mở.”

“A, thì mình gọi bảo nó mang một cái rìu lên vậy.”

“Tốt nhất là quên nóng đi,” Tom sốt ruột nói. “Cứ kêu ca mãi chỉ tổ thấy nóng gấp chục lần.”

Anh giở cái khăn quần chai whiskey ra rồi đặt chai lên bàn.

“Sao ông không để cô ấy yên hả ông bạn?” Gatsby lên tiếng. “Ông là người muốn vào phố mà.”

Một lúc im lặng. Cuốn danh bạ điện thoại tuột khỏi đinh treo rơi đánh thịch xuống sàn và Jordan thăm thì kêu, “Ê này” - nhưng lần này chẳng có ai cười.

“Để tôi nhặt lên,” tôi xung phong.

“Tôi cầm đây rồi.” Gatsby xem xét cái dây bị đứt, “Hừm” một tiếng có vẻ quan tâm, rồi quăng cuốn sách xuống một cái ghế.

“Đó là lỗi nói vĩ đại của ông, hả?” Tom dần giọng.

“Gì thế?”

“Cái trò ‘ông bạn ông bạn’ ấy. Ông bắt chước nó ở đâu đấy?”

“Nghe này Tom,” Daisy nói, quay người khỏi tấm gương, “nếu mình còn ăn nói kiểu ấy thì em không ở đây phút nào nữa đâu. Gọi họ mang lên ít đá làm rượu bạc hà đi.”

Tom vừa nhắc điện thoại lên thì cái nóng ngọt ngào nổ bùng thành âm thanh và chúng tôi nghe thấy những hợp âm hào nhoáng của bản *Hành khúc Hôn lễ* của Mendelssohn vọng lên từ phòng khánh tiết dưới nhà.

“Nóng thế này mà có người cười được nhỉ!” Jordan dè bủ kêu lên.

“Ấy thế mà chị cười vào giữa tháng Sáu đây,” Daisy nhớ lại, “Louisville tháng Sáu! Có người bị ngất xỉu. Ai ngất ấy mình nhỉ?”

“Biloxi,” Tom đáp gọn lỏn.

“Một người tên là Biloxi. Biloxi ‘Hộp’, vì ông ta sản xuất hộp, thật đấy, và ông ta là người Biloxi ở Tennessee⁽¹⁾.”

“Họ khiêng ông ấy vào nhà em,” Jordan nói thêm, “vì nhà em cách nhà thờ có hai nhà. Và ông ta

1. Fitzgerald đã nhầm lẫn ở đây. Thực ra Biloxi là một Thành phố thuộc bang Mississippi. Có ý kiến cho rằng nhầm lẫn này là cố tình: tác giả đã dùng sự vô lý về địa danh để khắc họa một nhân vật tương đối kỳ cục.

ở lì những ba tuần, cho tới khi bố em bảo là ông phải đi thôi. Hôm sau thì bố em mất.” Rồi cô nói thêm ngay như thể sợ mình vừa có vẻ vô lễ, “Không có liên can gì cả.”

“Tôi từng biết Bill Biloxi người Memphis,” tôi góp chuyện.

“Đấy là em họ ông ta. Em biết hết lai lịch nhà ấy trước khi ông ta đi. Ông ta còn cho em một cái đầu đặt gôn bằng nhôm, đến giờ em vẫn dùng.”

Nhạc đã dịu xuống khi buổi lễ bắt đầu và giờ thì một tiếng reo nâng cốc kéo dài đang vọng lên qua cửa sổ, tiếp nối bằng những tiếng “Giô! Giô! Giô!” thành từng đợt và cuối cùng là tiếng nhạc jazz bùng lên bắt đầu cuộc khiêu vũ.

“Chúng mình già mất rồi,” Daisy nói. “Nếu còn trẻ thì chúng mình đã đứng dậy khiêu vũ rồi.”

“Cứ nhớ Biloxi ấy,” Jordan nhắc. “Tom, anh quen ông ấy ở đâu thế?”

“Biloxi?” Tom cố tập trung tư tưởng. “Tôi có quen ông ấy đâu. Ông ấy là bạn Daisy.”

“Có phải đâu,” Daisy chối. “Em chưa hề thấy ông ấy từ trước. Ông ấy đến bằng xe riêng.”

“Ồ, nhưng ông ấy bảo có quen em. Bảo là ông ấy lớn lên ở Louisville. Phút chót Asa Bird mới dẫn ông ấy vào và hỏi có còn chỗ cho ông ấy không.”

Jordan mỉm cười.

“Có thể ông ấy đang lang thang tìm đường về

nhà. Còn bảo với em ông ấy là trưởng lớp của các anh ở Yale.”

Tom và tôi ngây người nhìn nhau.

“*Biloxi* ư?”

“Trước hết là bọn anh không có trưởng lớp nào hết...”

Một bàn chân Gatsby bõn chồn gõ xuống sàn nhà và Tom đột ngột nhìn sang ông.

“Nhân thế, ông Gatsby, nghe đâu ông là một dân Oxford.”

“Cũng không hẳn.”

“Ô, hẳn chứ, tôi biết ông có đến Oxford mà.”

“Vâng - tôi có đến đó.”

Một lúc im lặng. Rồi đến cái giọng đầy nghi ngờ và xúc phạm của Tom:

“Chắc là ông đến đó cùng lúc với Biloxi đến New Haven.”

Một lúc im lặng nữa. Một người hầu gõ cửa đem bạc hà giã nhỏ và nước đá vào, nhưng lời “Cảm ơn” của anh ta và tiếng khép cửa nhẹ vẫn không phá vỡ được bầu không khí im lặng trong phòng. Cái chi tiết khổng lồ này cuối cùng phải được làm rõ.

“Tôi đã bảo ông là tôi có đến đó,” Gatsby nói.

“Tôi nghe rồi, nhưng tôi muốn biết đó là khi nào?”

“Năm một chín mười chín. Tôi chỉ ở đó năm

tháng. Đó là lý do tại sao tôi không thể tự gọi mình là một dân Oxford.”

Tom nhìn xung quanh để xem có ai trong số chúng tôi cũng đang không tin như anh không. Nhưng mọi người đều đổ dồn vào nhìn Gatsby.

“Đó là cơ hội người ta dành cho một số sĩ quan sau ngày Đình chiến,” ông nói tiếp. “Bọn tôi có thể đến bất kỳ đại học nào ở Anh hoặc Pháp.”

Tôi những muốn đứng dậy vỗ vào lưng ông một cái. Tôi lại đang thấy hoàn toàn tin tưởng ông, như đã từng thấy nhiều lần trước đây.

Daisy đứng lên, hơi mỉm cười đi đến bên bàn.

“Mở whiskey đi Tom,” nó ra lệnh, “em sẽ làm cho mình một cốc rượu bạc hà. Rồi thì mình sẽ không có vẻ ngốc với chính mình nữa... Xem chỗ bạc hà này!”

“Gọt chút đã,” Tom cấm cản, “tôi muốn hỏi ông Gatsby đây một câu nữa.”

“Xin mời ông,” Gatsby lễ độ nói.

“Vậy thì ông đang định gây gổ gì ở nhà tôi thế?”

Cuối cùng thì họ đã công khai với nhau, và Gatsby chỉ mong có thế.

“Ông ấy không gây gổ gì cả,” Daisy tuyệt vọng nhìn hết người này tới người kia. “Mình đang gây gổ thì có. Xin mình bình tĩnh một tí đi nào.”

“Bình với chả tĩnh!” Tom nhại lại. “Có lẽ mới nhất bây giờ là ngồi im nhìn một ông vô danh tiểu

tốt tứ cố vô thân làm tình với vợ mình. Ô hô, nếu có phải như thế thì xin các vị chữa tôi ra... Thời buổi bây giờ người ta bắt đầu bằng cách dè bủ cuộc sống gia đình và các thiết chế gia đình, rồi thì sẽ tung hê hết và để đen trắng lẫn lộn lấy nhau nữa đây.”

Đỏ bừng mặt sau những lấp bắp hăng máu ấy, Tom thấy mình đứng lẻ loi bên đường biên cuối cùng của văn minh.

“Ở đây chúng ta đều trắng cả,” Jordan thì thầm.

“Vâng thì tôi không có nhiều người hâm mộ. Tôi không mở tiệc to. Hình như cứ phải biến nhà mình thành chuồng lợn thì mới có bạn bè - trong cái thế giới hiện đại này.”

Dù đang tức giận, như tất cả mọi người lúc bấy giờ, tôi vẫn chực phì cười mỗi khi anh mở miệng. Gã điểm đang đang hoàn toàn biến thành một kẻ lên mặt dạy đời vờ vịt khó chịu.

“Tôi có điều này phải nói với *ông*, ông bạn ạ...” Gatsby lên tiếng. Nhưng Daisy đoán ngay được ý định của ông.

“Xin đừng làm thế!” nó tuyệt vọng chen vào. “Xin mọi người về nhà cả đi. Sao chúng mình không về luôn nhỉ?”

“Phải đấy,” tôi đứng lên. “Thôi nào, Tom. Không ai muốn uống gì đâu.”

“Tôi muốn nghe điều ông Gatsby phải nói với tôi.”

“Vợ ông không yêu ông,” Gatsby nói. “Cô ấy chưa bao giờ yêu ông. Cô ấy yêu tôi.”

“Ông điên rồi!” Tom buột miệng kêu lên.

Gatsby đứng bật dậy, kích động và linh hoạt hẳn lên.

“Cô ấy chưa bao giờ yêu ông, ông nghe rõ chưa?” ông kêu lên. “Cô ấy lấy ông chỉ vì tôi nghèo và cô ấy không thể chờ đợi tôi được nữa. Đó là một sai lầm khủng khiếp, nhưng tự đáy lòng cô ấy chưa bao giờ yêu ai khác ngoài tôi!”

Đến đây thì Jordan với tôi đã cố ra về, nhưng Tom và Gatsby đều đưa nhau khẳng khẳng là chúng tôi phải ở lại - như thể không ai còn gì phải che giấu nữa và việc dự phần gánh chịu những tình cảm của họ là một đặc ân cho chúng tôi.

“Ngồi xuống đi Daisy,” Tom cố lên giọng gia trưởng mà không được. “Đang có chuyện gì vậy? Tôi muốn nghe hết đây.”

“Tôi vừa bảo cho ông biết rồi đấy,” Gatsby nói. “Đã năm năm nay rồi - mà ông không biết gì hết.”

Tom quay phắt lại phía Daisy.

“Em đi lại với thằng này năm năm rồi sao?”

“Không đi lại gì cả,” Gatsby nói. “Không đâu, chúng tôi không gặp được nhau. Nhưng cả hai chúng tôi đã yêu nhau trong suốt thời gian ấy, ông bạn ạ, mà ông chẳng biết gì hết. Đôi khi tôi vẫn thường phì cười” - nhưng mắt ông không hề cười -

“nghĩ đến chuyện ông không biết gì cả.”

“Ồ... chỉ thế thôi à.” Tom gõ gõ mười đầu ngón tay vào với nhau như một cổ đạo thường làm và ngả lưng vào tựa ghế.

“Ông điên thật rồi!” anh nổ âm lên. “Tôi không thể nói được chuyện gì đã xảy ra cách đây năm năm vì lúc ấy tôi chưa quen biết Daisy - nhưng cái hạng ông thì làm sao mon men được đến Daisy, dù chỉ là một dặm xung quanh nhà cô ấy, trừ phi ông đến giao thực phẩm qua lối cửa sau. Còn mọi chuyện kia đều là dối trá khôn nạn hết. Daisy yêu tôi khi cô ấy cưới tôi và bây giờ cô ấy vẫn yêu tôi.”

“Không đâu,” Gatsby vừa nói vừa lắc đầu.

“Có chứ. Chỉ có điều đôi khi cô ấy có những ý tưởng ngốc nghếch trong đầu và chẳng biết mình đang làm gì.” Tom gật gật đầu với vẻ thông thái. “Và hơn nữa là tôi cũng yêu cô ấy. Thi thoảng tôi cũng lảng cháng bên ngoài tí đỉnh và biến mình thành thằng ngốc, nhưng lần nào rồi tôi cũng quay về, và trong lòng thì bao giờ tôi cũng yêu cô ấy.”

“Anh thật kinh tởm,” Daisy nói. Nó quay sang tôi, và giọng nó, thấp hẳn xuống một quãng tám, tràn ngập gian phòng với vẻ khinh miệt dữ dội: “Anh có biết tại sao bọn em phải bỏ Chicago mà đi không? Em ngạc nhiên là họ chưa đái anh câu chuyện về vụ lảng cháng bên ngoài tí đỉnh ấy đấy.”

Gatsby bước đến bên cạnh nó.

“Daisy, mọi chuyện kết thúc rồi,” ông trịnh trọng nói. “Chẳng có gì hệ trọng nữa. Hãy nói với ông ấy - rằng em chưa bao giờ yêu ông ấy - rồi mọi thứ sẽ được xóa sạch mãi mãi.”

Nó nhìn ông, chờ đợi. “Sao cơ - sao em có thể yêu người ấy - có thể thế hay sao?”

“Em chưa bao giờ yêu ông ấy.”

Daisy lưỡng lự. Mắt nó rơi vào Jordan và tôi với một vẻ như đang cầu cứu, như thể cuối cùng nó vừa nhận ra cái điều nó đang làm - và như thể là ngay từ đầu nó đã chưa bao giờ có ý định làm gì hết. Nhưng bây giờ thì nó đã làm rồi. Quá muộn rồi.

“Em chưa bao giờ yêu ông ấy,” nó nói, vẫn để lộ vẻ lưỡng lự.

“Lúc ở Kapiolani cũng không ư?” Tom bỗng hỏi.

“Vâng.”

Từ phòng khánh tiết bên dưới, những hợp âm ngọt ngào bùng nhùng bập bênh trôi lên theo từng làn khí nóng hừng hực.

“Cả cái hôm anh bế em từ trên tàu Punch Bowl xuống để giày em khỏi ướt cũng không ư?” Giọng anh chứa đựng một vẻ dịu dàng thô nhám... “Hả Daisy?”

“Thôi đi nào.” Nghe vẫn lạnh lùng, nhưng không còn ác cảm nữa. Nó nhìn Gatsby. “Thế đây, này,” nó nói - nhưng bàn tay run bần khi nó cố chắm

một điều thuốc. Đột nhiên nó quẳng cả điều thuốc lẫn que diêm đang cháy xuống thảm.

“Ôi chao, anh đòi hỏi quá nhiều!” nó kêu lên với Gatsby. “Em đang yêu anh đây - như thế không đủ sao? Em có làm gì được quá khứ đâu.” Nó bắt đầu nức nở một cách tuyệt vọng. “Em đã từng yêu ông ấy - nhưng em cũng yêu cả anh nữa.”

Mắt Gatsby mở ra rồi nhắm lại.

“Em *cũng yêu cả anh* nữa?” ông nhắc lại.

“Đây cũng là nói dối,” Tom tàn nhẫn nói. “Cô ấy không biết là ông còn sống. Mà sao nhỉ - có những chuyện giữa Daisy và tôi mà ông sẽ không bao giờ biết, những chuyện mà cả hai chúng tôi sẽ không bao giờ quên được.”

Những lời ấy như đang cấn xé da thịt Gatsby.

“Tôi muốn nói chuyện riêng với Daisy,” ông khấn khoản. “Cô ấy đang bị kích động quá...”

“Một mình với anh em cũng không thể nói là chưa bao giờ yêu Tom,” Daisy thú nhận với giọng đáng thương. “Nói thế là không đúng.”

“Tất nhiên là không đúng rồi,” Tom hùa theo.

Daisy quay sang chồng.

“Làm như anh quan tâm thật ấy nhỉ,” nó nói.

“Tất nhiên rồi. Từ nay trở đi anh sẽ chăm sóc em tốt hơn.”

“Ông không hiểu,” Gatsby nói, thoáng lộ vẻ hoảng hốt. “Ông sẽ không chăm sóc cô ấy nữa đâu.”

“Thật à?” Tom trợn tròn mắt và bật cười. Anh không thể kiềm chế được nữa. “Tại sao thế?”

“Daisy đang rời bỏ ông.”

“Vô lý.”

“Nhưng mà đúng vậy,” Daisy nói, rõ ràng phải gắng sức.

“Cô ấy không rời bỏ tôi!” Từng lời của Tom bỗng đổ hết xuống đầu Gatsby. “Chắc chắn là không phải để theo một tên lừa đảo mặt hạng đến cái nhẫn cũng phải đi ăn cắp để đeo vào tay em.”

“Em không chịu nổi nữa rồi!” Daisy kêu lên. “Ôi, xin mọi người đi về thôi.”

“Nhưng mà ông là ai chứ?” Tom huých toẹt. “Ông cùng một giuộc với bọn vẫn đánh đu với Meyer Wolfsheim - hãy cứ biết thế đã. Tôi đang cho điều tra một chút về những vụ làm ăn của ông - mai mốt tôi sẽ tiếp tục nữa.”

“Ông cứ việc, ông bạn ạ,” Gatsby bình tĩnh nói.

“Tôi đã biết những ‘hiệu thuốc’ của ông là gì rồi.” Tom quay sang phía chúng tôi và nói rất nhanh. “Ông ta với gã Wolfsheim này mua rất nhiều cửa hàng thuốc trong các ngõ ngách ở đây và ở Chicago rồi bán cồn pha rượu không cần đơn thuốc gì hết. Đây là một trong những trò vặt của ông ta. Lần đầu gặp tôi đã biết ngay đây là một tay buôn rượu lậu, và tôi cũng không đến nỗi nhầm.”

“Thế thì sao nào?” Gatsby lịch sự nói. “Hình

như ông bạn Walter Chase của ông cũng không vênh đến mức từ chối tham gia vụ làm ăn ấy.”

“Và ông đã bỏ rơi ông ta, đúng không? Ông để mặc ông ta ngồi tù một tháng trời bên New Jersey. Chúa ơi! Ông phải nghe Walter nói về ông mới được.”

“Ông ấy đến với chúng tôi hoàn toàn tay trắng. Ông ấy rất mừng kiếm được ít tiền, ông bạn ạ.”

“Đừng có giở cái giọng ‘ông bạn’ ấy với tôi nữa!” Tom hét lên. Gatsby lặng thinh. “Walter còn định dùng luật cá cược để bắt tội ông, nhưng Wolfsheim đã dọa nạt bắt ông ấy phải im mồm.”

Cái vẻ vừa lạ vừa quen lại hiện lên trên mặt Gatsby.

“Cái vụ hiệu thuốc chỉ là tiền lẻ thôi,” Tom từ từ nói tiếp, “nhưng ông vừa bắt đầu vụ gì nữa mà Walter sợ không dám nói với tôi nữa kia.”

Tôi liếc nhìn Daisy đang hốt hoảng nhìn hết Gatsby sang đến chồng, rồi nhìn Jordan lại vừa bắt đầu giữ thăng bằng một vật vô hình trên cái cầm đang ngửa lên của mình. Rồi tôi quay lại nhìn Gatsby - giật mình vì vẻ mặt của ông. Trông ông - tôi nói điều này không đếm xỉa gì đến những lời vu khống linh tinh vẫn nghe thấy ở vườn nhà ông - đúng là có vẻ “đã từng giết người”. Trong một thoáng, vẻ mặt ông đúng là quái đản như vậy.

Nhưng chỉ một thoáng thôi, và ông bắt đầu

hăng hái nói với Daisy, chối bỏ mọi chuyện, bảo vệ thanh danh mình trước cả những lời cáo buộc còn chưa ai nói ra. Nhưng ông càng nói Daisy càng im lặng và tư lự, thế là ông đành bỏ cuộc, và chỉ còn cái giấc mơ đã chết vẫn tiếp tục chiến đấu khi chiều đang dần tàn, cố sức chạm vào cái nay đã thành hư không, khổ sở vùng vẫy, không dám tuyệt vọng, đuổi theo cái giọng nói đã im ắng ở đầu phòng bên kia.

Cái giọng nói ấy lại đòi về.

“Làm ơn đi, Tom! Em không chịu nổi chuyện này nữa rồi.”

Đôi mắt hải hùng của nó nói rằng mọi ý định, mọi can đảm mà nó đã có, dù là gì đi nữa, cũng đã tan biến hết rồi.

“Hai người cứ về đi, Daisy,” Tom nói. “Đi bằng xe của ông Gatsby ấy.”

Nó nhìn Tom, giờ thì cảnh giác, nhưng anh vẫn khăng khăng với vẻ khinh miệt cao thượng.

“Đi đi. Ông ấy sẽ không quấy rầy em đâu. Anh nghĩ ông ấy đã nhận ra rằng trò tán tỉnh cầu may vặt vãnh của mình đã chấm dứt rồi.”

Hai người đã đi, không nói một lời, bị ngắt mất, trở thành vô duyên cớ, lẻ loi, như những bóng ma, ngay cả với lòng cảm thương của chúng tôi.

Một lúc sau Tom đứng lên và bắt đầu cầm cái khăn để bọc lại chai whiskey vẫn còn chưa mở.

“Có ai muốn uống tí không? Jordan?... Nick?”

Tôi không đáp.

“Nick?” Anh hỏi lại.

“Gì cơ?”

“Uống tí không?”

“Không... Tôi vừa nhớ ra hôm nay là sinh nhật mình.”

Tôi đã ba mươi. Trước mặt tôi là cả một thập kỷ mới trải dài như con đường bất trắc đầy đe dọa.

Bảy giờ tối chúng tôi mới leo lên cái xe hai cửa và lên đường về Long Island. Tom nói không ngừng, cười đùa hưng phấn, nhưng đối với Jordan và tôi, giọng nói của anh cũng xa vời như những tiếng ngoại quốc lú lo bên đường hoặc tiếng tàu điện âm ì trên con đường sắt chạy trên đầu. Sức cảm thông của người ta cũng chỉ có hạn, và chúng tôi cũng đành bỏ mặc những tranh cãi bi thảm của họ mờ dần đi cùng ánh đèn thành phố ở sau lưng. Ba mươi tuổi - hứa hẹn một thập kỷ cô đơn, một danh sách mông dăn những người đàn ông độc thân quen biết, một chiếc cặp đựng lòng hăng hái cứ xếp dần, mái tóc thưa dần. Nhưng bên tôi còn có Jordan, không như Daisy, vẫn đủ thông thái không bao giờ kéo lê những giấc mơ quên lãng đã lâu từ tuổi này sang tuổi khác. Lúc chúng tôi đi qua cây cầu mù tối, gương mặt nhợt nhạt của cô lười nhác gục lên vai áo khoác tôi và cú nắm tay đầy an ủi của cô.

Chúng tôi cứ phóng đi như thế về phía cái chết trong ánh trời chạng vạng ngội mát dần.

Anh thanh niên người Hy Lạp Michaelis, chủ một tụ điểm cà phê ven con đường đầy bụi ấy là nhân chứng chính của cuộc điều tra. Anh đã ngủ suốt cả ngày nóng nực cho đến quá năm giờ mới dậy, lững thững tạt sang bên xưởng xe thì thấy George Wilson ốm o trong phòng giấy - thực sự ốm, nhợt nhạt như chính mái tóc của ông ta và người thì run lẩy bẩy. Michaelis khuyên ông đi nằm, nhưng Wilson không nghe, nói rằng đi nằm thì mất nhiều khách lắm. Trong lúc người hàng xóm đang cố thuyết phục ông thì có tiếng náo loạn dữ dội ở trên gác.

“Tôi nhốt vợ tôi trên đó,” Wilson bình thản phân trần. “Bà ấy sẽ ở trên đó cho đến ngày kia, sau đó chúng tôi sẽ dọn đi chỗ khác.”

Michaelis rất kinh ngạc; họ là hàng xóm của nhau đã bốn năm rồi, và Wilson chưa bao giờ có vẻ có khả năng nói một câu như vậy. Nhìn chung ông ta là kiểu đàn ông hao kiệt sức vóc, lúc không làm việc thì chỉ biết ngồi thờ trên ghế ngoài cửa nhìn người và xe cộ qua lại trên đường. Có ai hỏi chuyện thì ông ta bao giờ cũng chỉ cười với vẻ đồng tình nhợt nhạt. Ông ta là người đàn ông của vợ mình chứ không phải là chính mình.

Cho nên tất nhiên là Michaelis cố tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra, nhưng Wilson nhất định không hé miệng, mà còn ném những cái nhìn tò mò nghi ngại về phía người đến thăm và hỏi anh này đã làm gì vào những ngày ấy lúc ấy. Đúng lúc Michaelis bắt đầu thấy khó chịu thì có mấy người thợ đi ngang qua trên đường đến quán của anh, và anh bỏ về ngay nhân dịp ấy, định bụng sau sẽ quay lại. Nhưng anh không quay lại. Anh đã chỉ định bụng thế thôi. Khi anh lại ra ngoài, quá bảy giờ một tí, anh bỗng nhớ lại câu chuyện kia vì nghe thấy tiếng bà Wilson đang quát tháo âm ỉ, ngay dưới nhà bên xưởng xe.

“Đánh đi!” anh nghe tiếng bà kêu lên. “Đè tao ra mà đánh đi, đồ hèn nhát như bần!”

Một giây sau bà chạy nhào ra ngoài đường chạng vạng tối, hai tay vung vẩy, miệng gào thét. Michaelis chưa kịp chạy ra khỏi cửa thì đã xong rồi.

“Chiếc xe tử thần”, như báo chí viết, đã không đổ lại; nó lao ra từ trong bóng tối đang mịt mù dần, loạng choạng thê thảm một giây, rồi biến mất ở đoạn đường vòng tiếp theo. Michaelis thậm chí còn không chắc nó màu gì - anh bảo viên cảnh sát đầu tiên là nó màu xanh lá cây nhạt. Còn chiếc xe kia, chạy về phía New York, thì đổ lại sau khi đã đi quá khoảng trăm mét, và người lái xe vội chạy trở lại chỗ Myrtle Wilson, sinh khí đã bị dập tắt một cách phũ

phàng, đang gục trên mặt đường, mặc cho máu mình lênh láng quánh đặc lại với bụi đất.

Michaelis và anh tài xế là những người đầu tiên đến chỗ bà, nhưng khi họ giật tung cái áo cánh ra, vẫn còn đầm mồ hôi, thì thấy vú trái bà đã lủng lẳng mềm oặt như một nếp gấp, và không cần phải nghe xem tim bà có còn đập hay không ở bên dưới nữa. Cái miệng thì há hốc và rách toạc hai bên mép, như thể bà đã bị nghiền một chút khi trút bỏ cái sinh lực tràn trề mà bà vẫn chứa chất bấy lâu.

Chúng tôi thấy ba bốn cái ô tô và đám đông khi vẫn còn từ đằng xa.

“Đám xe rồi!” Tom nói. “Tốt. Cuối cùng thì Wilson cũng có tí việc làm.”

Anh chạy chậm lại, nhưng vẫn chưa có ý định dừng, cho đến lúc, khi chúng tôi tới gần hơn, những bộ mặt căng thẳng không ai dám nói năng gì của những người đứng trước cửa xưởng xe khiến anh bất giác đạp phanh.

“Ta hãy xem cái đã,” anh nói, giọng nghi ngại, “chỉ một lát thôi.”

Giờ thì tôi mới nghe ra có một âm thanh rền rĩ hốc hác không ngừng vọng ra từ trong xưởng, khi chúng tôi ra khỏi xe và đi gần đến cửa thì nó vo lại thành mấy từ “Ôi, lạy Chúa tôi!” bật ra liên tiếp

trong một tiếng khóc than hỗn hển.

“Có rắc rối to rồi đây,” Tom bồn chồn nói.

Anh kiểng chân nhìn qua vòng người đứng trong xưởng đang chỉ bật độc một bóng đèn vàng chụp lưới thép đựng đưa trên trần. Rồi cổ họng anh phát ra một tiếng kêu nghèn nghẹt. Với một động tác thô bạo bằng cả hai cánh tay mạnh mẽ, anh rẽ đám đông bước lên.

Vòng người khép lại trong tiếng cầu nhàu lằm rằm lan rộng; một phút sau mắt tôi mới định thần được. Rồi những người mới đến làm lộn xộn hàng lối và Jordan với tôi bỗng bị đẩy hẳn vào bên trong.

Thi thể của Myrtle Wilson, quán một lượt chẵn, rồi thêm một lượt chẵn nữa như thể bà bị cảm lạnh giữa đêm nóng nực, được đặt nằm trên một cái bàn xưởng sát tường, và Tom, quay lưng về phía chúng tôi, đang cúi xuống cái thi thể ấy, bất động. Ngay cạnh anh là một viên cảnh sát đi tuần bằng mô tô đang đứng ghi tên nhiều người vào một cuốn sổ đầy gạch xóa và hoen ố mờ hôi. Lúc đầu tôi không thể biết những tiếng rền rĩ the thé vang động khắp nhà xưởng tro troi ấy là ở đâu ra, nhưng rồi tôi thấy Wilson đứng trên ngưỡng cửa phòng giấy của ông ta, người đựng đưa, hai tay bám chặt lấy hai đồ cửa. Có người đang hạ giọng nói với ông, cứ một lúc lại định đặt tay lên vai ông, nhưng Wilson không nghe không thấy gì hết. Mắt ông cứ lơ lơ hạ từ trên cái

bóng đèn đu đưa xuống chỗ cái bàn lù lù sát tường, rồi lại hất ngược ngay lên cái đèn, và ông không ngừng rống lên, “Ô hô... lạy Chúa tôiii! Ô hô... lạy Chúa tôiii! Ô hô... lạy Chúa tôiii!” the thé phát rợn người.

Tom bỗng ngẩng phắt đầu lên và sau khi trần trối nhìn khắp quanh xưởng với đôi mắt rung rung mờ lệ, anh lúng búng lảm nhảm cái gì đó với viên cảnh sát.

“Mờ-a-vờ...” viên cảnh sát đang mãi đánh vần ghi tên một người, “...ô...”

“Không phải, ‘rờ’ đã chứ,” người kia nói chừa, “Mờ-a-vờ-rờ-ô...”

“Nghe tôi nói đây!” Tom dần giọng thì thầm.

“Rờ...” viên cảnh sát vẫn tiếp tục, “ô...”

“Gờ...”

“Gờ...” Gã ngược nhìn khi bị bàn tay to bè của Tom vỗ mạnh lên vai. “Anh muốn gì hả anh bạn?”

“Có chuyện gì vậy? Tôi muốn biết chuyện gì xảy ra vậy.”

“Ô tô đâm bà ấy. Chết ngay tại chỗ.”

“Chết ngay tại chỗ,” Tom nhắc lại, mắt nhìn ngây dại.

“Bà ấy chạy ra đường. Thằng khốn nạn không thềm đổ lại.”

“Có hai xe,” Michaelis nói, “một chạy đến, một chạy đi, thế mà.”

“Chạy đi đâu?” viên cảnh sát chăm chú hỏi.

“Mỗi xe chạy một hướng. Thế này nhé, bà ấy” - Michaelis giơ tay lên về phía đông chẵn nhưng nửa chừng lại bỏ thông xuống bên sườn - “bà ấy chạy ra thì có một cái chạy từ New York về đâm thẳng vào bà ấy, phóng đến năm sáu mươi cây số một giờ.”

“Chỗ này gọi là gì ấy nhỉ?” viên cảnh sát hỏi.

“Chả có tên tuổi gì sát.”

Một người da đen ăn mặc chỉnh tề bước lại gần.

“Đó là một chiếc xe vàng,” ông ta nói, “xe to màu vàng. Mới.”

“Có nhìn thấy lúc xảy ra tai nạn không?” viên cảnh sát hỏi.

“Không, nhưng cái xe chạy vượt tôi ở quăng dưới, phóng nhanh hơn sáu mươi. Phải đến bảy mươi, tám mươi.”

“Đến đây cho tôi hỏi tên nào. Tránh ra nào. Tôi muốn lấy tên ông ấy.”

Cuộc hội thoại chắc đã lọt được đến tai Wilson đang đứng đưa ở cửa, vì đột nhiên tiếng than khóc của ông ta bỗng có một chủ đề mới:

“Không cần phải bảo tôi đó là loại xe gì! Tôi biết nó là loại xe gì rồi!”

Đang quan sát Tom, tôi thấy đám cơ bắp sau vai anh giật lên dưới làn vải áo. Anh bước nhanh đến chỗ Wilson, đứng trước mặt ông, giữ chặt lấy ông ở hai bên cánh tay.

“Ông phải bình tĩnh lại đi nào,” anh nói với vẻ cương quyết mềm mỏng.

Wilson nhận ra Tom; ông nhón chân thẳng người lên rồi tí nữa thì khuyu cả đầu gối nếu không có Tom đỡ cho đứng lại được.

“Nghe này,” Tom nói, hơi lắc người ông. “Tôi vừa mới đến được một phút, từ New York về. Tôi mang cho ông cái xe hai cửa ông vẫn nhắc đến ấy. Cái xe vàng mà tôi lái chiều nay không phải là của tôi - nghe rõ chưa? Tôi đã không thấy nó suốt từ chiều rồi.”

Chỉ có người da đen và tôi ở gần là nghe được anh nói gì, nhưng viên cảnh sát thấy giọng anh có vẻ là lạ nên quay sang nhìn với vẻ soi mói.

“Có chuyện gì thế?” gã hỏi.

“Tôi là bạn ông ấy.” Tom quay đầu lại nhưng hai tay vẫn giữ chặt người Wilson. “Ông ấy bảo có biết cái xe gây ra tai nạn... Một cái xe màu vàng.”

Một thôi thúc gờn gợn khiến viên cảnh sát nghi ngờ nhìn Tom.

“Thế xe ông màu gì?” gã hỏi.

“Màu lam, xe nhỏ hai cửa.”

“Chúng tôi vừa từ New York về qua đây,” tôi nói.

Có ai đó đã chạy sau xe chúng tôi một quãng khẳng định đúng như thế, và viên cảnh sát quay đi chỗ khác.

“Nào, ông cho tôi ghi lại cho đúng tên đi nào...”

Nhắc Wilson lên như nhắc một con búp bê,

Tom đem ông ta vào phòng giấy, đặt ngòì xuống ghế, rồi trở lại.

“Có ai vào ngòì với ông ấy không nào,” anh sẵng giọng như ra lệnh. Anh đứng nhìn trong lúc hai người đứng gần đó liếc nhau một cái rồi miễn cưỡng bước vào phòng. Sau đó Tom đóng cửa để họ ở trong và bước một bậc xuống sàn xưởng, tránh không nhìn cái bàn. Lúc đi sát qua tôi, anh nói nhỏ, “Đi thôi!”

Mặc kệ tất cả, anh dùng tay mở đường như ông tướng cho chúng tôi chen lẩn qua đám người đang mỗi lúc đông thêm, qua một ông bác sĩ tong tả xách túi đồ nghề mà người ta đã cho mời trong cơn hy vọng cuống cuồng nửa giờ về trước.

Tom lái chậm chậm cho đến khúc đường quanh - sau đó anh nhấn mạnh ga, và chiếc xe nhỏ lao đi trong đêm tối. Đã có một lúc tôi nghe tiếng thốn thức trầm đục, và thấy nước mắt giàn giụa trên mặt anh.

“Thằng hèn mặt trời đánh!” anh nức nở. “Nó còn không đổ lại nữa!”

Tòa nhà của gia đình Buchanan đã chợt hiện ra và trôi gần lại qua rặng cây rì rào sẫm tối. Tom đậu xe cạnh thềm nhà và nhìn lên gác chỗ hai ô cửa sổ đang sáng rực lên giữa đám cây leo.

“Daisy có nhà,” anh nói. Lúc chúng tôi ra khỏi xe anh nhìn sang tôi và hơi chau mày.

“Tôi sẽ phải đưa cậu về West Egg, Nick ạ. Đêm nay chẳng còn trò gì nữa đâu.”

Ở anh có cái gì khang khác, anh bỗng ăn nói nghiêm trang và đầy quả quyết. Lúc chúng tôi bước theo lối đi trải sỏi đầy ánh trăng để lên thềm thì anh lại đổi ý với vài câu ngắn gọn.

“Tôi sẽ gọi tắc xi đưa cậu về nhà, còn trong khi đợi xe cậu với Jordan nên vào bếp bảo chúng nó làm cái gì mà ăn tối - nếu các cậu muốn.” Anh mở cửa. “Vào đi.”

“Thôi, cảm ơn. Nhưng anh gọi hộ tắc xi thì tốt quá. Tôi sẽ đợi ở ngoài.”

Jordan đặt tay lên cánh tay tôi.

“Anh không vào nhà à, Nick?”

“Không, cảm ơn.”

Tôi thấy hơi buồn nôn và muốn được ở một mình. Nhưng Jordan vẫn chùng chình thêm tí nữa.

“Mới có chín ruồi,” nàng nói.

Vào nhà thì tôi chết mất; ngày hôm nay ở cùng họ thế là quá đủ với tôi rồi, và tôi bỗng thấy ngán luôn cả Jordan nữa. Chắc là cô nhận ra cái vẻ ấy trên mặt tôi nên mới quay đi ngay và chạy lên thềm để vào nhà. Tôi ngồi ôm đầu ở đó vài phút, cho đến lúc nghe tiếng nhắc điện thoại bên trong nhà và tiếng người quản gia gọi tắc xi. Sau đó tôi lững thững xuống lối đi và ra cổng đợi.

Mới đi được chừng hai chục mét thì nghe tiếng gọi tên tôi và Gatsby bước từ giữa hai bụi cây ra lối đi. Lúc ấy chắc tôi phải thấy lạ lẫm, vì chẳng nghĩ được gì khác ngoài cái óng ánh của bộ com lê hồng ông mặc dưới ánh trăng.

“Ông đang làm gì vậy?” tôi hỏi.

“Chỉ đứng ở đây thôi, ông bạn ạ.”

Không hiểu sao đó có vẻ là một việc làm thật đáng khinh. Và tôi tưởng như ông đang sắp sửa vào cướp ngôi nhà này; tôi sẽ chẳng ngạc nhiên nếu thấy những bộ mặt gian manh mờ ám, những bộ mặt của “bọn Wolfsheim” ở sau lưng ông trong những bụi cây tăm tối.

“Ông có thấy chuyện gì dọc đường không?” ông hỏi sau một phút im lặng.

“Có.”

Ông ngập ngừng.

“Bà ấy chết rồi à?”

“Chết rồi.”

“Tôi cũng nghĩ thế; tôi đã bảo Daisy như vậy. Tốt nhất là có choáng thì choáng ngay lập tức. Cô ấy chịu đựng cũng khá.”

Ông nói như thể chỉ có phản ứng của Daisy là quan trọng.

“Tôi về West Egg bằng đường nhỏ,” ông nói tiếp, “cất xe vào nhà rồi. Tôi nghĩ là không có ai nhìn thấy, nhưng cũng không chắc.”

Đến đây thì tôi thấy ghét ông đến nỗi chẳng thấy cần thiết phải bảo là ông nhầm rồi nữa.

“Bà ấy là ai thế?” ông hỏi.

“Tên bà ấy là Wilson. Ông chồng là chủ cái xưởng xe. Quái quỷ gì mà lại xảy ra như thế?”

“Thì, tôi đã cố xoay tay lái...” Ông đột ngột ngừng lời, và tôi đoán ngay ra sự thật.

“Daisy lái xe lúc ấy à?”

“Đúng thế,” ông nói sau một lúc, “nhưng tất nhiên tôi sẽ nhận là tôi lái. Ông biết đấy, khi rời New York cô ấy rất lo lắng bồn chồn và nghĩ rằng phải lái xe để bình tĩnh lại - còn bà kia thì chạy nhào ra đúng lúc chúng tôi phải tránh một cái xe đi ngược chiều. Mọi việc xảy ra chỉ trong vòng một phút, nhưng tôi thấy hình như bà ấy muốn nói gì với chúng tôi, tưởng chúng tôi là người quen thế nào đó. Thì đầu tiên Daisy tránh bà ấy, cho xe chạy sang phía cái xe đi ngược chiều, nhưng rồi cô ấy phát hoảng và lại ngoặt trở lại, lúc tay tôi với được đến bánh lái thì đã đến thịch một cái rồi - chắc là bà ấy chết ngay lập tức.”

“Bà ấy bị đâm toạc hết cả người...”

“Đừng nói nữa, ông bạn.” Ông nhấp nháy mắt. “Không hiểu sao, Daisy cứ đập ga hết cỡ. Tôi đã cố báo cô ấy đỗ lại, nhưng cô ấy không làm thế nào được, thế là tôi phải kéo phanh tay cấp cứu. Rồi cô ấy ngã ngất vào lòng tôi và tôi lái xe chạy tiếp.”

“Mai cô ấy sẽ ổn,” ông nói luôn. “Tôi chỉ đợi ở

đây xem hắn có làm phiền gì cô ấy về câu chuyện khó chịu hồi chiều không. Cô ấy đã khóa cửa ở trong phòng, nếu hắn định giở trò hung bạo gì thì cô ấy sẽ tắt bật đèn làm hiệu.”

“Anh ấy sẽ không động đến Daisy đâu,” tôi nói.

“Anh ấy không nghĩ đến cô ấy đâu.”

“Tôi không tin hắn, ông bạn ạ.”

“Ông sẽ đợi đến bao giờ?”

“Cả đêm, nếu cần. Không thì cho đến lúc họ ngủ.”

Tôi chợt nghĩ đến một quan điểm mới. Giả dụ như Tom biết được Daisy lái xe, có thể anh sẽ nghĩ là có một liên quan trong chuyện ấy - rồi anh sẽ nghĩ gì nữa ai biết được. Tôi nhìn tòa nhà; dưới nhà có hai ba cửa sổ sáng đèn còn trên gác thì chỉ có phòng của Daisy là còn đang hồng hồng tỏa sáng.

“Ông đợi ở đây,” tôi nói. “Tôi sẽ xem xem có chuyện gì không.”

Tôi bước trở lại dọc theo mép vườn cỏ, nhón chân nhẹ nhàng trên lớp sỏi trải đường, rồi rón rén lên những bậc thềm hành lang. Mấy lớp rèm cửa phòng khách đều vén mở, không thấy có ai trong đó. Đi qua chỗ hiên có mái che mà chúng tôi đã ngồi ăn tối hồi tháng Sáu ba tháng trước đó, tôi đến một ô sáng đoán chừng là cửa sổ bếp. Mành mành hạ hết, nhưng có một khe hở sát bậc cửa.

Daisy và Tom đang ngồi đối diện nhau ở bàn

bếp, giữa họ là một đĩa gà rán đã nguội và hai chai bia. Anh đang nói rất chăm chú, và trong lúc khẩn thiết anh với ra phủ bàn tay mình lên bàn tay nó. Thịnh thoảng Daisy lại ngược nhìn anh và gật gật đầu với vẻ đồng tình.

Họ không vui, chẳng ai động đến gà hay bia - nhưng họ cũng chẳng buồn. Quang cảnh ấy có một không khí thân mật tự nhiên không thể nhầm lẫn được, và ai thấy cũng sẽ phải nói rằng họ đang bàn tính riêng với nhau chuyện gì đó.

Lúc rón rén rời khỏi hàng hiên thì tôi nghe tiếng xe tắc xi đang dò dẫm chạy dưới đoạn đường tối mò dẫn lên nhà. Gatsby vẫn đứng đợi ở chỗ lối vào như cũ.

“Trên ấy yên ổn cả chứ?” ông lo lắng hỏi.

“Vâng, yên ổn cả.” Tôi lưỡng lự. “Tốt nhất là ông nên về ngủ đi một chút.”

Ông lắc đầu.

“Tôi muốn đợi đây cho đến lúc Daisy đi ngủ. Ông ngủ ngon nhé, ông bạn.”

Ông đút hai tay vào túi áo ngoài và vội vàng quay lại giám sát tòa nhà, làm như sự có mặt của tôi đã xúc phạm đến cái thiêng liêng của đêm canh chừng không ngủ ấy. Thế là tôi đi, mặc ông đứng đó dưới trăng - canh chừng vô bổ.

CHƯƠNG VIII

Suốt đêm ấy tôi không thể ngủ được; tiếng còi báo sương mù rền rĩ không ngừng ngoài Vịnh, và tôi trần trọc như ốm dở giữa thực tại quái đản và những giấc mơ man rợ hãi hùng. Đến gần rạng sáng tôi nghe tiếng tắc xi chạy vào lối cổng nhà Gatsby và lập tức vùng dậy mặc quần áo - tôi cảm thấy mình có cái gì đó phải nói với ông, cái gì đó phải cảnh báo ông, mà để đến sáng thì sẽ quá muộn.

Đi qua vườn cỏ nhà ông, tôi thấy cửa trước vẫn để ngỏ và ông đang dựa người vào một cái bàn ở tiền sảnh, ủ rũ vì chán nản hoặc mất ngủ.

“Không có chuyện gì cả,” ông nhợt nhạt nói. “Tôi đợi, đến khoảng bốn giờ thì cô ấy ra đứng ở cửa sổ một lúc rồi vào tắt đèn.”

Với tôi, tòa nhà của ông chưa bao giờ có vẻ mênh mông như cái đêm ấy khi chúng tôi cùng săn lùng thuốc lá qua những gian phòng rộng lớn. Chúng tôi gạt mở những màn cửa giống như những nhà lều khổng lồ, lần mò hàng bao nhiêu mét tường tối om để tìm công tắc đèn - có lúc tôi vấp đề cả vào bàn phím của một cây dương cầm chẳng nhìn thấy

gì đánh rằm một cái. Chỗ nào cũng đầy bụi, không biết ở đâu ra, và phòng nào cũng ngột ngạt như không được thông gió nhiều ngày rồi. Tôi tìm được cái hộp giữ ẩm trên một chiếc bàn lạ, trong đó còn hai điếu thuốc lá khô khốc cũ rích. Mở tung những cánh cửa sổ sát xuống sàn kiểu Pháp trong phòng khách, chúng tôi ngồi hút hai điếu thuốc ấy trong bóng tối.

“Ông phải đi đi,” tôi nói. “Thế nào họ cũng sẽ lần ra cái xe của ông.”

“Đi bây giờ ư, ông bạn?”

“Đến Atlantic City độ một tuần, hoặc lên hẳn Montreal.”

Ông không chịu. Ông không thể rời bỏ Daisy chừng nào chưa biết nó sẽ làm gì. Ông đang túm chặt lấy vài tia hy vọng cuối cùng và tôi không đủ can đảm chặt đứt chúng.

Chính trong đêm ấy ông đã kể cho tôi câu chuyện lạ lùng về tuổi trẻ của mình với Dan Cody - kể cho tôi bởi vì “Jay Gatsby” đã tan tành như thủy tinh khi đụng phải sự độc địa rắn đánh của Tom, và vở diễn nông cuồng bí hiểm kéo dài đã chấm dứt. Tôi tưởng bây giờ thì thế nào ông cũng kể thật hết mọi chuyện, không e dè gì nữa, nhưng ông lại chỉ muốn nói về Daisy.

Daisy là cô gái “nhà lành” đầu tiên mà ông từng biết. Thực ra thì trong nhiều hoàn cảnh không tiện

nói ra, ông cũng đã tiếp xúc với những người như vậy rồi, nhưng lúc nào cũng bị ngăn cách bởi một rào kềm gai vô hình. Daisy khiến ông thêm muốn khát khao. Ông đến nhà cô, lúc đầu đi cùng với các sĩ quan khác cùng doanh trại Taylor, sau thì đi một mình. Và ông mê mẩn - trước đây ông chưa từng vào ngôi nhà nào đẹp như thế bao giờ. Nhưng cái khiến cho nó có một không khí hồi hộp đến nghẹt thở thì lại chỉ vì Daisy sống ở đó - một điều tự nhiên đối với cô, cũng như sống trong doanh trại lều bạt là tự nhiên đối với ông. Nó mang một vẻ bí nhiệm chín mọng, gọi đến những phòng ngủ còn đẹp hơn và hay hơn ở trên gác, những trò vui rạng rỡ dọc những đường hành lang, và những huê tình lãng mạn chưa ôi ai xếp xó thành những đóa hoa khô mà vẫn tươi mới nồng nàn thơm nức với xe cộ tân thời choáng lộn và những đêm khiêu vũ đầy hoa chẳng thấy tàn héo bao giờ. Một điều cũng kích thích ông nữa là đã có nhiều đàn ông yêu Daisy - nó làm tăng giá trị của cô trong mắt ông. Ông cảm thấy sự có mặt của họ ở khắp nơi trong ngôi nhà ấy, những tình cảm sống động của họ vẫn còn vang vọng lớn vồn tràn ngập không gian.

Nhưng ông biết mình lọt được vào nhà Daisy như thế là một bất ngờ hy hữu. Dù Jay Gatsby có thể có một tương lai huy hoàng đến thế nào chăng nữa, thì lúc bấy giờ hắn vẫn chỉ là một anh chàng kiết xác

tứ cố vô thân, và bất kỳ lúc nào cái vỏ bọc vô hình của bộ quân phục cũng có thể bị tuột xuống. Cho nên ông tận dụng tối đa thời vận ấy của mình. Vớ được gì là ông lấy, ngẫu nhiên và bất kể - và cuối cùng ông đã chiếm đoạt được Daisy vào một đêm tháng Mười yên ả, chiếm đoạt, bởi vì ông không thể thực sự có quyền động đến dù chỉ bàn tay cô.

Có thể ông cũng đã tự khinh bỉ mình, vì chắc chắn là ông đã đoạt được Daisy bằng những lời gian dối. Tôi không định nói là ông đã bịa tạc đánh đổi tiền ma bạc triệu lấy món tình ấy, nhưng ông đã có tình cho Daisy có một cảm giác yên tâm; ông đã để nó tin rằng ông với nó môn đăng hộ đối - rằng ông thừa khả năng bao bọc chăm sóc nó. Mà sự thực là ông không hề có phương tiện gì để làm được việc ấy - ông không có gia đình khá giả sẵn sàng sau lưng mình, và hoàn toàn có thể chết mất xác ở đâu đó trên thế giới này tùy thuộc vào những thất thường của một chính phủ vô tình.

Nhưng ông không tự khinh mình và chuyện ấy hóa ra lại không như ông đã tưởng. Có khả năng ông đã định lấy hết những gì có thể lấy được rồi chuồn - nhưng sau đó lại thấy mình đã dần thân theo đuổi một báu vật chỉ có trong truyền thuyết. Biết là Daisy khác thường, nhưng ông không thể biết một cô gái “nhà lành” có thể khác thường đến đâu. Nó đã biến mất vào trong ngôi nhà giàu có của nó, vào cuộc sống

đầy đủ giàu có của nó, chẳng để gì lại cho Gatsby. Mà ông thì thấy như mình đã là chồng nó - vậy thôi.

Khi họ gặp lại nhau hai ngày sau đó, chính Gatsby mới là người sững sờ, là người có vẻ như bị phản bội. Hiên nhà nó sáng ngời với những đồ xa xỉ lấp lánh như sao mà tiền có thể mua được; chiếc ghế đôi bằng mây cột kệt đứng một khi nó quay ra cho ông hôn cái miệng tò mò và đáng yêu của nó. Nó vừa bị cảm, khiến giọng nó trầm hơn và quyến rũ hơn bao giờ hết, và Gatsby chợt choáng váng nhận ra cái trẻ trung và bí ẩn riêng biệt muôn đời của cuộc sống giàu sang, cái tươi mát của quần là áo lụa, và của cả Daisy đang ánh lên như bạc ròng, yên trí và kiêu hãnh chót vót trên những tranh đấu sinh tồn nóng bỏng của người nghèo.

“Tôi không thể tả cho ông hiểu tôi đã ngạc nhiên đến mức nào khi thấy mình đã yêu cô ấy, ông bạn ạ. Thậm chí đã có lúc tôi còn hy vọng là cô ấy sẽ tống khứ mình, nhưng cô ấy không làm thế, vì cô ấy cũng yêu tôi. Cô ấy tưởng tôi biết nhiều lắm vì tôi biết những cái khác với cô ấy... Vậy là tôi ở đó, xa hẳn những tham vọng của mình, chìm sâu hơn vào ái tình từng phút một, và thành linh mặc kệ. Cần gì phải làm những chuyện lớn nữa, nếu chỉ cần kể chúng với cô ấy thôi là tôi đã thấy thích hơn rồi?”

Buổi chiều cuối cùng trước khi ra nước ngoài, ông ngồi im lặng ôm Daisy trong tay rất lâu. Đó là một ngày thu lạnh, trong phòng có lửa sưởi và má Daisy nóng bừng. Thỉnh thoảng nó cựa quậy và ông lại đổi tay một tí, và một lần ông hôn lên mái tóc sẫm màu óng ả của nó. Buổi chiều ấy đã khiến hai người tĩnh lặng một hồi lâu, như muốn cho họ có một ký ức sâu nặng về cuộc chia ly lâu dài đang đợi họ ngày hôm sau. Họ chưa bao giờ gần gũi nhau hơn thế trong tháng yêu đương ấy của mình, chưa bao giờ giao đãi với nhau sâu sắc hơn khi cặp môi im lặng của Daisy cọ nhẹ vào vai áo ông, hay khi ông chạm vào các đầu ngón tay của nó, thật dịu dàng, như thể chúng đang ngủ vậy.

Gatsby chiến đấu rất xuất sắc trong chiến tranh. Trước khi ra mặt trận ông là đại úy, và sau những trận đánh ở Argonne thì được thăng thiếu tá chỉ huy toàn bộ lính súng máy của sư đoàn. Sau đình chiến ông cuống quýt xin giải ngũ về nhà, nhưng lại được cử sang Oxford vì một nhầm lẫn hoặc hiểu lầm gì đó. Lúc ấy ông đã lo lắng - những bức thư của Daisy chứa đựng một tâm trạng bồn chồn tuyệt vọng. Nó không hiểu tại sao ông không được về. Nó đang cảm thấy áp lực của thế giới bên ngoài và muốn được nhìn thấy ông, cảm thấy sự hiện diện của ông ở bên

cạnh và có thể yên trí là rốt cuộc nó đang làm một việc đúng đắn.

Bởi lẽ Daisy còn trẻ và thế giới giả tạo của nó sục nức hương lan và mùi vị dễ chịu vui vẻ của giai cấp trưởng giả và của những dàn nhạc cầm trịch cho tiết tấu của năm tháng, gói ghém những nỗi buồn và tơ tưởng của cuộc đời thành những điệu đàn mới mẻ. Suốt đêm dài kèn xắc xô ông ổng nỉ non những khúc nhạc buồn vô vọng trong lúc hàng trăm đôi hài vàng hài bạc khua động những hạt bụi lấp lánh. Vào giờ uống trà xam xám thì lúc nào cũng có những gian phòng phập phồng không ngớt trong cơn sốt nhẹ ngọt ngào, khi những gương mặt tươi mát trôi dạt như những cánh hoa hồng bị tiếng kèn co buồn bã thổi bay đây đó khắp quanh sàn.

Trôi trong cái thế giới nhập nhoạng ấy Daisy lại bắt đầu hòa nhịp theo trào lưu; đột nhiên nó lại duy trì hàng nửa tá hẹn một ngày với hàng nửa tá đàn ông, rạng sáng mới rũ mắt thiếp đi với những vòng những hạt những nơ cài nơ buộc của bộ áo váy đêm trước lẫn lộn lẫn lộn cùng những hoa tàn lá héo dưới sàn ngay cạnh giường. Và lúc nào cũng có cái gì đó trong người nó đang kêu la đòi phải được quyết định. Nó muốn đời nó phải định hình ngay lập tức - và việc ấy phải được quyết định bởi một sức mạnh nào đó - của ái tình, của tiền bạc, của một toan tính thực tế hiển nhiên - và phải ở ngay đây mới được.

Cái sức mạnh ấy đã thành hình vào giữa mùa xuân với sự xuất hiện của Tom Buchanan. Con người và địa vị của anh có một vẻ kèn còi lạnh mạnh, và Daisy thấy thích như được khen nịnh. Thì cũng có một chút giằng co, và một chút nhẹ người, nhất định rồi. Bức thư ấy đến tay Gatsby khi ông vẫn ở Oxford.

Ngày đang rạng trên đảo lớn Long Island và chúng tôi đi quanh mở nốt các cửa sổ tầng dưới, khiến ngôi nhà tràn ngập ánh sáng đang dần chuyển từ xám xám sang óng ánh như vàng. Một cái cây bóng thấy đổ bóng xuống mặt cỏ còn long lanh sương đêm và những con chim chẳng nhìn thấy đâu cất tiếng hót giữa vòm lá vẫn còn thẫm sắc lam. Có một rung động từ tốn dễ chịu trong không gian, không hẳn là gió thổi, hứa hẹn một ngày đẹp trời dịu mát.

“Tôi nghĩ cô ấy chưa yêu hẳn bao giờ,” Gatsby xoay hẳn lại từ một cửa sổ và nhìn tôi với vẻ thách thức. “Ông phải nhớ, ông bạn ạ, cô ấy rất kích động chiều hôm qua. Hẳn nói với cô ấy những chuyện đó cốt để làm cô ấy sợ - cốt biến tôi thành một thằng đểu rẻ tiền. Kết quả là cô ấy chẳng biết mình đang nói gì nữa.”

Ông buồn bã ngồi xuống.

“Tất nhiên có thể đã có lúc cô ấy cũng yêu hẳn, lúc họ mới cưới - nhưng ngay cả lúc đó cô ấy cũng

vẫn yêu tôi hơn, ông thấy không?”

Đột nhiên ông thốt ra một lời lạ lùng:

“Nhưng thôi,” ông nói, “cũng chỉ là chuyện riêng tư.”

Câu nói đó có nghĩa gì? Chẳng nhẽ mối tình không thể đong đếm được ấy đối với ông cũng không đến nỗi sâu nặng lắm chăng?

Từ Pháp trở về khi Tom và Daisy vẫn còn đang đi trăng mật, ông làm một chuyến đi đau lòng mà khôn cưỡng về Louisville với tháng lương quân ngũ cuối cùng của mình. Ông ở đó một tuần, đi lại những con phố họ đã thả bộ bên nhau trong cái đêm tháng Mười một ấy và thăm lại những nơi hẻo lánh mà họ đã đến trên chiếc xe trắng của Daisy. Với ông, ngôi nhà của Daisy có vẻ bí ẩn và vui vẻ hơn các ngôi nhà khác như thế nào thì Louisville cũng đẹp đẽ u hoài hơn các thành phố khác như thế, cho dù vắng mặt người ông yêu.

Ông rời nơi đó với cảm giác nếu cứ cố tìm kiếm nữa ông vẫn có thể gặp được Daisy - và hình như ông đang bỏ cô lại đó. Toa tàu ngày hạng bát thật nóng bức - lúc ấy ông đã hết sạch tiền. Ông ra đầu toa thoáng gió ngồi ở một chiếc ghế gấp, nhà ga lùi dần, lưng những dãy nhà xa lạ chạy qua trước mắt. Rồi ra đến cảnh đồng ruộng mùa xuân. Một chiếc tàu điện vàng chạy song song với đoàn tàu hỏa một lúc, chở những người chắc đã từng có lần thấy gương mặt mai

mái đầy vẻ kỳ diệu của người ông yêu ngoài đường phố dừng đứng.

Đường tàu chạy qua một khúc quanh và bỏ lại sau lưng vầng mặt trời xuống thấp như đang muốn ban phước lành cho thành phố bên dưới mỗi lúc một nhạt nhòa, nơi người ông yêu đã hít thở chào đời. Ông tuyệt vọng với tay như muốn bắt lấy chỉ một làn không khí, muốn lưu giữ lấy một mảnh của nơi chốn nay đã thành thân thương nhờ mối tình ấy. Nhưng giờ đây mọi thứ đang trôi đi quá nhanh trước cặp mắt mờ lệ của ông và ông biết mình đã mất cái phần ấy rồi, cái phần tươi mát nhất và tốt đẹp nhất, mãi mãi.

Chín giờ chúng tôi mới xong bữa điểm tâm và ra ngồi ngoài thềm nhà. Đêm đã làm thời tiết thành khác hẳn và không khí có hương vị mùa thu. Người làm vườn, gia nhân cũ cuối cùng của Gatsby, đến dưới bậc thềm.

“Thưa ông Gatsby, hôm nay tôi sẽ thau bể bơi. Lá sắp rụng rồi, thế nào cũng làm tắc ống ạ.”

“Đừng làm hôm nay vội,” Gatsby đáp. Ông quay sang tôi với vẻ phân trần. “Ông bạn biết không, cả mùa hè tôi chưa dùng đến cái bể lần nào.”

Tôi nhìn đồng hồ và đứng lên.

“Mười hai phút nữa là tàu chạy.”

Tôi không muốn vào thành phố. Tôi không có tâm trạng làm việc đàng hoàng, nhưng không phải

chỉ có thể - tôi không muốn bỏ mặc Gatsby. Tôi đã lỡ chuyến tàu ấy, cả chuyến sau nữa, rồi mới đi được.

“Tôi sẽ gọi cho ông,” cuối cùng tôi nói.

“Nhớ đấy, ông bạn.”

“Tôi sẽ gọi vào quăng trưa.”

Chúng tôi lững thững xuống thêm.

“Có thể Daisy cũng sẽ gọi.” Ông nhìn tôi lo lắng, như đang hy vọng tôi sẽ đồng tình.

“Tôi cũng nghĩ vậy.”

“Thôi, tạm biệt nhé.”

Chúng tôi bắt tay nhau, rồi tôi đi. Vừa đến gần bờ rào cây tôi bỗng nhớ ra cái gì đó và quay lại.

“Bọn họ chỉ là một đám thối tha,” tôi quát vọng lại qua vườn cỏ. “Cả lũ khốn ấy gộp lại cũng không xứng đáng với ông đâu.”

Tôi vẫn luôn mừng là mình đã nói thế. Đó là lời khen duy nhất tôi từng nói với ông, vì tôi vốn chê trách ông từ đầu đến cuối. Đầu tiên ông nhã nhặn gật đầu, nhưng sau đó mặt ông bỗng rạng rỡ hẳn lên với một nụ cười thông hiểu, như thể hai chúng tôi đã vẫn luôn là đồng bọn khoái chí với nhau về chuyện này. Bộ com lê hồng tươi tắn và đóm dáng của ông làm thành một chấm màu sáng rực trên nền những bậc thềm trắng, và tôi nhớ đến đêm đầu tiên tôi sang ngôi nhà kiểu cổ của ông, ba tháng trước. Vườn cỏ và lối đi đã từng đông nghẹt bộ mặt của bọn người luôn đoán già đoán non về những điều đời bại của

ông - còn ông thì đứng trên những bậc thềm kia, giấu kín giấc mơ không thể đòi bại được của mình trong lúc vẫy chào tạm biệt bọn họ.

Tôi cảm ơn lòng hiếu khách của ông. Chúng tôi đã luôn cảm ơn ông vì điều đó - tôi và những người khác.

“Tạm biệt,” tôi gọi to. “Bữa sáng ngon lắm, Gatsby.”

Ở thành phố, tôi cố điền mệnh giá vào một danh mục vô tận các cổ phiếu một lúc lâu, rồi thì ngủ thiếp đi trên chiếc ghế xoay của mình. Vừa sắp đến giờ nghỉ trưa thì chuông điện thoại khiến tôi giật mình tỉnh dậy, trán toát mồ hôi. Jordan Baker gọi; cô thường gọi tôi vào giờ này vì cũng chẳng bao giờ biết lúc nào thì mình sẽ ở khách sạn nào, câu lạc bộ nào, nhà ai mà gọi vào giờ khác được. Thường thì trên điện thoại giọng cô tươi tắn mát mẻ như một mẩu cỏ sân gôn bị quạt bắn lên đến tận cửa sổ văn phòng, nhưng sáng nay nghe cô có vẻ vừa rần vừa khô.

“Em vừa ở nhà Daisy ra,” cô nói. “Đang ở Hempstead, chiều nay sẽ xuống dưới Southampton.”

Có thể việc bỏ nhà Daisy đi như thế là khôn khéo, nhưng hành động ấy lại làm tôi khó chịu, và câu nói tiếp theo đó của cô còn làm tôi rần lòng.

“Đêm qua anh không tốt với em tí nào.”

“Chuyện ấy mà còn hệ trọng lúc bảy giờ ư?”

Im lặng một lúc. Rồi:

“Tuy nhiên, em vẫn muốn gặp anh.”

“Anh cũng muốn gặp em.”

“Vậy em sẽ không xuống Southampton nữa mà vào thành phố chiều nay nhé?”

“Đừng - anh nghĩ chiều nay không được.”

“Cũng không sao.”

“Chiều nay không thể được. Có nhiều việc...”

Lời qua tiếng lại như thế một lúc, rồi thành lĩnh chúng tôi không nói gì nữa. Tôi không biết ai là người bỏ máy đến cơ-lách một cái trước, nhưng tôi biết là mình bất cần. Còn ngồi chuyện trò uống nước chiều hôm ấy làm gì nếu tôi sẽ không bao giờ còn nói chuyện với cô ta nữa ở cuộc đời này.

Mấy phút sau tôi gọi số máy nhà Gatsby, nhưng đường dây bận. Tôi thử bốn lần; cuối cùng một giọng tổng đài nghe rất phóng đại bảo tôi rằng đường dây ấy đang phải dành chờ một cuộc gọi đường dài từ Detroit. Lấy bảng giờ tàu của mình ra, tôi khoanh đánh dấu chuyến ba rưỡi. Sau đó tôi ngả lưng trên ghế và cố gắng suy nghĩ. Vừa vặn giữa trưa.

Sáng hôm đó lúc tàu hỏa chạy qua quang đất bụi thì tôi cố tình ngồi sang phía bên kia. Chắc đã có một

đám đông tò mò đứng quanh đó cả ngày với những thằng nhóc thi nhau tìm vết máu lẫn trong đám bụi, một gã lảm chuyện cứ kể đi kể lại vụ ấy đến mức chính mình cũng thấy khó tin và không dám kể tiếp nữa, rồi cái thành tích bi thảm ấy của Myrtle Wilson cũng bị lãng quên. Bây giờ tôi sẽ trở lại một tí để kể xem đã có chuyện gì ở xưởng xe sau khi chúng tôi ra về đêm hôm trước.

Họ khó khăn mãi mới tìm được cô em Catherine. Đêm ấy chắc cô đã phá luật không uống rượu của mình, vì khi đến nơi cô say đờ đẫn không chịu hiểu là xe cứu thương đã đi Flushing mất rồi. Khi họ làm cho cô hiểu ra được chuyện ấy thì cô ngất xỉu luôn, cứ như đó mới là chi tiết không thể chịu được của vụ việc. Có ai đó, tốt bụng hoặc tò mò, đã cho cô lên xe mình và chở cô chạy đuổi theo thi hài của bà chị.

Quá nửa đêm lâu rồi mà đám đông kẻ đến người đi vẫn tụ tập trước cửa xưởng xe, trong khi George Wilson vẫn ngồi đu đưa người từ trước ra sau trên xô pha. Có một lúc cửa phòng giấy mở ra, và những người đã vào xưởng ai cũng phải nhìn vào đó, không nhìn được. Cuối cùng có người bảo thật xấu hổ, rồi khép cánh cửa lại. Michaelis và nhiều người khác ở đó với Wilson, lúc đầu có bốn năm người, sau còn hai ba. Sau nữa thì Michaelis nhờ người lạ cuối cùng chờ mình thêm mười lăm phút nữa để anh về

nhà pha một bình cà phê. Sau đó, anh ở lại đây với Wilson cho đến rạng sáng.

Quãng ba giờ thì Wilson không làm nhảm đầu cua tai nheo như trước nữa - ông trở nên im ắng hơn và bắt đầu nói đến chiếc xe vàng. Ông tuyên bố đã có cách tìm ra chủ nhân của chiếc xe đó, rồi ông buột ra rằng một hai tháng trước vợ ông từ thành phố trở về với bộ mặt thâm tím và cái mũi sưng vù.

Nhưng khi nghe chính mình nói ra như thế ông bỗng co rúm người và lại bắt đầu kêu, “Ôi, lạy Chúa tôi!” với giọng rên rỉ như cũ. Michaelis cố dứt ông ra khỏi tình trạng ấy một cách vụng về.

“Bác lấy vợ được bao lâu rồi, George? Thôi nào, cố ngồi yên lấy một tí mà trả lời em đi nào. Bác lấy vợ được bao lâu rồi?”

“Mười hai năm.”

“Đã có con cái gì chưa? Thôi nào, George, bác ngồi yên đi nào - em đang hỏi bác đây này. Bác đã có con cái gì chưa?”

Những con bọ cánh cứng nâu sì không ngừng lao thành thịch vào cái đèn lơ mờ, và mỗi khi Michaelis nghe có tiếng ô tô chạy vụt qua ngoài đường anh lại ngỡ đó chính là cái xe đã không chịu đỗ lại mấy giờ trước đó. Anh không thích ra bên ngoài xưởng vì cái bàn vấy máu nơi tử thi đã nằm, thành thử anh cứ loay hoay trong phòng giấy - đến nổi tới sáng thì anh đã thuộc hết cả những đồ vật

trong phòng - và thỉnh thoảng lại ngồi xuống cạnh Wilson cố dỗ ông thôi đừng kêu khóc nữa.

“Bác có cái nhà thờ nào thỉnh thoảng vẫn đến không, George? Thậm chí lâu rồi bác không đến cũng được? Có thể tôi nên gọi nhà thờ và mời một cha cố đến nói chuyện với bác, được không?”

“Chả có nhà thờ nào hết.”

“Bác phải có một cái chứ, bác George, cho những đận như bây giờ đây này. Thế nào bác cũng phải đến nhà thờ một lần rồi chứ. Thế bác không cưới vợ ở nhà thờ ư? Bác George, nghe em này. Bác không cưới ở nhà thờ à?”

“Lâu lắm rồi.”

Gắng sức trả lời như thế khiến Wilson lơ nhịp đứng đưa - ông im lặng được một lúc. Sau đó cái vẻ nửa tỉnh nửa mê lại hiện về trong đôi mắt mờ đục của ông.

“Mớ cái ngăn kéo kia mà xem,” ông nói, tay chỉ cái bàn viết.

“Ngăn nào?”

“Đấy - ngăn ấy đấy.”

Michaelis lôi cái ngăn gần tay mình nhất ra. Bên trong chỉ thấy có một cái cổ đèn chò đất tiền nhỏ, làm bằng da tết sợi bạc, rõ là còn mới.

“Cái này á?” anh hỏi, giơ nó lên.

Wilson nhìn rồi gật đầu.

“Tôi tìm thấy nó chiều qua. Bà ấy cố nói này

nói kia, nhưng tôi biết nó là một thứ quái đản.”

“Bác nghĩ là bác gái mua nó ư?”

“Bà ấy để nó trên bàn, gói lại bằng giấy xì mũi.”

Michaelis chẳng hiểu có gì lạ trong chuyện ấy, và anh đưa ra cho Wilson hàng chục lý do tại sao vợ ông lại có thể mua một cái cổ dề chó. Nhưng có lẽ Wilson đã nghe mãi những lý do ấy rồi, từ miệng Myrtle, vì ông lại bắt đầu thì thào kêu, “Ôi, lạ Chúa tôi!” khiến cho người an ủi đành thôi không giải thích gì được nữa.

“Rồi thì nó giết bà ấy,” Wilson nói. Miệng ông bỗng há thống xuống.

“Ai giết?”

“Tôi có cách tìm ra rồi.”

“Bác ốm rồi, George ạ,” anh hàng xóm nói. “Bác đang căng thẳng, chẳng biết mình đang nói gì. Bác hãy cố ngồi yên cho đến sáng đi nào.”

“Nó đã giết chết bà ấy.”

“Bác George, đó là tai nạn.”

Wilson lắc đầu. Mắt ông nheo lại và miệng hơi nhàn ra một tí, phảng phất một tiếng “Hừm” oai vệ.

“Tôi biết,” ông nói như đinh đóng cột, “tôi là loại người cả tin chẳng nghĩ đến hại ai bao giờ, nhưng khi tôi cần phải biết điều gì thì tôi biết chứ. Chính là thằng trên cái xe đó. Bà ấy chạy ra để nói với nó mà nó không dừng lại.”

Michaelis cũng nhìn thấy như vậy, nhưng anh

không thấy nó có ý nghĩa gì đặc biệt. Anh tin là bà Wilson đang chạy trốn ông chồng, chứ không phải muốn vẫy một cái xe ô tô nào cả.

“Sao bác gái lại có thể như vậy chứ?”

“Bà ấy là người sâu sắc,” Wilson nói, làm như đó là câu trả lời. “Aaaa...”

Ông lại đứng đưa người, và Michaelis đứng vịn vẹo cái cổ dề chớ trong tay.

“Có thể bác có người bạn nào để em gọi cho họ được chứ, George?”

Đó là một hy vọng hão huyền - Michaelis gần như chắc chắn Wilson chẳng có bạn bè gì: đến vợ còn không đủ sức đáp ứng thì còn hơi đâu mà bạn với bè. Một lúc sau anh mừng vì thấy có đổi khác trong phòng, cửa sổ đang xanh lên nhanh chóng, chẳng mấy chốc trời sẽ sáng. Đến năm giờ thì bên ngoài đã sáng đủ để có thể tắt đèn trong phòng.

Cặp mắt nhòa lệ của Wilson hướng ra phía những gò bụi bên ngoài, nơi những vẩn bụi xám nhỏ đang tụ thành những hình thù kỳ dị và trôi lăn lóc chỗ này chỗ kia trong làn gió nhẹ của buổi rạng ngày.

“Tôi đã nói với bà ấy,” ông lẩm nhẩm, sau một hồi lâu im lặng. “Tôi đã bảo là bà ấy có thể lờm được tôi nhưng không thể lừa dối được Chúa. Tôi đã đưa bà ấy đến cửa sổ” - ông gắng gượng đứng lên bước đến cửa sổ sau nhà, dựa áp mặt vào ô kính - “và tôi bảo, ‘Chúa biết em đang làm gì, biết mọi việc em

đang làm. Em có thể lừa dối tôi, nhưng em không thể lừa dối Chúa!’ ”

Đứng sau lưng ông, Michaelis giật mình kinh hãi khi thấy ông đang nhìn đôi mắt của bác sĩ T. J. Eckleburg vừa mới hiện ra, nhợt nhạt và khổng lồ, từ trong màn đêm đang tan dần.

“Chúa thấy hết mọi sự,” Wilson nhắc lại.

“Đó chỉ là biển quảng cáo,” Michaelis trấn an ông. Có cái gì đó khiến anh quay khỏi cửa sổ và nhìn lại gian phòng. Nhưng Wilson vẫn đứng đó hồi lâu, mặt kề sát kính cửa sổ, gật gật đầu với ánh ngày dần rạng.

Đến sáu giờ thì Michaelis mệt nhoài, nhẹ người khi nghe tiếng ô tô đỗ lại ngoài cửa. Đó là một người đã canh chừng Wilson với anh đêm trước và đã hứa là sẽ quay lại, thế là anh soạn bữa điểm tâm cho ba người, rồi ngồi ăn với người kia. Wilson bảy giờ đã yên hơn và Michaelis về nhà ngủ; khi anh tỉnh dậy bốn tiếng sau đó và vội vàng quay lại xưởng xe thì Wilson đã đi rồi.

Ông đi bộ. Sau này người ta lần ra là ông đã đến cảng Roosevelt, sau đó đến Gad’s Hill, nơi ông mua một cái bánh kẹp rồi lại không ăn, và một cốc cà phê. Chắc hẳn ông đã mệt và đi rất chậm, vì mãi đến trưa ông mới đến được Gad’s Hill. Cho đến lúc ấy người

ta vẫn có thể biết ông đi đâu làm gì - có những thằng bé đã thấy một người trông bộ dạng “có vẻ điên điên”, và những người lái xe nói rằng ông đã nhìn họ với vẻ rất lạ từ vệ đường. Nhưng ba tiếng sau đó thì không ai thấy ông ở đâu cả. Cảnh sát, căn cứ vào lời ông nói với Michaelis rằng ông đã “có cách tìm ra”, thì cho rằng ông đã đi từ xưởng xe này đến xưởng xe khác trong thời gian ấy để hỏi về chiếc xe màu vàng. Nhưng lại chẳng có chủ xưởng xe nào từng thấy ông hỏi như vậy. Có thể ông đã có cách dễ hơn và chắc hơn để tìm kiếm điều ông muốn biết. Hai rưỡi chiều thì ông đã ở West Egg, hỏi đường đến nhà Gatsby. Có nghĩa là đến lúc ấy ông đã biết được tên Gatsby.

Lúc hai giờ Gatsby mặc bộ đồ bơi⁽¹⁾ và dặn người quản gia nếu có ai gọi thì mang điện thoại ra bể bơi cho ông. Ông vào nhà để xe lấy cái nệm hơi vẫn mua vui cho khách khứa của mình trong mùa hè ấy, bảo anh tài xế giúp bơm nó lên. Sau đó ông chỉ thị là cái xe mở mui không được đánh ra ngoài trong bất kỳ trường hợp nào - thế cũng lạ, vì thanh cản sóc phía trước bên phải đang cần phải đi chữa.

Gatsby vác tấm nệm lên vai đi ra hồ bơi. Ông

1. Thời những năm 1920 đàn ông vẫn mặc đồ bơi áo liền quần, chưa mặc chỉ quần bơi và cởi trần như bây giờ.

đứng xóc nó lại một tí và anh tài xế hỏi xem ông có cần giúp không, nhưng ông lắc đầu và một phút sau đã mất dạng trong đám cây cối đang ngả vàng.

Không có ai gọi đến, nhưng người quản gia vẫn thức đợi cho đến bốn giờ chiều - rất lâu sau khi đã chẳng còn ai để mang điện thoại ra cho nữa dù có người gọi đến. Tôi có ý nghĩ rằng bản thân Gatsby cũng không tin là sẽ có ai gọi, hoặc giả ông cũng đã chẳng thiết đến chuyện ấy nữa. Nếu đúng thế thì nghĩa là ông hẳn phải cảm thấy mình đã mất cái thế giới nồng ấm ngày xưa rồi, đã trả giá cao để sống quá lâu với một giấc mơ duy nhất rồi. Chắc hẳn ông đã ngẩng nhìn một bầu trời xa lạ qua kẽ những chiếc lá hải hùng và rừng mình thấy một bông hồng sao lại kỳ quái đến thế, nắng rơi trên cỏ còn rất non sao mà sống sượng đến thế. Một cõi mới, vật chất mà không thật, nơi những bóng ma tội nghiệp, sống bằng những giấc mơ chứ không phải khí trời, chấp chờn bất chợt khắp xung quanh... như cái bóng người kỳ dị xám ngoét như tro đang lướt đến ông qua những lùm cây rối bù.

Anh tài xế - một tay chân thân tín của Wolfsheim - nghe thấy nhiều phát súng - sau này anh ta chỉ có thể nói rằng đã không để ý những tiếng nổ ấy lắm. Tôi lái xe từ ga thẳng về nhà Gatsby và chỉ khi thấy tôi lo lắng chạy ù lên thêm thì mọi người mới tỏ vẻ hốt hoảng. Nhưng lúc đó họ đã biết cả rồi, tôi tin chắc như vậy. Hầu như không ai nói một lời

nào, bốn người chúng tôi, anh tài xế, người quản gia, người làm vườn và tôi vội vàng đi xuống chỗ hồ bơi.

Mặt nước hơi chuyển động, gần như không nhìn thấy, vì nước ở đầu ống vào vẫn chảy liên tục về phía đầu ống ra ở phía đối diện. Trên mặt nước lăn tăn khó lòng gọi là gợn sóng ấy, tấm nệm chở nặng trôi không đều xuống cuối bể. Chỉ một cơn gió nhẹ không đủ sức làm gợn sóng cũng đã khiến nó chệch khỏi hướng trôi bất thường với gánh nặng bất thường của nó. Đụng phải một chùm lá, nó từ từ xoay như vào một đoạn đường mới, để lại một vòng tròn đỏ mảnh mai dưới nước.

Chỉ sau khi chúng tôi bắt đầu khiêng Gatsby vào nhà thì người làm vườn mới nhìn thấy thi thể của Wilson trên cỏ chỉ cách đó một quãng, vậy là cuộc hiến sinh đã hoàn tất⁽¹⁾.

1. Nguyên văn: "...and the holocaust was complete." - tôi hiểu chữ holocaust ở đây theo nghĩa đầu tiên của nó là "con sinh đã được ngọn lửa ngốn ngấu hết" (a sacrifice wholly consumed by fire) vì mấy lý do sau đây: (1) mặc dù chữ holocaust cũng có nghĩa là một cuộc tàn sát nhưng số lượng nạn nhân phải rất lớn (a great slaughter or massacre), nên không có khả năng Fitzgerald dùng holocaust theo nghĩa này; (2) Fitzgerald đã cho nhân vật Gatsby mang tâm trạng tự coi mình là Đức Chúa Con có ước mơ phụng sự cái đẹp thế tục hào nhoáng ở đời, cái chết của vợ chồng Wilson và Gatsby vì vậy mang ý nghĩa như những con sinh bị hiến tế cho cái đời thế tục hào nhoáng ấy, có cái gì tương tự một cách mỉa mai với cái chết của Jesus vẫn được coi là một hiến tế để chuộc tội cho loài người. (3) chữ holocaust ở đây hoàn toàn không dính dáng gì đến chữ "the Holocaust" chỉ cuộc diệt chủng người Do Thái do Hitler khởi xướng (Fitzgerald viết Gatsby năm 1922, chưa hề có Hitler và đảng Quốc xã ở Đức), nên cái nghĩa "tàn sát", "hủy diệt" lại càng chưa phải là chủ đạo trong đoạn này.

CHƯƠNG IX

Sau hai năm, tôi nhớ phần tiếp theo của ngày hôm ấy, đêm hôm ấy và ngày hôm sau giống như một cuộc diễn tập bất tận của cảnh sát, thợ ảnh và nhà báo ra vào không ngớt qua cửa trước nhà Gatsby. Một sợi thừng chằng qua cổng chính và một viên cảnh sát đứng đó ngăn đám người tò mò, nhưng chẳng mấy chốc lũ nhóc đã phát hiện chúng có thể vào qua lối sân nhà tôi, thế là lúc nào cũng có mấy đứa túm tụm há hốc mồm quanh bể bơi. Một người có dáng điệu khệnh khạng rất tự tin, hình như là một tay thám tử, đã thốt lên hai từ “người điên” khi cúi xem thi thể Wilson chiều hôm đó, và cái thẩm quyền ngẫu nhiên của lời nói ấy đã khiến nó trở thành nội dung chủ đạo của các bài tường trình trên báo chí sáng hôm sau.

Hầu hết những bài tường trình ấy đều như ác mộng - kịch cỡm, toàn suy đoán chứ chẳng có bằng chứng gì, vội vàng và không đúng sự thật. Khi lời chứng của Michaelis trong cuộc điều tra tiết lộ những nghi ngờ của Wilson về vợ mình tôi đã tưởng toàn bộ câu chuyện sẽ lập tức bị nấu lại thành một món giễu cợt ác độc - nhưng Catherine, vốn vẫn

trống mồm, lại không hề nói một lời nào cả. Cô còn cho thấy một bản lĩnh đáng ngạc nhiên trong chuyện này - cô nhìn viên thanh tra pháp y với cặp mắt quả quyết dưới hàng lông mày ngay thẳng bọc trục của mình, thề rằng chị mình chưa hề gặp Gatsby bao giờ, rằng chị mình hoàn toàn hạnh phúc với chồng, chị mình không bao giờ dính dáng đến bất kỳ một chuyện xấu xa nào. Cô khiến mình cũng tin là thế và khóc nhẽ nhại vào chiếc khăn tay, như thể chỉ cần hỏi đến chuyện ấy thôi là cô đã không chịu được rồi. Thế là Wilson bị giản lược thành một kẻ “mất trí vì đau buồn” cốt để vụ việc có thể thành đơn giản nhất, và mọi chuyện dừng ở đó.

Nhưng tất cả những cái đó có vẻ xa xôi và chẳng quan trọng chút nào. Tôi thấy mình ở bên cạnh Gatsby, chỉ có độc một mình. Từ lúc tôi gọi điện vào làng West Egg báo tin tai họa đó, mọi ngờ vực về ông và mọi câu hỏi thực tế đều được chuyển đến cho tôi. Lúc đầu tôi ngạc nhiên và hoang mang; rồi sau đó, khi ông nằm bất động trong nhà không thở không nói, giờ này qua giờ khác, tôi bỗng nhận ra rằng mình là người có trách nhiệm, bởi vì không có ai khác quan tâm nữa - nghĩa là quan tâm đến chuyện nghĩa tử nghĩa tận mà ai cũng lơ mờ có quyền được hưởng lúc cuối đời.

Nửa tiếng sau khi tìm thấy ông, tôi gọi cho Daisy, gọi theo bản năng, không chần chừ gì hết.

Nhưng nó với Tom đã đi từ đầu giờ chiều, mang theo hành lý.

“Không để lại địa chỉ ư?”

“Không.”

“Có nói bao giờ lại về không?”

“Không.”

“Có biết họ đi đâu không? Làm sao tìm được họ?”

“Tôi không biết. Làm sao nói được.”

Tôi muốn tìm ai đó cho ông. Tôi muốn vào phòng chỗ ông đang nằm và an ủi ông rằng, “Tôi sẽ tìm được ai đó cho ông, Gatsby ạ. Đừng lo. Cứ tin tôi, rồi tôi sẽ tìm được ai đó cho ông...”

Meyer Wolfsheim không có tên trong danh bạ điện thoại. Người quản gia cho tôi địa chỉ văn phòng của ông ta ở Broadway và tôi gọi dịch vụ thông tin, nhưng đến lúc hỏi được số điện thoại ở đó thì đã quá năm giờ từ lâu, không ai nhắc máy nữa.

“Ông sẽ gọi lại chứ?”

“Tôi đã gọi ba lần rồi. Việc rất quan trọng”

“Xin lỗi. Tôi e là không có ai ở đó cả.”

Tôi trở lại phòng khách và thoáng nghĩ rằng cũng đã có những người đang đứng đây ở đó, những khách viếng thăm tình cờ và đám quan viên đang thi hành chức phận. Nhưng khi những người ấy kéo tấm chăn xuống và nhìn Gatsby với vẻ dừng dưng, lời phản đối của ông lại vang lên trong đầu tôi:

“Xem này ông bạn, ông phải tìm ra ai đó cho tôi với chứ. Ông phải cố hết sức mới được. Tôi không thể qua đận này một mình được đâu.”

Có người bắt đầu đặt câu hỏi với tôi, nhưng tôi bứt ra và đi lên gác, vội vàng lục lọi những ô ngăn không khóa chiếc bàn viết của ông - ông chưa bao giờ nói rõ ràng với tôi là bố mẹ ông đã chết. Nhưng chẳng thấy gì cả - chỉ độc có Dan Cody, tượng trưng cho một thời dữ dằn đã bị lãng quên, đang từ bức ảnh treo trên tường chằm chằm nhìn xuống.

Sáng hôm sau tôi cho người quản gia sang New York cầm theo một lá thư viết cho Wolfsheim để hỏi thông tin và giục ông ta đến ngay bằng chuyên tàu tiếp theo. Lời đề nghị ấy có vẻ thừa khi tôi viết nó ra giấy. Tôi chắc mẩm ông ta sẽ đi ngay khi thấy tin trên báo, hệt như tôi chắc mẩm thể nào cũng có điện tín của Daisy trước buổi trưa - nhưng chẳng có bức điện nào mà me xừ Wolfsheim cũng chẳng tới; không ai tới cả ngoài cảnh sát, thợ ảnh và nhà báo mỗi lúc một đông thêm. Khi người quản gia trở lại với phúc đáp của Wolfsheim, tôi bắt đầu có cảm giác thách đố, một cảm giác đoàn kết ngạo nghễ giữa tôi và Gatsby chống lại toàn bộ bọn họ với thái độ khinh miệt.

Ông Carraway thân mến. Đây là cái tin choáng váng khủng khiếp nhất trong đời đến nỗi tôi không thể tin nổi đó là thật. Một hành động điên rồ đến thế ở một người khiến tất

cả chúng ta phải suy nghĩ. Tôi không thể xuống ngay bây giờ vì đang vướng vài công việc làm ăn quan trọng và hiện cũng không thể vướng vào chuyện này. Nếu sau này tôi có thể làm được gì thì xin viết thư bảo Edgar cầm sang cho tôi biết. Tôi cũng không biết mình đang ở đâu khi nghe một chuyện như thế này và đang hoàn toàn suy sụp vì nó.

Bạn trung thành của ông

Meyer Wolfsheim

Rồi đến một táit bút vội vàng bên dưới:

Cho tôi biết về tang lễ vân vân chẳng biết gì về gia đình ông ấy.

Khi điện thoại reo chiều hôm đó và dịch vụ đường dài nói có người gọi từ Chicago tôi đã thở phào nghĩ chắc là Daisy. Nhưng khi đường dây đã nối thì lại nghe tiếng đàn ông, giọng rất mỏng rất xa.

“Slagle đây...”

“Vâng?” Cái tên lạ hoắc.

“Tin kinh nhĩ? Nhận điện tín của tao chưa?”

“Không có điện nào cả.”

“Thằng ranh Parke rắc rối rồi,” gã nói nhanh. “Bị chúng tóm lúc đang trao trái phiếu ngay ở quầy. Mới năm phút trước chúng nhận được các con số do New York thông báo. Mà tính sao đây, hả? Ở những xó què mùa này không thể nói trước được...”

“Alô!” tôi hồn hển ngắt lời. “Nghe đây - tôi không phải ông Gatsby. Ông Gatsby chết rồi.”

Đầu dây bên kia im lặng một hồi lâu, rồi có tiếng kêu cảm thán... rồi một tiếng cơ-lách đanh gọn khi đường dây bị ngắt.

Hình như sang đến ngày thứ ba thì mới nhận được bức điện tín ký tên Henry C. Gatz gửi từ một thị trấn ở tiểu bang Minnesota; chỉ viết rằng người gửi đang đi ngay lập tức, đề nghị hoãn tang lễ chờ ông đến.

Đó là bố đẻ của Gatsby, một ông già nghiêm trang, vẻ rất bất lực và buồn nản, choàng kín mít một chiếc áo khoác dài vải thô rẻ tiền ngay giữa tháng Chín nóng nực. Ông già cứ ứa nước mắt liên tục vì kích động, và khi tôi đã đỡ lấy túi xách và cái ô thì ông bắt đầu đưa tay dút chòm râu xám thưa của mình không ngừng đến nỗi mãi tôi mới giúp ông cởi được áo choàng. Thấy ông có vẻ sắp xỉu đến nơi, tôi đưa ông vào phòng đàn ngồi nghỉ rồi bảo làm mấy món cho ông ăn. Nhưng ông không chịu ăn, mà cốc sữa thì sánh đổ cả ra ngoài vì tay run bần.

“Tôi đọc thấy trên báo Chicago,” ông nói. “Báo Chicago đăng tất tậ cả. Tôi đi ngay lập tức.”

“Tôi không biết tìm ông cách nào.”

Cặp mắt không thấy gì của ông đảo không

ngừng khắp quanh phòng

“Một thằng điên,” ông nói. “Nhất định là nó điên.”

“Ông có dùng chút cà phê không?” tôi hỏi thúc.

“Tôi không muốn gì cả. Tôi ổn mà, thưa ông...”

“Carraway.”

“Vâng, tôi ổn rồi. Họ để Jimmy ở đâu?”

Tôi dẫn ông sang phòng khách nơi con trai ông nằm và để ông ở đó. Có mấy thằng nhóc đã mò được lên thềm và đang ngó nghiêng vào nhà; khi tôi bảo chúng là ai vừa đến, chúng miễn cưỡng bỏ đi.

Một lúc sau ông già Gatz mở cửa bước ra, miệng há trễ quai, mặt hơi bừng đỏ, mắt thỉnh thoảng lại ứa ra một vài giọt lệ tròn vo. Ông cụ đã đến tuổi chẳng kinh ngạc hãi hùng gì trước cái chết nữa, và bây giờ khi lần đầu tiên nhìn xung quanh thấy cái cao rộng tráng lệ của tiền sảnh cùng những gian phòng lớn chạy từ đó đến các phòng khác nữa, nỗi tiếc thương của ông bắt đầu xen lẫn với một niềm tự hào kinh hãi. Tôi đỡ ông lên một phòng ngủ trên gác; trong lúc ông cởi chiếc áo chèn, tôi bảo rằng mọi việc đều đã được hoãn lại để chờ ông tới.

“Tôi không biết ông muốn thế nào, thưa ông Gatsby...”

“Tên tôi là Gatz.”

“... Ông Gatz. Tôi nghĩ có thể ông muốn đưa thi hài về miền Tây.”

Ông lắc đầu.

“Jimmy lúc nào cũng thích ở miền Đông. Nó có được địa vị cũng là ở miền Đông. Ông là bạn của con tôi đấy chứ, thưa ông...”

“Chúng tôi là bạn thân.”

“Nó có tương lai to lớn ở trước mắt, ông biết đấy. Nó còn trẻ, nhưng có ý chí mạnh lắm, ở đây này.”

Ông gõ gõ vào đầu mình, và tôi gật đầu.

“Nếu còn sống, thế nào nó cũng thành một người lớn lao. Một người như James J. Hill⁽¹⁾. Nó sẽ giúp xây dựng đất nước.”

“Đúng thế,” tôi nói, gượng gạo.

Ông vằn vò tấm chăn thêu trái giường, cố kéo nó ra rồi nằm ngay xuống, người cứng đờ, ngủ thiếp đi ngay lập tức.

Đêm ấy một người rõ ràng đang hoảng hốt gọi điện đến, nhất định hỏi tôi là ai đã rồi mới xưng danh.

“Tôi là Carraway,” tôi nói.

“Ồ!” ông ta thở phào. “Klipspringer đây mà.”

1. James J. Hill (1838-1916): người xây dựng hệ thống đường sắt Bắc Mỹ chạy qua Trung Tây đến tận vùng Tây Bắc Thái Bình Dương, được mệnh danh là Người xây dựng Đế chế Mỹ.

Tôi cũng thở phào, vì điều đó có vẻ đang hứa hẹn lại có thêm được một người bạn nữa bên huyệt mộ Gatsby. Tôi không muốn đăng cáo phó vì sợ lại chỉ có một đám người tò mò đến xem, nên tự mình gọi một số người. Nhưng ai cũng khó tìm.

“Mai đưa tang,” tôi nói. “Ba giờ, ở nhà đây. Mong là ông sẽ thông báo với những ai có quan tâm.”

“Ô, nhất định rồi,” gã buột miệng. “Tất nhiên là có thể tôi cũng chẳng gặp được ai đâu, nhưng nếu gặp thì tôi sẽ nói.”

Cái giọng ấy làm tôi nghi ngờ.

“Ông thì tất nhiên là sẽ phải đến dự rồi.”

“Vâng, nhất định là tôi sẽ cố gắng. Tôi gọi thế này là vì...”

“Khoan đã,” tôi ngắt lời. “Ông có nói là ông sẽ đến không?”

“Thì... Chuyện là thế này - nói thực là tôi đang ở với mấy người ở trên Greenwich này, và họ muốn tôi đi với họ ngày mai. Có cuộc đi chơi dã ngoại hay gì đó, thực thế. Tất nhiên tôi sẽ cố hết sức không đi với họ.”

Không nhận được, tôi xì ra một tiếng “Hừ!” và chắc là gã đã nghe thấy, vì sau đó gã nói tiếp với giọng rất lo lắng:

“Tôi gọi thế này là vì có đôi giày tôi bỏ quên ở đó. Không biết ông có phiền bảo tay quản gia gửi

chúng cho tôi không. Ông biết không, đó là giày chơi tennis, mà không có chúng thì tôi chẳng làm gì được. Địa chỉ của tôi là nhờ B. F chuyển cho...”

Tôi không nghe tiếp nữa, mà đập ngay máy.

Sau đó tôi thấy nhục nhã cho Gatsby - một người mà tôi gọi báo tin đã nói bóng gió rằng Gatsby bị thế là đáng đời ông lắm. Tuy nhiên, đó là lỗi tại tôi, vì người đó vẫn là kẻ hay chế giễu Gatsby cay độc nhất khi đã đủ can đảm nhờ uống rượu của Gatsby, lẽ ra tôi phải biết mình đang gọi cho ai mới phải.

Buổi sáng hôm tang lễ, tôi sang New York gặp Meyer Wolfsheim; hình như chỉ còn cơ cách ấy tôi mới có thể gặp được ông ta. Cánh cửa mà tôi đẩy vào theo lời mách của một cậu giữ thang máy có đề dòng chữ “Công ty Chữ Thập Ngược”, và thoát tiên thì có vẻ như chẳng có ai trong đó. Nhưng sau khi tôi đã kêu to, “Xin chào” mãi rồi thì mới nghe tiếng còi vã nổ ra sau một bức vách, rồi lập tức một bà Do Thái đom đang hiện ra ở một cánh cửa phía trong, sẫm soi tôi với cặp mắt đen thù địch.

“Không có ai ở nhà,” bà nói. “Ông Wolfsheim đi Chicago rồi.”

Câu đầu rõ ràng không đúng, vì có ai đó đang huýt sáo bài *Vườn Hồng*, lạc hết cả điệu, ở bên trong.

“Làm ơn nói với ông ấy là có ông Carraway đến gặp.”

“Tôi đưa ông ấy từ Chicago về đây thế nào

được, đúng không?”

Đúng lúc ấy có tiếng gọi, “Stella!” từ sau cánh cửa vọng ra, nghe rõ ràng là giọng Wolfsheim.

“Để tên tuổi lại trên bàn ấy,” bà nói nhanh. “Khi nào ông ấy về tôi sẽ đưa.”

“Nhưng tôi biết ông ấy ở nhà kia mà.”

Bà bước một bước về phía tôi và bắt đầu phẫn nộ vuốt hai bàn tay lên xuống dọc hai bên hông.

“Bọn trai trẻ các ông tưởng lúc nào cũng sấn sổ vào đây được à,” bà mắng. “Đây phát ốm lên rồi. Khi tôi bảo ông ấy ở Chicago nghĩa là ông ấy ở Chicago.”

Tôi nhắc đến tên Gatsby.

“Ô..ô...!” Bà nhìn lại tôi. “Xin ông - danh tính là gì ạ?”

Bà biến mất. Một phút sau Meyer Wolfsheim đứng nghiêm trang ở lối cửa, đưa cả hai tay ra. Ông kéo tôi vào văn phòng, nhắc lại với giọng kính cẩn rằng đây là giờ khắc đau buồn của tất cả chúng ta, rồi mời tôi một điều xì gà.

“Tôi lại nhớ đến lúc mới gặp ông ấy lần đầu,” ông nói. “Một thiếu tá trẻ tuổi vừa rời quân ngũ trên người toàn huân chương được tặng thưởng trong chiến tranh. Ông ấy khó khăn đến nỗi cứ phải mặc bộ quân phục vì không thể mua nổi quần áo thường. Lần đầu tôi thấy ông ấy là hôm ông ấy đến quán bi a Winebrenner ở Phố 43 hỏi xin việc làm. Ông ấy không ăn gì đã mấy ngày. ‘Nào, đi ăn trưa một tí với

tôi đi,' tôi bảo thế. Ông ấy ăn hết hơn bốn đô la thức ăn chỉ trong có nửa tiếng đồng hồ."

"Ông đưa ông ấy vào đường làm ăn à?"

"Đưa vào là thế nào! Tôi đã tạo ra ông ấy."

"Ô."

"Tôi dựng ông ấy lên từ chỗ không có gì, thẳng từ dưới cống lên. Tôi thấy ngay ông ấy là một trang thanh niên đang hoàng đẹp mã, và khi ông ấy bảo ông là dân Oggsford thì tôi biết có thể dùng ông ấy tốt rồi. Tôi đưa ông ấy gia nhập Hội Cựu chiến binh và ông ấy đã có chức vị cao ở đó. Ngay lúc bấy giờ ông ấy đã làm mấy việc cho một thân chủ của tôi trên Albany rồi. Chúng tôi khăng khít với nhau trong mọi chuyện như thế đấy" - ông giơ hai ngón tay múp míp lên - "lúc nào cũng có nhau."

Tôi tự hỏi không biết quan hệ đối tác ấy có bao gồm cả vụ tỷ số giải vô địch quốc gia 1919 hay không.

"Giờ ông ấy chết rồi," tôi nói, sau một lúc im lặng. "Ông là bạn thân nhất của ông ấy, nên tôi biết ông sẽ muốn đến dự tang lễ ông ấy chiều nay."

"Tôi muốn lắm."

"Thì ông đến đi."

Lông mũi ông hơi động đậy, và khi ông lắc đầu, mắt ông ngấn lệ.

"Tôi không thể - tôi không thể vướng vào chuyện này được," ông nói.

“Có gì mà vương nữa đâu. Mọi chuyện kết thúc cả rồi.”

“Khi một người bị giết, tôi không bao giờ thích bị vương vào đó bằng bất kỳ cách nào. Tôi phải tránh. Thời còn trẻ thì khác - nếu bạn bè chết, dù gì đi nữa tôi cũng sẽ ở bên họ đến tận cùng. Ông có thể nghĩ thế là ủy mị, nhưng tôi là vậy đấy - cho đến tận cùng cay đắng mà.”

Tôi hiểu ra rằng vì một lý do riêng nào đó ông đã quyết định là không đến, nên tôi đứng dậy.

“Ông có là dân học đại học không đấy?” ông đột nhiên hỏi.

Tôi đã tưởng ông sắp gọi ý một “manh mối” làm ăn, nhưng ông chỉ gật đầu và bắt tay tôi.

“Ta hãy học cách bày tỏ tình bạn với một người khi anh ta còn sống chứ không phải khi anh ta đã chết,” ông nói. “Sau đó, quy tắc riêng của tôi là không dính dáng vào chuyện gì hết.”

Khi tôi rời văn phòng ông thì trời đã tối và tôi về đến West Egg trong màn mưa bụi. Sau khi thay quần áo tôi sang phòng bên và thấy ông lão Gatz đang bồn chồn đi đi lại lại trong sảnh. Lòng tự hào của ông về đứa con trai và những cửa cải của nó đang không ngừng gia tăng và giờ thì ông muốn khoe với tôi mấy thứ.

“Jimmy đã gửi cho tôi tám ảnh này.” Ông lấy ví ra với những ngón tay run rẩy. “Nhìn đây này.”

Đó là ảnh chụp tòa nhà, đã gãy góc và lem nhem vì nhiều người cầm xem. Ông háo hức chỉ ra tất cả các chi tiết cho tôi thấy. “Nhìn đây này!” và sau đó thì chờ xem mắt tôi có vẻ thần phục không. Ông đã khoe cái ảnh ấy thường xuyên đến độ tôi nghĩ bây giờ đối với ông nó còn thực hơn cả chính tòa nhà này nữa.

“Jimmy gửi cho tôi. Tôi nghĩ nó là một bức ảnh rất đẹp. Nó trung rất rõ.”

“Hay lắm. Gần đây ông có gặp anh ấy không?”

“Nó về thăm tôi hai năm trước và mua cho tôi cái nhà bây giờ tôi đang ở đây. Tất nhiên khi bỏ nhà đi thì nó có đồng nào đâu, nhưng giờ thì tôi mới thấy nó có lý. Nó biết mình có tương lai lớn trước mặt. Và từ khi thành đạt nó đã rất hào phóng với tôi.”

Ông có vẻ không nỡ cất tấm ảnh đi, giờ nó lên thêm một phút nữa ngay trước mắt tôi. Rồi ông cất ví và rút từ túi quần ra một cuốn sách cũ tả tôi gọi là *Hopalong Cassidy*.

“Xem này, đây là một cuốn sách của nó hồi còn bé. Ông cứ xem sẽ thấy.”

Ông mở bìa sau xoay cho tôi xem. Trên mặt bìa gấp lại thấy có chữ THỜI GIẠN BIỂU viết chữ in hoa, đề ngày 12 tháng 9 năm 1906. Ở bên dưới:

Ra khỏi giường.....6.00 sáng
Tập tạ và treo tường.....6.15-6.30

Nghiên cứu điện học, vân vân.....	7.15-8.15
Làm việc.....	8.30-4.30 chiều
Bóng chày và thể thao.....	4.30-5.00
Tập nói năng, tư thế và cách giữ tư thế.....	5.00-6.00
Học các phát minh cần thiết.....	7.00-9.00

QUYẾT TÂM CHUNG

Không mất thì giờ ở Shafers hoặc [một cái tên không thể đọc được nữa]

Không hút thuốc hoặc nhai kẹo cao su nữa

Hai ngày tắm một lần

Mỗi tuần đọc một cuốn sách hoặc tạp chí có ích

Để dành \$5.00 [gạch xóa] \$3.00 mỗi tuần

Ngoan hơn với bố mẹ

“Tôi tình cờ thấy cuốn sách này,” ông già nói.

“Xem thì thấy, đúng không?”

“Đúng thế.”

“Jimmy nhất định phải tiến xa. Nó luôn có những quyết tâm kiểu như thế. Ông có để ý cách nó tự nâng cao kiến thức không? Nó luôn giỏi chuyện ấy. Một lần nó còn bảo tôi ngu như lợn, bị tôi đòn cho một trận.”

Ông không muốn gập cuốn sách lại nữa, cứ đọc to lên từng mục rồi lại háo hức nhìn tôi. Tôi nghĩ chắc ông muốn tôi chép lại cái thời gian biểu ấy để dùng cho chính mình.

Gần ba giờ thì mục sư bên nhà thờ Lutheran từ Flushing đến và tôi bắt giác nhìn ra cửa sổ ngắm những xe khác nữa. Ông bố Gatsby cũng vậy. Thời gian trôi đi, đám gia nhân đã vào đứng đợi cả ở tiền sảnh, ông bắt đầu máy mắt, sốt ruột rồi nói đến cơn mưa với vẻ lo lắng bồn chồn. Mục sư liếc nhìn đồng hồ nhiều lần, tôi phải kéo ông ta sang một bên đề nghị ông cố đợi thêm nửa tiếng nữa. Nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Không ai đến cả.

Khoảng năm giờ thì đoàn xe ba chiếc của chúng tôi đến nghĩa trang và dừng lại ở cổng vào dưới màn mưa phùn dày đặc - đi đầu là xe linh cữu, đen ngòm và ướt đầm trông khủng khiếp, rồi đến chiếc limousine chở ông cụ Gatz và tôi, một lúc sau là chiếc xe thùng của Gatsby chở bốn năm gia nhân và người đưa thư của West Egg, ai cũng ướt như chuột lột. Khi chúng tôi bắt đầu qua cổng vào nghĩa trang thì tôi nghe có tiếng ô tô đỗ lại rồi đến tiếng chân bì bõm trên mặt đất sũng nước chạy theo chúng tôi. Tôi quay lại nhìn. Đó là ông có đôi kính mắt cú đã từng kinh ngạc vì những cuốn sách của Gatsby trong phòng thư viện ba tháng trước.

Tôi chưa từng gặp lại ông. Tôi không biết làm sao ông biết tin tang lễ, tôi cũng không biết cả tên ông. Mưa rơi như trút xuống cặp kính dày cộp của

ông, và ông lấy kính ra lau để còn nhìn tấm vải bạt che mộ phần của Gatsby đang được mở ra.

Tôi cố nghĩ đến Gatsby một lúc, nhưng ông đã xa xôi lắm rồi, và tôi chỉ có thể nhớ ra là Daisy đã không gửi một lời chia buồn hoặc một bông hoa nào, mà cũng chẳng thấy ghét giận gì. Trong tâm trạng mờ ảo tôi nghe tiếng người nói khế “Phước thay cho người chết được mưa tưới gội”, và sau đó là tiếng ông mất cú nói “Amen” bằng một giọng vững vàng.

Chúng tôi tấp tễnh chạy trong mưa về chỗ đỗ xe. Mất Cú nói với tôi bên cổng nghĩa trang.

“Tôi không thể lại nhà viếng được,” ông phân trần.

“Thì mọi người đều thế.”

“Sao cơ!” Ông giật mình. “Lạy Chúa sao lại thế! Họ vẫn kéo đàn kéo lũ có đến hàng trăm mà.”

Ông lại lấy kính ra lau cả trong lẫn ngoài.

“Khổ thân thằng khốn nạn,” ông nói.

Một trong những ký ức sống động nhất của tôi là những lần từ trường dự bị đại học và sau đó là từ trường đại học về nhà ở miền Tây nghỉ lễ Giáng sinh. Những ai đi xa hơn Chicago thường tụ tập ở nhà ga Union cứ kỹ tối mò lúc sáu giờ chiều một ngày tháng Chạp, cùng với vài người bạn ở Chicago, lúc ấy đã vui như tết, để vội vàng tạm biệt họ. Tôi nhớ những

chiếc áo khoác lông thú của các cô vừa mới ở nhà cô này cô nọ ra và tiếng tán chuyện trong những làn hơi thở đóng băng như khói, những bàn tay vẫy cao trên đầu khi chúng tôi nhìn thấy người quen cũ, những câu mời chào qua lại: “Cậu có đến nhà Ordway không? nhà Hersey? nhà Schultze?” và những tấm vé tàu dài ngoằng xanh lá cây nắm chặt trong găng tay. Và cuối cùng là những toa tàu màu vàng sẫm của tuyến đường sắt Milwaukee & St. Paul trông vui tươi như chính đoàn xe của ông già Noel vừa đậu xuống đường ray bên cạnh cổng.

Khi đoàn tàu của chúng tôi đã chạy vào đêm đông và tuyết thật, tuyết của quê nhà chúng tôi, bắt đầu trải dài ngay bên cạnh và lấp lánh qua cửa sổ, rồi những ánh đèn leo lét của các ga xếp vùng Wisconsin lần lượt chạy qua, không khí bỗng trở nên sắc lẹm và căng thẳng một cách hoang dại. Chúng tôi hít thở thật sâu bầu không khí ấy trong lúc từ toa ăn trở về qua những chỗ nối toa lạnh cóng, nhận ra bản sắc của mình chính là ở vùng quê này mà không thể nói ra lời trong suốt một tiếng đồng hồ kỳ lạ, rồi thấy mình lại hòa làm một với vùng quê ấy như thời thơ ấu.

Đó là vùng quê Trung Tây của tôi - không phải là lúa mì hoặc đồng cỏ hay những thị trấn Thụy Điển đã hoang tàn, mà là những chuyến tàu về thăm nhà đầy hứng khởi thời trai trẻ, và những cây đèn

trên hè phố, tiếng chuông xe trượt tuyết reo trong bóng tối đầy sương giá, bóng đổ trên mặt tuyết của những vòng hoa ngày lễ treo trên cửa sổ sáng đèn. Tôi là một phần của những cái đó, hơi nghiêm trang với cảm giác về những mùa đông dài đặc ấy, hơi mãn nguyện vì được lớn lên ở ngôi nhà Carraway trong thành phố nơi nhà cửa vẫn còn được gọi theo tên dòng họ qua nhiều thập kỷ. Bây giờ thì tôi thấy rằng đây là một câu chuyện miền Tây, rốt cuộc thì tất cả - Tom và Gatsby, Daisy và Jordan, và tôi, tất cả đều là dân miền Tây, và có lẽ chúng tôi đều có chung một khiếm khuyết nào đó khiến mình không thể thích ứng một cách tinh tế với cuộc sống miền Đông.

Ngay cả khi miền Đông làm tôi hào hứng nhất, ngay cả khi tôi đã nhận ra rõ nét nhất cái ưu việt của nó so với những thị trấn buồn chán, lan man, sung vù từ Ohio trở đi, với những cuộc điều tra liên miên chỉ bỏ qua có trẻ con và người rất già - ngay cả khi ấy miền Đông vẫn luôn có một phẩm chất méo mó đối với tôi. Đặc biệt, West Egg vẫn còn hiện về trong những giấc mơ quái đản của tôi. Tôi thấy nó như một cảnh đêm trong tranh El Greco⁽¹⁾: một trăm ngôi nhà, vừa ngay ngắn vừa kệch cỡm, chúi dưới

1. El Greco (1541-1614): danh họa Tây Ban Nha gốc Hy Lạp. Một bức tranh của ông vẽ cảnh đêm có bầu trời và vàng trắng giống với mô tả này hiện trưng bày trong bảo tàng của Đại học Harvard.

bầu trời u ám nặng trĩu và một vầng trăng mờ đục. Cận cảnh có bốn người đàn ông đóng bộ chỉnh tề đang đi men trên đường với cái cẳng khiêng một người đàn bà say khướt vận bộ váy dạ hội màu trắng. Bàn tay bà ta, buông thõng sang một bên, lấp lánh lạnh lẽo toàn những vòng những nhẫn. Bọn đàn ông nghiêm trang rẽ vào một ngôi nhà - nhưng lại không đúng địa chỉ. Không ai biết tên người đàn bà ấy, và cũng chẳng ai quan tâm.

Sau cái chết của Gatsby miền Đông đã ám ảnh tôi như thế đấy, méo mó đến độ mắt tôi không đủ sức điều chỉnh lại được. Cho nên khi không gian bắt đầu có những làn khói lam đốt lá thay mùa và gió đã thổi mạnh đến mức đồ phoi còn ướt sũng cũng vẫn bay phàn phật thì tôi quyết định phải trở về quê nhà.

Có một việc còn phải làm trước khi ra đi, một việc lúng túng khó chịu lẽ ra cứ bỏ mặc đấy thì hơn. Nhưng tôi lại muốn chấn chỉnh mọi thứ đâu đấy đã rồi mới đi, không dám tin rằng rồi biển cả bao dung và dửng dưng kia sẽ quét sạch mọi rác thải của tôi ở đó. Tôi gặp Jordan Baker và nói về tất cả những gì đã xảy đến với cả hai chúng tôi, những gì đã xảy ra với tôi sau đó, và cô nằm nghe, tuyệt đối im lìm, trên một chiếc ghế lớn.

Cô mặc đồ chơi gôn, và tôi nhớ khi đó tôi nghĩ cô trông giống một bức minh họa đẹp, cằm cô khéo léo héch lên một tí, tóc cô màu lá thu, mặt cô cùng

một màu ngả nâu với chiếc găng không ngón nằm trên đầu gối. Khi tôi nói xong cô bảo tôi mà không phân trần gì rằng cô đã đính hôn với một người đàn ông khác. Tôi nghi ngờ chuyện ấy, mặc dù có nhiều người mà cô chỉ gật đầu một cái là có thể cưới được ngay, nhưng tôi vẫn vờ làm bộ ngạc nhiên. Trong một phút ngắn ngủi, tôi đã tự hỏi không biết mình có đang phạm sai lầm không, nhưng rồi tôi nghĩ lại rất nhanh và đứng lên chào tạm biệt.

“Dù sao thì anh cũng đã em thật rồi,” Jordan đột ngột nói. “Anh đã em qua điện thoại. Giờ thì em mặc kệ anh, nhưng chuyện ấy với em là mới đây, và em đã hơi choáng váng một thời gian.”

Chúng tôi bắt tay nhau.

“Ồ, mà anh còn nhớ không” - cô nói thêm - “một lần mình có nói với nhau về chuyện lái xe ấy?”

“Sao - cũng không nhớ lắm.”

“Anh bảo một người lái xe tồi chỉ an toàn chừng nào chưa gặp một người lái xe tồi khác ấy? Đây, em đã gặp phải một lái xe tồi khác rồi, đúng không? Nghĩa là em đã bắt cần khi xét đoán sai lầm đến như vậy. Em đã tưởng anh là người tương đối trung thực thẳng thắn cơ. Cứ tưởng đó là niềm tự hào kín đáo của anh.”

“Anh ba mươi rồi,” tôi nói. “Anh đã quá năm năm cái tuổi có thể tự dối mình rồi gọi thế là danh dự.”

Cô không đáp. Giận dữ, vẫn nửa thấy yêu, và lòng mênh mang buồn, tôi trở gót ra đi.

Một chiều muộn tháng Mười tôi gặp Buchanan. Anh đang đi trước tôi dọc Đại lộ 5 vẫn với dáng điệu hung hăng sấn sổ, hai tay khuỳnh khuỳnh như muốn đánh bật mọi cản trở, đầu ngó nghiêng giạt khục bên này bên kia, như đang phải thích nghi với cặp mắt láo liên không ngừng của chính mình. Đúng lúc tôi chậm chân lại để khỏi phải đi qua anh thì anh đứng lại và bắt đầu nhú mày nhìn vào cửa kính của một tiệm kim hoàn. Thế rồi anh thấy tôi và đi ngược trở lại, giơ tay ra.

“Có chuyện gì thế, Nick? Cậu không muốn bắt tay tôi hả?”

“Đúng thế. Anh biết tôi nghĩ gì về anh mà.”

“Cậu điên rồi, Nick,” anh nói nhanh. “Điên hẳn rồi. Tôi không biết cậu có chuyện gì đây.”

“Tom,” tôi hỏi, “anh đã nói gì với Wilson chiều hôm đó?”

Anh nhìn tôi chằm chằm không nói một lời, và tôi biết mình đã đoán đúng về quãng thời gian không ai biết Wilson ở đâu ấy. Tôi bắt đầu quay đi, nhưng anh bước tới và túm chặt lấy cánh tay tôi.

“Tôi bảo cho lão biết sự thật,” anh nói. “Lão đến cửa khi chúng tôi đang chuẩn bị đi, và khi tôi

cho người xuống nói là chúng tôi không có nhà thì lão cứ thế sấn lên gác. Lão đã điên đến mức sẽ giết tôi nếu tôi không bảo cho lão biết ai là chủ cái xe vàng. Suốt thời gian ở trong nhà tôi, lúc nào tay lão cũng đặt lên khẩu súng côn trong túi.” Anh xỏ ra với giọng thách thức, “Mà tôi bảo lão thì sao nào? Thằng cha kia tự chuốc lấy vạ chứ. Nó tung hỏa mù vào mắt cậu cũng hết như với Daisy, mà nó là một thằng dữ dằn. Nó chệt chết Myrtle như chệt một con chó mà còn không thềm đổ lại.”

Tôi không thể nói gì được, trừ một sự thật không thể nói ra rằng đó không phải là sự thật.

“Còn nếu cậu nghĩ rằng tôi không chịu phần đau khổ thì - cậu nghe đây, khi tôi đi trả căn hộ ấy và thấy hộp đồ ăn cho chó vẫn còn ở trên cái bàn cạnh tường, tôi đã ngồi khóc như một đứa trẻ. Có Chúa chứng giám, thật là kinh khủng...”

Tôi không thể tha thứ cho anh hoặc thích anh, nhưng tôi thấy những gì anh đã làm đều hoàn toàn có lý, với anh. Tất cả đều rất vô tâm và lẫn lộn. Họ là những kẻ vô tâm, Tom với Daisy - họ đập nát mọi thứ, cả vô tri lẫn hữu tri, rồi rút lui vào tiền bạc hoặc niềm vô tâm mệnh mông của họ, hoặc bất kỳ những gì vẫn ràng buộc họ với nhau, để mặc người khác phải dọn dẹp đống đổ nát bừa bãi mà họ đã gây ra...

Tôi bắt tay anh; không thì có vẻ ngớ ngẩn, bởi đột nhiên tôi cảm thấy như mình đang nói chuyện

với một đứa trẻ. Sau đó anh bước vào tiệm kim hoàn để mua một vòng cổ hạt trai - hoặc có thể chỉ là một cặp khuy gài tay áo - mãi mãi ra khỏi tâm trạng buồn nôn tỉnh lẻ của tôi.

Tòa nhà của Gatsby vẫn trống không khi tôi ra đi - cỏ bên ông đã mọc dài như cỏ bên tôi. Một tay tắc xi trong làng không bao giờ chở khách qua chỗ công vào mà không đỗ lại một phút để chỉ trở vào nhà; có lẽ chính anh ta đã chở Daisy và Gatsby sang bên East Egg trong cái đêm xảy ra tai nạn, và có lẽ anh ta đã dựng nên cả một câu chuyện riêng của mình. Tôi không muốn nghe nó và đã tránh đi xe anh ta lúc xuống tàu.

Các tối thứ Bảy tôi đều ở lại New York, vì những cuộc vui rực rỡ lấp lánh của Gatsby còn sống động với tôi đến nỗi tôi vẫn nghe thấy tiếng nhạc và tiếng cười râm ran bất tận từ bên vườn nhà ông, tiếng xe cộ lên xuống qua lối vào nhà ông. Một đêm tôi còn nghe thấy có tiếng xe thật bên đó, nhìn thấy đèn xe đỗ ở dưới thềm nhà ông. Nhưng tôi không ra hỏi han gì. Có thể đó là người khách cuối cùng vừa từ cùng trời cuối đất mới về nên không biết rằng cuộc vui đã kết thúc rồi.

Đêm cuối cùng, khi hòm xiểng đã xếp xong và cái xe cũ đã bán cho ông chủ tiệm thực phẩm, tôi

sang nhìn một lần nữa cái xác nhà đồ sộ rã rời ấy. Trên bậc thềm trắng có một chữ tục tĩu, chắc có thằng nhóc nào dùng một mẩu gạch nguệch ngoạc lên đó, trông nổi bật trong ánh trắng, và tôi di mạnh để giày xóa nó đi. Rồi tôi lang thang xuống bãi biển và nằm dài trên cát.

Hầu hết những địa điểm lớn dọc bờ biển bấy giờ đã đóng cửa cả rồi và hầu như chẳng thấy đèn đóm gì ngoài chút lập lòe di động của một chuyến phà đang đi qua Vịnh. Và khi trăng lên cao hơn thì nhà cửa vụn vặt cũng biến mất dần cho đến lúc tôi nhận ra đây chính là hòn đảo xưa đã từng khai mở như hoa trong mắt nhìn của các thủy thủ Hà Lan - một vòng ngực tươi trẻ xanh mượt của thế giới mới. Cây cối đã biến mất, những cái cây đã phải nhường chỗ cho tòa nhà của Gatsby, từng thì thầm khơi gợi cho giấc mơ cuối cùng và lớn lao nhất của loài người; trong một khoảnh khắc quá độ kỳ diệu như có phép lạ, con người chắc đã phải nín thở trước sự hiện hữu của lục địa này, bị cuốn vào một luồng suy tư duy mỹ không thể hiểu nổi và cũng chưa từng ước ao, đối diện lần cuối trong lịch sử với cái gì đó xứng tầm với khả năng thán phục và kinh ngạc của mình.

Và khi ngồi đó trầm tư về cái thế giới xưa xa lạ, tôi nghĩ đến niềm xúc động đầy kinh ngạc của Gatsby khi lần đầu ông thấy đốm sáng xanh ở cuối bãi thuyền nhà Daisy. Ông đã vượt qua một chặng

đường dài mới tới được bãi cỏ xanh lam này, và giấc mơ của ông chắc đã có vẻ gần đến nỗi thể nào ông cũng sẽ bắt được nó. Ông không biết rằng nó đã ở sau lưng ông mất rồi, ở một nơi nào đó phía sau, trong cái mờ mịt mênh mang phía bên kia thành phố, nơi những cánh đồng sẫm tối của nước cộng hòa nhấp nhô trải dài mãi dưới trời đêm.

Gatsby đã tin vào đốm sáng xanh ấy, vào cái tương lai mê đắm đến cực điểm đang rời xa trước mắt chúng ta năm này qua năm khác. Ừ thì nó đã tuột khỏi tay chúng ta, nhưng có làm sao đâu - ngày mai chúng ta sẽ lại chạy nhanh hơn, vươn tay ra xa hơn... Rồi một sáng đẹp trời...

Chúng ta cứ thế dần bước, những con thuyền rẽ sóng ngược dòng, không ngừng trôi về quá khứ.

New York - Hà Nội mùa hè 2008 - Trịnh Lữ dịch

Lời người dịch

Trang đầu sách, tác giả viết: *Một lần nữa tặng Zelda* - Zelda Sayre, con gái út của ông chánh án tòa án tối cao tiểu bang Alabama, người đã hẹn với chàng trai 22 tuổi F. Scott Fitzgerald là sẽ yêu và lấy chàng nếu chàng đảm bảo được đời sống nhung lụa mà nàng đã quen sống từ nhỏ, đã hủy bỏ hôn ước vì phải đợi lâu quá một năm trời, rồi dùng một cái lại đồng ý cưới khi Fitzgerald bỗng nổi tiếng và giàu có với thành công bất ngờ của cuốn tiểu thuyết đầu tay *This Side of Paradise* - *Bên này Thiên đường*, ra năm 1920.

Cuốn thứ hai *The Beautiful and the Damned* - *Mỹ nhân và kẻ bị nguyên rủa* (1922), cũng được ông đề tặng Zelda, không mang lại tiền bạc và danh tiếng cho ông như cuốn đầu. Và cuốn thứ ba *The Great Gatsby* (1925) mà bạn đọc đang có bản dịch mới trong tay đây cũng vậy, mặc dù ông vẫn đề *Một lần nữa tặng Zelda*. Năm 1930 Zelda bắt đầu phát điên. Bốn năm sau đó, khi cuốn *Tender is the Night* - *Dịu dàng là đêm tối* của ông cũng không thành công như mong đợi, Zelda không bao giờ rời bệnh viện tâm thần nữa. Fitzgerald kiếm tiền để duy trì nếp sống xa hoa và chăm sóc Zelda nhờ những truyện ngắn và hợp đồng viết kịch bản phim với Hollywood. Ông có

tổng cộng 150 truyện ngắn đăng rải rác trên nhiều tạp chí và được xuất bản thành ba tuyển tập. Tuy nhiên, khi qua đời vì một cơn đau tim năm 1940 ở tuổi 44, ông đã gần như hoàn toàn rơi vào tình trạng bị quên lãng. Bản thảo *The Love of the Last Tycoon - Mối tình của Đại soái cuối cùng*, có thể đã là tác phẩm lớn nhất của ông, vẫn còn dang dở. Tám năm sau, Zelda, giấc mơ đã lụi tàn của ông, chết trong ngọn lửa hỏa hoạn ở chính bệnh viện tâm thần mà bà vẫn sống từ 1934.

Cái chết của Fitzgerald cũng không khác là bao so với cái chết của Gatsby - nhân vật sẽ lưu danh ông mãi mãi. Cả hai đều là con sinh hiển tế cho *the American Dream - Giấc mơ Mỹ*, giấc mơ duy mỹ về một cuộc sống đẹp đẽ và hoành tráng nhất mà loài người từng có khi những con người từ châu Âu bị thảm - nạn nhân của những giấc mơ dẫm máu về một thế giới bình đẳng hạnh phúc và giàu có - lần đầu tiên đặt chân lên vùng đất non tơ kỳ vĩ và choáng ngợp trước “vòng ngực tươi trẻ xanh mướt của thế giới mới”.

Cũng lạ lùng là khi mới ra đời, Fitzgerald đã có tên đầy đủ là Francis Scott Key Fitzgerald để vinh danh người anh họ Francis Scott Key - tác giả bài quốc ca của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Hình như *Giấc mơ Mỹ* đã là số phận của ông thật.

Vậy *Giấc mơ Mỹ* là gì? Nó được tuyên cáo khi nước Mỹ ra đời và trở thành một quốc gia độc lập ngày 4/7/1776: *We hold these truths to be self-evident, that all men are created equal, that they are endowed by their Creator with certain unalienable Rights, that among these are Life, Liberty and the pursuit of Happiness.* Nó chẳng lạ

gì đối với người Việt Nam, vì chính lời tuyên cáo ấy đã được chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn làm lời mở đầu cho bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.*

Nhưng thật ra *Giấc mơ Mỹ* không phải là lời tuyên cáo ấy. *Giấc mơ Mỹ* là cái hứa hẹn rằng chỉ có ở nước Mỹ lời tuyên cáo hùng hồn ấy mới có cơ hội trở thành hiện thực đối với tất cả những ai có can đảm theo đuổi nó đến cùng; vì chỉ ở Mỹ con người mới có bình đẳng về cơ hội. Ở đoạn kết bài quốc ca của mình, người Mỹ hát rằng đất nước họ là *the land of the free and the home of the brave* - *đất của những con người tự do và nhà của những con người can đảm.*

Giấc mơ Mỹ vẫn đang phập phồng trong giấc ngủ đêm cũng như ngày của hàng triệu người trên thế giới ngày nay, và tôi tin rằng người Việt cũng đang ấp ủ nó, ngày càng nhiều, nhất là trong giới trẻ. Tôi cũng tin rằng chính vì thế mà *The Great Gatsby* đang và sẽ còn mang những ý nghĩa nóng hổi đối với người đọc trên khắp thế giới, đặc biệt là bạn đọc Việt Nam. Và cũng chính vì thế mà tôi đã quyết định dịch *The Great Gatsby* là *Đại gia Gatsby*.

Dưới đây là phần giới thiệu về bối cảnh của *The Great Gatsby* trong một tài liệu được sử dụng rộng rãi trong các trường học tại Mỹ hiện nay:

“Về mặt chính trị, đó là một giai đoạn tào khang và phồn thịnh, và cũng là một thời hoàng kim của tham nhũng.

Sau Đại chiến I, khi Warren G. Harding lên làm tổng thống năm 1920, mục đích chính của ông là phát triển kinh tế dựa vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, chính quyền của ông lại tràn ngập tham nhũng và bê bối, bị giới lao động căm ghét và là mục tiêu hối lộ của các tội ác có tổ chức. Chính quyền chỉ bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp với những chính sách bất cập và lúng túng về những vấn đề cơ bản như mức lương tối thiểu, hợp đồng lao động, tổ chức công đoàn, vân vân. Ngoài ra, cả Harding lẫn tổng thống kế nhiệm ông là Calvin Coolidge đều có những chính sách thuế chỉ làm lợi cho doanh nghiệp và người giàu. Chính sách kinh tế cũng khiến cho các ngành nông lâm nghiệp và khai thác mỏ lâm vào tình trạng đình đốn, dẫn đến hiện tượng người nghèo ở nông thôn kéo nhau ra thành phố tìm đường sinh sống, gây nên nạn đô thị hóa tràn lan còn để lại di hại cho đến tận hôm nay. Đại đa số những người nghèo ấy không bao giờ thoát khỏi thân phận sống lay lắt ngoài lề xã hội, như những người trong thung lũng bụi mà The Great Gatsby đã mô tả.

Về mặt kinh tế, thập kỷ 1920 là thời kỳ hoàng kim của tầng lớp trên trong xã hội Mỹ. Giai đoạn 1922-1929, lợi tức thu được từ cổ phiếu tăng 108 phần trăm, lãi của các công ty tăng 76 phần trăm, và lương bổng tăng 33 phần trăm. Nhân vật Nick Carraway tìm đường sang miền Đông buôn trái phiếu là có lý do thực tế. Tiến bộ công nghệ và năng suất gia tăng đã làm giảm giá thành sản xuất, và kinh tế tăng trưởng rất nhanh.

Phát triển thương mại dẫn đến tình trạng xã hội chỉ còn quan tâm đến vật chất, phản ánh rất sắc nét trong The Great Gatsby. Người ta bắt đầu có tiền, và bắt đầu mua sắm. Càng mua sắm nhiều thì lời lãi càng tăng, sản xuất

hàng hóa càng nhiều, và người ta càng kiếm được nhiều tiền hơn, khiến cho kinh tế gia tăng như trong một vòng tròn xoáy ốc. Người ta bắt đầu tiêu tiền để mua ô tô, đài đóm, điện thoại, tủ lạnh... với tốc độ chóng mặt. Và người ta bắt đầu tiêu tiền và thời giờ để ăn chơi giải trí. Thể thao bắt đầu thành chuyên nghiệp và một ngành kinh doanh với đủ thứ bê bối tham nhũng của riêng nó. Báo chí, phim ảnh và nhà hát bắt đầu góp phần phổ biến và khuyến khích tư tưởng hưởng thụ vật chất ngày càng gia tăng, đến mức độ tục tĩu vô liêm sỉ, như những màn trình diễn gái nhảy hoa hậu được nhắc đến trong *The Great Gatsby*.

Để ngăn chặn tình trạng đạo đức suy đồi, năm 1919, chính phủ thông qua Tu chính án thứ 18 của Hiến pháp Hoa Kỳ, cấm sản xuất, mua bán hoặc chuyên chở tất cả mọi loại rượu, cho rằng nạn uống rượu là nguồn gốc của nhiều tệ nạn xã hội khác. Mặc dù được hàng triệu người ủng hộ, hàng nhiều triệu người Mỹ khác vẫn bất tuân luật pháp, và sản xuất buôn bán rượu lậu đã trở thành một hoạt động phi pháp lời lãi kinh khủng, với sự tham gia của các tổ chức tội ác. Hiện tượng này, cộng với và được thúc đẩy bởi sự tham nhũng của chính quyền, đã sản sinh ra một tầng lớp đại gia mới giàu mà đại diện là Gatsby và Wolfsheim trong cuốn tiểu thuyết này. Có thể hiểu được tại sao Fitzgerald lại có nhiều nhân vật uống và say rượu đến thế trong *The Great Gatsby*. Năm 1933, Tu chính án này đã được loại bỏ khỏi Hiến pháp Mỹ, chấm dứt thời kỳ hoàng kim của các đại gia buôn rượu lậu.

Về mặt xã hội, những năm 1920 đánh dấu một thời kỳ của những thay đổi lớn, đặc biệt là với phụ nữ. Để chứng tỏ mình đã được giải phóng, phụ nữ Mỹ bắt đầu cắt

tóc ngắn, không mặc nịt vú và những thứ áo bó khác vẫn được dùng để làm nổi bật những nét nữ tính của mình như ngày xưa, và họ bắt đầu công khai hút thuốc và uống rượu, đi đôi với hành vi tình dục bừa bãi và tư tưởng coi ngoại tình là tự nhiên, là thời thượng. Các nhân vật nữ trong *The Great Gatsby* đã phản ánh sinh động hiện tượng đổi thay này.”

Chao ôi, những tương tự với xã hội Việt Nam ngày nay thật đáng giật mình. Chỉ hiềm một nỗi: nước Mỹ đầu thế kỷ 20 tự thân thay đổi chứ không cần phải có đầu tư ngoại quốc và WTO. Họ cũng không cần bắt chước ai. Còn ở ta...

Nhưng mình hãy nói chuyện *Gatsby* cái đã. Đấy, tôi đã dùng mấy đoạn bối cảnh trên để bạn đọc hiểu lý do tại sao tôi dịch *The Great Gatsby* là *Đại gia Gatsby*. Và có lẽ tôi cũng chỉ nên bộc bạch thêm một điều nữa thôi. *The Great Gatsby* không phải là một tụng ca về *Giấc mơ Mỹ* đâu, cũng hoàn toàn không phải là một câu chuyện về “rượu gin và tình dục như hai món chơi quốc hồn quốc túy của Mỹ” như một bài của tờ *The New York Times* đã viết một cách rất vô trách nhiệm, mà là một áng thơ cay đắng điểm lệ về sự rỗng tuếch của *Giấc mơ Mỹ*. Bạn đọc hãy để ý thật kỹ đoạn mở đầu và đoạn kết thúc của tiểu thuyết này. Chúng khiến cho toàn bộ những rác rưởi vô bổ trong hầu hết câu chuyện trở thành quặng vàng của những tư tưởng cao nhã đến nghẹt thở. Tôi ghét tất cả các nhân vật trong *The Great Gatsby*, trừ người kể chuyện. Tôi cho rằng Nick Carraway là hóa thân văn chương tuyệt luân của F. S. Fitzgerald. Với Nick, tôi đã vỡ ra được một điều rất giản dị: mọi tuyên ngôn về bình đẳng chỉ là giả hiệu, và cái bất

bình đẳng tai hại nhất của xã hội loài người không phải là cái bất bình đẳng về cơ hội, mà là cái bất bình đẳng về “chuẩn mực nhân cách cơ bản”. Không, ông bố Nick và Nick, nghĩa là chính Fitzgerald, đã không “hợp hĩnh” tí nào đâu khi dám nói ra điều ấy. Chính cái tiên thiên bất túc này của con người đã khiến cho giấc mơ duy mỹ lớn lao cuối cùng của mình mãi mãi chỉ là quá khứ.

Fitzgerald đã khiến tôi bức bối, chán ghét, căm tức đến mức đã phải một mình chạy ra quán bia hơi vừa uống vừa chửi thật bậy cho bố ghét cái cõi đời vô minh hỗn loạn tham tàn đến cùng cực này. Nhưng khi dịch đến đoạn Nick bắt tay Tom vì nghĩ rằng anh ta chỉ là một đứa trẻ, tôi đã nhớ đến Jesus Christ và Phật Thích ca. Và khi Nick nhắc đến “một buổi sáng đẹp trời” ở cuối sách, tôi lại tin ngay mai mình sẽ có can đảm đọc tin hằng ngày, nghĩ đến những người quen biết... Ông đã làm cuộc sinh tồn này hiển lộ đến khủng khiếp, mà cũng khiến cho cái hạt mầm hy vọng dai dẳng đến lạ thường của hiện hữu phải lộ diện, không phải như một viên vông can đảm, mà là đúng như nó vẫn thế. Và ông làm việc ấy với những con chữ sinh động nhiều tầng nghĩa đầy thi tứ.

Gatsby chỉ là *đại gia*. Người tạo ra Gatsby mới thực sự vĩ đại.

TRINH LỮ

Hà Nội, một ngày nóng lạ thường của năm 2008

ĐẠI GIA GATSBY

Chịu trách nhiệm xuất bản

PHẠM TRUNG ĐÌNH

Chịu trách nhiệm bản thảo

NGUYỄN THỊ ANH THU

Biên tập	Thanh Long
Biên tập viên Nhã Nam	Cao Đăng
Thiết kế bìa	Trần Thùy Anh
Trình bày	Kim Liên
Sửa bản in	Trang Bùi

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội

Tel: 04 38222135 | Fax: 04 38222135

E-mail: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965

Website: www.nhanam.vn

Email: nhanambook@vnn.vn

<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,

Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034

Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 2.000 cuốn, khổ 13x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông. Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1212-2014/CXB/113-35/HNV và quyết định xuất bản số 556/QĐ-NXB HNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 20.6.2014. In xong và nộp lưu chiểu năm 2014.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

Một cuốn sách tuyệt đẹp, viết bằng thứ văn trong vắt như pha lê, *Đại gia Gatsby* phản ánh thời đại mà bản thân Fitzgerald gọi là "Thời đại Jazz" - ngay sau Thế chiến thứ nhất và trước cuộc Đại Suy thoái 1929-1933. Mặc dù được dựng thành ca kịch Broadway lẫn phim Hollywood trong cùng một năm, *Đại gia Gatsby* không được công chúng đón nhận rộng rãi khi mới in lần đầu: bán được vốn vẹn có 25.000 bản trong suốt mười lăm năm cuối đời Fitzgerald! Trong suốt thời Đại Suy thoái và Thế chiến thứ hai, cuốn sách hầu như bị lãng quên. Đến khi được in lại vào năm 1945 và 1953, nó nhanh chóng trở nên nổi tiếng, được nhiều người tìm đọc, và ngày nay được coi là một kiểu mẫu của cái gọi là "cuốn tiểu thuyết vĩ đại của nước Mỹ" (the Great American Novel).

"Gatsby đã tin vào đốm sáng xanh ấy, vào cái tương lai mê đắm đến cực điểm đang rời xa trước mắt chúng ta năm này qua năm khác. Ừ thì nó đã tuột khỏi tay chúng ta, nhưng có làm sao đâu - ngày mai chúng ta sẽ lại chạy nhanh hơn, vươn tay ra xa hơn..."

Là bức chân dung của "Thời đại Jazz" (Jazz Age, cái tên do chính Fitzgerald đặt cho thời kỳ 1918-1929), *Đại gia Gatsby* nắm bắt vô cùng sâu sắc tinh thần của thế hệ cùng thời ông: những ám ảnh thường trực về thành đạt, tiền bạc, sang trọng, dư dật, hào nhoáng; song đồng thời là nỗi âu lo trước thói sùng bái vật chất vô độ và sự thiếu vắng đạo đức đang ngày một lên ngôi. Phất lên nhanh chóng từ chỗ "hàn vi", Gatsby, nhân vật chính của câu chuyện, những tưởng sẽ có tất cả - tiền bạc, quyền lực, và sau rốt là tình yêu -, nhưng rồi ảo tưởng tình yêu đó tan vỡ thật đau đớn, theo sau là cái chết tức tưởi của Gatsby, để cuối cùng lập tức bị người đời quên lãng. Là lời cảnh tỉnh để đời của Scott Fitzgerald về cái gọi là "Giấc mơ Mỹ", *Đại gia Gatsby* được ví như một tượng đài văn học, một cánh cửa cần mở ra cho những ai quan tâm tới văn học và lịch sử tinh thần nước Mỹ thời hiện đại.

Đại gia Gatsby (*The Great Gatsby*) từ lâu đã được đưa vào giảng dạy trong trường phổ thông và đại học ở nhiều nước trên thế giới. Cuốn tiểu thuyết "khác thường, tuyệt đẹp, cấu trúc phức tạp song trên hết là giản dị" (như lời chính nhà văn) đứng thứ hai trong danh sách 100 Tiểu thuyết Hay nhất Thế kỷ 20 của *Modern Library*, và nằm trong danh sách 100 tiểu thuyết hay nhất bằng tiếng Anh từ 1923 đến 2005 do tạp chí *Time* bình chọn.

